

ĐÀO VĂN HỘI



GIÒ BỤI
QUAN
TRƯỞNG

ĐÀO VĂN HỘI

Gió bụi quan trường
Đào Văn Hội
midway press 2023

Copyright © daovanhoi

ĐÀO VĂN HỘI

GIỎ BỤI
QUAN
TRƯỜNG

Hồi ký của một cựu công chức hành chánh



Midway Press 2023

Thành kính dâng
Vong linh chư vị Thầy tôi
và Song thân tôi

*Tích vàng lưu lại cháu con ta,
Chưa ắt cháu con giữ được mà!
Tích sách, cháu con chưa ắt đọc,
Sao bằng Tích Đức, kể bên xa.
(Theo Nho Giáo)*

Cùng chư thân hữu
khuyến khích và góp ý kiến
trong việc soạn thảo thiên
hồi ký này,
tôi xin chân thành
cảm tạ

*Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*
Ca Dao

MỤC LỤC

Đôi lời giới thiệu	18
Vì sao tôi viết thiên hồi ký này?	19
Phần I. Dưới thời Pháp thuộc (1928-1945)	21
Ngã ba đường	23
Ban Tú tài bốn xứ (Enseignement secondaire local)	23
Thi Tú tài Pháp	27
Trường trung học Albert Sarraut	30
Đây, Hà Nội 1924	34
Tính già đồ hột	39
Thi huyện (1927)	41
Dinh hiệp lý (1928-32) - Tòa sáu	49
Mấy ông đầu phòng	61
Sóng gió bắt đầu	73
Nhân vật lạ thường	77
Thuyền chuyển Bạc Liêu (1932)	79

Lại về Dinh Hiệp Lý (1932-33)	93
Phòng phiên dịch	
(Bureau des Traductions) (1933-35)	95
Quận An Hóa (Mỹ Tho) (1935-36)	110
Đây, An Hóa	114
Hội hợp chủ tỉnh	125
Sống gì, ông chủ quận!	127
Hội chợ triển lãm Mỹ Tho (1935)	
(Foire-Exposition)	130
Tái lập bệnh viện	132
Cử bàn Hội tế	133
Vụ chùa Hội Tôn	140
Thuyền chuyển Cần Thơ	
Tòa bố Cần Thơ (1936-42)	
(Phòng Thuế vụ)	144
André Cazenave	146
Phòng Công nho làng	148
Vận động trường Cần Thơ	148
Mấy ông chủ quận	149
Nhân viên Tòa bố	152
Thuyền chuyển chánh, phó chủ tỉnh	154
Henri Colas	159
Hối lộ	160
“Điều lệ về Sở công nho thôn xã	
Nam Kỳ” (1938)	162
Lập sổ Công nho làng	166
Viết bộ thuế	167

Phó chủ tịch Philippe d'Hughes	169
Ông kho bạc Ordioni	169
Thế chiến thứ hai	170
Cộng sản tấn công	172
Công việc làng	174
Vườn thầy Cầu	175
Vườn Vĩnh Lộc	177
Không chịu đổi	177
Chủ quận Đức Hòa (1942-43)	179
Đây, quận Đức Hòa	182
Nhân vật	184
Hãng đường Hiệp Hòa	186
Những nỗi bức mình	188
Thống đốc săn bắn ở Đức Hòa	190
An ninh ở Đức Hòa	191
Ông Hòa thượng làng Đức Hòa	194
Quốc gia kịch đoàn	195
Phong trào thể thao Sân vận động Đức Hòa	196
Khánh thành sân vận động	198
Mua đậu phộng	200
Nạn lụt	201
Truyền kỳ, thần thoại	201
Súc vật	202
Cử đặt hương chúc	203
Tiếp quan Thống đốc	204
Phó nhì Tòa bốn Sóc Trăng (1943-45)	207
Tòa bố Sóc Trăng	208

Trở lại Tòa bố Sóc Trăng.	210
Barthel là người thế nào?	211
Lại vấn đề nhà ở	213
Dạy Việt ngữ	215
Giao thiệp	216
Phận sự viên Phó nhì	220
Kiểm duyệt tuồng hát	222
Thanh tra lao động	222
Hoeffel viếng Sóc Trăng	224
Phòng thủ thụ động	225
Tranh chấp Nghị - Mahé	226
Quyền chủ quận châu thành	227
Viếng làng với Barthel	227
Chút ít lịch sử	229
Thị trấn “Bãi Xàu” có nghĩa là gì?	230
“Nam Kỳ danh nhân”	232
“Nam Kỳ lịch sử, cổ tích”	234
Gặp Phạm Duy Khiêm	235
Quận Thạnh Trị	236
Thanh tra viếng Sóc Trăng	237
Một vấn đề tế nhị	239
Nhật đảo chánh (1945)	241
Phần II. Thời kỳ chuyển tiếp (1945-1946)	247
Quận trưởng Long Thành	
(20-6-45 / 1-10-45)	249
Thanh niên tiền phong	
(Jeunesse d'avant-garde)	251

Học tiếng Nhựt	252
Nhựt đầu hàng (1945)	253
Mặt trận Việt Minh (1945)	255
Ngày 2 tháng 9	257
Núi Nứa – Cáp – Bà Rịa (1945-46)	259
Bình Pháp đổ bộ - Ngày thứ tư 22-5-46	262
Nơi nhà hội Bà Trau	265
Nơi nhà hội Sơn Long	269
Điều tra	270
Lâm nạn	273
Ngày thứ năm 23-5-46	277
Giải qua Cáp	281
Ngày thứ sáu 24-5-46	287
Giải lên Bà Rịa	288
Khám số một	289
Ngày thứ bảy 25-5-46	291
Chúa nhựt 26-5-46 – Được thăm	294
Lại được thăm	295
Văn chương	297
Thứ hai 27-5-46	297
Những chuyện buồn cười	298
Ngày thứ ba 28-5-46	300
Ngày thứ tư 29-5-46	301
Thứ năm 30-5-46 – Câu chuyện thương tâm	305
Ngày thứ sáu 31-5-46	307
Ngày thứ bảy 1-6-46 – Cái oai của anh thân binh	309
Anh Đức là ai?	313

Ngày Chúa nhật 2-6-46 – Hy vọng	315
Thứ năm 6-6-46	319
Thứ sáu 7-6-49	319
Lại chuẩn bị lên đường (1946)	324
Phần III. Phụng Sự Việt Nam (1946 – 1959)	327
Ba tháng ở Trà Vinh – 1946	329
Thuyền chuyển Sài Gòn	335
Bộ Thông tin (1946-1947)	337
Tòa bố Chợ Lớn (1947-48)	340
Cứu xét trường hợp công chức trình diện trễ	346
Đô thành Sài Gòn Chợ Lớn (1950-51)	
“Gia cư liêm giá cuộc”	349
Bộ Tài chánh (1951-54) - Sở Viện trợ Mỹ	353
Sở Nhân viên	357
Thủ tướng đãi tiệc	359
Bộ Kinh tế (1954-55) - Sở Ngoại thương	361
“Cái hành lang cảm dỗ”	365
Tòa Đại biểu Nam Việt (1955)	366
Bộ Cải cách điền địa (1955-56)	367
Nha Cựu chiến binh (1956-57)	369
“Sở Dành việc làm”	369
“Liên đoàn công chức cách mạng quốc gia”	373
Bộ Y tế (1957-59)	
Nha hành chánh, nhân viên và tài chánh	375
Viếng bệnh viện các tỉnh	377
Tại sao gọi là Mũi Né?	378
Suối nước nóng Xuyên Mộc	399

“Việt Nam Cộng hòa, tổ chức hành pháp, tư pháp và tài chánh”	402
Phát triển cộng đồng	403
Cần lao nhân vị	408
Cuộc đấu thầu định mạng	409
Đương nhiên hưu trí	412
Kết cuộc	413

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU

Tập hồi ký của ông Đào Văn Hội làm cho tôi cảm động vì nó đúc-kết bằng những kỷ-niệm của suốt một đời, trên hoạn lộ đầy những chông gai, kiên nhẫn.

Hai chữ “chân-thành” được dùng làm nền tảng, tác giả đã dám xét mình, là một điều - trừ phi những vị chân tu, người thế gian ít ai dám làm.

Hướng nội để biện phân và nhận diện chân, nguy, tác giả đã hết sợ mình, khi kể lại những mẫu chuyện thất tình lục đục mà không thẹn.

Trong những kỷ niệm còn con, tác giả ghi nhiều chuyện nghe thấy có sự tích lịch sử mà nhiều người không được biết.

Câu văn trôi chảy nhưng thật thà, viết theo lối kể chuyện, không bóng bẩy, câu kỳ, cái hay của ông Đào Văn Hội là chỗ đó.

“Gió Bụi Quan Trường”, quãng đường ba mươi mốt năm dài đằng đẵng, Đào quân quả đã thành công.

Tôi tin rằng độc giả sẽ tiếp đón quyển sách này một cách nồng nhiệt.

Tuân Lý
Huỳnh Khắc Dụng

VÌ SAO TÔI VIẾT THIÊN HỒI KÝ NÀY?

Tôi đã về hưu trên mười năm nay, ngày ngày xem kinh dịch sách, dưỡng tánh tu tâm, khả dĩ gọi là nhàn rồi.

Nhìn lại quãng đường trải qua, ba mươi mốt năm chốn quan trường, mười bảy năm dưới thời Pháp thuộc, mười bốn năm phụng sự Chánh phủ Việt Nam, đặt lên cân Công với Tội, may ra chẳng thặng với lương tâm...

Tự hỏi: có luyến tiếc gì không?

Không, ái tình, tiền tài, danh vọng, không luyến tiếc điều gì, không có cũng chẳng sao! Vạn vật vô thường, mới thấy đó thoát liền mất đó, như phù du, như ảo ảnh, luyến tiếc làm gì!

Tiếc chẳng là tiếc những điều lầm lỗi, vì vô tâm, bất cẩn, vụng dại, nóng nảy mà gây nên, ngày hôm nay nghĩ lại nhớ lại ăn năn sám hối, e khi quá trễ rồi chăng?

Lại hỏi, công bộc một đời, lẫn lộn cùng xã hội, sống với gia đình, buồn phiền hay vui thích?

Vui gì lẫn hup trong ngũ trước ác thế, đẩy những Tham, Sân Si mà vui cho được! Còn buồn, ích chỉ cho mình, cho kẻ khác mà buồn?

Giúp đời được chừng nào mừng chừng nấy, chó ngồi chống tay mà than dài, thấy người khóc bắt chước khóc theo, phải chăng là bất trí?

Nay, thể theo lời khuyến khích của một vài thân hữu, tôi chẳng ngại tài hèn viết thiên hồi ký này, ghi lại những nét hỉ, nộ, ái, ố trong quan trường từ bốn mươi năm về trước, công chúc Việt đối đãi với nhau, sự liên lạc giữa quan Việt và quan Pháp, những thân hào ta giao thiệp cùng người Pháp... ngô hầu cố gắng hiện các bạn vong niên xem chơi lúc trà dư tửu hậu, tìm thấy nơi đây những hình ảnh xa xưa, cười thầm cho nhân tình thế thái

Cho bạn trẻ đang đi trên hoạn lộ hoặc sắp bước chơn vào rút kinh nghiệm mà tránh lỗi lầm của một cựu công chức, rồi nhận chuyện Nước chuyện Dân như chuyện mình, không kiêu hãnh là “cha mẹ dân” (dân chi phụ mẫu), song tự hào là một công bộc làm tròn nghĩa vụ, xứng đáng với bốn chữ Liêm, Bình, Cần, Cán vua Tự Đức đã ban thưởng cụ Phan.

Được vậy, tôi rất hài lòng vì, như thế, thiên hồi ký khiêm nhượng này, với cách hành văn không cầu kỳ bóng bảy, với những lời lẽ chân thành, nhận xét khách quan, chưa đến đổi vô bổ ích.

Sài Gòn, Xuân Tàn Hợi - 1971

D.V.H.



PHẦN I DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (1928-1945)

*Sắc tài tửu khí là thuyền,
Đưa người mê muối vào miền trăm luân.*

*Phải ý thức mọi việc, thế nào là chon
thế nào là nguy, mới tránh khỏi lỗi lầm.*

Ngã ba đường Ban Tú tài bốn xứ (Enseignement secondaire local)

Tôi không thích làm nghề cạo giấy, muốn “gỗ đầu trẻ” hơn, sờ dĩ suốt ba mươi mốt năm, sớm đạp xe đi tối đạp về, cũng là sự bất đắc dĩ mà thôi, và đã lỡ mang tiếng là công bộc thì phải lo cho tròn phận sự.

Tôi để ý xem, nhiều viên quan cao cấp hành chánh, đời họ thật là hanh thông, quan trên vị nể, người dưới kính yêu tiền bạc dồi dào, thế mà, vì những lý do tôi chỉ đoán được phần nào, con cháu họ không nối nghiệp hành chánh của cha ông, lại chuyên nghề khác, chẳng hạn như giáo sư, luật sư...

Vì sao tôi buộc lòng phải hành cái nghề mà tôi không mấy thích? Tôi xin lui thời gian lại đến năm 1924 là năm tôi học lớp Tú tài bốn xứ.

Nếu tôi nhớ không lầm thì ban Tú tài này lập năm 1922, thời gian học hai năm, chuẩn bị cho những học sinh trung học đã đậu bằng Thành chung (Diplôme de fin d'Etudes complémentaires) hoặc bằng Cao tiểu Pháp (Brevet Elémentaire) mà muốn tiếp tục theo học ngành chuyên môn nơi trường Cao đẳng Hà Nội (Université de Hanoi).

Đại học này gồm các trường sau đây:

- Trường Công chánh (Ecole des Travaux Publics), người Bắc gọi là Trường Lục lộ, đào tạo những ông Đốc công (Agent technique). Thời gian học là hai năm.

Sau, với thời gian học tập lâu hơn và môn học rộng rãi hơn, danh từ Pháp ngữ được sửa đổi là Adjoint technique, Agent voyer, Ingénieur adjoint... chẳng biết dịch ra Việt ngữ thế nào cho đúng, chỉ nhớ ở Nam kỳ chúng tôi gọi là ông Đốc công, ông Trường tiền; sau thời cuộc 45, danh từ kỹ sư mới xuất hiện và được áp dụng cho tất cả mấy ông xuất thân nơi trường Công chánh cũ ở Hà Nội hay du học ngoại quốc về.

- **Trường Pháp Chánh** (Ecole de Droit et d'Administration) sinh viên có bằng Thành chung học ba năm. Trường đào tạo những ông Tham tá hành chánh (Commis des Services civils). Năm 1926, Trường đổi tên là “Cao học Đông Dương” (Hautes Etudes Indochinoises) bắt buộc phải có bằng Tú tài, ra trường bổ liền chức Huyện. Và năm 1933, bãi

bỏ trường Cao học Đông Dương, đào tạo Cử nhân Luật khoa.

Trường Cao đẳng Sư phạm (Ecole Supérieure de Pédagogie) học ba năm, đào tạo những giáo sư Trung học.

Trường này gồm hai khoa

- Toán pháp và Khoa học,

- Văn chương và Sử địa.

- **Trường Y khoa** (Ecole de Médecine) học bốn năm. Sinh viên tốt nghiệp ban đầu được chức “Médecin auxiliaire”, tạm gọi là “Y sĩ phụ tá”, sau đổi là Y sĩ Đông Dương (Médecin Indochinois).

Vào khoảng năm 1925-26 về sau, sinh viên có bằng Tú tài Pháp học thi Y khoa bác sĩ (Docteur en Médecine). Còn mấy Tú lô can thì vẫn là Médecin Indochinois và từng quyền ông bạn Docteur en Médecine, mặc dầu học lực cả hai tương đương nhau và có khi Médecin Indochinois còn giỏi về thực hành (pratique) hơn Docteur en Médecine nữa!

- **Trường Dược khoa** (Ecole de Pharmacie) học bốn năm, tạo những Dược sư Đông Dương (Pharmacien Indochinois).

- **Trường Thú y** (Ecole Vétérinaire) thời gian học là bốn năm. Sinh viên tốt nghiệp được bổ nhiệm Thú y sĩ Đông Dương (Vétérinaire Indochinois).

Trường Cao đẳng Thương Mãi (Ecole Supérieure de Commerce) dạy hai năm, đào tạo những tay chuyên môn bỏ bàn toán tính lời lỗ.

Chương trình Tú tài bốn xứ là một chương trình hỗn tạp (chúng tôi hồi đó gọi là chương trình “tả pín lù”) học nhiều môn, văn chương, toán pháp, khoa học, sử địa, môn nào cũng học nhiều và khó, học suốt tuần không nghỉ ngơi.

Năm đệ nhứt và đệ nhị niên ban Tú tài Việt tương đương với lớp Seconde và Première bên Tú tài Pháp (Baccalauréat de l'Enseignement secondaire), bên này chỉ hơn bên kia có môn Anh văn và được cái chương trình đàng hoàng, không quá nặng nhọc, lại chia làm mấy ban, tùy khả năng học sinh:

- ban A: Grec latin;
- ban B Latin langues;
- ban C: Sciences langues.

Bên Tú tài bốn xứ, học sanh nào cũng phải giỏi cả toán pháp lẫn văn chương mới mong cuối năm thứ hai chiếm được cái văn bằng Tú tài bốn xứ, gọi là Baccalauréat de l'Enseignement secondaire local, để rồi rưng trấp ra tận Hà thành học ban Cao đẳng, tốt nghiệp về làm ông Tham, phụ tá quan lớn Phó chủ tỉnh, Y sĩ Đông Dương, phụ tá quan Đốc tờ người Pháp và Cán sự chuyên môn, phụ sự quan Kỹ sư người Pháp.

Bằng Tú tài Pháp chỉ hơn Tú tài bốn xứ có phần thứ hai (2^e partie), toán (Mathématiques Elémentaires) hay triết (Philosophie), thế mà giá trị của hai mảnh bằng khác xa nhau biết bao nhiêu:

Chỉ vì lúc bấy giờ các báo Pháp ngữ của người

Việt như tờ “La Tribune Indochinoise” (Đông Dương diễn đàn) của Bùi Quang Chiêu và “L’Echo Annamite” (Nam Việt hướng truyền) của Nguyễn Phan Long công kích Chánh phủ thuộc địa thi hành chính sách ngu dân (obscurantisme), bình diện (plan horizontal) trên mảnh đất Việt Nam khốn khổ này, để dễ bề cai trị. Cho nên, Nha Học chánh, thừa lệnh Phủ Toàn quyền, hấp tấp lập ra ban Tú tài bốn xứ với một chương trình vá vúi, nặng nề, nhồi sọ (bourrage de crane).

Thi Tú tài Pháp

Tháng bảy năm 1924, sau khi uể oải nuốt trôi cái chương trình Tú tài bốn xứ, tôi gọi đơn ra Phủ Toàn quyền ngoài Hà Nội xin học bổng để tiếp tục học nơi trường Cao đẳng Sư phạm, ban văn chương.

Trong lúc ấy, các bạn tôi có ba anh lớp Première D là Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Ty và Gustave Tison, Trần Văn Thạch, lớp Tú tài bốn xứ, đỗ phần thứ nhất (Première partie) Tú tài Pháp; Ngà, Ty đậu hạng “bình thứ” (assez bien) còn Thạch, Tison thì “bình” (passable)¹ dường như không mấy khó khăn, và Tison là hạng lục lục thường tài.

Thuở bấy giờ, bởi số học sanh Tú tài Pháp ở Sài Gòn quá ít ỏi, (mỗi năm, phần II chỉ có vài ba

¹ Tác giả bị nhầm lẫn: theo thứ tự *excellent* là tối ưu, *très bien* ưu, *bien* bình, *assez bien* bình thứ, *passable* thứ. (MP)

người, phần I được năm bảy mà thôi), nên Chánh phủ gởi bài thi ra Hà Nội cho ban giám khảo chấm, rồi thí sinh đậu môn viết phải đáp tâu thủy ra Hà thành thi vấn đáp.

Tôi cùng một số bạn Tú tài bốn xứ quyết thi Phần I Tú tài Pháp ban D (Sciences Langues), khóa nhì tháng chín năm 1924.

Thi thì thi vậy, chớ chưa biết sẽ làm gì, vì thế nào mình cũng nắm chắc cái học bổng Cao đẳng Sư phạm trong tay.

Thế nên, đầu tháng mười một, một buổi mai, tôi lơ thơ lê đôi guốc gỗ vào trường Chasseloup Laubat nghe tin tức thì gặp ngay ông Hiệu trưởng Bouault cho hay trong mấy anh em thí sinh chúng tôi có bốn người đậu bài viết: anh Huệ, Nhu, Cảnh với tôi.

Đồng thì, tôi nhận được tin Phủ Toàn quyền cấp cho tôi học bổng trường Cao đẳng Sư phạm.

Tôi lật đật về Tân An chuẩn bị hành trang đăng ra Hà Nội thi vấn đáp. Với má và anh tôi, tôi cần nhắc lại: nếu thi đậu Tú tài I thì học một năm nữa, đậu Tú tài II, mình có thể xin được tuyển dụng Tham tá (Commis) như anh Dương Văn Hòa, anh Thái Minh Phát... thế là chỉ mất có một năm nữa, 1924-25, là mình sẽ hưởng bổng lộc (lý luận nhà nghèo!) còn hơn đi học Sư phạm mất những ba năm, đến 1927 mới tốt nghiệp.

Ấy vậy, gia đình tôi quyết định cho tôi tiếp tục thi Tú tài và từ khước cái học bổng Sư phạm.

Nhưng, “muu sự tại nhon (mà) thành sự tại thiên”, Khổng Minh, quân sư nhà Hán, nói vậy mà hay!

Sau bốn ngày linh đình trên mặt biển, chiếc Réam bé nhỏ cũ cang, gió dổi sóng giập, bốn chúng tôi đều đại sóng, nằm nhừ như thây chết chưa chôn.

Đến Hải Phòng ngày 10 tháng 11, ở khách sạn Nhứt Kouroushe, ngày 11 đáp xe lửa đi Hà Nội, vào trú ngụ trường trung Albert Sarraut, chiều ngày 12 là họ buộc mình thi ngay.

Chúng tôi chưa hết mệt mà phải chịu khảo thí liền, nghĩ cũng tội nghiệp, nhứt là môn Anh văn, mình học vội vã đặng mà thi, chữ nghĩa đã không bao nhiêu mà còn bị sóng gió nó bay đi mất một nửa rồi:

Lão Lomberger, giám khảo Anh văn, trước cái khả năng “lỗi lạc” về Anh ngữ của mình, lão mắng cho thậm tệ, rằng: “Ban Tú tài bốn xứ là toàn hảo (parfait) và thật sự hữu hiệu (vraiment efficace), mà bây muốn trốn tránh là nghĩa làm sao? Chúng bay thi Tú tài Pháp để làm gì? Nếu tao không vì lòng nhân đạo (!) thì tao đã vòng cho chúng bây một con số không tròn vo rồi (un zéro tout rond).

Sau chúng tôi nghe lại lão Lomberger “nhân đạo” đã cho chúng tôi bốn người hai điểm, chia đồng nhau mỗi đứa nửa điểm mà xài (1/2 point). Các bạn tôi, anh Huệ, Nhu, Cảnh đều giỏi Pháp văn lẫn Toán pháp và khoa học, nên cứu nổi cái điểm rất kém về Anh văn.

Riêng phần tôi, món nào tôi cũng xoàng nên tổng cộng còn thiếu lối năm sáu điểm, mà không được vớt nên “tuột dù”.

Thật là xui rủi!

Trong thời gian học ban Thành chung dưới Mỹ Tho và ban Tú tài trên Sài Gòn, tôi dẫn đầu trong lớp về môn Sử địa luôn; thế mà chiều hôm ấy, giám khảo hỏi về Cách mạng nước Pháp năm 1789 (*Révolution française*), tôi lúng túng quên đầu quên đuôi, ổng cho tôi có bốn điểm! Nếu tôi may mắn được mười điểm, chỉ mười điểm thôi, tôi đã đậu rồi.

Ra Sở Bưu điện, ba anh đánh điện về báo tin mừng cho ông Hiệu trưởng và gia đình riêng mỗi người. Anh Cảnh nói một lời an ủi tôi: “Bạn Đào, bạn đừng buồn, có nhiều người sang trọng hơn bạn mà vẫn lặn độn trong trường thi cử như thường!”

Anh muốn ám chỉ anh Vương Quang Khiêm thi mãi cái Tú tài I ban Latin năm sáu năm mà chưa đậu, trong lúc đó em của Khiêm, anh Vương Quang Nhường đã là Luật khoa Cử nhân rồi. Tôi nghĩ lại mà nực cười: việc thi cử do rủi may, dở giỏi, chớ sang với hèn cái thá gì! Cảm ơn nhà ý anh Cảnh.

Trường trung học Albert Sarraut

Trong thời gian gần một tháng, từ ngày 12 tháng 11 đến ngày 6 tháng 12, nằm ở Hà Nội chờ tàu, chúng tôi cư trú nơi trường trung học Albert

Sarraut, mà nhiều giáo sư Pháp cho là “một trong những trường trung học lớn đẹp nhất nước Pháp” (l’un des meilleurs lycées de France).

Trường rộng rãi, sạch sẽ, nhiều cây lâu hai tầng, mỗi chiếc giường nệm cao mềm ấm, hai lớp cửa, cửa kiếng và cửa cây, ván lầu đánh bóng láng lẩy, đi muốn trượt.

Dưới phòng ăn trưng dọn trang hoàng, có hoa có kiếng, bốn trò ngồi một bàn (carré), hai đứa một con gà giò quay; tráng miệng, mỗi trò hoặc một trái cam, hoặc hai trái quít.

Ban giám đốc gồm ông Hiệu trưởng (Proviseur), ông Giám học (Censeur), ông Tổng giám thị (Surveillant général), một thủ ngân viên (Econome) và ông phát ngân viên (Dépensier).

Bữa cơm nào, ông Giám học hay Tổng giám thị cũng rảo dưới phòng ăn. Ông Giám học nói với học sanh: “Tôi muốn mấy anh ăn ngon, đầy đủ, song mấy anh phải rán học cho giỏi”.

Ông đi qua rồi, học sanh nói lên ông: “Chính ông Econome nuôi mình, chớ phải ông Censeur đâu!”

Ông còn cái gắt gao là chúa nhựt, ông đứng ngoài cửa, học sanh nào không mặc y phục bằng nỉ, không được ra.

Giáo sư ở đây toàn là tay cừ, vì những giáo sư Thạc sĩ (Agrégé) được bổ nhiệm qua Đồng Dương đều xin dạy học ở Lycée Albert Sarraut, ít ai chịu ghé trường Chasseloup Laubat, duy có ông giáo sư

toán chúng tôi là ông Pasqualini, có bằng Thạc sĩ, chịu ở Sài Gòn, vì bà vợ là Cử nhân khoa học làm Hiệu trưởng trường Nữ sinh bốn quốc (Collège de Jeunes filles indigènes), hiện nay là Nữ trung học Gia Long.

Nơi đây, tôi xin mở một dấu ngoặc để thuật vài chuyện nho nhỏ liên quan đến quãng đời học sinh vài bạn chúng tôi.

Tháng bảy năm 1919, trong cuộc “Giang dò khảo võ” tại Mỹ Tho, qui tụ trên năm trăm học sinh lớp nhứt các tỉnh Tiền Giang và Hậu giang thi bằng Sơ học (Certificat d’Etudes primaires franco-indigènes) gọi tắt là CEPFI, Hồ Văn Kế (Bác sĩ Hồ Văn Kế từ trần năm 1967 tại Sài Gòn) Mỹ Tho, đẹp ngả tất cả anh tài, đậu số 1, Nguyễn Văn Ty (Kỹ sư Nguyễn Văn Ty cách đây mấy năm làm Giám đốc hải cảng Abijan, Côte d’Ivoire) Tân An đỗ số 2.

Kế, Giàu, không thi học bổng, Ty đỗ đầu.

Suốt hai năm, đệ nhứt và đệ nhị niên học trường trung học Mỹ Tho, Ty dẫn đầu về môn toán. Kế ăn đứt anh em về Pháp văn. Cuối năm thứ hai, Kế sang Pháp du học.

Đậu bằng Thành chung, lên ban Tú tài bản xứ, Ty bị Hồ Văn Ngà qua mặt về Pháp văn luôn cả toán pháp (Tôi sẽ có dịp nhắc đến Hồ Văn Ngà).

Ông Pasqualini mến tài Ngà Ty vì bài toán nào hai anh cũng được 17, 18 điểm luôn, can thiệp với ông Hiệu trưởng Bouault cho cả hai chuyển sang

lớp Première D Tú tài Pháp không để ở ban Tú tài “lóc cóc” (local) chúng tôi.

Năm 1925, Ngà đậu Tú tài phần II Mathématiques Élémentaires hạng ưu (mention bien), Ty assez bien.

Tôi xin kể tiếp về thời gian chúng tôi ở Hà Nội.

Trường Albert Sarraut, giáo sư cũng phân biệt giai cấp. Mỗi kỳ nhóm họp, giáo sư Thạc sĩ và Tiến sĩ ngồi chung còn giáo sư Cử nhân nhóm riêng.

Trường có hai cửa: cửa lớn day ra đại lộ dành cho giáo sư, còn cửa nhỏ thì học sinh ra vào.

Hỏi dạy sử địa ngoài đó, ông Bouault, giáo sư Thạc sĩ, Hiệu trưởng chúng tôi, cũng là một tay “có hạng”, song ông nói chuyện không hấp dẫn và giọng đọc không hay.

Một năm, ông lãnh sứ mạng đọc bài diễn văn nhân dịp lễ phát thưởng nghỉ hè. Ông viết một bài văn tả cảnh đặc sắc về Hồ Hoàn Kiếm (Le Petit Lac).

Các giáo sư hoan nghinh cách hành văn bóng bẩy của ông song họ phê bình: “Bài diễn văn xuất sắc của ông, đọc ra rồi giảm giá trị” (Son beau discours se gâte en sortant de sa bouche).

Bữa cơm tối ngày 12-11, ông Hiệu trưởng Coqueblin, Thạc sĩ Anh văn, xuống phòng ăn ngợi khen Nhu Huê Cảnh và an ủi tôi vài lời. Ông hỏi chúng tôi có muốn dự thính lớp đệ nhứt (Première) Toán (Math), hay Triết (Philo.) ông sẵn lòng cho, kéo mất ngày giờ trong lúc chờ đợi.

Chúng tôi cảm ơn ông, song không nhận, vì chúng tôi muốn hưởng thời gian rảnh rỗi ấy viếng Hà thành.

Ông cho chúng tôi được tự do.

Đây, Hà Nội 1924

Thế là mỗi ngày, bảy giờ sớm mai, điểm tâm xong, chúng tôi ra trường đi dạo: Đứng ngo, về ăn cơm, nghỉ trưa. Hai giờ rưỡi, học sinh vô học, chúng tôi lại ra phố. Đến bảy giờ về dùng cơm rồi ngủ, ngày hôm sau cũng vậy.

Nhờ thế mà chúng tôi dạo chơi khắp Hà thành lúc bấy giờ (1924), nhận thấy thành phố nẩy rộng lớn song không đẹp bằng Sài Gòn, nhà cửa phố xá cái trôi ra cái sụt vô, thật là “mất trật tự”. Lại có nhiều căn phố, bề ngang chừng hai thước rưỡi ba thước, nên thấp hơn mặt đường mà chứa cả một ổ bảy tám gia đình, mỗi gia đình là một cái ghé bố.

Con đường náo nhiệt nhứt là đại lộ Paul Bert, rộng hơn đường Tự Do (Catinat) trong mình, và các hiệu to nằm trên đại lộ nầy. Nhà buôn đồ sộ nhứt là “Gô đa” (Godard), bán thập vật, in như “Grands Magasins Charner” (bây giờ là Tax) trong Nam.

Phủ Toàn Quyền ngoài đó không rộng lớn oai vệ như Dinh Toàn Quyền ở Sài Gòn. Chỉ có trường Albert Sarraut và ăn đứt trường Chasseloup Sarraut, vậy thôi.

Cầu Doumer, đồng bào ta gọi là “Đò Mỹ kiều”, dài 1865 thước, bắc ngang sông Hồng Hà, là một

kỳ công của hãng Eiffel. Chiếc cầu không có cột, vì mấy cồn cát nằm dưới cầu không vững chắc, thường xê dịch, người ta không thể xây dựng cột cầu trên cồn cát không chơn ấy được.

Cầu sắt chia làm ba phần, phần giữa để xe lửa chạy, phần hai bên dành cho bộ hành, ô tô, xe cao su... Một người bắt đầu đi từ bên này qua thì lên cầu phía tay mặt, đến giữa cầu dừng chơn ngắm mây ngắm nước mặc tình rồi phải đi luôn qua bên kia, chớ không quay trở lại con đường cũ được.

Qua bên rồi, cũng do phần tay mặt mình mà về bên này. Thành thử qua cầu hai phen đi bộ gần bốn cây số cũng khá mỏi chơn.

Người ta thuật rằng mỗi buổi sáng, nhiều người ra ngồi hai bên bờ sông Hồng Hà phóng uế thì đã có một số người chực sẵn một cái vớt bằng mây hay bằng tre, kê dưới đít họ mà hứng lấy, rồi đem về làm phân bón ruộng.

Suốt con đường xe lửa Hà Nội Hải Phòng, dài 104 cây số, chúng tôi nhìn hai bên đường thấy những ruộng gò khô khan, cây lúa ốm teo như người nhịn đói lâu ngày.

Theo ý kiến đồng bào am hiểu nông nghiệp ngoài Bắc trong Nam, ruộng ngoài ấy không phì nhiêu bằng ruộng trong này; ruộng thượng hạng Bắc Kỳ tương đương với ruộng hạng nhì Nam Kỳ mà thôi.

Thế cho nên...!

Vườn bách thú Hà Nội sánh với Sở thú Sài Gòn lúc bấy giờ thì, xin lỗi, như một trời một vực.

Bách thú, có nghĩa là trăm thú, gì mà thú lớn chỉ có năm ba con, thú nhỏ chừng chục chẵn.

Còn cây cối, toàn những tàn cao cổ thọ, chẳng có cây chi đẹp và lạ cả. Trong vườn mọc hòn thổ sơn, cao 28 thước, tên là “Khán sơn”, tục truyền khi xưa vua Lê Thái Tổ ngự trên đấy duyệt binh.

Dạo chơi Tây Hồ, chúng tôi viếng Đền Trấn Võ, thờ Đức Chân Võ Đế quân, tục gọi là “Ông Thánh Đồng đen”, pho tượng đồng ngồi cao đưng trần nhà, su tiểu trong chùa bảo rằng tượng này nặng ba ngàn kí. Chúng tôi sực nhớ bài thơ “Cảnh Đền Trấn Võ” của Bà Huyện Thanh Quan:

*“Êm ái chiều hôm tới Trấn đài,
 “Lâng lâng chẳng bọn chút trần ai!
 “Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng,
 “Một vũng tang thương nước lộn trời.
 “Bể ái ngàn trùng khôn tát cạn,
 “Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi.
 “Nào nào Cục Lạc là đâu tá?
 “Cục Lạc là đây chín rõ mười.”*

Những đêm hè nóng bức, nhiều người đàn ông, trong số có những sinh viên, trải ghế bố trên bờ Hồ Tây mà ngủ cho mát, sáng mang về.

Hắn đọc giả miền Nam có nghe nói đến Chùa Một Cột? Chùa nằm trong một hồ sen bốn phía trắng xi măng, rộng mỗi bể chừng mười thước; hai hòn đá xanh hình trụ, bể kính độ hai thước tây,

chồng lên nhau thành một cây cột cao năm thước, chống đỡ một ngôi chùa nhỏ thờ Đức Bồ tát Quán Thế Âm.

Nghe nói năm 1954, lúc Pháp giao Bắc Phần cho Việt Minh, không rõ ai đặt chất nổ phá hủy ngôi chùa lịch sử ấy, tiếc thay!

Tiếp tục viếng Đền Chùa cổ tích, chúng tôi chiêm ngưỡng Đền Hai Bà Trưng ở làng Cẩm Khê, một ngôi đền xưa, ba gian, không có chi đặc sắc. Chúng tôi không vô định bên trong.

Hồ Hoàn kiếm có một tháp nhỏ, Tháp Rùa, cất trên đảo con, và Đền Ngọc Sơn thờ Văn Thánh.

Từ bờ Hồ, phải qua một cái cầu dài hẹp, đến Đài Nghiên, kế Tháp Bút, rồi mới tới Đền.

Cảnh tịch mịch sum nghiêm, cây cối rườm rà, nhang khói quanh năm mù mịt. Quanh hồ, có những quán kem nho nhỏ, khách nhàn du ngồi ăn kem ngắm cảnh sinh tình mà... chẳng nên thơ.

Muốn thăm mấy ban sinh viên trường Cao đẳng, phải đi ngày chúa nhật, hoặc ngày thường thì sau bữa cơm chiều, lối tám giờ tối.

Lúc bấy giờ, ngoài Hà Nội, trong nữ giới, nổi lên phong trào “phi Cao đẳng bất thành phu phụ” (không phải xuất thân nơi trường Cao đẳng thì không thành chồng vợ).

Đúng thế, thời buổi ấy, xuất dương du học đã là thiên nan vạn nan thì sinh viên ta chỉ còn nước đổ xô ra Hà Nội để sau ba bốn năm học hành trở thành ông Tham, Y sĩ, Đốc công, Giáo sư... chiếm một địa

vị cao cả trong xã hội Việt Nam, thì sao thiếu nữ Hà thành lại chẳng mê tíu sinh viên Cao đẳng chó! Và lại, các cậu “vía” một bộ đồ nỉ vào cũng đẹp trai ra phết.

... Trời lạnh, vì đã cuối thu sang đông; mặc dầu choàng áo ấm, song chưa quen khí hậu Bắc hà nên chúng tôi bốn người ngồi hai chiếc xe cao su, chen vào nhau mà vẫn run.

Mỗi cuộc xe là một hào (một cắc), nhưng đồng bào phu xe ta lạ làm sao, mình trả đúng giá biểu, một hào, họ đòi thêm, mà nếu trả hai hào, họ càng đòi dữ dội, thế họ cho “mấy thầy Sài Gòn” ngốc lắm thì phải! Ngoài Châu Thành, có mấy bác cảm (cảnh sát), họ không dám làm hung, vì roi mấy bác bỏ lên đầu, song trường hợp chúng tôi về trường thì họ kêu la ồm tỏi thành thử chúng tôi áp dụng một biện pháp là, xuống xe, ba người, Nhu, Cảnh với tôi, lật đặt vô cửa để mặc anh Huê “xử kiện” rồi vô sau.

Hèn chi ngày nay anh Huê làm thẩm phán là phải.

Cùng một số sinh viên, một buổi mai chúa nhật, chúng tôi viếng vườn quan Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu, là con ông Hoàng Cao Khải.

Một ngôi vườn rộng lớn chiếm cả mấy chục mẫu tây, sạch sẽ tươm tất, cam quýt và nhiều cây ăn quả trồng ngay hàng thẳng lối, lại có những hòn non bộ, những thạch động, trong động treo chuông đồng.

Vườn rộng, phu làm vườn đông, muốn gọi họ về nghỉ, trong nhà phải gióng lên một hồi chiêng. Hàng quít trái đỏ ửng, sà sà dưới đất, chúng tôi lên xin vài trái bỏ túi ra khỏi vườn chia nhau mà ăn. Trái tuy xinh đẹp mà lạt nhách, không ngon ngọt bằng quít Cần Thơ, quít Kế Sách mình.

Tiếc rằng ngày ấy ông Hoàng Trọng Phu đi vắng, bằng chẳng thì ông đã tiếp chúng tôi vì ông trọng sĩ phu vô cùng. Nghe nói ông có bằng Tú tài Pháp và ông giỏi cả Pháp văn lẫn Hán văn. Các quan Tây nể nang ông và chúng dân cũng kính trọng ông.

Tính già đồ hột

Đầu tháng 12, chúng tôi lại đáp chiếc Réam bé nhỏ, cũ cang mà về Nam.

Ba bạn tôi kẻ vô lớp Toán, người vô Triết học, còn tôi khăn gói về Tân An, chuẩn bị để thi lại môn văn đáp kỳ tháng bảy năm sau, 1925. Vì, thời kỳ ấy, thí sinh nào đậu bài viết rui rớt văn đáp, được ân huệ thi văn đáp hai lần nữa mà khỏi phải thi bài viết lại.

Trót buông lao thì phải theo lao, chiếm cái Tú tài cho bằng được, chớ đã từ khuốc học bổng Su phạm rồi, bây giờ làm sao mà xin lại để học niên khóa 1924-25? Lại cũng mất luôn cái học bổng trung học ở trường Chasseloup Laubat, và trở vô trường một năm để chỉ giới mài phần văn đáp là phần tương đối dễ hơn phần thi viết cũng tốn tiền và tốn công phu.

Nhưng làm gì cho hết sáu bảy tháng trường, từ tháng 12 năm 1924 cho đến tháng bảy năm 25?

Ngày chỉ tối chỉ ôm cuốn Trigo khô khan và Lịch sử Cách mạng nước Pháp, làm bạn với những cuốn Vật lý, Hóa học, phân tách mấy vở tuồng của Corneille, Racine, Molière, thì chán bỏ đời!

Tôi dạy thí công mấy trẻ học trò của anh tôi và tham gia phong trào giải trí “bất lành mạnh”: đá gà nòi, nhưng trưa chúa nhứt, khi tôi với học trò ôm gà đi, má tôi buồn hiu, tôi để ý vài lần như vậy và tôi thôi không chơi gà nòi nữa.

Thấm thoát bảy tháng trôi qua, rồi tháng bảy năm 1925, tôi đậu phần vấn đáp.

Lại xin học bổng, lại vô lớp Triết, tháng bảy năm 1926, đậu Tú tài phần II, hạng bình thứ (Assez bien). Năm nầy là năm sung sướng nhứt trong đời học sanh tôi: trong lớp được thầy công, ngôi phòng học không có thầy gác và, năm giờ chiều, tự do đi chợ cũ ăn cháo cá.

Hy vọng đã đạt, tôi chuẩn bị hồ sơ xin tuyển dụng làm Tham tá hành chánh (Commis des Services civils).

Nộp hồ sơ cho ông Adrien Petit, Chủ tỉnh Tân An,ặng ông phê ý kiến và chuyển đạt lên văn phòng Nhân viên Thống đốc Nam Kỳ. Ông Petit có tiếng là tánh nóng như lửa. Ông trợn mắt ngó tôi: hất hàm hỏi: “Anh có bằng Tú tài, lại ung làm tay sai hay sao? Anh xin một chon giáo sư, có được không?”

Tôi đáp rằng theo lời ông thầy cũ tôi là ông Motais de Narbonne, lúc bấy giờ đảm nhiệm chức

vụ “Giám đốc nhóm giáo huấn ở Tân An (Directeur du Groupe scolaire), phải có bằng Khả năng Sư phạm (Certificat d’Aptitude Pédagogique) mới mong được tuyển làm giáo sư. Mà tôi chỉ là một học sinh mới ra trường, làm gì thi bằng đó nổi, nên tôi xin làm Tham tá vậy.

Ông rùn vai, nói: “Vậy thì tùy ý anh!

Hồ sơ gửi rồi, tôi trông tin.

Thi huyện (1927)

Lối tháng 10 năm 1926, tôi hay tin Chánh Phủ Nam Kỳ bãi bỏ ngạch Tham tá và các ông Tham cũ đều được cải sang ngạch Huyện Phủ, còn những ai có bằng Tú tài Pháp hay Tú tài bốn xứ muốn được bổ dụng vào “Ngạch Hành chánh cao cấp văn phòng Dinh Hiệp lý và các tỉnh Nam Kỳ” (Cadre Supérieur administratif des Bureaux du Gouvernement et des Provinces de Cochinchine) tức là ngạch Huyện, Phủ, Đốc phủ sứ, thì phải thi, trúng tuyển được bổ làm Huyện tập sự.

Thời bấy giờ có hai ngạch công chức:

- ngạch Đông Pháp (Cadres généraux) thuộc Phủ Toàn Quyền (Gouvernement Général) sử dụng, có thể được bổ nhiệm trong bất cứ xứ nào toàn cõi Đông Pháp (Indochine française) gồm có Việt Nam, Cao Miên (Cambodge) và Ai Lao (Laos). Việt Nam lúc ấy chia làm ba: hai xứ bảo hộ là Bắc Kỳ (Tonkin) và An Nam (Trung Kỳ); Nam Kỳ (Cochinchine) là thuộc địa Pháp.

- ngạch bốn xứ (cadres locaux) như ngạch Huyện, Phủ, Đốc phủ sứ và ngạch Thơ ký địa phương chẳng hạn.

Kỳ thi Huyện định vào năm 1927, nhưng chưa chắc ngày nào. Thí sinh Tú tài (candidat bachelier) được miễn khảo thí văn hóa phổ thông (examen de culture générale), còn thí sinh thơ ký (candidat secrétaire) bắt buộc phải chịu khảo hạch về văn hóa phổ thông trước; đầu, mới được dự thi khảo sát chuyên nghiệp (examen professionnel) là phần quan trọng, chung với thí sinh Tú tài.

Cuộc thi Huyện là một cuộc cạnh tranh (concours), đồng thời là một cuộc khảo thí (examen) năng lực, nghĩa là thí sinh phải hội đủ hai điều kiện mới được chấm đầu.

Như kỳ thi 1927, Chánh Phủ tuyển dụng tám người Huyện và thí sinh phải được tối thiểu 420 điểm mới đầu. Giả sử có 10 người trên 420 điểm thì hai người “đậu chót” không được bổ dụng, và trong trường hợp chỉ có 7 người được từ 420 điểm trở lên thì người thứ 8 “nhờ ông bà qua sang năm”.

Tôi lại phải chuẩn bị thi Huyện.

Nhìn tập bài về Tài chánh anh thơ ký Nguyễn Minh Pháp cho tôi mượn, với cuốn sách “Hành chánh đại cương” (Administration générale) tác giả là quan cai trị De Galember, do anh Kỹ sư Nguyễn Hải Huột, anh ruột anh Pháp, cũng cho tôi mượn, một quyển sách dày 500 trang, tôi ngán vô cùng!

(Anh Nguyễn Minh Pháp sau đậu Huyện, vinh thăng lên đến chức Đốc phủ sứ và từ trần năm 1955).

Ngày hôm nay, nhớ đến hảo tâm hai anh ấy giúp đỡ tôi rất nhiều, tôi lấy làm cảm động, và nghiêng mình chào vong linh hai anh (đã ra người thiên cổ).

May mắn lúc ấy, ông giáo sư Huỳnh Văn Chợ lập một cái tư thực ở Phú Lâm. Ông cần dùng một giáo sư Pháp văn và địa lý cho hai lớp đệ nhứt và đệ nhị niên trường ông. Ông xuống tận Tân An vào đứng nhà tôi ở xóm Cầu quay, mời tôi lên cộng tác, lương tháng 160 đồng.

Tôi ưng chịu, rương tráp lên tạm trú nhà thầy giáo Hưng dạy trường Xóm Củi; anh của thầy là thầy Hai làm thơ ký Xã Tây Chợ Lớn. Thầy Hưng thứ tư, em thầy là Thới, học trò tôi. Thầy còn một bà mẹ già và một cô em gái.

Cùng ở một nhà có trò Nhựt, bà con với thầy tư và cũng học với tôi. Một thơ ký trường tiền cũng đến xin ở trọ.

Nhà thầy tư ăn uống tuom tất, không khí gia đình hòa nhã yên vui. Cơm chiều xong, chúng tôi hòa đồn, rồi tôi sửa bài hoặc soạn bài cho hôm sau, kể ôm sách ra học một chập. Xong, hoặc đánh cờ tướng, hoặc ráp đánh cắt tê hay bắn cô với thầy hai, thầy tư, thầy ký trường tiền, Thới, Nhựt.

Có bữa, chú Tư là chú ruột thầy hai thầy tư, một cựu Kế toán viên Đông Pháp ngân hàng (Banque de l'Indochine) qua chơi, dạy võ cho tôi với thầy tư và Thới, Nhựt.

Muời giờ khuya, xén bài, kêu chú chệt bán “đì xán áp chúc” (cháo vịt có bỏ thịt) vô, mỗi người làm một tô, rồi tắt đèn đi nghỉ.

Một buổi mai chúa nhựt, đáp lời mời của trò Bảy, tôi đến nhà trò chơi. Ông thân trò làm rầy, tiếp chuyện vui vẻ thành thật, và khi tôi già từ, ông tặng tôi một con gà nòi tơ, chưa thiến tích. Gà mới biết gáy mà cao lớn hùng vĩ, mỏng trích, vảy hai hàng trơn, chẳng có chi lạ, song khít khao sắc bén, cánh đen láng mượt, lông mã tía sáng ngời.

Tết năm ấy, tôi về Tân An; chùng lên, tôi hay tin đêm 29 tháng chạp, chú chích đến viếng nhà thầy tư, bắt trọn chuồng gà thầy mà, lạ làm sao, nó lại chùa con gà nòi tôi ra.

Về thầy tư thuật rằng, đêm đó, vào khoảng một giờ, thầy nghe dường như con gà tôi kêu những tiếng giận dữ, thầy tưởng nó cắn lộn với mấy con trống của thầy, nào dè... chắc nó mở anh trộm mà bắt nó.

Tháng sáu bài trường. Ông Chợ không được thần tài chiếu cố, sang trường cho người khác.

Lần nữa, tôi lại thất nghiệp, mang rương ôm gà về Tân An.

Và cũng nhờ vậy mà tôi học hành kỹ lưỡng hơn, chuẩn bị đăng hoàng.

Thình thoảng, bắt gà đi xổ. Con gà ô tôi có miếng “đá mé” rất hay; xổ ba lần, nó đá đối phương điếc tai xùg vùng. Ông bảy Ngọc, y sĩ Đông phương, ở cách xóm tôi vài dặm ruộng, hai ba lần đến nhà tôi

nài ni tôi nhượng con gà cho ông nuôi, kéo tôi cho xỏ hoai, thét nó bể uống lảm. Tôi công nhận lời ông hữu lý.

Kỳ thi Huyện định vào ngày 24 tháng 11, năm 1927.

Chánh Phủ tuyển dụng tám người Huyện. Thí sinh có hai Tú tài Pháp: Nguyễn Thi Giỏi, với tôi. Tú tài bổn xứ: Trần Văn Khuê và Nguyễn Văn Châu.

Thí sinh thơ ký lối 15, 16 người.

Số điểm tối thiểu là 420. Ba bài viết:

- một bài về Hành chánh đại cương,
- một bài về tài chánh, và
- một bài cứu xét hồ sơ.

Ngày 23, tôi lên Sài Gòn, ở đậu nhà hai anh Nguyễn Minh Pháp với Thái Tường Thụy, đường Legrand de la Liraye (Phan Thanh Giản) đều là thơ ký; anh Thụy là cựu bạn học tôi dưới Mỹ Tho.

Ngày 24, bắt đầu thi môn viết, về Hành chánh đại cương.

Tôi nhớ đề tài họ cho là “Quyền hạn của Thị trưởng và các sở trực thuộc Thành phố” (Attributions du Maire et les Services Municipaux).

Tôi thuộc lòng gần hết chương nầy trong “De Galember”, đẩy cho một hơi, nộp quyền rồi ra.

Sớm mai 25, thi môn Tài chánh. Hai đề tài, thí sinh được quyền chọn lựa: Ngân sách Nam Kỳ (Budget local) và Công nho làng (Budgets communaux).

Thú thật về Công nho làng tôi dốt lắm, nên chẳng dám phiêu lưu với đề tài đó. Ba tiếng đồng hồ, tôi viết chín trương, chép gán trọn cái “cours” của anh Nguyễn Minh Pháp.

Ngày 26, thi môn “Cứu xét hồ sơ”. Họ giao cho tôi hồ sơ một sinh viên xin học bổng. Giấy tờ để lộn xộn, tôi sắp lại theo thứ tự ngày tháng, rồi thảo một cái thơ trả lời.

Hôm sau, thi vấn đáp. Ông Portoukalian, đầu phòng phòng nhứt (Chef du 1er bureau), ngô lời cùng tôi: “Anh Đào, bài Hành chánh đại cương, anh được 17 điểm về hình thức, 18 điểm nội dung; bài Tài chánh, 19 điểm; môn vấn đáp này, nếu anh không “tuột” xuống (dégringoler), anh sẽ được sắp trong mấy người đầu cao”.

“Nhưng anh đã không chọn đề tài ‘Công nho làng’, vậy anh thử nói về Công nho làng tôi nghe”.

Tôi đổ mồ hôi, nhưng ông bà độ mạng, tôi còn nhớ Công nho làng có mấy khoản thầu, mấy khoản xuất.

- Được, anh hãy kể mấy khoản đó ra.

Tôi kể được vài ba khoản, ông tử tế nhắc tôi nốt mấy khoản sau.

Chiều 27, dạo chơi Sài Gòn một hồi; sớm mai 28, nằm nhà xem sách chờ cơm. Mười một giờ ba khắc, anh Pháp với anh Thụy xuất hiện trong khung cửa, nghiêng mình chào:

- Chào tân Tri Huyện!

Tôi lật đặt ngai dậy hỏi:

- Sao? Tôi đậu hả anh tư, anh Thụy? (Tôi gọi anh Pháp bằng anh tư).

Anh Pháp giờ ngón tay trở lên, mỉm cười... Hai anh lại mua một con vịt quay, một chai rượu chát đãi tôi.

Hỏi tôi đi thi, má tôi cho tôi 15 đồng, nói: “Con rán mà xài nhín nhút, tiền này má dành dụm mấy tháng nay...”

Tôi mua chiếc vé xe lửa khứ hồi hạng ba Tân An Sài Gòn hết 1 \$ 47. Anh Pháp, anh Thụy cho tôi ở trọ ăn uống, từ ngày 23 đến 29 là ngày tôi già từ, mà không nhận một xu nào cả. Tôi ra nhà sách Albert Portail (hiện nay là Xuân Thu), mua mấy cuốn sách hết năm đồng, xài lật vật xe pháo mấy đồng, còn đem về cho má tôi năm đồng.

Năm sau, tôi được nghe một ông Tú đậu Huyện với 15.000 đồng và, năm kế đó, một ông ký tốn 30 ghim để lãnh chức Huyện hạng ba, hưởng số lương trên trăm bạc!

Kết quả kỳ tôi thi, ba Tú tài thi đậu: Nguyễn Thi Giỏi, Trần Văn Khuê với tôi.

Năm người thơ ký đậu: Phạm Văn Càng, Lê Văn Ngọc, Cao Văn Sự, Nguyễn Viết Liêm với Trần Văn Chi, tức Kỳ.

Đêm trước ngày tôi về, má tôi chiêm bao thấy người ta khiên vô nhà một cái quan tài, má tôi bàn tôi thi đỗ.

Đồng bào đa sự ở Tân An đồn rùm lên: “Cô giáo Giỏi thi đậu Huyện, giỏi quá ta!”

Trường nữ tiểu học Tân An có cô giáo Nguyễn Thị Giỏi. Người ta lầm ông Tú Nguyễn Thị Giỏi với cô giáo Nguyễn Thị Giỏi. Cô này nghe vậy mỉm cười, không biết cô có hình dung ông tân Tri Huyện Giỏi là người thế nào chẳng?

Đây, bạn đọc có thấy không? Tôi tính già đồ hột!

Như trên tôi đã nói, hồi năm 1924, tôi tính mình đậu Tú tài I năm ấy, năm sau 1925 đậu Tú tài II, hy vọng được tuyển dụng làm Tham tá thì đã có lương rồi, thay vì học Sư phạm ngoài Hà Nội đến 1927 mới về, thế là có phải mình lờ được hai năm không?

Nhưng, tôi đã “bán da gấu...”

Năm 1924, rớt vấn đáp, chờ thi lại năm 1925, hết một năm.

Năm 1925-26, học Triết, là hai năm.

Năm 1926-27, lại phải một năm chờ đợi nữa, hết một năm mới thi Huyện đầu năm 1928 được bổ dụng.

Thành thử tôi phải mất ba năm rưỡi mới có công việc làm; lại với chức Huyện tập sự, lương tháng chỉ có 106, chẳng bằng mấy bạn tôi như Dương Tấn Cảnh, Phạm Trường Xuân, Nguyễn Văn Tâm... đi Sư phạm năm 1924, đến 1927, đúng ba năm là về, lại hưởng số lương 120 bạc.

Có phải vì Định mạng xô đẩy mà tôi mắc vào vòng cương tỏa hành chánh hơn ba mươi năm trời chẳng, chịu biết bao cay đắng với những quan cai trị thực dân hống hách, thích nịnh hót, và những

bạn đồng nghiệp chuyên nịnh hót quan trên, thích hối lộ, những cường hào ác bá mua lòng Chủ tỉnh, Thống đốc, Toàn Quyền mà hà hiếp lê dân!

Biết đâu chừng, nếu được dạy trung học, tôi sẽ sung sướng giỏi mài tâm trí trẻ em và trau luyện văn chương sự nghiệp.

Nhưng thôi, tiếc làm gì, trên thế giới có chi là tồn tại, dầu làm Huyện, Phủ, Bác sĩ, Kỹ sư, thợ mộc, thợ rèn, chèo đò, quét chợ, mà mình giữ tấm lòng trong sạch thanh cao, đừng nghĩ ác, nói ác, làm ác, và thi hành đúng đắn cái phận sự làm người, không kiêu căng, không hèn nhát, giá trị con người là ở chỗ đó.

Dinh hiệp lý (1928-32)

Tòa sáu

Tôi nhập tịch làng cạo giấy do nghị định ngày 1-1-1928, bổ nhiệm tôi làm Huyện tập sự (Huyện stagiaire) và bắt đầu nhận việc ngày 4 tháng 2, năm 1928.

Mấy ông ký mới đầu Huyện được bổ dụng Huyện hạng ba và trước ở tỉnh nào thì nay ở tỉnh đó, còn hạng chơn ướn chơn ráo như chúng tôi là cho vào “Bureaux du Gouvernement”, lúc trước gọi là “Dinh Thượng thư”, sau kêu là “Dinh Hiệp lý”. Dinh này hiện nay nhường chỗ cho Bộ Kinh tế Việt Nam Cộng Hòa.

Dinh Hiệp lý do một viên quan Cai trị hạng nhứt hay hạng nhì điều khiển, danh là “Directeur

des Bureaux”, hỏi đó gọi là ông Thượng, đúng lý phải được gọi là “Giám đốc văn phòng”.

Phụ tá ông có hai quan cai trị đảm nhiệm chức vụ Chánh sự vụ Hành chánh và Tài chánh (Chefs des Services Administratifs et Financiers). Dinh Hiệp lý chia ra làm sáu phòng” (bureau) hay “Tòa”. Tôi với anh Trần Văn Khuê được bổ vào Tòa sáu, Nguyễn Thi Giỏi ở Tòa ba.

Tòa sáu hay về thuế vụ, lập những sắc thuế mới, xét đơn khiếu nại vì chịu thuế quá nặng, hay bị đánh một số thuế đúng lý không phải chịu, hoặc xin miễn hay giảm thuế vì những trường hợp thất mùa, nhà cháy, gia từ sa sút...

Đồng nghiệp chúng tôi ở Tòa sáu có ông phán Nguyễn Văn Phái. Hỏi đó, “secrétaire principal” được gọi là “thông phán” “ông phán”, đúng lý phải kêu là Thơ ký thượng hạng, nhưng tục gọi là “ông phán” đã quen.

Ông phán Phái ở Gia Định, mỗi ngày đi xe điện ra, xuống ga Taberd, bên hông trường Taberd hiện thời, đường Paul Blanchy, nay là Hai Bà Trưng. Ông đảm nhiệm việc kiểm soát bộ thuế các tỉnh mới làm gọi lên và trình cho ông đầu phòng Tòa sáu thừa ủy nhiệm Thống đốc Nam Kỳ phê chuẩn.

Ông viết Pháp văn khá, lại giỏi Hán văn. Thịnh thoảng ông biểu diễn chúng tôi xem cảnh anh pháo thủ đảng cựu châm ngòi súng đại bác xưa và đọc bài thiệu nghe tức cười nôn ruột. Ông bảo rằng chữ caoutchouc (cao su), ông không thể nào viết trật

được, vì ông đọc nhu thế này: ca-út-súc và đọc sao thì viết vậy. Phương pháp cũng hay!

Thứ đến là ông Huyện Hiệp, Huyện danh dự (honoraire), lúc ấy gọi là Huyện hàm. Ông này cũng là thơ ký thượng hạng, ăn mặc chải chuốt, bận áo cặp, trong áo trắng dài, ngoài áo xuyên, bịt khăn đen.

Ông ở Bình Tây, mỗi ngày cũng đi xe điện tới. Bảy giờ vô sở, ông Huyện Hiệp cởi áo xuyên máng lên giá áo, lột chiếc khăn đóng móc lên, rồi làm việc. Gần mười một giờ, ông bịt khăn, bận áo.

Ông Huyện Hiệp hay lắm! Ông đầu phòng cần dùng một nghị định gì, ở sở nào, xưa bao lâu, ông kiểm cũng ra.

Ông nói chuyện có duyên, ông thuật rằng hồi ông giúp việc văn phòng Thống đốc, có ông Đốc phủ sứ làm Chánh văn phòng (Chef de Cabinet).

Chiều ngày 31 tháng 12, quan lớn ngài dặt tất cả Phủ, Huyện, thơ ký trong văn phòng lên “mừng tuổi” Thống đốc.

Quan Nam nhường cho quan Pháp chúc trước, mới đến phiên mình; đàn em yêu cầu “đại ca” đừng lạy thượng quan như năm rồi nữa, vì nếu anh lạy thì các em phải lạy, mà anh thì khăn đóng áo dài, quần hàng trắng, làm lễ dễ dàng, còn đàn em thì âu phục, cái quần mới ủi, lằn xếp ben ngót, lạy rất khó khăn.

Ông Đốc phủ nhà ta ừ ịet tử tế; thế mà, sau khi thốt vài lời chúc phước chúc thọ Thống đốc xong, quan ngài liền “cuốc” hai cuốc.

Đàn em đứng sau lưng anh không thể dùng được, cũng phải cuốc theo, song vì quần áo chật chội nên té đùn cục với nhau, ông nẩy đề lên ông kia, làm cho quan Thống đốc là người nghiêm nghị cũng phải cắn môi nhịn cười:

Sau cuộc, mấy ông mấy thầy phàn nàn “quan lớn” dữ quá!

Thuở ấy, công chức làm việc sớm mai từ bảy giờ rưỡi tới mười một giờ, chiều từ hai giờ rưỡi tới năm giờ, chiều thứ bảy nghỉ.

Chúng tôi làm việc dưới quyền ông Arnaud, chức “Chef de bureau” như ngạch Giám sự mấy năm trước đây. Anh ta độ bốn mươi tuổi, lùn xùn, hơi khùng khùng, nhân viên Dinh Hiệp Lý gọi ông ta là “Sáu Lùn”.

Không biết học lực ông tới đâu mà tôi với anh Khuê viết ông sửa bậy, còn văn thơ ông thảo bị ông Louis Berland (sau làm chủ tỉnh Gia Định), lúc ấy là Chánh sự vụ Tài chánh, sử nát hết, đưa xuống đánh máy, trình lên, lại bị sửa nữa, đưa lên trả xuống hai ba lần như vậy, Berland mới trình cho ông Thượng ký gởi đi.

Arnaud tánh hay cần nhần, ông phán Phải, ông Huyện Hiệp làm việc đã lâu năm, bị Tây chủ rầy quở đã chai rồi, nên Arnaud có rầy nữa cũng chẳng thua gì, còn anh Khuê với tôi đầu xanh tuổi trẻ, máu nóng tánh hăng, nên mỗi bữa chúng tôi cự ông ta ít lắm cũng một lần.

Những hồ sơ khiếu nại về thuế vụ chưa giải quyết từ hồi ông Hồ Quang Hoài đảm nhiệm việc đó cho tới khi chúng tôi vô chất đồng trên kệ hàng mấy trăm cái!

Một bữa, anh Khuê bắc ghế đứng lên ôm hồ sơ xuống, loay hoay thế nào mà hồ sơ đổ tuôn xuống đất lập đập như trời mưa.

Arnaud trong phòng chạy ra, đứng chống nạnh la lên: “Được rồi, được rồi, tuôn xuống đất hết đi!” (Ça y est, ça y est, foutez tout par terre!)

Chúng tôi tức cười, tôi với chú Ni, thơ ký đánh máy, chú Khiết, tùy phái, phụ với anh Khuê sắp lại tử tế, cho vào mấy kệ.

Tôi thật là ngây thơ trong nghề: một buổi mai, tôi làm xong công việc Sáu Lùn giao phó. Mãn giờ, ra sở, tôi nói với anh Khuê: “Không biết chiều nay có gì làm không?”

Anh Trần Văn Chi, cựu bạn học tôi, đồng làm Tòa nhứt với anh Pháp, anh Thụy, nghe tôi nói ảnh cười: “Thằng Đào nó sợ chiều nay hết đồ làm! Công việc hành chánh là hàng năm, bao giờ cho hết, nếu hết thì chúng mình thất nghiệp từ lâu rồi!

Lúc bấy giờ, Đô thành Sài Gòn Chợ Lớn còn chia làm hai Thị xã: Xã Tây Sài Gòn và Xã Tây Chợ Lớn.

Tòa Tỉnh trưởng Chợ Lớn cũng nằm trong địa phận thành phố Chợ Lớn. Phần thuế vụ Sài Gòn do một kiểm soát viên thuế trực thu (Contrôleur des Contributions directes) ngạch Pháp quốc đảm

nhiệm; ông tên là Coupas, đẹp người, mặt no tròn, tánh điềm đạm.

Thành phố Chợ Lớn, ông Kiểm soát viên tên Tauzia, hình như là người Corse, cũng vui vẻ, rất “bỏ” với ba Tàu.

Bộ thuế phê chuẩn rồi, giấy báo nộp thuế được gửi đến tay người chịu thuế, đương sự phải đóng tất; trong trường hợp khiếu nại, họ được một thời hạn hai tháng từ ngày bộ thuế bắt đầu thu (mis en recouvrement) để khiếu nại nơi Tòa án hành chánh (Conseil du Contentieux) và sau đó là Tham chánh viện (Conseil d’Etat).

Hai trường hợp khiếu nại:

- một là người bị đánh thuế cho rằng mình chịu thuế oan, bất hợp pháp (indument imposé)

- hai là nhận mình bị đánh thuế song quá nặng.

Trường hợp thứ nhất, người khiếu nại xin không đóng chi cả (réclamation en décharge); trường hợp thứ nhì, xin giảm thuế (réclamation en réduction).

Tòa sáu lập hồ sơ chuyển qua Kiểm soát viên nếu là ở Chợ Lớn Sài Gòn, hoặc cho Chủ tỉnh để điều tra và cho ý kiến.

Xong, chúng tôi làm phúc trình lên Tòa án Hành chánh. Nếu không thuận cho chuẩn giám thì mời đương sự đến xem hồ sơ, để họ nạp đơn biện hộ (mémoire de défense). Đơn này lại được gửi cho Kiểm soát viên hay Chủ tỉnh lấy ý kiến họ lần thứ nhì. Tòa sáu thảo phúc trình lần nữa (mémoire en

réplique) rồi mới chuyển hồ sơ lên văn phòng Tòa án hành chánh.

Nếu Tòa nầy xử cho người khiếu nại được miễn trọn số thuế hay giảm một phần, chúng tôi sẽ làm ngân phiếu trả tiền (mandat de paiement) để đương sự thọ hưởng.

Lại có trường hợp người đóng thuế bị những biến cố như cháy nhà, cháy cửa hàng, trộm cướp, bảo lụt, hạn hán, mùa màng thất bát... họ đệ đơn lên Thống đốc xin ân miễn trọn số thuế (remise d'impôt) hay ân giảm một phần (modération d'impôt).

Trong trường hợp nầy, đương sự được một thời hạn là một tháng từ ngày biến cố xảy ra đăng xin miễn giảm. Chúng tôi cũng hỏi ý kiến hoặc Kiểm soát viên, hoặc Chủ tỉnh, song một lần thôi, rồi trình hồ sơ lên Thống đốc quyết định giữa “Hội nghị tư” (Conseil Privé).

Sáu Lùn được truyền chuyển xuống Tàn An làm phó cho ông Petit. Một Kiểm soát viên, ông Pierre Nadal, qua thay thế Arnaud. Sáu Lùn hay nói hay rầy bao nhiêu, thì Nadal trầm lặng, ôn hòa bấy nhiêu. Ông có bằng Cử nhân toán pháp, thích đánh banh vợt. Ông thường bàn với tôi và anh Khuê về Coupe Davis”, thành tích mấy tuyển thủ nước Pháp: Cochet, Brugnon, Borotra và Lacoste, gọi là “Bốn anh Ngự lâm Pháo thủ” (Les quatre mousquetaires), tương tự bốn anh ngự lâm pháo thủ: D’Artagnan,

Athos, Porthos và Aramis trong quyển tiểu thuyết hấp dẫn của văn hào Alexandre Dumas.

Xem tạp chí “Miroir des Sports” xong, Nadal, tặng tôi với anh Khuê, và chúng tôi thích thú đọc bài phóng sự hấp dẫn về quần vợt của Jean Samazeuilh.

Lúc bấy giờ, anh em công chức trong Dinh Hiệp lý lập một hội thể thao mang cái tên Pháp dài lượt thuật “Association Sportive des Fonctionnaires des Bureaux du Gouvernement” tạm dịch là “Hội thể thao công chức Dinh Hiệp lý”, họ bầu tôi làm Hội trưởng.

Nghe nói mấy năm sau, anh em hội viên đổi cái tên ấy là: “Gouvernement Tennis club” (Hội quần vợt Dinh Hiệp lý).

Tôi xin ông Berland yêu cầu Trường tiền sửa cái sân quần vợt bên hông Dinh Hiệp lý, rồi chiều hôm giờ làm việc là chúng tôi xách vợt ra sân.

Chiều thứ bảy và trọn ngày chúa nhật, trên sân quần vợt chúng tôi đông đủ khách mộ điệu.

Ngày khánh thành chiếc sân là ngày 11 tháng 5 năm 1929, trời mưa lai rai, Bùi Hữu Tung so tài cùng Nguyễn Văn Quý.

Quý đánh đẹp mắt, có nhiều cú hay, song Tung đánh đều (régulier), đứng cuối sân bắt banh đưa lên tất cả, thắng Quý 5/3. Đến đây, trời mưa ào ào, ngưng cuộc.

Một buổi mai chúa nhật, Tung mời Võ Văn Ban, chủ một hiệu bán dụng cụ thể thao ở đường Sabo-

urain (Tạ Thu Thâu), đến lượt cùng Lương Đăng Đệ là một cây vợt có hạng của chúng tôi, theo ý Tung, cho Đệ quen những trận đánh lớn. Ban thắng Đệ hai ván 6/3 và 6/4.

Lại một buổi sớm mai, vào văn phòng vừa cởi áo ngoài ra, tôi bỗng thấy một anh thợ kỹ đến quyền tiền phúng điệu anh Lâm Tú mới từ trần đêm hồi hôm.

Trời! Anh Lâm Tú chết! Một thanh niên đầy sức khỏe, mới thắng tôi hai ván oanh liệt chiều hôm qua, mà sáng nay đã ra người thiên cổ! Con người có thể chết dễ dàng như con sâu, cái kiến sao? Hỏi ra thì đêm hồi hôm, anh bị trúng thực, tội nghiệp thay!

Ngoài những chuyện buồn trong làng quần vợt như thế, cũng có những chuyện vui nho nhỏ. Thường thì sớm mai, từ sáu tới bảy giờ, trên sân quần vợt, ít khi vắng bóng tôi với anh Huyện Phương. Anh ấy hiền từ, siêng đánh banh như siêng làm việc, song anh đánh banh không mấy giỏi, và anh thi Huyện rớt hoài nên Chánh Phủ ban cho anh chức “Huyện hàm”. Anh lùn, mập, mau mệt. Ngày nào như bữa nấy, tôi thua anh luôn bốn bàn (jeu), nhưng trong mỗi bàn, tôi cho anh chạy cẩn thận, đến jeu thứ tư, anh thở hào hển, tôi mới lên một vợt sáu jeux mà thắng anh 6/4. Anh em đồng cười rồi về.

Đầu năm 1929, tôi nghỉ phép thường niên hai mươi chín ngày để kết hôn. Chúng tôi vô làm việc

lại thì anh Khuê đau gan, nằm Bệnh viện Đồn Đất (Hôpital Grall) hết 21 ngày.

Nhắc lại, hồi tôi được bổ dụng Huyện tập sự, lương bổng hàng niên chỉ có 100\$; mỗi tháng, chưa trừ hưu liễm, lãnh 91 đồng, cộng với phụ cấp địa phương (indemnité de zone) 15\$, được 106\$. Bây giờ có vợ, hưởng thêm phụ cấp gia đình 15\$, tổng cộng 121\$. Tiền nhà, tiền chợ, tiền công đưa ở, đèn nước, xe pháo, thuốc men, châu cấp gia đình, y phục, nguyệt liễm hội thể thao, thì sạch tay, không dư một đồng nào. Một công chức “cao cấp”, mới ra ở đời, lâm vào cảnh đó!

Năm ấy, thượng cấp giao cho Tòa sáu thảo dự án lập ra sáu bảy thứ thuế mới.

Tháng mười, nhóm họp Conseil Colonial, lúc trước gọi là “Hội đồng quản hạt”, đáng lẽ gọi là “Hội đồng thuộc địa” mới phải, còn Conseil Provincial thì kêu là “Hội đồng địa hạt”, hiện nay gọi là “Hội đồng hàng tỉnh” rất đúng.

Phiên nhóm xét mấy dự án ấy, ông Prévost là Directeur des Bureaux chủ tọa. Nghị viên Pháp Nam nài cho được sự hiện diện của Thống đốc Nam Kỳ là Blanchard de la Brosse, đảng họ chất vấn.

Trong các phiên xét dự án thuế mới, mấy ông Nghị người Nam, bác sĩ Trần Văn Đôn, bác sĩ Trần Như Lân, các ông Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Lê Quang Liêm tức Bảy, Trương Văn Bền... phản đối kịch liệt. Rốt cuộc, mấy dự án này đều chìm.

Vài ba tuần, chúng tôi về thăm song thân tôi ở Tân An một lần. Anh tôi, giáo viên trường tỉnh Tân An, nói rằng anh thơ ký Nguyễn Phú Hải đảm nhiệm công nho làng, có chuyện học hặc với ông chủ tỉnh Petit và muốn hoán đổi với tôi, tôi về Tân An, anh lên Sài Gòn.

Nguyên do bất hòa là một bữa kia, Petit truyền Hải trình một hồ sơ cho lão xem. Lão không bằng lòng sao đó nên ném xuống đất, giấy tờ đổ tung. Hải thản nhiên về chỗ ngồi, không thêm lượm.

Chẳng biết thật sự anh Hải có cái thái độ đó hay không, nếu quả thật như vậy, tôi vỗ tay tán thưởng anh...

Tôi đã ngăn cái quạu quọ của Sáu Lùn Arnaud rồi, bây giờ tôi nghe nói mà ghê cái phách của Petit nữa, vả lại anh Huyện Lê Quang Hộ làm việc với nó bảy tám giờ tối nó mới cho về, sáu năm chưa lên Phủ hạng ba... Nên tôi từ khước.

Cuối năm 1929, tôi sanh một gái đầu lòng, và đầu năm 1930, Khuê, Giỏi với tôi được thực thụ Huyện hạng nhì.

Nadal phê điểm anh Khuê với tôi thật là tốt, đại khái như: "... Công chức trẻ tuổi, học thức khá cao, phục vụ đã sốt sắng lại cố tìm hiểu để trau dồi khả năng...

Thật ra, tôi với anh Khuê cũng tận tâm làm việc,

một công việc không khó khăn gì, chúng tôi lại còn “bỏ” với Nadal về quần vợt.

Trong đời tôi có hai thời kỳ sung sướng, là học với ông Georges Mignon hồi lớp Triết và làm việc với ông Nadal.

Ngoài việc nghiên cứu hồ sơ và thảo văn thư cho các Chủ tỉnh, các Sở và tư nhân về thuế vụ mà mình phải viết lối văn hành chánh văn tắt và rõ ràng, còn phức trình về việc chuẩn miễn thuế vụ thì ông Nadal bảo chúng tôi cứ “cóp” ý kiến Tỉnh trưởng hoặc hai ông kiểm soát viên Sài Gòn Chợ Lớn là đủ, khỏi cần viết cách khác làm chi.

Cho nên, khi kia, anh Huyện Thái Minh Phát tung sự văn phòng Thống đốc gặp tụi tôi, ảnh chế giễu: “Đọc văn hai anh thét rồi tôi thuộc lòng!

Chúng tôi cười đồ thẹn, đổ cho Nadal:

- Tại xừ Nadal bảo làm vậy đó đã!

Cuối năm, Tòa sáu thảo một phúc trình chung, đính theo tất cả hồ sơ do Tỉnh và Kiểm soát viên gọi đến, về những số thuế thất thu (cotes irrécouvrables) và thuế đánh bất hợp pháp (cotes indûment imposées), hoặc trình lên Thống đốc, hoặc trình cho Tòa án hành chánh chấp nhận thất thu.

Khi thì anh Khuê, khi thì tôi, ôm một cái cật-tông to tướng đựng mấy trăm hồ sơ với tờ phúc trình đem lên Cờ mi Lung, Tổng thư ký Tòa án hành chánh, để ông xem trước. Ông ấy thông minh, giỏi Pháp văn, song hách với em út lắm. Gặp sơ sót chút

đỉnh, ông bắt mang về làm lại. Sửa đổi hai ba lần, ông mới chịu nhận cho.

Mấy ông đầu phòng

Đồng nghiệp của Nadal, có Leclerc, đầu phòng Tòa tư, hay về Công nho thôn xã Nam Kỳ, và Công nho các Tỉnh.

Có thể nói rằng một phần lớn đời công chức ông, ông chỉ phục vụ Chánh phủ thuộc địa ở Tòa tư mà thôi.

Sau mỗi thời gian ba năm giúp việc, công chức người Pháp được nghỉ sáu tháng ở quê nhà, quan cai trị (Administrateur des Services civils) đi tàu thủy phòng hạng nhứt còn hạng đầu phòng (Chef de bureau) thì ở phòng hạng nhì.

Kể hành trình một tháng đi tàu về Pháp và một tháng trở lại thuộc địa thì họ nghỉ tám tháng, còn công chức người Việt Nam, theo nguyên tắc, mỗi năm được nghỉ 30 ngày.

Nhắc lại Leclerc, trước khi đi nghỉ phép, ông ta năn nỉ, van xin ông Thượng để dành cái Tòa tư cho ông ta mà thôi, và trước khi qua Nam, ông đánh điện tín xin được xác nhận tái bổ nhiệm ở Tòa tư.

Cho nên, trong thời gian Leclerc về Pháp, đầu phòng nào thay thế ông ta chỉ là “quyền đầu phòng” (Chef de bureau intérimaire) hay “Xử lý thường vụ” (Chargé de l'expédition des affaires courantes).

- Tòa nhứt hay về việc Hành chánh đại cương,

những việc tuyển cử, lập nhà máy, lưu thông đường bộ, đường thủy, học bổng, dưỡng bệnh thí...

Đầu phòng là Duludais, nhân viên kêu là “thằng Đéc”, mặt xương xương, đôi chơn mày giao nhau làm một, nhỏ mọn có tiếng, anh Nguyễn Minh Pháp “thích” nó vô cùng!

Ông chủ Tòa nhì, tòa đảm nhiệm Ngân sách Nam Kỳ, là Fricquegnon, tục danh là “Kỳ nhông”, hoặc là “anh lái ngựa” (maquignon) không tài cán song hay “làm tàn”, có bữa cần rần anh Dương Tấn Tài là trưởng ban I sao không biết mà anh này, thường là người điềm tĩnh, anh phát cáu, cự ông: “Phải nhúng tay vào việc mới biết khó dễ thế nào, chỉ có kẻ không làm gì hết mới không biết khó!”

Mấy ông Thượng Renault, rồi Prévost, kế Berland đều công nhận Ngân sách Nam Kỳ chỉ một tay anh Dương Tấn Tài làm hết.

Mỗi năm, Thanh tra Tài chánh bên Pháp qua thanh tra một lần, và lần nào “Kỳ nhông” ta cũng lẩn tránh, hoặc dưỡng bệnh hoặc nghỉ phép, để anh Dương Tấn Tài đứng mũi chịu sào, đối đáp với ông thanh tra. Có lần ông này phê: “Ông Dương Tấn Tài là một nhà tài chánh giỏi” (M. Dương Tấn Tài est un grand financier).

Trưởng ban II là một người Pháp tên Gauthier. Văn phòng anh khít vách Tòa sáu chúng tôi, day mặt ra đường La Grandière (Gia Long).

Vì lý do tiết kiệm, ban II Tòa II với Tòa sáu chỉ dùng chung một tùy phái, anh Châu Đại Khiết.

Anh này lười kinh khủng, cả ngày xách xe đi hoài, không biết anh đi đâu; hể sai anh đem một vài công văn là anh “tàng hình” suốt buổi, chúng tôi bực mình; thế mà Nadal không rầy một tiếng. Phục cho cái tánh “phớt tỉnh” (flegmatique) của Nadal!

Gauthier ra ngoài tìm Khiết, Khiết vắng mặt, anh chờ năm phút, mười phút, nổi dóa kêu ông quản xếp (planton chef) trên lầu xuống mắng vốn cho một hồi. Bỗng Khiết xọt xọt ở đầu về, Gauthier bót giặt, móc túi lấy tiền bảo Khiết mua cho vài cái bánh!

Trưởng ban III là Chevalier, người Mạc-ti-nít, tử tế, không có gì đáng phê bình. Ban này coi về việc đấu thầu, cung cấp thực phẩm cho các bệnh viện, khám lớn Sài Gòn, trường học. Và năm nào cũng có xẩm lai, con bà Trần Kim Lý, được thầu luôn. Cô này có bộ đi cái hông hách qua hách lại, thơ ký Tòa II gọi là cô “chơi brutal” (theo điệu tức cầu: đá lỗ mông).

- Tòa III đảm nhiệm việc cấp giấy phép thông hành (tàu thủy...) đầu phòng là ông Balencie, nhân viên gọi ông là “Bá loạn xị, hiền hậu, song mang tật to là nói điện thoại lớn lắm. Mỗi khi ông điện đàm, từ làng trên đến xóm dưới nghe lồng lộng.

- Chủ Tòa tư là Leclerc, tôi đã nói rồi.

- Ông chủ Tòa năm, hay về khai khẩn đất hoang, hầm mỏ... là Monvoisin, ngạch “Administrateur Adjoint”, tạm dịch là Phó chủ tỉnh, còn trẻ bần, nhưng lại là một tay xảo quyết nhứt đời! Dưới quyền anh có ông phán Thế, Huỳnh Định Thế, vui

tính lãnh công văn đến, gởi công văn đi, và mua, phát đồ văn phòng giấy viết cho nhân viên.

Tòa năm cũng khít vách Tòa sáu, phía bên mặt. Công việc xong, ông Thế hay qua bên chúng tôi tán gẫu, Nadal không nói gì. Song khi ông Thế ra về, gặp Monvoisin ngoài cửa: “Ông Thế, Monvoisin nói, tôi thấy ông đi chơi luôn; ông không có gì làm hết sao?” (M. Thế, je vous vois toujours vous promener; vous n’avez donc rien à faire?)

Viết thiên hồi ký này, tôi xin chép đối thoại giữa quan Pháp và quan Việt thêm Pháp ngữ cho vui, cho rõ cái tánh tình người Pháp, vì có khi mình dịch ra Việt ngữ, mất cái “mùi bưa sữa phó mách” ấy đi!

Ông Thế không mất bình tĩnh, tức thì ăn miếng trả miếng: “Có chớ, thưa ông, tôi có chút đỉnh việc làm, những công việc tôi làm xong, tôi đi chơi được chứ, phải không ông? Ông muốn tôi quét sân sao?” (Si, M. l’Administrateur, j’ai quelque chose à faire, mais mon travail fini, je peux me promener, n’est-ce pas? Vous voulez que je Ba Laie la cour, vous?)

Ông mất mấy Cái Răng, miệng ông móm xồm, nên ông nói tiếng Pháp tức cười lắm, nhứt là ông kéo dài cái chữ “balaye” thành ba-lai-dơ. Chúng tôi ôm bụng cười, Nadal mỉm cười, Monvoisin cũng... guợng cười. Song suốt hai năm ông Thế làm với Monvoisin, ông không được quan chủ đề nghị thăng thưởng lần nào!

Nhắc lại mỗi phiên nhóm Hội đồng quản hạt,

đầu phòng nào có hồ sơ trình Hội đồng, được dự thính ngoài hành lang, như Tòa sáu trình dự án về thuế vụ chẳng hạn.

Tôi lãnh phần đánh máy quyết nghị của Hội đồng; mà tôi có biết đánh máy đâu, tôi nhờ thầy Phát, thợ ký đánh máy của Tòa sáu, phụ tôi.

Thường, Hội đồng nhóm vào lối tháng mười, mỗi chiều vào khoảng năm giờ, nhóm đến bảy tám giờ mới mãn. Mỗi buổi nhóm như vậy, nhân viên phụ tá đánh máy đánh năm sáu cái quyết nghị khi dài khi ngắn, và đánh làm bảy bốn.

Thầy Phát đánh giỏi, ít phút nập xong, còn tôi với các bạn đồng nghiệp Tòa khác thì ngồi chơi, uống la ve, nước ngọt.

Hội đồng bế mạc vào tháng 12. Ông Thượng ký quyết định cấp thù lao, mỗi đầu phòng 400\$, Phủ, Huyện phụ tá, ông thì 180\$, ông 150\$ tùy chức tước, tủy phái 15, 20 đồng.

Nói về việc “chạy mandat” thì Châu Đại Khiết nhà ta số I. Ông Berland ký quyết định đưa xuống hồi tám giờ. Tòa II làm ngân phiếu. Khiết ôm chạy đến Nha Kiểm soát Tài chánh (Contrôle financier) sau này gọi là “Kiểm soát ước chi” (Contrôle des dépenses engagées) lấy kiểm nhận, đem về ông đầu phòng Tòa II ký tên. Khiết chạy xuống Ngân khố kiểm nhận. Trờ về. Phát ngân viên Tòa II đi lãnh, mười giờ rưỡi phát tiền.

Thế là nhờ Khiết cầm tay chạy tới chạy lui, lấy chữ ký và kiểm nhận mà nội một buổi sớm mai là

xong, chớ nếu theo thủ tục thường lệ chưa chắc một tuần mà được. Là vì có thù lao của Khiết 15 đồng trong đó, nghĩ cũng tội nghiệp cho người nghèo. Lương của Khiết chỉ có hơn vài chục mà thôi.

Tôi lãnh được trăm rưỡi, chia cho thầy Phát 50.

Toàn quyền Pasquier bên Pháp qua, cũng đi bằng tàu thủy ở phòng hạng sang (cabine de luxe).

Tàu tới đậu dưới mé sông Sài Gòn chỗ “một mình”, pho tượng Rigault de Genouilly, nay là tượng Ngài Trần Hưng Đạo.

Suốt đường Catinat (Tự Do), đến Nhà thờ Đức Bà (Vương Cung Thánh đường), vòng ra Norodom (Đại lộ Thống Nhất) đến Dinh Toàn quyền (Dinh Độc lập), trường tiền rải cát cho đoàn kỵ mã rước Toàn quyền chạy khỏi bị trượt.

Năm giờ chiều, tàu cập bến, chúng tôi đã lên Tòa tư, đứng trên lầu trông xuống về phía bến tàu. Cảnh sát thủ ma trắc, biện tây, biện chà, phú lịch ta, đứng hai bên đường day mặt vô các cửa tiệm. Xe cộ cấm chạy và đậu trên đường Catinat: nguyên thủ Đông Dương đi mà lì!

Từ xe, chúng tôi nghe tiếng vó ngựa rộp rộp càng phút càng gần. Đoàn kỵ mã độ năm mươi người chạy hai bên, giữa là chiếc xe Hotchkiss mui trần lăn từ từ, trên xe Toàn quyền Pasquier ngồi với Thống đốc Nam Kỳ.

Pasquier mặc đồ nỉ đen, nút khuy vàng, đội mũ song giác, viền lông bạc. Với chòm râu phát pho,

Pasquier cũng oai nghi ra phết! Lão là một nhà văn hữu hạng, viết mấy quyển sách về Việt Nam.

Người ta đồn lão là nhà chánh trị giỏi, Nguyễn Phan Long tặng lão cái biệt danh là “anh Phocéén xảo quyết” (l’astucieux Phocéén) (Phocéén là dân thành Phocée ở Tiểu Á Tế Á, Asie mineur. Thành Marseille do dân Phocéén lập ra. Có lẽ Pasquier là người Marseillais, nên ông Long mới gọi lão ta là ‘Phocéén xảo quyết’). Mà thiệt, lão cai trị Việt Nam, có hại chớ có lợi gì cho ta!

Nơi đây, tôi xin mở một dấu ngoặc, thuật một chuyện về Pasquier, giúp vui độc giả. Năm 1933, tôi từng sự Sở Mật thám phòng phiên dịch (Bureau des traductions). Trong sở, có ông quản Lòng, vui tính. Một hôm, ông thuật rằng:

“Năm nọ, Toàn quyền Pasquier vô Sài Gòn. Bữa trưa kia, vào khoảng một giờ, ông mặc một bộ đồ bố trắng, sơ mi bầu lặt, đi bộ ra cửa. Lúc ấy, tôi với năm ba anh em công an, cảnh sát gác nơi đây. Quan ngài kêu xe kéo, bước lên. Anh em chúng tôi tức tốc đạp xe chạy theo. Các ông đoán thử ngài đi đâu? Ngài vô xóm b-i-n-h k-h-a-n-g!”

Chúng tôi tiu ngiu, đứng ngoài xa chờ ngài tính xong ‘công việc trị an’, rồi hộ tống ngài về.

Pasquier sau chết về tai nạn phi cơ với sáu viên quan cao cấp Pháp, trong đó có Delibes, Chủ tỉnh Mỹ Tho, ứng với câu sấm Trạng Trình (hay Cao Đài?):

“Lửa đầu mà đốt ‘tám gà’ trên mây”

‘Tám gà’ là nôm của ‘bát kê’, mà ‘bát kê’ tức âm giọng tên Pasquier vậy. Người ta bàn đó là ‘quả’ của ‘nhân’ ác do Pasquier tạo ra, là toan đào lăng vua Nguyễn để tóm râu châu báu ngọc ngà.

Đây xin nói lại hồi năm 1929, Thống đốc Blanchard de la Brosse về Pháp, ông Krautheimer thay thế. Ông nẩy cao lớn giềnh giàng, ăn mặc đơn sơ, đội nón mành cầu lợp vải kaki, tánh tình điềm đạm, kiệm ước. Không biết ông đối xử với nhân viên Phủ Thống đốc thế nào mà họ tặng ông cái biệt danh là “Khổ thấy mẹ”!

Tục truyền bữa ăn chiều, bồi bếp dọn cho ông một con gà quay. Ông xoi phân nửa, còn phân nửa ông bỏn thân bung xuống cát trong tủ đồ ăn, dặn gia nhân hôm sau đem lên cho ông.

Ông thường xách gậy đi bộ ngoài Châu Thành, đáp xe điện vô Chợ Lớn uống cà phê ở hiệu “Café de la gare”, rồi đi Sài Gòn, vô Dinh Hiệp lý thăm anh em chúng tôi.

Ông hỏi: “Có ông Nadal trong văn phòng không?”

Phải chăng đây là Luật mâu thuẫn (Loi des contradictions). Ông vóc vạc cao to mà giọng nói nhỏ xíu, còn có người nhỏ bé, thấp le te mà nói năng rồn rảng?

Tôi mời ông ngồi, ông ừ, song đi qua đi lại mà không nói tới cả. Nadal ra chào, rồi hai người đứng nói chuyện nho nhỏ. Tôi nghe Thống đốc nói về

mấy cái phúc trình thuế vụ của Nadal. Ông bảo: “Thúc lại, thúc lại, thúc lại! (Condensez, condensez, condensez). Tôi không có ngày giờ nhiều, mà ông bảo tôi đọc bốn trương làm sao!”

Đoạn ông qua Tòa năm, thấy anh Huyện Nghị vóc mình nhỏ thó, cao độ thước năm, ông hỏi: “Anh bé người như vậy, khi anh làm chủ quận, làm sao người ta kính sợ anh?”

Anh Nghị trả lời ngơ ngơ:

- Thưa ngài Thống đốc, người ta kính sợ mình, không phải nhờ mình cao lớn, sức lực mạnh mẽ, mà mình làm việc đúng đắn, thanh liêm, công bình, nhân đạo, thì ai lại không kính nể.

Thống đốc gật đầu, có lẽ ông cũng suy nghĩ mà thẩm thía câu trả lời anh Huyện Nghị.

Năm 1930, 1931, nạn kinh tế khủng hoảng từ Âu Mỹ lan tràn qua Á châu. Việt Nam không tránh khỏi tại nạn tày trời ấy. Xứ mình là xứ nông nghiệp, hai nguồn lợi lớn là lúa và cao su, mà xuất cảng hai thứ đó không được, bán trong nước không ai mua, thì tiền đâu đóng thuế, kinh doanh, thương mại?

Lúa hai cắc rưỡi một giạ, nhà máy, hiệu buôn lỗ lỗ đóng cửa, phố không ai muốn, đường Sabourain (Tạ Thu Thâu) treo lủng lẳng đầy những bảng “Phố cho muốn”. Dây biệt thự đường Garcerie (Duy Tân), những cái nhỏ bán ba ngàn đồng (3.000\$) cái lớn năm ngàn. Ai có tiền mà mua!

Ông Krautheimer xuống, tựu hợp công chức

Pháp Nam nơi phòng nhóm của Hội đồng quản hạt, kêu gọi nhân viên hy sinh quyền lợi chút ít, ngõ hầu giúp Chánh Phủ qua khỏi cơn khó khăn này.

Thành thử, tôi đã thăng Huyện hạng nhì, lương hàng niên là 132\$, trừ hưu liễm rồi mỗi tháng lãnh 103, cộng với phụ cấp địa phương 15\$, phụ cấp gia đình: vợ 15\$, hai đứa con, mỗi đứa 5\$, tổng cộng là 143\$, bị Chánh Phủ giảm hết 10%, còn có 129\$!

Đờ cái là sữa đặc chỉ có một cắc rưỡi một hộp, hột gà bảy tám xu một chục, gạo 5-6 cắc một gạ, đi chợ mỗi bữa chừng sáu cắc đủ ăn, người ở ba đồng một tháng, nấu bếp 5\$, xe kéo một cắc một cuốc... Giá sanh hoạt hồi đó như vậy, so sánh với bây giờ (hột gà 200\$ một chục!) cách xa nhau biết bao nhiêu!

Anh Trần Văn Khuê đổi đi Cà Mau làm Phó chủ quận; công việc thuế vụ của Tòa sáu gia tăng, nhân viên được tăng cường, tôi lãnh thêm mấy người thợ ký trẻ tuổi: Nguyễn Văn Thiều, Nguyễn Xuân Quang, Lê Văn Dác, tức Jean Dác, Trần Văn Thọ, Huỳnh Văn Trục với ông phán Viên.

Nadal giao cho tôi chức vụ Trưởng ban (Chef de Section) song không hưởng phụ cấp, lại mua và phát đồ văn phòng cho nhân viên.

Phán Viên hay lấy “le”, khoe mình thân với ông này, ông kia, nhu thân với Brasey lúc ấy làm Directeur des Bureaux thế Berland được bổ nhiệm Chủ tỉnh Gia Định.

Viên rêu rao rằng Brasey khuyên ông ứng thi Kế toán viên (Comptable), ông thua không chuẩn bị thì làm sao mà thi cho được. Brasey hứa sẽ cho ông đậu, dầu ông có nộp những bài thi “không ra gì” (Je vous recevrai, même si vous fournissez des copies impossibles, lời Brasey nói, phán Viên thuật lại).

Mỗi lần Monlaü (Mộng huê lầu) chủ tỉnh Biên Hòa qua, ông nẩy với phán Viên thầy trò dắt nhau đi lên đi xuống trên hành lang, trước văn phòng.

Hỏi phán Viên có gì mà nói chuyện với Monlaü lâu vậy, ông đáp: “Chúng tôi có quyền lợi chung” (Nous avons des intérêts communs).

Lê Văn Dác cắt cái họ Lê cúng cơm của anh ta mà điền chữ Jean Dác, Jean Dác... tờ nẩy qua tờ kia rồi vò cục ném xuống giỏ rác...

Mua đồ văn phòng quá thường, Nadal cần nhằn tôi; lần đầu tiên, tôi cự ông ta: “Nhân viên họ xin giấy viết, gôm, tôi không lẽ từ chối. Còn muốn biết sao họ xài mau như thế, ông nên hỏi họ, như Jean Dác chẳng hạn!”

Nadal làm thinh.

Thuở bấy giờ, mỗi người dân thuộc địa Nam Kỳ (sujet français de la Cochinchine) đóng thuế thân (impôt personnel) 4,50 \$, công chức đứng bộ riêng (rôle des fonctionnaires) đóng 3\$; sau bộ nẩy bãi bỏ.

Năm 1930, Chánh phủ sửa đổi biện pháp thu thuế trên bằng cách dán lên tám giấy thuế thân một con tem 4,50 \$. Tòa sáu lãnh phần cung cấp số tem cần thiết cho các tỉnh dùng.

Thừa lệnh thượng cấp, chúng tôi gửi thông tư hỏi mấy chủ tỉnh việc dùng tem thân thuế thân như vậy lợi hại thế nào.

Tôi còn nhớ rành mạch phúc trình văn tắt hơn hết là của Vilmont, chủ tỉnh Tây Ninh, vốn vẹn có một câu: “Tôi chỉ thấy có lợi trong sự dùng con tem để đóng thuế thân”.

Phúc trình dài nhưt là của Giudicelli, tỉnh Sóc Trăng, dài bốn trương, ông cân phân lợi hại rõ ràng, tiếc vì đã quá lâu, cách nay bốn mươi năm, tôi không còn nhớ ông nói gì.

Tòa sáu lại gánh thêm trách nhiệm làm bộ thuế thân người Âu châu (Impôt personnel des Européens). Hòm nợ, một người khổng lồ vô văn phòng chúng tôi. Anh cao lớn mập mập, chúng tôi độ anh cao trên hai thước tây. Nadal cũng vạm vỡ, thể mà đứng gần anh ấy, trông như trẻ con gần kẻ người lớn. Chùng anh ra rồi, tôi hỏi Nadal người ấy là người xứ nào mà to con thế? Đáp đó là người Đức, tên Max Schauer, nhập tịch dân Pháp.

Giudicelli nói trên khai huê lợi chắc không đúng, vì thuế thân người Âu đánh trên tổng số huê lợi, cũng như thuế “Tổng hợp lợi tức” ngày nay (Impôt général sur le revenu), Nadal gửi văn thơ có ý trách ông, ông trả lời cự kịch liệt. Trong thơ, tôi còn nhớ câu: “... ông đừng hòng hăm dọa trừng phạt tôi!” (... me menacer de votre férule).

Nadal đáp lại bằng một bức thơ không kém chua cay: “... tôi làm sao dám trừng phạt ông, một quan

cai trị hạng nhì, còn tôi chỉ là một đầu phòng tâm thường (modeste chef de bureau), nhưng tôi có phận sự tính thuế, thừa ủy nhiệm quan Thống đốc...

Brasey xử huê, vì một đảng là anh em, còn một đảng là công chức giỏi, được Thống đốc tín nhiệm.

Sóng gió bắt đầu

Sự đời hiệp tan là thường lệ, mà nước mặt hồ êm tịnh lâu gặp gió tố cũng nổi sóng.

Đó là trường hợp Nadal về Pháp nghỉ sáu tháng, Bernard Fontan, cũng là Kiểm soát viên, qua thế tạm.

Anh là một thanh niên đẹp người, Cử nhân luật khoa, tài lực tâm thường, song phách lối “một cây”! Thường tiếp phái đẹp trong văn phòng và thích nói chuyện với Jean Dác là một nhân viên, làm việc ít mà tán dóc thì nhiều.

Một hôm, không biết ông phán Phải sơ ý sao đó mà Fontan dám mắng một người tuổi đáng cha anh, chỉ vì người ấy là dân bị trị (conquis) còn anh thuộc giống xâm lăng (conquérant): “Lão Phai đó, giống thú gì đâu!” (Quel animal, ce vieux Phai!)

Ông Phải trong phòng nó khóc đi ra, tôi tức giận vô nói với nó ít lời: “Ông Phải là một công chức lão thành, tận tụy với chức vụ, được ông Nadal nể nang. Dầu ông ấy có chỗ sơ sót, không vừa ý anh, anh cũng không nên mắng người ta là thú nầy thú nọ! Giả sử có người chửi anh như vậy, anh chịu hay không? Đừng làm cho kẻ khác cái điều mình không

muốn người ta làm cho mình”. (Ne faites pas aux autres ce que vous ne voulez pas qu'on vous fasse).

Fontan giận đỏ mặt, trợn mắt ngó tôi, tôi trợn mắt ngó nó. Nó ngồi xuống...

Một tuần lễ sau, nó kiếm chuyện với tôi.

Một chiều, vào lối bốn giờ, Tausia, kiểm soát viên ở Chợ Lớn ra, dắt theo anh thợ kỹ Đỗ Văn Thanh, bạn học cũ tôi hồi ở trường trung học Mỹ Tho.

Tauzia bảo anh ngồi gần cửa văn phòng Fontan thông ra ngoài còn ông ta ngồi kế Fontan thì thăm.

Bỗng Fontan kêu tôi bảo: “Anh Đào, đem cho tôi cái hồ sơ Văn Minh”.

Hơi ngạc nhiên, tôi hỏi:

- Hồ sơ Văn Minh, hồ sơ gì?

Tauzia rước trả lời:

- Hồ sơ ông Lê Văn Minh, được sư ở Chợ Lớn, ông khiếu nại về thuế môn bài.

Tôi bước trở ra, vừa đến chỗ anh Thanh ngồi, anh níu tay tôi hỏi:

- Anh Đào mạnh giỏi? Mấy cháu chơi?

Tôi cười đáp:

- Mạnh, cảm ơn anh.

Tức thì Fontan la tôi:

- Đi lấy mau, anh Đào, đừng mất ngày giờ tán gẫu.

Tôi đem hồ sơ vô... Tauzia với Thanh về rồi, tôi vô nói:

- Hồi này, anh làm tôi mất mặt với anh Thanh, bạn học cũ tôi. Thanh chào tôi, hỏi thăm sức khỏe

mấy trẻ tôi, dĩ nhiên là tôi phải đáp lời. Phép lịch sự, dầu là Âu Mỹ hay Á đông cũng vậy. Việc gì mà anh xài tôi trước mặt người quen tôi? Tôi là công chức của Chánh phủ, nào phải là đầy tớ anh đâu mà anh muốn mắng tôi thì mắng!

Fontan nổi giận vỗ bàn:

- Một khi tôi ra lệnh, phải thi hành liền, không được trì hoãn, tôi không giỡn đâu (Je ne plaisante pas).

- Nào tôi có cãi lệnh anh! Và tôi cũng vậy, tôi không giỡn. Có điều trước thái độ anh, chúng tôi bất mền tiếc ông Nadal; làm việc với ông gần ba năm, chúng tôi sung sướng được ông chỉ dạy, không bao giờ ông la rầy chúng tôi. Anh nên học cách cư xử của ông Nadal...

Fontan giận lắm, đứng dậy, tôi bước ra cửa ngăn, cởi áo liệng trên bàn Huỳnh Văn Trục, đoạn trở vào.

Nhóm thơ ký thanh niên Thiệu, Trục, Thọ, Quang, trừ Jean Dác, đều hờm sẵn hai bên cửa. Fontan cao lớn, song tôi không ngán va, và thấy mình cũng có “hậu thuẫn”.

Fontan ngồi xuống bảo:

- Thôi anh đi ra, rồi ta sẽ nói chuyện!

Anh dùng cái điệu “Giang hồ kỳ hiệp”: “Mười năm sau, ta sẽ gặp nhau”.

Năm giờ rưỡi (vì trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng, Chánh phủ bớt lương và tăng giờ làm việc) ra sờ, vài ba anh em Tòa khác như Trần Văn Thúc, Lương Văn Đề... chạy đến hoan nghinh tôi, còn

nhóm Thiếu Quang Trục Thọ thì bảo: “Nếu nó đánh anh, chúng tôi can thiệp liền, dầu có bị đuổi cũng chịu”.

Tôi siết chặt tay mấy bạn ấy, cảm động trước cử chỉ đoàn kết của họ.

Hôm sau, vào khoảng tám giờ, tôi lên lầu, vào yết kiến Brasey. Tôi trình bày câu chuyện hôm qua, than phiền thái độ phách lối của Fontan, không quên tỏ cho Brasey biết nó mắng ông Phải là “loài thú”, và tôi tán dương tánh tình hòa nhã, tử tế của Nadal.

Brasey an ủi tôi rằng Nadal là người tuổi tác, kinh nghiệm nhiều, Fontan còn trai trẻ, tánh háo thắng, làm sao sánh bằng Nadal...

Chiều ấy, không rõ Brasey cho nó bài học thế nào mà Fontan kêu tôi vô nói:

- Anh lên méc thót (moucharder) với ông Directeur hả?

Tôi đáp:

- Phải, tôi tỏ cho ông Directeur biết thái độ anh như vậy, kéo ông làm anh tử tế với An-na-mít chúng tôi.

Từ ngày ấy, không khí bớt căng thẳng giữa Fontan với nhân viên Tòa sáu.

Cùng anh em trong sở hay các Tòa khác, mình đối đãi hòa nhã tử tế, công việc hành chánh mình làm cũng cẩn thận châu đáo, Fontan không chê

mình được, thế mà thỉnh thoảng phán Viên đến đứng trước bàn mình nói:

- Ông chánh Monlaü, công chức nào làm việc dở, ông gọi là “một công chức đồ bỏ” (un fonctionnaire brouillon)!

Một lần, rồi hai lần, tôi hiểu ông ám chỉ tôi, song tôi dần, chỉ mỉm cười, dung thứ cho một người “có quyền lợi chung với thực dân”.

Nhân vật lạ thường

Đầu năm 1932, Nadal trở qua, làm việc như cũ. Krautheimer về Pháp nghỉ, Eutrope, Thanh tra chính trị và hành chánh (Inspecteur des Affaires Politiques et Administratives) quyền Thống đốc Nam Kỳ.

Ông này viết khó đọc lắm, là vì mỗi chữ ông viết có phân nửa, còn một nửa, ông chỉ kéo dài bằng một nét. Chính có lần ông Berland cũng chịu không đọc được. Thế mà thơ ký của ông, anh Nguyễn Xuân Thời, đọc chạy bon bon, là nhờ quen ý ông vậy.

Anh tùy phái của ông là người Bắc, mỗi lần đem công văn đến Tòa sáu chúng tôi, anh tâng bốc ông chủ anh là “Chánh phủ”. Anh ăn mặc hơi khác thường: đầu bịt khăn đóng kiểu Trung Bắc có nhiều lớp sụp xuống trán, mình mặc áo bành tô khi thì bố trắng, khi thì kaki, quần lãnh đen, chon mang giày tây, tay che dù đen. Rõ là “Pháp Việt đề huề”!

Nói về những nhân vật kỳ lạ, tôi không quên anh tùy phái Tòa I. Anh giúp việc đắc lực thế nào

mà huy chương anh đeo lủng lẳng đầy ngực: kim khánh, kim tiền có, mề đay danh dự bằng bạc hạng nhì, Miên Lào gì cũng có...

Và anh siêng chạy lăm; mỗi lần ông đầu phòng kêu anh, tức thì anh chạy dõng đến, mấy cái mề đay trên ngực anh va chạm vào nhau khua rổn rảng, nhân viên Tòa nhút cười, nói: “Bộ soong chảo” (batterie de cuisine) của anh X. thật là đầy đủ.

- Một nhân vật lạ lùng khác là ông Năm, tùy phái giao công văn (planton de course). Ông già trên sáu mươi tuổi, làm việc gần bốn mươi năm, dốt đặc song nhớ rất hay. Ông tùy phái xếp đưa cho ông một xấp thơ, dặn: “Cái này đem Kiểm soát tài chánh, cái này trường tiền, cái này Nha Học chánh.”

Ông Năm đem trúng phong phóc, không hề lậm lộn.

Về khả năng ông, tôi có hai giả thuyết: hoặc là ông sắp các phong bì theo thứ tự ông tùy phái xếp dặn, như Kiểm soát tài chánh nằm dưới chót, kế trên là trường tiền, trên nữa là Nha Học chánh... rồi ông cứ nhớ như vậy mà trao.

Hoặc là ông đến một Sở, đưa hết xấp phong bì cho nhân viên nhận công văn lựa lấy cái nào về phần mình. Nhưng không, có bữa, một vài tùy phái trẻ trác ông, xáo trộn xấp phong bì ông lộn xộn, ông tự tay đưa trúng như thường!

... Ông Eutrope, sau khi nhận chúc quyền Thống

đốc, liên viếng các Nha sở, hỏi thăm từ người, công việc làm của họ và họ có thỉnh cầu chi chẳng.

Tôi xin được đổi đi tỉnh vì ở Sài Gòn đã bốn năm rồi. Lúc bấy giờ, công chức nào có lỗi mới bị “rút” về Sài Gòn, ở tỉnh sanh hoạt rẻ hơn và Chánh phủ cấp cho nhà ở, có thể tiện tặn được.

Eutrope hứa cho.

Thuyền chuyển Bạc Liêu (1932)

Chúng tôi nghe nói tòa bố Biên Hòa cần dùng một công chức ngạch Huyện, Phủ, vì ông Phủ Trần Văn Thi đổi đi.

Nhân dịp ông Monlaü, chủ tỉnh Biên Hòa ghé Tòa sáu, tôi xin ông cho tôi tòng sự dưới quyền ông, ông vui lòng chịu.

Nadal cũng thuận cho tôi thuyền chuyển.

Tôi với nhà tôi đều mừng vì sẽ được gần chị chúng tôi mà ông chồng làm Đốc công bên ấy. Một bữa chúa nhựt, chúng tôi mượn xe qua Biên Hòa, bàn tính cùng anh chị tôi rằng, nếu được đổi Biển hòa thì trong khi chờ đợi ông chủ tỉnh cấp cho nhà ở, chúng tôi sẽ mượn nhà ở gần anh chị tôi cho vui.

Thế mà, mưu sự tại nhơn, (mà) thành sự (là) tại Phòng Nhân viên (Bureau du Personnel)!

Tôi được nghị định thuyền chuyển xuống Bạc Liêu. Thật là té ngựa! Thật là xé mây!

Nghe lại thì ở Phòng Nhân viên có ông Phủ Chẳng, được quan trên tin nghe, nên ông làm mây

làm mưa tùy ý và rất hách với em út, ông áp dụng triệt để luật mâu thuẫn (loi des contradictions). Hễ một công chức xin đổi đi miền đông thì ông cho về miền tây, xin một tỉnh miền bắc thì ông trấn xuống nam. Vậy, nếu muốn đổi Biên Hòa thì phải xin Bạc Liêu, Rạch Giá, còn thích đi Bà Rịa thì nên xin Hà Tiên. Mà một nhân viên ở tỉnh xin về Sài Gòn thì mấy ông cho tỉnh khác. Như thị, như thị.

Tôi dốt về chiến thuật Phòng Nhân viên nên bị một vố chua chất đầu tiên của một bậc đàn anh. Chẳng những họ không giúp đàn em chút nào, họ còn hại thêm thì có, hoặc giả, mỗi khi họ giúp là phải có lợi cho họ mới nghe!

Năm ấy, tôi ở một căn phố đường Lagrandiere (Gia Long). Tôi muốn một chiếc thuyền chèo đồ đạc bàn ghế từ Sài Gòn xuống Bạc Liêu với giá 50\$, một người bà con theo ghe coi chừng giữm.

Ngày tôi dọn đồ lên chiếc xe ngựa đang chờ xuống bến, ông bác sĩ Thuận hỏi tôi đổi đi đâu.

Tôi đáp: “Đi Bạc Liêu”.

Tội nghiệp ông mừng cho tôi trong ít năm tôi sẽ giàu! Lòng buồn rười rượi, tôi không muốn trả lời rằng mục đích tôi không phải là bóc lột thiên hạ để mà làm giàu.

Sài Gòn cách xa Bạc Liêu 265 cây số.

Tôi muốn một chiếc xe lô 45\$ cùng đi với cả gia đình vợ con và hai đứa ở. Khởi hành ở Tân An hồi chín giờ rưỡi, chiếc xe cà rịch cà tang tới Cần Thơ là hai giờ chiều. Đến Phụng Hiệp, xe bẻ bánh. Anh tài

xế chủ xe ì ạch thay bánh xơ cua rồi tiếp tục hành trình. Mới đi tỉnh lần đầu tiên, tôi không thấy hằng hái chút nào hết.

Đến Bạc Liêu năm giờ chiều, vào Tòa bố trình diện với ông chủ tỉnh là Brière de l'Isle, người nước da cà phê sữa.

Tôi gặp anh kế toán viên Nguyễn Văn Ngo, người tỉnh Tân An. Tha hương ngộ cố tri, chúng tôi tay bắt mặt mừng.

Trong lúc chiếc ghe chờ đồ chưa đến, chúng tôi tạm trú trong căn phố dùng làm trụ sở Hội Thanh niên. Căn phố ấy lại khít vách căn nhà vợ chồng thầy Lựu, cũng người đồng hương và là bạn học cũ tôi ở trường tỉnh Tân An. Vợ chồng thầy vui vẻ tử tế, hết lòng giúp đỡ chúng tôi lúc chơn ướt chơn ráo.

Hôm sau, vô Tòa bố lại lên lầu chào ông chủ tỉnh lần nữa. Ông bổ nhiệm tôi vào chức Tổng thư ký thị xã Bạc Liêu, thay thế ông Phủ Nguyễn Văn Chính được chuyển làm chủ quận Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vĩnh Bình).

Tôi chào ông chủ quận Châu Thành là Ông phủ Nguyễn Văn Tâm kiêm Phó nhì (Secrétaire de Province), anh Phủ Đỗ Văn Công, tôi đã quen biết hồi anh làm với Coupas Sở thuế trực thu Sài Gòn. Lúc này, anh làm chủ sở Phòng điền địa và thỉnh thoảng anh đi thuyền máy cấp phát bằng khoán ruộng đất (titre foncier) cho những người khẩn hoang và đã được Chánh phủ nhận cho họ làm chủ vĩnh viễn đất ấy.

Tôi lại gặp anh Huyện Bùi Thiên Hùng, chủ sự Phòng thuế vụ, lúc trước làm Tòa ba, dưới quyền Balencien, ông Huyện Hiệu (Huyện danh dự) làm hành chánh nhân viên, Huyện Mười làm bộ trâu bò, bộ ghe sông, phán Lê Văn Minh, đảm trách Công nho làng, phán Võ Văn Siêu, thuế thân Hoa kiều.

Ông Phủ Đỗ Văn Châu làm chủ quận Vĩnh Châu, ông Phủ Nguyễn Văn Quý là chủ quận Gia Rai còn chủ quận Cà Mau là Bonhomme de Mantaigut. Phó chủ tỉnh là ông Mialin, song quyền định đoạt mọi việc đều trong tay Briere de l'Isle là một nhà độc tài kiêu hãnh.

Tòa bố Bạc Liêu không biết cất hồi đòi nào mà cũ kỹ quá, nhứt là phía văn phòng Tổng thư ký Thị xã của tôi, mặc dầu là có cửa kiếng, song nước mưa vẫn tạt vô như thường, và trên sàn gạch nước tràn linh láng.

Đứng ngoài đường trông vô, gian phòng phía tả là văn phòng Kế toán, Thị xã và Công nho làng.

Giữa, oai vệ cái bàn viết ông Phó, kế đó là Phòng thuế vụ các sắc, bên hữu ông quận Châu Thành kiêm Phó nhì ngồi chung với nhân viên phụ trách điền thổ.

Trên lầu, văn phòng ông Chánh ở giữa, bên tả là bàn ghé của Huyện Hiệu, Huyện Mười. Bên hữu, Phòng Hội đồng.

Tòa bố nối liền với Dinh chủ tỉnh bằng một cái nhà cầu.

Brière de l'Isle không cầm viết như người thường, tức là cầm cán viết giữa ngón cái và ngón trỏ mà lại kẹp cây viết giữa ngón trỏ và ngón giữa.

Ông quạu luôn, nhân viên Tòa bố sợ ông lắm vì ông hay rầy chỉ trừ ông Đốc phủ Tâm được ông tín nhiệm và kẻ nào bợ đỡ ông. Bữa nào ông diện bộ tuyết xo ngon lành thì nhân viên mừng thầm, vì ông vui, trái lại nếu ông mang cái áo xám xề xệ, không thắt cà vạt, thì phải biết, công chức lăm la lăm lét ngày đó.

Thật là tủi nhục cho một dân tộc bị trị!

Từ một ông Toàn quyền thừa mạng lệnh Chánh quốc mà tác oai tác phúc trong những nước bảo hộ, xứ thuộc địa, những dân tộc chậm tiến dưới quyền mình, dĩ chi một gã tào cáo (douanier) quèn, dẫu là tây thiệt, tây lai, tây đen hay tây da vàng, không có cái bằng Sơ học dĩnh lung, mà cũng hống hách ra tuồng ta đây, chẳng những đối với dân quê mà còn đối với công chức người Việt nữa!

Cho nên, ông Nguyễn Khắc Huê, cựu giáo sư tôi trường trung học Mỹ Tho, thuật rằng ông Trương Vĩnh Ký, tức Pétrus Ký, một nhà bác ngữ Việt Nam, thông hiểu tám thứ tiếng (?) được người Pháp kính nể, nhiều phen mời ông nhập Pháp tịch.

Pétrus Ký từ chối, nói rằng: “Tôi ưng làm người Annam số một, hơn là làm một người Pháp hạng chót”, đồng một ý nghĩa với câu sau đây, một văn sĩ nào đó đã nói: “Thà làm cái đầu con gà còn hơn là cái đuôi con trâu!”

Tôi khởi sự làm việc ở Sài Gòn được bốn năm, ngoài sự đụng chạm với Arnaud và Fontan không đáng kể, Arnaud tánh khùng khùng, nhưng không ác ý, còn Fontan phách lối song sau cũng phục thiện vì thấy không dễ đàn áp người Nam, còn thì các bạn đồng nghiệp Huyện, Phủ và thơ ký đều tử tế, ai lo phận mình, cố làm việc giỏi đặng mau thăng, chớ không có quyền lợi riêng tư gì mà phải xung đột nhau.

Thuyền chuyển xuống tỉnh hồi hai mươi tám tuổi, lại gặp phải Bạc Liêu là nơi nhiều công chức ham làm giàu cho mau bằng mọi phương cách, khác xa lý tưởng tôi, tôi chán nản mà thấy phô bày trước mắt tất cả bỉ ổi của một xã hội vì danh vì lợi mà bán rẻ cả lương tâm.

Tôi không vợ đưa cả năm vì có những công chức lo tròn phận sự, khéo cư xử, không mịch lòng ai, mà không đến nỗi hạ mình, chẳng hạn như ông Nguyễn Văn Ngộ, Kế toán viên... Trái lại, đa số xem ông Chánh, ông Phó như thánh như thần, hoặc cố gắng nhịn chịu cái quả mắng bất công của “hai ngài”, hoặc cố làm sao cho họ hài lòng, khỏi bị quả mắng, không phản kháng, không xin đổi đi.

Có lần, tôi lên văn phòng Brière de l'Isle gặp lúc ông ta cần dùng một hồ sơ, kêu ông Hiệu hai ba giờ. Tôi bước qua phòng ông Hiệu thấy ông lật một chồng hồ sơ mà hai tay run rẩy, còn bên kia, chủ

ting la vọng qua “Mau nó mây, Hiệu!” (Dépêche-toi, Hiệu!), ông càng quỳnh lú, trông thê thảm...

Brière de l'Isle là người tàn nhẫn. Thơ ký thuật rằng: một khi, Thống đốc viếng Bạc Liêu, viên chủ tỉnh nầy buộc thơ ký Tòa bố, trong đó có ông Nguyễn Hữu Lợi, đã lớn tuổi, đứng trên lễ đường, nơi ngả ba ngã tư, giơ tay chỉ đường như một cây tên. Trời mưa tầm tã, ông Lợi lạnh run, nhưng không dám bỏ nhiệm sở.

Thống đốc qua rồi, ông về nhà, phát lãnh, nằm vùi suốt tuần.

Chủ quận Châu Thành kiêm Phó nhì là cánh tay mặt chủ tỉnh, được lão hoàn toàn tín nhiệm. Ông Đốc phủ Tâm văn hay võ giỏi, nói năng hoạt bát, và người ta đồn ông ác, vì trong một cuộc bắt cò bạc, ông đang tâm bắn chết một người, vợ con nạn nhân kiện ra tòa, nhưng ông được trắng án.

Ông Huyện Hồ Văn Khoa đảm trách thuế thân Hoa kiều, tin chỗ anh em, thú thật rằng ông cũng có “nhờ cậy” chút đỉnh. Túc thì ông Phó nhì, Đốc phủ Tâm, lập hồ sơ trình lên chủ tỉnh, ông Khoa bị chuyển chuyển “vì kỷ luật” (mesure disciplinaire). Trên đây là lời nhân viên Tòa bố thuật lại, hu thực thể nào tôi không dám quyết.

Hỏi tôi mới xuống, ông Tâm thết tiệc tiễn hành ông Phủ Nguyễn Văn Chính, mời năm ba công chức cao cấp và thân hào trong tỉnh, cũng có mời tôi. Và khá, trong suốt thời gian ông còn ở Bạc Liêu, trước khi đi, ông cũng không “phá phách” gì tôi...

Tại tỉnh Bạc Liêu, chánh quyền địa phương cất ba dãy nhà cho công chức ở:

- một dãy cũ, gồm những căn nhà đôi nho nhỏ, có hồ nước;

- một dãy phố mới rộng rãi; với

- một dãy phố lâu của thị xã.

Trước ngày tôi đến, ông Phủ Chính ở một cái nhà đôi, ông Phủ Công ngụ trong một căn lâu Thị xã. Nhân việc chuyển nầy, ông Công tâu với chủ tỉnh được dọn về ở cái nhà cũ của ông Chính, còn tôi, họ cho một căn phố lâu không hầm chứa nước mưa.

Dãy phố mới, ông Hùng ở một căn, phán Ninh một, khít vách ông trường tiền Thịnh. Ông nầy khiếu nại với Brière rằng mình là chủ sở trường tiền mà chỉ ở có một căn không xứng đáng địa vị mình, phải ở hai căn mới “đủ uy tín”.

Brière chấp thuận cho quan Thịnh lấy luôn căn của phán Ninh, truyền ông nầy dọn về căn phố lâu ở gần bên tôi.

Phán Ninh với phán Siêu chửi thề dữ quá

Công chức Bạc Liêu thuở ấy họ tranh nhau từ cái quyền lợi cón con, từ chỗ làm có lợi đến căn nhà. Sự đời là thế! Mình trẻ tuổi, mình ngạc nhiên, chớ họ cho đó là thường, là “sinh tồn cạnh tranh”.

Một chiều chúa nhật, tôi vô Tòa bố kiểm thơ trên nhà gọi xuống, gặp một ông Huyện đang ngồi

viết thơ. Lấy làm lạ, tôi hỏi: “Sao anh không ở nhà viết thơ lại vô ngồi đây?”

Ông hơi ngỡ ngàng, đáp vu vơ:

- Ờ, ờ, vô trong này mát mẻ, đủ tiện nghi hơn...

Thì ra, sau tôi nghe lại, ngày chúa nhựt ông này có tạt vô Tòa bố viết thơ, đăng Brière de l'Isle ngó thấy, lão tưởng thâm: “Chà, cái thằng này làm việc siêng dữ be!”

Phủ Công than phiền với tôi rằng, trước khi xuống Bạc Liêu, anh có yết kiến Goutès, Chánh văn phòng Thống đốc, yêu cầu ông cho mình một quận. Nào dè Brière de l'Isle lại cho anh ngồi Tòa bố, mặc dầu là đảm nhiệm chức vụ Chủ sự phòng điền địa. Anh phàn nàn với Goutès, ông này hứa sẽ tính lại với Brière.

Thời kỳ ở Bạc Liêu, chúng tôi ít giao thiệp cùng ai, ở Tòa bố thì với anh Nguyễn Văn Ngo, kêu là Ký lục Ngo (ký lục, kế toán), Huyện Hùng, các sở khác thì Thú y Dung, bác sĩ Sambuc. Thú y Dung tu đạo Cao Đài, ăn chay trường, nói năng đạo đức. Bác sĩ Sambuc người vui vẻ, tận tâm với chức vụ; có lần, tôi được đọc cái toa ông cho một thân chủ thôn quê, viết bằng Việt ngữ: thuốc này đắng lắm, phải nuốt trọn, đừng có nhai”.

Ông lấy làm lạ sao tôi còn trẻ tuổi mà đã được chức Huyện còn ông Hiệu, ông Mười tuổi già mới “làm Huyện”.

Tôi giải thích ông hiểu rằng tôi là Huyện thiết

thọ, phải thi, còn hai ông ấy là Huyện danh dự, hỏi đó gọi là Huyện hàm (Huyện honoraire).

Thuở ấy, Bạc Liêu còn dùng nước mưa để uống, tắm giặt thì có nước giếng kêu là nước Puits Layne do Công ty Layne đào lấy. Nước này chứa nhiều vôi, tắm rít, khó chịu, không bằng nước Sài Gòn. Mỗi tuần, hộ vệ binh (Garde civile locale) kêu là lính mã tà, dắt tội nhưn xe cho chúng tôi một xe nước, đổ đầy bốn chiếc mái dầm to.

Vào lối tháng tư, ông Đốc phủ Tâm đặc lệnh đổi lên Biên Hòa, đảm nhiệm chức vụ chủ quận Châu Thành; ông Phủ Nguyễn Văn Tứ ở Biên Hòa thế ông Tâm.

Trong tiệc rượu bánh Brière đãi cộng sự viên, lần đầu tiên tôi nghe Brière gọi: “Anh Tâm thân mến... (Mon cher Tâm,...); lão khen tặng ông Tâm và cảm ơn ông.

Công chức cũng hết tiệc tiễn hành người đi; ông Phủ Đỗ Văn Châu ứng khẩu nói mấy lời, không biết vô tâm hay cố ý ông nói một câu hài hước mà sau đó anh Ký Ngộ thường nhắc lại: “Quan lớn Nguyễn Văn Tâm làm việc giỏi, quan trên ban khen, thưởng ông, cho ông đổi về Biên Hòa uống nước ngọt...”

Người ta thì thào rằng chính ông Hội đồng Trần Trinh Trạch vận động với cấp bậc Thống đốc Toàn quyền đổi ông Tâm đi.

Lên Biên Hòa, ông này chỉ gởi thơ về thăm anh Ký Ngộ, anh trao cho tôi xem; tôi còn nhớ đại khái quan ngài tâm sự mình rất thích cảnh Biên Hòa, sông Đồng Nai:

*“cuộn cuộn nước tuôn xuôi lại ngược,
 “ùn ùn gió thổi bắc rồi nam.”*

với thú đi săn, thường thành công, nhờ “xe Ford chạy mau, súng carabine bắn xa”...

Brière de l’Isle không thích ông Phủ Tứ vì ông chân thật chậm chạp, không có cái lanh lợi đặc biệt của ông Tầm.

Một hôm, tôi lại nhà thăm ông Tứ, hỏi ông ở Biên Hòa ông là chỗ quen lớn anh chị chúng tôi.

Nhân nói chuyện với Chánh Phó chủ tỉnh, tôi gọi Brière de l’Isle là “thằng chà và khó chịu”. Ông Tứ hết hồn, trợn tôi: “Vous đừng nói vậy, phải giữ gìn lời nói, lỡ người ngoài nghe đặng thì bỏ đời!”

Phải, tôi nên cẩn thận, vì ở tỉnh có rất nhiều “bầy tôi” như ông Võ Văn Siêu, thuở trước giúp việc Phủ Toàn quyền, Pasquier biết ông.

Tháng sáu, năm 1932, Thống đốc Eutrope với Toàn quyền Pasquier viếng Bạc Liêu, tôi không còn nhớ ngày nào.

Chiều hôm ấy, Brière de l’Isle với Mialin lên ranh giới Bạc Liêu Sóc Trăng đón tiếp nhị vị thượng quan.

Chúng tôi không dám về sớm, sợ ngày hôm sau bị Brière “bố”.

Gần sáu giờ, chiếc xe Toàn quyền oai vệ đến đậu trước Tòa bố, bốn người vào. Túc thì Võ Văn Siêu từ đầu xuất hiện, xá dài Pasquier.

“Mây ở đây hả?” (Tu es ici?) quan ngài hỏi.

- Dạ bẩm quan Toàn quyền, phải. (Oui, Mon-

sieur le Gouverneur Général). Siêu vừa xá sàu vừa đáp.

Kế anh chạy thối lui, tháo cây thông nòng, mở chiếc cửa ngăn Tòa bố với nhà cầu, thông qua dinh chủ tỉnh.

Chúng tôi phục lẫn phán Siêu, dám quen tới vị thượng quan đầu tróc Đông Dương, và chắc Brière cũng ngán thăm anh!

Tôi ở Bạc Liêu từ tháng ba đến tháng bảy bị Brière de l'Isle làm tỉnh làm tội đủ điều. Năm giờ rưỡi mần giờ làm việc, năm giờ 45 tôi thót lên xe đạp chạy về, mới nửa đường đã bị thầy đội hầu của chủ tỉnh chạy giỏi quá rượt theo bắt kịp: “Quan lớn chánh mời ông”.

Đó là cái kiểu nhiều chủ tỉnh người Pháp áp dụng, như Duvernoy ở Trà Vinh, Petit ở Tân An chẳng hạn.

Chiều, khởi sự làm việc hồi hai giờ rưỡi, quan ta nằm nhà hút cho đã đời, ba giờ rưỡi, bốn giờ mới qua Tòa bố, làm việc đến tám giờ tối, công chức phải ở lại hầu ngài, đói trộm lơ con mắt, cậu nào đúng giờ hay quá giờ chút đỉnh mà về thì bị mời trở lại, như trường hợp tôi, hoặc bị phê điểm xấu.

Nơi đây, tôi xin nhắc một câu chuyện tôi nghe thuật lại, không rõ có thật hay không. Dầu không thật, ai đặt ra câu chuyện cũng hay hay, đề cao cái tánh cang cường một công chức Việt Nam dám

đương đầu với chủ tỉnh Pháp, trong lúc họ nắm quyền sanh sát trong tay.

Hồi Adrien Petit (lão này có làm chủ tỉnh Tân An) cai trị tỉnh Sa Đéc, anh Phan Văn Tươi làm thơ ký. Anh đặt để giỏi, và không nịnh quan trên.

Một hôm, vào khoảng mười hai giờ một khắc, anh đương nằm trên võng, ca “Hành vân” chờ cơm:

Nợ duyên gì?

(Là) nợ cái duyên gì!

Mấy đoạn tình si.

Bỗng bếp hầu đến nói: “quan lớn chính mời”.

Anh Tươi vùng ngồi dậy như bị ruột gà bung, bảo bếp hầu về trước, anh sẽ vô Tòa bố sau.

Anh bịt khăn đóng nghiêm trang, mặc cái áo xa tanh dài, quần tuyết xo, mang đôi giày da láng, miệng ngậm xì gà, tay chống cây can bịt bạc, thật ra đáng ông Hội đồng phết.

Ra khỏi nhà, kêu xe kéo lên dinh quan tỉnh trưởng.

Petit cho bếp hầu đi kêu hai ba giội, người nhà nói anh Tươi đã đi rồi. Chờ không được, Petit về dinh.

Anh Tươi đứng trước thêm cúi đầu chào lão, trên môi mở nụ cười duyên, nói: “Hôm nay tôi hân hạnh được quan lớn mời dùng cơm, xin cảm ơn quan lớn”.

Petit thấy anh ăn mặc “đại triều”, nói giọng “đám hông” như thế, sa sầm nét mặt, song lấy lại sự bình tĩnh, bảo:

“Hôm nay nhà tôi không có đãi tiệc, anh cứ về nghỉ”.

Vài tuần sau, anh Tươi đắc lệnh tiếp tục công vụ ở Côn Nôn!

Anh yết kiến Thống đốc Nam Kỳ.

Thống đốc an ủi anh, bảo anh cứ đi Côn Nôn, sáu tháng, trường hợp anh sẽ được xét lại.

Đúng sáu tháng, anh chưa được đổi về, anh yết kiến Thống đốc lần nữa. Và dường như cái trò này diễn đi diễn lại hai ba lần, anh mới được trở về lục địa.

Bởi vậy cho nên, bậc đàn anh có kinh nghiệm như quan Phủ Tứ khuyên mình nên dần tánh nóng, đừng làm mất lòng quan trên, nhứt là hạng chủ tỉnh, “phê một câu gió thảm mưa sầu”, nếu họ cho mình là chống Pháp (antifrançais) hay “cách mạng” (révolutionnaire), thì cái đời công chức mình kể như đã tàn!

Nhưng may, Fontan không cố oán, và Brasey cũng khá thông cảm.

Hai đứa nhỏ tôi không chịu được khí hậu Bạc Liêu, đau hoài. Chúng tôi xin đổi về Sài Gòn, Brière de l'Isle chấp thuận. Ông Phủ Nguyễn Văn Phước, tóc quần bù xù, công chức gọi ông là “Phước Du Hồng”, từ bên Vĩnh Long qua thay thế tôi. Ông này sau tôi còn nhiều lần gặp nữa.

Anh em Tòa bố tổ chức tiệc trà nơi Hội quán Triều châu để tiễn hành chúng tôi.

Mặc dầu ở Bạc Liêu một thời gian ngắn ngủi, chỉ có năm trăng song chúng tôi cùng gia đình anh Nguyễn Văn Ngọ và anh Nguyễn Văn Dung thân thiết cùng nhau, vì đồng thanh tương ứng.

Thế là tháng tám năm 1932, chúng tôi lại khăn gói trở về Sài Gòn.

Lại về Dinh Hiệp Lý (1932-33)

Ông Thượng Le Strat bổ nhiệm tôi ở Tòa nhứt, ban II (1er Bureau, 2è Section) chớ tôi không được về Tòa sáu cũ, vì đã có anh Huyện Nguyễn Văn Sung từ Long Xuyên đổi về làm với Nadal.

Viên đầu phòng Tòa I lại là Bonhomme de Montaigut cách đây mấy tháng làm chủ quận Cà Mau, tình cờ cũng đổi về Tòa I nhưng trước tôi một tháng.

Tòa này có hai ban:

Trưởng ban ban I là Phủ Dương Văn Lầu. Anh này lúc trước đỗ số một bằng Cao tiểu Pháp (Brevet Elémentaire), sau lại đậu thủ khoa Tú tài bản xứ năm 1922. Tù học trường Pháp Chánh Hà nội, anh luôn luôn là một sinh viên xuất sắc. Học được vài năm, anh đau phổi, Chánh phủ cho anh về Nam dương bệnh, bình phục rồi ra tiếp tục học hành.

Anh là một viên quan thanh liêm lại có tài giỏi.

- Trưởng ban ban II là Huyện Trần Thiện Ty, luật khoa và Pháp văn cũng khá.

Được hai ông trưởng ban như thế, De Montaigut khỏe ru, vì bao nhiêu thơ văn, phúc trình, hai anh

soạn thảo hết và ông Thượng Le Strat cần dùng điều chi thì chỉ hỏi Lầu, Ty mà chẳng cần biết De Montaigut, cũng như dưới tòa II, ông Thượng chỉ có tiếp xúc với anh Dương Tấn Tài, còn “Kỳ nhông” (Fricquegnon) thì không có kí nào hết!

Thế mà mấy trường ban ruộng cột nước nhà ấy, lương bổng không quá vài trăm bạc, còn hai ông đầu phòng Pháp bắt tài thì lương sáu bảy trăm ngon lành:

Đó là “sự công bình” của Chánh phủ thuộc địa!

Ngày 31/12/1932, công chúc Tòa I cùng đến chúc mừng năm mới De Montaigut. Ông cảm ơn tất cả và đặc biệt ngợi khen anh Lầu đã giỏi Pháp văn lại có một nền luật học vững chắc, ông nêu anh Lầu làm gương cho công chúc, nhân viên Tòa I.

Đầu năm 1933, anh Dương Văn Lầu được thuyền chuyển xuống Cần Thơ, phụ tá ông Dương Thân Hỷ, chủ quận Cái Răng.

Ban I của anh Lầu, có những tay kiện tướng, Bùi Quang Ấn, Trương Minh Tiên, Trương Tấn Ngân...

Trương Minh Tiên sau từ giả quan trường học Dược khoa, có lợi hơn nhiều.

Ban II, nhiều người xuất sắc như Nguyễn Ngọc Thơ, Hồ Văn Xuân, Dương Xuân Diệp, Nguyễn Công Thiện, Nguyễn Phú Hải cộng tác với anh Trần Thiện Ty.

Đầu năm 1933, ngày 23 tháng chạp ta, chiếc tàu Hoa kiều Đồng Sanh chìm tại vàm Giao Hòa, chỗ kinh An Hóa đổ ra Tiền Giang, chết đuối cả trăm

người, trong số nạn nơnon có em của Trương Tấn Ngân là Trương Lục Kiệt, nhà văn và ký giả, viết báo Đuốc Nhà Nam.

Chỉ vì tài công quá hăng hờ, các bác Hoa kiều quá tham lam, cho tàu chò quá nặng. Và sự kiểm soát lưu thông trên sông quá cầu thả, giao cho các đồn bót; chú lính mã tà bỏ túi vài ba đồng thì, a lê, xính xái, a từng với chủ tàu coi rẻ mạng sống và tài sản khách qua giang.

Một ký giả có làm bài thơ thống thiết điều Trương Lục Kiệt, tôi còn nhớ mấy câu sau đây:

*Hỡi bạn Trương, hỡi bạn Trương,
Hay tin sét đánh ngăn ngo đường!*

...

...

*Ngọn Đuốc nước nhà soi chứa tỏ,
An Hóa vằm kinh mạng dị thường!*

...

Công việc mới của tôi ở ban II không có gì khó khăn, Huyện Ty giao cho tôi hồ sơ bệnh phí của người nghèo khổ, nhứt là ở Dưỡng trí viện Biên Hòa. Bệnh phí ấy do ngân sách tỉnh quê nhà của bệnh nhân đài thọ.

Phòng phiên dịch (Bureau des Traductions) (1933–35)

De Montautgut đề nghị tôi được thăng Huyện

hạng nhứt, song phiếu điểm tâm thường thì làm sao mà lên được!

Tôi nghe bên Sở Mật thám, anh Lương Minh Tráng, trưởng ban ở Phòng Phiên dịch, sắp thuyền chuyển làm chủ quận Đức Hòa và Nadaud, Chánh Sở Mật thám, nâng đỡ nhân viên mau thăng thưởng, tôi xin De Montaigut chấp thuận cho tôi đổi qua Sở Mật thám, hoạ may được hưởng phụ cấp trưởng ban (Indemnité de Chef de section).

De Montaigut chịu.

Trước khi được đổi qua Phòng Phiên dịch, tôi gặp anh Phủ Lương Minh Tráng và yết kiến ông Đầu phòng Henri Gouillon. Ông là người Pháp lai, cao lớn, đẹp người, nói năng hoạt bát. Ông có học chữ Nho, khá Việt ngữ. Ông thuộc ngạch “Kiểm soát viên hỏa xa” (Contrôleur des Chemins de Fer). Ông chơi thân với Nadaud, được mời qua làm Đầu phòng Phiên dịch, kiểm soát báo chí Việt ngữ.

Ông Gouillon đem ông phán Trương Hữu Đức theo phụ tá ông, đánh máy và dạy công chức Pháp học Việt ngữ. Ông Đức cũng là nhân viên Sở Hỏa xa, lùn, mập, vui tính; ông thờ Đạo Cao Đài, được Ôn Trên phong cho một chức lớn.

Ông Gouillon điều tra tôi thật kỹ càng, về gia tu, học lực, nguyện vọng. Chừng như ông hài lòng nên trung tuần tháng hai, 1933, tôi nhận việc.

Ông đề nghị với Nadaud bổ nhiệm tôi làm trưởng ban, song năm tháng trôi qua mà cái chức

trưởng ban với 25\$ phụ cấp không đến với tôi. Thôi đành chịu vậy:

Cây khô tưới nước cũng khô,

Vận nghèo đi đến xứ mô cũng nghèo!

Bạn đồng nghiệp mới của tôi là anh Huyện Mai Thọ Truyền, trưởng ban, Cò mi Nguyễn Văn Tôn, Cò mi Bùi Quang Xuân, cả hai đều có bằng Tú tài Pháp, ông Đỗ Khắc Xuân, Đỗ Phước Hiếu, với một giáo viên, tên gì tôi quên, xin tạm gọi là ông giáo Hai. Phụ tá Ông Gouillon nên kể Qllen, chức Secrétaire de Police công nhựt, tương đương với Thanh tra mật thám (Inspecteur de la Sûreté).

Chúng tôi viết gì bằng Pháp văn xong đều đưa cho anh ta xem trước, rồi mới trình ông Gouillon. Ông đồng ý đưa cho phán Đức đánh máy, trình lại ông ký tên, sau cùng gởi lên Nadaud.

Hàng lính mật thám tòng sự tại Phòng Phiên dịch có ba người: Trần Ngọc Anh, thầy đội Trần Văn Lòng với thầy đội Thái Văn Bi.

Mỗi ngày Trần Ngọc Anh đến Sở Bưu điện lấy những thư từ ngoại quốc gởi về cho mấy tư nhân đáng để ý, đưa cho anh Truyền. Anh xem cái nào nên coi thì bảo Ngọc Anh mở.

Anh nẩy găm dây điện của cái ấm nước vô nơi mắc điện (prise de courant). Nước nóng, anh đặt cái thơ lên, gỡ ra đưa lại cho anh Truyền. Thơ nào có tính cách chánh trị, anh đưa cho Tôn, Xuân, hoặc tôi dịch đăng ông chánh Nadaud khai thác.

Nhưng rồi tất cả thơ từ đều được trả về Bưu điện cẩn thận, không giữ lại cái nào.

Thơ được hân hạnh chúng tôi chiếu cố, chúng tôi ký tên bốn dịch bằng bút hiệu: “Agent Cépé” (Contrôle postal) (nhân viên kiểm soát thơ tín).

Đội Lòng với đội Bi có nhiệm vụ săn tin, song một trong hai người phải trực tại văn phòng cho ông Đầu phòng sai biểu.

Mỗi sớm mai, Cò mi Tôn là người giữ “kết đặc biệt” (fonds spécial) đưa tiền cho đội Lòng mua báo, tạp chí Việt ngữ và báo Hoa kiều.

Anh Truyền phân phát báo Việt ngữ cho chúng tôi mỗi người một tờ, còn báo Hoa kiều về phần ông phán Tuần đọc, mà tờ nào ông cũng cho điểm “không” (0) luôn, tức là không có gì đáng chú ý. Riêng phần chúng tôi, xem bài nào quan hệ thì lấy viết chì đỏ đánh dấu rồi ghi số bài lên trên, ký tên.

Anh Truyền soát lại và lấy viết mực đỏ gạch lên bài cần khai thác. Chúng tôi lấy đại ý bài ấy viết ra Pháp văn, chỉ khi nào anh gạch dứt mấy câu đặc biệt thì dịch trọn các câu ấy. Dịch xong, đưa anh xem, anh sửa, đoạn trao cho Allen.

Công việc làm buổi mai hoàn tất, Gouillon khuyến khích anh em chúng tôi, Tôn, Xuân, Hiếu với tôi học chữ Nho, ông giáo Hai đã già, còn anh Truyền, ông phán Đức, ông ký Tuần đều giỏi Hán văn cả.

Mỗi người chúng tôi mua một bộ “Tân quốc văn”, mỗi ngày học một vài bài và chép lại nhiều lần.

Xuân, Hiếu với tôi còn viết có nét chút đỉnh, riêng anh Tôn thì những chữ in trong cuốn Tân quốc văn (Sin Kouo yan) bằng chữ Pháp của La-masse, viết sao, anh đồ y như vậy.

Thỉnh thoảng, Gouillon bảo chúng tôi trình tập cho ông xem, ông phê cho anh Tôn một câu: “Thật là ngang ngay sổ thẳng”.

Buổi chiều, khi thì dịch tài liệu Cộng sản, khi thì dịch thơ roi. Bọn thanh tra mật thám Pháp thường quấy rầy chúng tôi, đem những tấm quảng cáo cao đơn huân tán, những chương trình hội hợp... mượn dịch.

Chúng tôi năng giao thiệp với Cò Perroche, cụt một bàn tay, song còn đánh đập giỏi lắm, Capana bắt ăn cướp có hạng, Dubois, Bertin, Sabatier phụ trách việc chính trị, thanh tra Paul Vieux, xếp lính mật thám.

Cò Borel chuyên môn bắt cò bạc chó không làm gì khác.

Chẳng biết Bertin bực về việc chi mà anh ta cấp tay sau đít qua lại trước văn phòng Nadaud nói vừa đủ cho lão này nghe: “Ôi, trúng số độc đắc rồi từ giã cái chỗ rắc rối này!” (Oh, gagner le gros lot et quitter cette sale boîte!)

Mà thiệt, sau đó ít lâu, anh trúng độc đắc 200.000\$ (bằng 20 triệu bây giờ), đem vợ con sang Pháp.

Dubois, mặt đỏ au, nhân viên đặt anh biệt hiệu “con chuột lột”, năm 1925-26 cùng học một lớp

Triết với tôi, mà nay nghiêm nhiên là Cò (Commissaire), lương bổng cao gấp bốn lương tôi

Có thể nói Nadaud là cánh tay mặt Thống đốc về chánh trị; ông ta rành tâm lý, chuộng những người có khả năng, trọng đãi nhân viên người Việt, mà đối với cộng sự viên Pháp lại càng gắt gao.

Nadaud ký tên như ba giọt máu nhều, thấy mà ghê!

Thuở đó, Sở Mật thám choán vị trí Bộ Nội vụ hiện thời, song chật hẹp cũ kỹ hơn, phía sau là một dãy khám nhỏ (cachot) giam những người tình nghi, có bữa, người khát nước kêu rên nghe thảm thiết.

Lần nọ, Trần Văn Giàu bị nhốt khám Catinat; thanh tra nhờ tôi dịch bốn điều Trần Văn Giàu thảo bằng Việt ngữ và viết bằng viết chì. Và đây là đôi nét đơn sơ về Trần Văn Giàu và đại khái điều trần của anh ta.

“Trần Văn Giàu là giọt máu cuối cùng của ông Chánh báii Trần Văn Chơi, trên sáu mươi tuổi mới sanh ra Giàu, ở làng An Lục Long, Tân An.

“Giàu mũi xấp mặt gầy, song thông minh. Học lớp nhì trường tỉnh Tân An, Giàu đỗ bằng sơ học năm 1925, thi vô trường Chasseloup Laubat đỗ hạng 5 trên 150 thi sinh, chỉ thi có hai môn: ám tả và bài luận bằng Pháp văn.

“Năm nào, Giàu cũng được phần thưởng danh dự (Prix de tableau d’honneur). Năm thứ ba, Giàu thôi học sang Pháp.

“Đậu Tú tài I, Giàu học Triết, dự cuộc tranh tài toàn quốc (Concours général), được sắp hạng Danh dự (Mention honorable). Giàu xuống thuyền trốn sang Nga để thụ huấn, nằm trong một chiếc thùng, suýt bị chết ngột...”

Tôi nhớ tóm tắt bấy nhiêu đấy thôi, không rõ Giàu có viết hết cho biết mình làm gì ở Nga, hay là ngưng nơi đây, hoặc là tôi được giao cho công việc gì khác chẳng mà dịch không trọn cũng không biết chừng.

Bà ba Nghi, bà ngoại vợ ông Gouillon từ trần; bà ở Hương Điền, Bến Tre, sùng tín đạo Phật. Ông bà Gouillon về chịu tang.

Chúng tôi mượn chiếc xe hơi của ông Bùi Quang Nam, Đốc phủ sứ hồi hưu, thân phụ Cò mi Bùi Quang Xuân, đi phúng điếu.

Chúng tôi đều đậu ít nhiều, anh Truyền đặt một tấm giăng gấn bốn chữ Nho: “Tứ bất cư tam”, ý nói trên thế gian, có bốn điều làm cho con người “không chết” (tứ bất tử), danh lưu mãi mãi, mà bà ba Ngải đã dạng ba.

Chiều bữa đi điếu, chúng tôi mặc quốc phục, đem bánh mì vô Sỏ, năm giờ ăn qua loa rồi lên xe nhắm Mỹ Tho trực chỉ.

Chúng tôi đi đủ mặt: Truyền, Tồn, Xuân, Đức, Hai, Hiếu và tôi.

Đến bến đò Rạch Miễu trời vừa chạng vạng. Lần đầu tiên, tôi thấy một cái “bac” rộng lớn như thế, bằng hai bac Bassac và bac Mỹ thuận.

Lúc ấy, nước lớn đầy, gió mát mẻ, nhưng sóng không to. Chiếc đồ máy ra giữa giòng, chúng tôi xuống xe đứng dựa lan can nhìn trời, nhìn nước, mé sông, xúc cảnh sanh tình, tôi nôm na mấy vắn:

Trời nước thanh thanh, ngọn sóng xao,

Dựa sông chòi là cảnh xinh màu.

Bóng lồng dưới cội, cây xanh kịt,

Tĩnh mạch nhàn này thú biết bao!

Tôi Hương Điểm bảy giờ ruồi tối, tang gia ở tại chợ một cái nhà tô, sáng trưng đèn điện, khách khứa đầy nhà, trước sân chợ thiên hạ tụ coi đông đảo.

Đường như anh Mai Thọ Truyền bà con với tang quyến, anh thay mặt anh em nói mấy lời phân ưu; chúng tôi làm lễ trước linh cữu, ăn chén cháo rồi kiếu từ.

Lại qua bac Rạch Miễu, sông rộng minh mông, lăn tăn dợn sóng, ánh trăng giọi trên sông, như vàng gieo đầy nước.

Kế bên Phòng Phiên dịch chúng tôi là Sở Kiểm soát báo chí Hoa kiều. Chủ sở là ông Pierre Daudin, khá Hán văn, có dịch ra tiếng Pháp quyển “Liêu trai chí dị” của Bồ tông Linh. Quyển sách ông nhan là “Cinquante Contes chinois”. (Năm mươi truyện ngắn Trung Hoa).

Ba cộng sự viên Hoa kiều của ông là Lý Tô Bôi, Trần Tước và Bob (nghĩa là Robert).

Lý Tô Bôi xem thường Daudin. Một hôm, hai

người cãi nhau về một tài liệu. Daudin lật tự điển ra tìm, họ Lý giằng lấy cuốn sách, nói lớn bằng tiếng Pháp: “Không cần phải kiểm, lời tôi nói là đúng rồi!” (Il n’y a pas à chercher, ce que j’ai dit est vrai!)

Trần Tước người nho nhã, đẹp trai, ăn nói nhỏ nhẹ, ra dáng văn nhân.

Chú Bob (Robert) nói chữ r không được, thành ra chữ l, nên tiếng Pháp của chú nghe tức cười lắm.

Một hôm, chú ba nầy qua bảo tôi:

- Mông xừ Đào, vũ lê vu mớ tòn nê la lít đề bờ lốt xuya inh tà lí?

Tôi ngạc nhiên, trợn đôi mắt:

- Inh tà lí? Cách xít xa, ba con nết? (Anh tà lí là cái quái gì? Không biết!)

Truyền, Tôn, Xuân cười ngặt.

Bob lấy viết, viết trên cái “bloc” của tôi:

- M. Đào, voulez-vous me donner la liste des brochures interdites?

À, ra thế! Chú yêu cầu tôi cho chú mượn bản danh sách những quyển sách bị cấm.

Hai phòng Phiên dịch Việt Hoa cùng nhau giao hảo.

Công việc làm chúng tôi không có gì nặng nhọc khó khăn, chỉ lâu lâu, Mật thám bắt được truyền đơn Cộng sản, mười một, mười hai giờ đêm gì họ cũng đem “xe cây” đến chở chúng tôi, nghĩa là “bắt” vô sở làm việc, một hai giờ xong lại chở về.

Thỉnh thoảng, nhóm Nguyễn An Ninh, Trần Văn Thạch, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo được

phép diễn thuyết tại Xã tây (Mairie), thường là ban đêm. Xuân, Tôn, Hiếu thay phiên nhau đi dự thính, sáng hôm sau phúc trình ông chủ rõ.

Điều mà chúng tôi ngán là truyền đơn và bài báo của nhóm “La Lutte” (Tranh đấu). Các ông Ninh, Thạch, Tạo, Thâu được phép xuất bản một tờ báo chữ Pháp, nhan là “La Lutte”, mà các ông cũng viết giúp báo *Trung lập*, ông Trần Thiện Quí làm chủ nhiệm.

Lúc ấy, phòng kiểm duyệt báo chí đặt trên văn phòng Thống đốc, do ông Edouard Marquis làm đầu phòng, giáo sư Phạm Văn Còn phụ tá.

Báo *Trung lập* thiên tả, nên bữa nào Kiểm duyệt cũng xóa bỏ cả cột trọn trên báo. Nhiều bài, Kiểm duyệt xóa một vài câu, để một đoạn, kế bôi vài ba câu, thành thử bài báo không ra hồn gì, đọc nó lúng cúng tối nghĩa, mà phải dịch đăng khai thác, dịch sao nghe cho xuôi, thật là cực!

Đó là cái ngán thứ nhứt của chúng tôi.

Ngán thứ nhì là dịch thơ rơi. Ồi zời ơi, mấy bác thích “mộc tồn” có lối hành văn không đầu không đuôi, không khúc giữa, không quét bụi, quét bờ, không chủ từ, không túc...

Nào là tố cáo ông quan nọ ăn hối lộ, chú cảnh kia chứa bài, anh bà Tàu mang súng lậu, số 9999 đường X là ổ trộm cướp...

Trên tạp chí “Phụ nữ tân văn” của bà Nguyễn Đức Nhuận, Phan Khôi đăng một bài “Dân qua đình công” theo điệu thơ mới. Ông viết rất hay, mà

anh Truyền dịch cũng xuất sắc: “La grève des ouvriers-corbeaux”.

Thuở ấy, tờ tuần báo “Zân báo” của Vũ Khắc Thiệu “quạ” lắm, đăng những bài quan trọng như: Cái án Cao Đài, Đề 36 con, Tư bốn với lao công...

Ông chủ nhiệm giải thích vì sao ông dùng chữ Z đặt tên tờ báo ông, lẽ phải viết là “Dân báo”. Theo ông, chữ Z âm thanh mạnh mẽ hơn chữ D, yếu xìu. Mà Dân có mạnh, nước mới hùng cường. Mà nước hùng cường mới được độc lập.

Báo có ra hai câu đối, ai đối chỉnh được thưởng:

- Trên đường cái quan, xe zân đưng phải xe quan, bị phạt mười lăm quan chẵn.

và: Cô công con cong cổ, qua Giồng Dừa, mưa dưng giống.

Dường như hải nội chư văn nhữ không ai đối nghe cho được.

Cuối năm 1933, Gouillon với Nadaud phê điểm tôi quá tốt! Tôi là một công chức hánh chánh tâm thường mà các ông làm như tôi là một viên thanh tra mật thám lãnh nghề, làm cho tôi phát thẹn.

Thế mà tôi không được thăng thưởng!

Năm 1934, một phái đoàn Pháp, khuy nh tả, gọi là “Secours Rouge” (Cứu tế đỏ) qua Việt Nam điều tra đời sống công nhân; ông Nguyễn An Ninh hướng dẫn phái đoàn đi nơi nầy nơi nọ, nhân viên mật thám được lệnh theo hộ tống cho vui!

Báo chí Việt ngữ bị kiểm duyệt gắt gao; Nadaud truyền chúng tôi cắt mấy bài báo chữ Pháp ông xem.

Thuở ấy, báo Pháp ngữ, chủ báo là người Pháp, có “La Dépêche” của De Lachevrotière, báo “L’Impartial” của Darrigade, “L’Opinion”, chủ nhiệm là quan năm Séc, thường gọi là Colonel Séc.

Ông Bùi Quang Chiêu xuất bản tờ “Tribune Indigène” sau đổi là “La Tribune Indochinoise”; ông Nguyễn Phan Long làm chủ tờ “L’Echo Annamite”, nhóm Nguyễn An Ninh điều khiển tờ “La Lutte”.

Tờ này sống quá vắn vỏi, không nhớ bị chánh phủ đóng cửa hay không ai dám mua mà hết vốn. Trong mấy tờ báo ấy, “La Dépêche” công kích “Le Secours Rouge” kịch liệt hơn hết.

Một hai giờ trưa là chúng tôi phải vô Sở, đem theo kéo dao, keo, để cắt dán. Anh Truyền đóng lại thành tập kỹ càng, ngoài bìa viết mấy chữ bằng ngòi viết “rông” (écriture ronde): “Articles de presse sur l’Enquête de Secours Rouge” (Mấy bài báo về cuộc điều tra của Cứu tế đỏ).

Gouillon đem lên trình Nadaud, về nói: Ông Chánh khen: “Trình bày rất khéo” (Très bien présenté).

Vài ba sự thay đổi trong nhân viên Phòng Phiên dịch: ông giáo Hai đổi xuống Gò Công, một thơ ký tên Võ Văn Sang đến thế; lại có Cò mi Trần Văn Minh đến tăng cường nhân số anh em.

Trào Ngô Đình Diệm, Võ Văn Sang làm Trưởng ty ở Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát và Công an, còn Trần Văn Minh thì đảm nhiệm chức vụ quan trọng “Đệ nhứt Phó Tổng Giám đốc Ngân khố” (1er Fondé de pouvoirs).

Vừa mới nhận việc, Minh đã lấy hồ sơ công văn và mấy bản dịch bài báo của chúng tôi, xem qua một lần cho biết, và hỏi anh em về công việc hàng ngày của mỗi người.

Anh Truyền khen Minh biết làm việc.

Một buổi mai, ông Đỗ Khắc Tuấn vụt “mất tích”, chúng tôi cho ông chủ hay, ông nói rằng đêm hôm, ông Tuấn đánh xóc đĩa với một nhóm bạn đồng hương, bị cảnh sát tóm hết.

Nadaud định sa thải ông Tuấn.

Ông Gouillon xin Nadaud khoan hồng, vì ông Tuấn giúp việc cũng khá đặc lực. Sau một tháng giam cầm, ông Tuấn được trả tự do, và trở về Phòng Phiên dịch làm việc lại như cũ, song từ thơ ký thượng hạng hạ xuống, ông bị giáng cấp xuống thơ ký hạng nhứt.

Trần Ngọc Anh đổi đi nơi khác, ông quản Nguyễn Văn Lòng đến thay. Ông nầy vui tính; lúc rỗi rảnh, ông thuật chúng tôi nghe những chuyện xảy ra trong đời lính của ông, như chuyện Pasquier tìm hoa hồng liễu mà tôi đã chép trên kia.

Và lúc Khải Định đại Hoàng đế viếng Sài Gòn, đại Kinh đô đại Nam quốc, ông đại lính theo hầu

ngài hách vô cùng! Cái hách của những anh đánh xe cho ông Yến Tử đó mà

Gặp mấy anh, anh quản Lòng hỏi “giấy”, mấy anh trợn mắt, uốn ngực, quát: Giấy, giấy gì? Hỏi Đức Kim thượng đấy!

Quản Lòng “xò”: Ừ thôi, hổng đưa giấy thì thôi!

Mỗi ngày, có một anh tây da vàng, mắt lộ, tên là Edouard, đến chờ Gouillon vô. Ông chủ đến, hai người dắt vô văn phòng, to nhỏ cả buổi, không rõ Edouard báo tin tức mật chi chi.

Thuở trước, Chánh phủ Pháp khuyến khích công chức Pháp học Việt ngữ; ông nào đậu “Bằng ngôn ngữ Á đông” (Brevet Langues orientales) được hưởng một số tiền tương lệ: đậu hạng bình thứ (assez bien), lãnh 300\$, hạng ưu (mention bien) 400\$.

Cho nên, nhiều ông tây da vàng mũi xệp, đậu hạng ưu và tối ưu là thường.

Mỗi chiều, từ hai giờ rưỡi đến ba giờ rưỡi, một số công chức Pháp đến Phòng Phiên dịch học Việt ngữ với Gouillon. Ông bảo phán Đức cho “học sinh râu” đọc một vài bài, rồi ba giờ ông vô tiếp tục dạy.

Ông dạy âm thanh tiếng Việt bằng lối ký âm pháp: la, là, lạ, lá, lả, lã... Chúng tôi còn nhớ ông bắt mấy ông học trò đọc câu này theo giọng hát: (la-cha) (la-tôi) (lá-có) (lá-cái) (là-quần). Chúng tôi cười: là ông la cha!

Ông cũng cười, bảo: “Các anh chế giễu phương

pháp âm nhạc của tôi ha!” (Vous rigolez ma méthode musicale, hein?)

Ông dạy Tây học ba cái dấu sắc, huyền, nặng bằng cách đọc ba chữ Pháp: “Oh, la la!” mà ông bỏ dấu: Ô là lạ!

Hôm nay, tôi viết thiên hồi ký này, Guillon đã ra người thiên cổ, tôi công nhận ông là một người tử tế, không bao giờ to tiếng với nhân viên, trái lại, Phòng Phiên dịch chúng tôi có ông với anh Truyền, Nadaud cũng nể nang, và chúng tôi không bị cò tây, cò ta, cò chà và ăn hiếp.

Vì anh Truyền là một công chức xuất sắc, mấy ông Brasey, Renault nhận chân giá trị anh. Còn mi Tôn phục anh, rằng sau này thượng cấp anh Truyền có thể bất đồng chính kiến với anh, nhưng về phương diện hành chánh, anh “không chỗ chê” (impeccable).

Ông Đức cho anh Truyền là một vị Bồ tát giảng trần.

Không phải vì ngày nay anh chiếm một địa vị cao cả mà tôi tán tụng anh, tôi phục anh là người tài đức và tôi chỉ phục người tài đức mà thôi, dầu là một anh thơ ký tầm thường.

Nói đến cái lười ông Guillon, chọc đến ông thì phải biết! Ông nói tiếng Pháp trôi chảy hơn nhiều người Pháp và có lần ông cãi với cò Perroche bằng điện thoại, chúng tôi thích quá, anh Truyền nói:

- Chúng tôi chỉ tiếc có một điều...
- Điều chi? Ông hỏi.

- Là quan lớn không làm nghề luật sư!

Nhắc lại, khi tôi đến Phòng Phiên dịch thay thế anh Phủ Lương Minh Tráng, anh đi làm chủ quận Đức Hòa ở Chợ Lớn.

Dân quận này có tiếng là gang đầu cứng cổ, mà Chánh phủ đưa một ông không lanh lợi đến thì thật là... thất sách!

Cho nên anh bị một viên thư ký quận là ông Cù, người sanh trưởng ở Đức Hòa, chi phối anh, anh ở một thời gian ngắn ngủi, chán quá xin đổi về Sài Gòn, được bổ nhiệm Tòa II Dinh Hiệp lý.

Anh qua Phòng Phiên dịch thăm chúng tôi, Cò mi Tôn hỏi anh làm chủ quận có “ăn hối lộ” không?

Anh cười đáp có lần người ta tặng anh 50\$, mấy ngày sau lương tâm anh cắn rứt, anh sai lính đem hoàn lại.

Anh làm việc ở Tòa II được mấy tháng bỗng đau sơ sơ mà từ trần, vào tuổi 35 hay 36.

Người như anh, tôi chắc từ thuở ấu thơ anh chưa làm điều tội lỗi.

Quận An Hóa (Mỹ Tho) (1935-36)

Đầu năm 1935, tôi được ghi tên vào bảng thăng thưởng Huyện hạng nhứt, song vì tôi đứng tới số 4, nên Chánh phủ cho ba người đầu lên chúc thiệt thọ và hưởng lương mới kể từ tháng giêng, còn tôi

với người thứ năm thì tháng bảy mới được thăng và hưởng lương Huyện hạng nhứt.

Tháng sáu, tôi đắc lệnh đổi xuống Mỹ Tho.

Tôi lên Phòng Nhân viên gặp anh Nguyễn Minh Pháp, anh cho tôi hay tôi được bổ nhiệm quận Chợ Gạo là quận yên ổn nhứt Mỹ Tho, một quận cho công chức mới làm chủ quận lần đầu. (Une délégation pour débutants).

Ông Đốc phủ Phan Thanh Trà, chủ quận Cái Bè, về hưu, ông Phủ Trần Văn Thi, quận Chợ Gạo, đổi qua Cái Bè, thế là Chợ Gạo trống. Anh Pháp mừng cho tôi được một quận tốt và chúc tôi thành công.

Ngày tôi từ giả anh em trong Phòng Phiên dịch, Cò mi Xuân tặng tôi một cuốn “Đồng âm tự vị của Giáo sư Nguyễn Văn Mai, anh để một câu chữ Pháp: “En souvenir d’une camaraderie sans nuages” (Để kỷ niệm một tình bè bạn êm đềm).

Như trên tôi đã nói, trong muôn việc ở đời, có ý trời mà cũng có bàn tay người sắp đặt. Phòng Nhân viên định cho tôi đi Chợ Gạo, song việc sử dụng chủ quận tùy thuộc quan chủ tỉnh.

Ông Lê Tấn Năm, chủ quận An Hóa, thỉnh cầu với ông Butel, chủ tỉnh Mỹ Tho, cho ông thuyền chuyển qua Chợ Gạo, vì ông ở An Hóa đã khá lâu, dày công mần hạn với An Hóa rồi. Ông Butel chấp nhận.

Ông Mắm xin qua quận khác, đó là quyền của ông, là lẽ tự nhiên, tôi không phàn nàn chi hết. Song đảm nhiệm chức vụ chủ quận lần đầu tiên mà gặp phải An Hóa, một cù lao nằm giữa Tiền Giang

và sông Ba Lai, một quận khó khăn nhiều điều, giao thông bất tiện, thuế vụ thâu không vô, thật là bất hạnh cho tôi!

Đầu tháng bảy, tôi đơn thân độc mã xuống Mỹ Tho, trước ghé Tòa bố yết kiến ông Chánh Butel, ông Phó Merle; tôi gặp anh Phủ Đào Văn Cự lúc trước ở Tòa hai, bây giờ làm chủ sự Phòng thuế vụ tại đây.

Tôi xin với ông Butel cho anh Phủ Cự qua làm chủ quận An Hóa còn tôi ở Tòa bố cộng sự với ông. Ông quả tôi rằng: “Làm chủ quận không có gì khó khăn đâu, chú bé ơi!” (La délégation n’est pas la mer a boire, mon petit!)

Ông Butel hiền lành, ở Mỹ Tho, người ta tặng ông là “Phật sống”; ông hay gọi công chức trẻ tuổi bằng “mon petit” (chú bé), ông Phó cùng công chức già bằng “mon vieux” (chú già).

Tôi phải vâng lời ông. Qua bac Rạch Miễu, tôi đáp xe lô vô quận. Từ bên bac Tân Thạch là phía An Hóa, đến quận độ 14 cây số ngàn. Chiếc xe chạy ngang dinh quận mà tôi không dè, chùng ra tới chợ An Hóa, tôi mới hỏi dinh quận đâu, tài xế quay trở lại.

Ông Phủ Lê Tấn Năm tiếp đãi tôi tử tế, phác họa tình hình kinh tế, chánh trị, tài chánh... cho tôi nghe rồi mời tôi dùng cơm trưa. Hai giờ chiều, tôi về Sài Gòn, chuẩn bị tuân theo Định Mạng.

Việc đầu tiên là phải sắm một chiếc xe hơi; không xe, làm sao thi hành công vụ được!

Nhờ nhạc phụ tôi giúp đỡ, chúng tôi sắm được một chiếc Dodge cũ, mui trần, với giá 400 đồng bạc.

Chắc độc giả mỉm cười! một chiếc xe hơi có 400 đồng, bằng giá một con gà hiện nay.

Quý bạn thử nghĩ: năm 1935 cách nay đã 35 năm rồi, vật giá bây giờ đắt hơn hồi đó từ hai trăm đến hơn một ngàn lần! Hột gà thuở ấy một các bạc một chục, hiện nay là 160 đồng, có phải là tăng 1.600 lần không!

Tôi muốn một người tài xế 12 đồng, kêu một chiếc cam nhông chở đồ đạc xuống ngay An Hóa, và tôi nhận việc ngày 6-7-1935. Hai ông cai tổng với ông Ban biện đến quận ra mắt tôi, mỗi ông dâng một cái bao thơ, gọi là lễ tân quan của tổng làng.

Tôi ngạc nhiên, vì lần đầu tiên trong đời công chức, tôi được người đi “lễ tân quan”. Không cần suy nghĩ, tôi yêu cầu hai ông Cai với Ban biện đem số tiền ấy về, của làng nào trả lại cho làng nấy, tôi không dám thọ, và Chánh phủ đã ban cho tôi phụ cấp thuyền chuyển đủ dùng.

Tôi nhắc cho ba ông nhớ những gương thanh liêm thời xưa bên Trung hoa và thời nay ở Việt nam mình: “Dương Chấn làm quan; đương đêm, Vương Mật đến, dâng 10 cân vàng. Chấn không nhận, nói: “Tôi biết ông, sao ông không biết tôi?”

Mật thưa:

- Đêm hôm khuya khoắc, có ai hay đâu mà ngài phòng ngại?

Dương Chấn đáp:

- Trời hay, đất hay, qui thân hay, ông hay, tôi hay, sao gọi rằng không ai hay?

Bảo Vương Mật đem vàng về.

“Thuở cụ Phan thanh Giản làm Kinh lược ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, tiếng thanh liêm của Cụ rải khắp đó đây. Một hôm, có người đồng hương ở tỉnh Bến Tre đến thăm Cụ.

Hàn huyện đòi lời, người ấy xin biếu Cụ hai gói trà; Cụ nhắc gói trà lên... thấy nặng. Điềm nhiên, Cụ bảo: “Nhà còn trà, vậy cảm ơn chú em, xin nhờ khi khác”.

Đây, An Hóa

Cù lao An Hóa nằm dài như một bàn chơn, như một chiếc giày ống, giữa sông Tiền Giang và sông Ba Lai, đầu dầy về tây bắc, chơn duỗi xuống đông nam.

Từ đầu chí chơn, dài lối sáu mươi cây số; trên chóp chỉ rộng vài ngàn thước mà thôi, còn phía dưới nở lối vài mươi cây số, giữa Cửa Đại và Cửa Ba Lai.

Hai làng trên đầu cù lao, Phú túc với Phú đức, thuộc quận Châu Thành, còn từ làng An Khánh sắp xuống, 19 làng chia làm hai tổng, trên là tổng Hòa Quới, Cai tổng là Nguyễn Ngọc Thiệu ở làng Giao Hòa, một ban biện phụ tá ông, nhà ở làng Vang Quới.

Phần cuối cù lao là tổng Hòa Thịnh, Cai tổng là Huyện hàm Nguyễn Văn Xuân, ở làng Lộc Thuận.

Từ Châu Thành Mỹ Tho qua An Hóa phải do bac Rạch Miễu, băng qua sông Tiền Giang, chạy vòng trước đầu Cù lao Rồng phía Mỹ Tho và đầu Cù lao Lân, Cù lao Phụng, nằm song song, phía làng Tân Thạch, quận An Hóa.

Theo lời viên kỹ sư, chủ sở trường tiền, bac Rạch Miễu là cái bac lớn nhất Đông Dương vì nó chạy vòng trên đầu ba cái cù lao theo hình chữ S, dài trên ba cây số ngàn.

Thường thì, khi nước lớn đầy, chiếc bac sang sông trung bình mất hai mươi phút, còn khi gặp nước ròng thì đúng nửa giờ. Và, những lúc đặc biệt Thống đốc đi, chiếc bac xả hết tốc lực chạy độ mười ba phút là qua đến bên kia.

Qua bến Tân Thạch rồi, con đường liên tỉnh bằng ngang An Hóa chạy đến cầu Ba Lai mà qua Bến Tre. Nơi ngã ba Phú An Hòa, quẹo tay trái, con đường sỏi đi đến mé kinh An Hóa, rẽ tay phải chạy dài theo bờ kinh tới quận rồi đi luôn ra chợ, trường học.

Con kinh An Hóa nối liền Tiền Giang nơi vàm Giao Hòa, với sông Ba Lai, nơi kinh Chệt vậy.

Theo lời mấy ông kỹ sư thì sông Tiền Giang sâu lắm, còn sông Ba Lai rất cạn, cho nên mỗi con nước lớn nước ròng ngọn thủy triều đổ ầm ầm, khoét kinh An Hóa càng ngày càng rộng và sâu. Năm ấy, 1935, hương chức nói với tôi rằng, lúc kinh An Hóa mới đào cách đó mấy mươi năm, một chiếc ghe chài dầy ngang vừa sít, mà bây giờ nó đã rộng trên trăm thước rồi, và bên bờ kinh lở mãi, con đường lộ

đá đỏ chạy dọc theo bờ kinh đến quận và chợ đã dờい vô trong hai ba lần rồi.

Đôi khi, người ta ngồi đại tiện trên bờ kinh, bị đất lở thình lình té xuống kinh, nước trôi đi mất.

Một chiếc đò chèo chở xe hơi qua kinh, con đường đá tiếp tục đi tới Bình Đại, cách quận lỵ ba mươi cây số ngàn, đi luôn xuống Thừa Đức là làng chài ven biển.

Nơi ngã ba, quẹo tay mặt là con đường đất dẫn đến làng Thới Thuận, dân sự làm củi mắm, bắt đuông chà là; nơi đây đất phèn không làm ruộng được.

Toàn quận An Hóa có 6.200 mẫu vườn dừa, đa số nằm trong tổng Hòa Quới với một phần tổng Hòa Thịnh, kỳ dư bao nhiêu ruộng đất thì trồng lúa và cây ăn trái.

Thuở ấy, nạn kinh tế khủng hoảng vừa chấm dứt, dân sự còn nghèo, thuế thân rất khó thu, chỉ có thuế điền và viên trạch.

Chiều ngày 20 tháng 7, tôi đang ngồi làm việc, bỗng thấy ký Bảo vô báo: “Có quan lớn chánh xuống”.

Tôi bước ra tiếp rước ông Butel, ông chìa ra một mảnh giấy bằng hai ngón tay, nói: “Tại làm sao mà tháng nầy các làng An Hóa chỉ đăng có 547 đồng tiền thuế mà thôi? Họ thừa dịp chú mới đến, chưa nắm tình hình trong quận nên ‘qua mặt’ chú, giải đáp trong việc thu thuế vụ”.

Tôi mời ông qua phòng khách dùng trà, ông

khen trà ngon và căn dặn tôi vì ông mà quả hương chức không làm việc sốt sắng như vậy.

Bắt đầu hôm sau, tôi viếng tất cả các làng, một buổi mai đến hai ba xã, thôi thúc hương chức thầu thuế cho mau.

Thành thử, tháng tám, chúng tôi đăng thuế nhiều hơn mấy quận kia, mặc dầu An Hóa kém phần quan trọng hơn hết trong năm quận Mỹ Tho.

Kể về phong thanh, rộng lớn, quận Cái Bè, đứng số một, chủ quận là ông Phủ Trần Văn Thi.

Kế đó là quận Cai Lậy và Châu Thành đồng hạng. Ông Đốc phủ Nguyễn Văn Tâm từ Biên Hòa đổi xuống đây năm 1934. Ông gặp tôi mừng rỡ, nói rằng ông khiếu nại với Thống đốc ông lỗi lầm gì mà đổi ông từ một quận lớn, Châu Thành Bạc Liêu, đến một quận kém hơn, Châu Thành Biên Hòa.

Ông nói tiếp mà cười:

- Khiếu nại là khiếu nại mà chơi vậy chứ quận lớn quận nhỏ làm cái gì, đâu cũng làm việc và ăn lương.

Quận Cai Lậy là một quận khó khăn, nhiều tin đồ Cao Đài giáo, và đảng viên Cộng sản thường tuyên truyền quấy rối.

Lúc trước, Chánh phủ Pháp nghi ngờ giáo phái Cao Đài, họ cho Đạo này làm chánh trị, mưu toan đánh đổ chủ quyền người Pháp trên cõi Việt Nam.

Nhưng ông Đốc phủ Tâm đủ trí đủ tài cai trị quận Cai Lậy, ai nghe danh ông cũng ghê xương, và, thời bấy giờ, trong Nam nổi danh “Trường an tứ

hồ”, là ông Nguyễn Văn Tâm ở Cai Lậy, (Mỹ Tho), ông Trần Văn Mảng ở Chợ Lách (Vĩnh Long), ông Đốc phủ Trần Văn Phước (đã chết) Châu Thành Sóc Trăng, với ông Đặng Ngọc Chấn, chủ quận Trung ương.

Chủ quận Châu Thành Mỹ Tho là ông Bùi Quang Đồn, lanh lợi viết Pháp văn hay. Nếu tôi không lầm thì, năm 1933, ông làm chủ quận Đức Hòa, thuyền chuyển xuống Mỹ Tho, trao cái gánh nặng cho anh Lương Minh Tráng.

Thứ đến là quận Chợ Gạo, để cai trị nhứt Mỹ Tho, giáp ranh Gò Công, về Châu Thành cũng tiện mà đi Sài Gòn cũng mau. Vào lối tháng mười, thuế vụ đã thu vô 100 % rồi, khoẻ ru.

Đối với một công chức mới chỉ huy việc quận lần đầu và chưa được ở tỉnh lâu, quận An Hóa thật là khó khăn. Giao thông với Mỹ Tho, với các làng chỉ nhờ con đàng duy nhứt, trải đá mỏng manh, mùa mưa lở hang đầy những nước. Công nho làng nghèo, không đủ sức tu bổ con đường ấy.

Bac Rạch Miễu lại rắc rối, khi nào mưa lớn gió to, tài công không dám cho bac chạy. Nhứt là khoảng đầu Cù lao Lân và Cù lao Phụng, sóng to nhồi chiếc xe hơi tung lên hụp xuống mình ngồi trong xe cũng hết hồn. Phụ giúp việc dưới đò lấy dây luộc cột xe vô lan can chiếc bac. Còn hành khách thì bị sóng tạt mình mấy ướn loi ngoi!

Điện thoại không có, tin tức gấp chỉ đánh điện

tín mà thôi. Cho nên bà Phủ Năm nói với nhà tôi: “Được đi khỏi quận An Hóa mừng hết lớn!”

Thế mà, nghe thiên hạ thuật lại, chẳng biết đúng hay không. Hồi con đường Tân Thạch - An Hóa, 14 cây số ngàn, chưa đắp thì các vị chủ quận trước ông Phủ Năm là “vua viên ngoại” một phương, tự do đủ mọi phương diện, mỗi tháng đi “hầu hội” một lần thôi, di chuyển bằng xe ngựa do con đường mòn chạy dài theo bờ sông Tiền Giang từ Giao Hòa đến Tân Thạch.

Một năm, chủ tỉnh không đến một lần, có phải là khỏe cho chủ quận không? Miễn là ông tỉnh hài lòng là ông quận sung sướng! Bởi vậy cho nên, dân sự An Hóa thấy tôi còn trẻ, chúc không cao, mà làm chủ quận, họ nghi tôi lo lót 10.000 đồng! Tôi nghe vậy tức cười: trời ơi, tiền đâu mà lo dữ vậy? Làm việc bảy tám năm không dư được vài trăm bạc. Chắc là phải đi vay nợ, lời bốn năm phân rồi xuống quận lo “cào quét” cho mau đăng lấy vốn, còn có lời...

Họ không hay tôi xin với ông Butel cho tôi ở Tòa bố, cho anh Phủ Cự qua An Hóa sao?

Mấy năm về trước, Chánh phủ thấy An Hóa xa cách Mỹ Tho, quá giang bất tiện, mà lại gần Bến Tre, chỉ có qua sông Ba Lai rất cận, có chỗ lúc nước ròng người ta lội chơn mà qua Bến Tre, cho nên định sáp nhập An Hóa với tỉnh Bến Tre.

Ông chủ tỉnh Bến Tre Giraud Gilliet một phen qua An Hóa xem địa lý, thăm hỏi tình hình kinh tế

chính trị, vượt ve cái mộng thêm được một quận cho tỉnh mình.

Song thân hào An Hóa nhờ Hội đồng quản hạt, địa hạt, can thiệp với Thống đốc, không chịu sáp nhập với Bến Tre, mãi đến bây giờ An Hóa mới hiệp với Kiến hòa (Bến Tre) làm một.

Nhắc lại, tháng tám, An Hóa đăng thuế khá nhiều, Butel mát dạ, song tôi không được hân hạnh cộng sự với ông lâu dài...

Trong tháng này, mưa như trút nước, nước sông Đồng Nai dâng lên, ngập lụt toàn tỉnh Biên Hòa.

Cậu Luciani, chủ quận Long Xuyên và là rể tương lai chủ tỉnh Monlaü, đi xe bò từ quận về Tòa bố, bị nước cuốn chết chìm, song cặp bò với anh đánh xe may mắn thoát nạn.

Vị hôn thê của Luciani ngắt xiu mấy lần, ông bà Monlaü buồn rầu xin về Pháp. Chánh phủ bổ nhiệm ông Butel làm chủ tỉnh Biên Hòa và ông Henri Pommez đến Mỹ Tho thay thế Butel.

Ngày 31 tháng 8, tại Tòa bố Mỹ Tho, Butel từ già công chúc với thân hào và giới thiệu tân chủ tỉnh.

Tôi lấy làm tiếc vì Butel ngay thẳng hiền lành, và mới nhận thấy tôi lo lắng phận sự thì ông đã đổi đi, còn Pommez sau này ai cũng biết ông ta chơi bời, hối lộ...

Và trong một nhóm bốn ông chủ quận giới giang, lanh lợi đủ mọi đường mà tôi là một thằng khờ, dưới không biết ăn hối lộ chúng dân làng xã,

trên không lo lót bỏ đồ quan trên, dĩ nhiên là tôi không được các ngài có thiện cảm, mặc dầu nhân viên Tòa bố công nhận An Hóa cũng làm việc đặc lực bằng quận khác.

Lần nọ, tại Tòa bố, tôi nghe Pommez bảo Marle, phó chủ tỉnh, sắp sửa đi Cai Lậy chủ tọa cuộc đấu giá công điền: “Ông bảo Tâm gởi cho tôi ít con gà giò. Tôi thích gà giò Cai Lậy thịt rất ngon”.

Mỗi bữa sớm mai, tôi dậy sớm; điểm tâm xong, tôi viếng vài làng. Chương trình không thay đổi bao nhiêu, cũng thuế vụ, mùa màng, rượu lậu, an ninh, giáo dục...

Tôi thường ghé trường học, khuyến khích, an ủi giáo viên, giúp đỡ họ được phần nào hay phần nấy, tùy quyền hạn tôi, vì hiện nay tình hình đổi khác, chớ lúc trước, giáo chức dạy học tận làng xa, thường bị cường hào ác bá, cai tổng, hội đồng, thậm chí hương chức làng bạc đãi, gọi là giáo tổng, giáo làng, “đáo tâm đông”, làm cho họ tủi thân, chán nản, ít khi dám trừng phạt con cháu các ông, vì lỡ đánh chúng một bạt tai, một roi, một thước, thì họ hăm kiện thưa, mang tiếng bị đổi đi nơi khác...

Viếng làng đến chín giờ rưỡi, mười giờ về quận, tôi nhận công văn do một bác đội qua lấy bên Tòa bố, Tòa án và bưu điện Mỹ Tho.

Chiều, vừa làm việc, vừa tiếp khách; tánh tôi ít để cho ai chờ đợi, như là những người ở tận làng xa, trên thì An Khánh, Tân Thạch, dưới là Bình Đại,

Thới Thuận, Thừa Đức, đường sá lầy lội vì gió mưa, có việc phải đến quận mà buộc họ đợi chờ thì lòng nào cho nổi!

Thà là tôi làm việc trễ đến sáu giờ; cơm chiều xong, đốt đèn qua văn phòng tiếp tục thanh toán xong công việc hàng ngày.

Sáu giờ sáng, dẫu mưa gió hay tốt trời, bác đội phát thư cũng đạp xe xuống bac qua Mỹ Tho lấy công văn, thư từ, rồi về An Hóa vào lúc mười giờ.

Bác không bao giờ bê trễ phận sự, lương tháng có vài mươi đồng, thế mà còn có người muốn giành chén cơm của bác.

Đó là một cựa tài xế của tây thực dân Lepervenche chạy xe đồ Bình Đại Rạch Miễu, tâu với ông chủ cũ của y nhờ can thiệp với chủ tỉnh cho y thầu việc chở thư từ toàn quận An Hóa.

Lepervenche gởi gắm với Pommez, chủ tỉnh giao cho tôi cứu xét vấn đề.

Tôi hỏi ý kiến làng tổng, phân đông trả lời rằng:

“Bác phát thư đã nhiều năm làm việc châu đảo, không ai phàn nàn, trong những xóm xa hẻo lánh bác cũng đem tới là nhờ chiếc xe đạp, bác len lỏi đi trên bờ lớn bờ con.

“Nếu giao cho xe đồ lãnh việc chở thư thì trên đường trường nó đi mau thật, song hương chức hoặc trưởng ấp phải dầm mưa đón nó ngoài đường cái đặng lấy thư phát cho làng mình đem về lại phải giao cho trùm trưởng đi phát thì mất ngày giờ, tăng tổn phí, sanh nhiều bất tiện...”

Pommez đành không thể làm hài lòng Leper-venche.

Có lần, bà vợ ông này đến quận thăm chúng tôi, nói với nhà tôi rằng tôi quá hiền lành nên dân không sợ, chớ như quan cựu chủ quận mạnh mẽ, có “xình tả”, đánh bọn lưu manh té lăn cù, chúng nó sợ điếng vía.

Một chiều, tôi lục hồ sơ cũ ra xem, tình cờ bắt gặp hai hồ sơ thảm nạn, chiếc tàu Đồng Sanh đắm ở vàm kinh Giao Hòa, năm 1933 và chiếc Cai Lợi (Wei lee) chìm nơi giáp nước kinh An Hóa Chệt Sậy năm 1934, cách nhau độ một năm.

Hồ sơ Cai Lợi ghi 78 người chết và mất tích trên 100. Theo lời hương chức làng An Phước, (quận lý) thuật, trong vụ tàu chìm này có nhiều việc ly kỳ: lúc ấy vào lối một giờ khuya, tôi không nhớ ngày nào, chiếc tàu chở nặng, hàng hóa đã nhiều lại dư hành khách.

Anh tài công buồn ngủ giao tay lái cho tài công phụ, chiếc tàu từ kinh An Hóa tiến vào kinh Chệt Sậy, đặt qua sông Ba Lai mà vô Châu Thành Bến Tre.

Lúc ấy nước ròng, chiếc tàu nặng nề chạy khó khăn, anh tài công phụ loay hoay thế nào mà chiếc tàu sấn vào bờ kinh rồi ngã nghiêng, nước ào vô, tiếng khóc la hãi hùng bên chợ An Hóa cũng nghe.

Trời tối đen như mực, mấy tay lợi giỏi nhắm ngọn đèn cầu tàu An Hóa mà lợi ngay qua.

Trên tôi đã nói, vì Tiền Giang quá sâu và Ba Lai quá cạn nên khi thủy triều xuống lên, nước kinh An Hóa nổi liền hai sông ấy chảy ầm ầm như thác đổ, như ngựa phi, dầu lội giỏi thế nào mà ra giữa dòng kinh cũng bị nước cuốn ra Tiền Giang rồi trôi luôn ra biển, bởi vậy mới có trên một trăm người mất tích.

Trái lại, mấy người lội dở hay không biết lội, chập chững một hồi rồi chon đụng đất, vào bờ phía Bến Tre thoát nạn.

Mấy ngày sau, dân làng hai bên bờ kinh, hoặc bơi xuống theo tây ma mà hỏi cửa, hoặc lột vòng vàng những tử thi tấp vào bờ.

Lúc trước, nhà thương An Hóa ở tại quận lỵ, nằm trên bờ kinh, song từ năm 1934, được dời xuống Bình Đại, vì “lý do chánh trị” theo lời ông chủ tỉnh.

Viên y sĩ cai quản bệnh viện là Huỳnh Ngọc Dũ, bạn học cũ tôi ở trường trung học Mỹ Tho, bây giờ nó làm việc “dưới quyền” tôi. Trong công văn giấy tờ nó viết những dòng cung kính, còn gặp tôi thì nó “mây tao” với tôi luôn. Thế mà vui!

Tại quận có một nhà bảo sanh, lẽ thì phải ở bên phía chợ đông dân cư, song không hiểu tại sao lại cất phía bên kia kinh, nhân dân kêu nài rằng bất tiện.

Thổ sản An Hóa là dừa và lúa, còn làng ven biển là Thừa Đức thì đánh cá phơi khô, làm phân cá và tôm khô.

Kỹ nghệ làm dầu dừa là kỹ nghệ chánh, song toàn quận là dầu không có bao nhiêu nên nhà vườn hoặc bán dừa khô cho chành, hoặc cạy lấy cơm dừa, xắt ra, sấy hơi khô rồi vô bao bố hoặc bán cho lò dầu, hoặc chở lên Chợ Lớn.

Năm 1935, An Hóa sản xuất đặng chín ngàn tấn cơm dừa phơi khô (coprah).

Tôi nghĩ lại mà tức cười: tôi ở xứ dừa mà khi khát nước muốn uống một trái dừa không tìm đâu ra, cũng như mấy năm sau, năm 1942, tôi ở quận Đức Hòa là xứ mía lại không có một cây mía ngon mềm mà ăn. “Thợ rèn không dao ăn trâu”, có mâu thuẫn không!

Là vì, ở An Hóa, họ trồng toàn dừa bị trái to cỡ một người ôm, cơm dày, bán được tiền, chứ ai đâu để đất trồng thứ dừa dứa, dừa tam quan trái nhỏ, nước ngọt, song bán rẻ tiền.

Cây dừa bị trồng năm sáu năm mới đơm trái, sống vài chục năm. Theo lời nhà vườn, trận bão năm Thìn (1904) tàn phá khắp Nam Kỳ, dừa An Hóa lớp gãy ngang, lớp trốc gốc ngã rạp. Bão qua rồi, họ dọn vườn trồng lại tốp khác. An Hóa nghèo luôn năm sáu năm.

Hội hợp chủ tỉnh

Ngày 3 tháng 10 năm 1935, ông Striedter, Thanh tra chánh trị và hành chánh xuống Mỹ Tho nhóm tại Tòa bố các chủ tỉnh Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho,

Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, nghe họ trình bày tình hình trong tỉnh mình.

Pommez cho năm viên chủ quận Mỹ Tho dự thính và chiều bữa đó hầu hội luôn. Trưa, ông đãi cơm quý khách tại dinh Tỉnh trưởng. Vài ngày trước, anh Nguyễn Văn Truyện là bí thư ông Pommez và anh Cò mi Nguyễn Văn Tôn Phòng Phiên dịch, gọi cho tôi ít chữ báo, ngày 3-10, tôi cho người đem sớm qua dinh chủ tỉnh vài con cá chẻm.

Trường hợp này, tôi lại nhờ ông Cai tổng Hòa Thịnh là Huyện hàm Xuân. Ông ở làng Lộc Thuận một cái nhà gạch, nửa xưa nửa nay, rộng dài, trong nhà bàn ghế cẩn chạm trở khéo léo.

Kế bên nhà chánh, ông cất một tòa lầu nhỏ, để quý khách Pháp Nam, khi nào đến nhà ông chơi dùng cơm rồi lên nghỉ trưa trên đấy.

Sau vườn, ông đào ao nuôi cá chẻm. Khách đến dạo vườn, xem cá, ông tặng mỗi người một con; ông trao cho họ cái vợt, bảo người nhà rải cám trên mặt nước cho cá lên ăn, khách bồn thân cầm vợt mà xúc cá, may gặp con nào lớn thì nhờ mà bắt đặng con nhỏ thì... rán chịu.

Mười mấy năm về trước, Huyện Xuân oai thế lớn, muốn còng ai, đóng trấn ai thì còng, thì đóng trấn, dân làng sợ ông như sợ cọp. Nhưng từ thì tôi đến, chánh sách độc tài ấy chấm dứt. Vì thế mà Huyện Xuân không thích tôi; nhiều phen, ông đệ đơn xin từ chức.

Ông chủ quận nào khác có thể thừa cơ hội để

cử một ông tổng mới để mở túi thâu tiền, song tôi không có ý đó, và không định ở An Hóa lâu dài, thay đổi cai tổng làm chi, nên tôi an ủi ông và không chấp nhận chuyển đơn ông lên chủ tỉnh.

Bữa cơm trưa ấy, trong câu chuyện vui vẻ, Giraud Gilliet, chủ tỉnh Bến Tre, nói rằng ông biết thuật thôi miên, và thôi miên có công hiệu đổi một đứa trẻ tánh xấu thành đứa có tánh tốt.

Tôi vui miệng xin ông chủ tỉnh tôi hỏi ông Bến Tre, có thể nhờ thôi miên mà đổi một người không thích đóng thuế (mauvais contribuable) ra người sốt sắng đóng thuế (bon contribuable) hay không.

Ông Giraud đáp:

- Nếu tôi có quyền năng như vậy, thuế vụ Bến Tre đã vò 100 % rồi!

Khách dự tiệc đều cười.

Sương gì, ông chủ quận!

Trong dịp hầu hội ngày 5-11-35, tôi xin ông Pommez cho phép tôi về Tân An thăm nhà nhân ngày lễ đình chiến 11 tháng 11. Ông chịu.

Ngày ấy, tôi về Tân An vấn an song thân tôi có một buổi rồi trở lại An Hóa vào giữa trưa.

Khoảng hai giờ chiều, ông Phủ Nắm thừa lệnh chủ tỉnh qua cho tôi hay rằng ngày hôm sau, 12-11, Thống đốc Pages sẽ viếng mấy tỉnh Chợ Lớn, Gò Công, Mỹ Tho, Tân An, và ông đến tiếp tay tôi tổ chức cuộc tiếp rước cho hoàn toàn, vì Pages tánh nóng như lửa, cách chúc chủ quận như chơi!

Thế là tôi mời hai ông Cai với Ban biện đến, phân phối phần việc cho mỗi người, tổng Hòa Quới đặt bàn hương án tại bến bắc Tân Thạch, làm cửa tam quan treo cờ, hương chức An Khánh, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú An Hòa, Phước Thạnh và thân hào phải ứng trực nơi ấy hồi sáu giờ sớm mai ngày 12.

Nơi ngã ba đường liên tỉnh Mỹ Tho Bến Tre với lộ An Hóa, làm một cái cửa tam quan, treo bông thắt tụi (thắt hàng giẻ, tơ chỉ mà làm ra đồ treo).

Dinh quận cũng sẽ trang hoàng, và hai ông Cai tổng, chủ vị Hội đồng địa hạt, cùng hương chức các làng An Phước, Giao Long, Giao Hòa, Long Thạnh, Châu Phú Hưng đều tề tựu tại quận vào lúc bảy giờ.

Ban biện Hòa Quới sẽ ứng trực với hương chức Vang Quới, Lộc Thuận, Bình Đại tại kinh Vang Quới mới đào để rút nước phèn trên ruộng xuống kinh.

Nhiều toán phụ trường tiền chớ đá xanh bên Mỹ Tho qua, tu bổ cấp tốc con đường An Hóa từ ngã ba Phú An Hòa đến Vang Quới. Chiếc xe hủ lô nặng nề chạy tới chạy lui xì xẹt suốt đêm, làm cho dân làng ngơ ngác, tự hỏi vì có nào Sở trường tiền siêng năng quá đổi, làm việc thâu đêm.

Phải chi ngày thường, Sở công chánh Mỹ Tho làm ơn làm phúc chiếu cố đến con đường An Hóa chúng tôi, họ bỏ phú cho công nho làng nghèo sặc gạch, thì có đâu đến ngày hôm nay, trước giờ Thống đốc viếng tỉnh có mấy tiếng đồng hồ, họ phải dầm sương, bỏ ngủ mà làm việc! Thế mà... nhưng đó là việc sau.

Đêm ấy, trời mưa dầm dề, những tòng tụi (đỗ kết thắt bằng hàng giẻ để mà treo chơi), cờ xí, hương án, hương chúc làng đẹp hết.

Năm giờ sáng ngày hôm sau, mưa còn lâm râm, tôi chạy một vòng từ Tân Thạch xuống Vang Quới, mấy nơi chiều hôm qua đã trang hoàng cửa tam quan, mà vì mưa lớn phải tạm dẹp, bây giờ treo cờ, thắt tụi, bày hương án, che lọng lại đằng hoàng. Phía bên kia kinh An Hóa, Tòa hành chánh tỉnh có muốn bốn năm chiếc xe lô cho đậu một dọc, hướng về làng Vang Quới, dự định như vậy: khi Thống đốc, chủ tỉnh và quan khách đến bac An Hóa, chỉ có chiếc xe Thống đốc qua bac mà thôi, còn bao nhiêu xe khác thì đậu chờ bên này kinh.

Qua bên kia rồi, quan khách sẽ lên xe lô mà chạy theo xe Thống đốc. Khi về, bỏ xe lô, qua bac, lên xe nhà phản hồi Mỹ Tho.

Nơi dinh quận, chúng tôi chờ, chín giờ, mười giờ, hương chúc kẻ đứng người ngồi. Mười giờ rưỡi, xe mật thám dẫn đầu đến trước; ít giây sau, Thống đốc Pagès đến, bắt tay Hội đồng làng xã, hỏi thăm, còn các báo phóng vấn tôi.

Đoạn, quan khách lên xe, nhắm kinh An Hóa trực chỉ. Đến kinh Vang Quới, Pagès xách can đi dọc theo kinh, Pommez và chúng tôi theo bên gót.

Pagès “vấn nạn” Ban biện con kinh dài mấy cây số, rộng bao nhiêu, sâu mấy thước, đào tốn bao nhiêu ngày công, bao nhiêu tiền, và mấy đám

ruộng phèn hai bên bờ kinh đã bắt đầu canh tác được chưa.

Ban biện bình tỉnh đáp lời thượng quan. Đường như ngài hài lòng, bắt tay từ già.

Trên đường về, mặc dầu đêm qua, trường tiền cố gắng sửa con đường cho khả dĩ “chạy được”, song chiếc xe chở Larivière, Chánh văn phòng Thống đốc, cũng trượt bánh cắm đầu xuống ruộng, Larivière lỗ đầu, kỷ niệm An Hóa lưu lại cho ông.

Vài ngày sau, Thống đốc gởi thông tư cảm ơn mấy tỉnh mà ông đã đi qua, nhưng nghe như ông không hài lòng chủ quận Cần Đức nên cho ông nầy nghỉ việc.

Hội chợ triển lãm Mỹ Tho (1935) (Foire-Exposition)

Vừa nghỉ khỏe vụ Thống đốc viếng quận, kể lo việc Hội chợ triển lãm mà các tỉnh miền Trung Nam Kỳ đều dự tại Mỹ Tho: Tân An, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Chợ Lớn.

Nếu tôi nhớ không lầm thì Hội chợ khai mạc ngày 19 tháng 12 và bế mạc một tuần sau.

Mấy tỉnh nói trên trưng bày thổ sản và tiểu công nghệ tinh mình, các quận thi thổ kỳ xảo, trông thật là vui mắt.

Quận Châu Thành Mỹ Tho dùng những cọng, lá, mo nang, rau dừa tạc một bức tranh, hình Câu lạc bộ người Pháp dưới mé Tiền Giang, trước Tòa bố.

An Hóa chúng tôi không kém phần mỹ thuật, cũng cọng, lá, mo nang, dây lược mà nghệ sĩ tạc hình Lữ Vọng ngồi câu, và chung hình long lân qui phụng.

Dinh quận đầu vào một bảy gà tre, tám trống tám mái, màu sắc rất đẹp. Làng An Phước đem đến nhiều trái dừa bị to tướng, bình trà làm bằng gáo dừa gọt láng lẩy, vỏ bình là một chiếc vỏ dừa khô.

Đặc biệt nhứt là một con heo tây dưới làng Bình Đại, sống đã nhiều năm, cân nặng trên ba trăm kí; heo và chuồng phải 18 người khiêng đem xuống một chiếc tam bản chở qua Mỹ Tho.

Khách viếng hội chợ, ai thấy con heo cũng trầm trồ.

Ngày khai mạc Hội chợ. Thống đốc Pages xuống, khu vực tỉnh nào, ông chủ tỉnh đó tiếp, hướng dẫn Pages xem mỗi gian hàng các quận tỉnh mình.

Viên chủ quận phải hiện diện nơi đó đăng trình bày thổ sản quận nhà. Gian hàng An Hóa, chúng tôi cho một người thợ dùng một chiếc máy bằng gỗ đánh dây dừa, lại có cả một cuộc trình diễn đập dừa khô, cạy com dừa, xắt mỏng, sấy cho ráo và ép lấy dầu.

Một lần nữa, tôi phải trả lời với Pages rằng An Hóa có mấy thôn trồng dừa, vườn dừa chiếm tất cả 6.200 mẫu tây và hàng năm sản xuất 9.000 tấn com dừa sấy (coprah).

Pages gác đầu, qua gian hàng khác. Rảnh nợ.

Trong dịp này, tôi gặp ông Đốc phủ Chấn, chủ

quận Trung ương, ông Phủ Hồ Quang Hoàì, chủ quận Châu Thành Trà Vinh và sau này làm Thủ hiến Nam Việt.

Tôi lại gặp ông bạn đồng hương là Nguyễn Hữu Bính, Huyện danh dự, trước từng sự văn phòng Thống đốc, được Pagès cho về Tân An làm cai tổng.

Hôm ấy lại là một dịp cho Pommez đòi hỏi tôi vài con cá chẻm để thiết tiệc đãi Thống đốc, mấy ông chủ tỉnh có tham gia Hội chợ triển lãm, chủ quận Mỹ Tho với một số Hội đồng, hưu quan.

Tôi được làm quen với hai vị Đốc phủ sứ hỏi hưu đã lâu năm là ông Đốc phủ Đoàn Hữu Chung với ông Trần Nguyên Lượng. Trong hàng hưu quan, trường thọ nhất là ông Chung, dường như ông mới từ trần năm 1967 đây, thọ 101 tuổi.

Trong bữa tiệc, ông Chấn nói với chúng tôi: “Cái xứ các anh sao mà nóng nực quá!

Ông Lượng cười hề hề đáp:

- Phải, ở đây nóng nực đến nỗi người ta tưởng chừng như là ở Chợ Lớn.

Tái lập bệnh viện

Thừa dịp Hội chợ Mỹ Tho kết quả mỹ mãn, Pommez hân hoan, tôi đề nghị cùng ông cho tôi tái lập một bệnh viện tại quận lỵ An Hóa, mà không đóng cửa bệnh viện ở Bình Đại (vì rằng thì là) quận lỵ An Hóa xa Bình Đại, xa Bến Tre, mà với tỉnh lỵ Mỹ Tho càng cách trở, cho nên tại quận mà không có bệnh viện thì thật là bất tiện.

Dân sự tổng Hòa Quới sẽ chung đậu để đài thọ tổn phí kiến thiết, lối năm ngàn đồng, còn kinh phí điều hành thì ngân sách tỉnh chịu.

Pommez chấp thuận.

Thế là tôi mời thân hào chức sắc, tổng làng, nghiệp chủ đến công sở làng An Phước là làng sở tại quận, tỏ bày ý kiến, tất cả đều hoan nghinh và quyên số tiền vào danh sách, kẻ 50 người 100 đồng.

Mới nhóm có một kỳ mà đã được mấy ngàn đồng, là khi chánh quyền dời nhà thương xuống Bình Đại, dân tổng Hòa Quới bất bình, nhưng không dám phản đối. Dân miền Nam ta tánh tình dễ dãi đã quen!

Cho nên bây giờ, có người chủ trương tái lập nhà thương tại quận lỵ, họ mừng rỡ tán thành.

Tôi bảo thơ ký do danh sách mà làm biên nhận đầu tiên lần.

Cử bàn Hội tế

Hiện nay, những vị giúp việc trong làng, ta gọi là Hội đồng xã, theo tôi danh từ này dùng đúng. Hội trước, người Pháp kêu là “Conseil des Notables” mà ta dịch là “Bàn Hội tế”.

Có lẽ bây giờ các bạn trẻ nghe những danh vị: hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo tưởng tượng một thời xa xưa nào mà các ông có chút đỉnh học thức và ruộng đất, mỗi năm tranh nhau vào bàn Hội tế, để khi đình đám hưởng phần xôi thịt.

Thành kiến ấy chỉ đúng phần nào thôi.

Và chắc các bạn trẻ không rõ bàn Hội tề có những ai và giữ chức vụ gì. Đây, tôi xin trình đơn sơ các bạn rõ.

Mấy mươi năm về trước, trong mỗi làng miền Nam, trên hết có mấy chức danh dự: Chánh bái, Bồi bái, Đại hương cả. Kế đó là bàn Hội tề, gồm mười hai vị: hương cả, hương chủ, hương sự, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, hương bộ, hương quản, xã trưởng, hương thân, hương hào, chánh lục bộ.

Trong số này, bảy ông đảm nhiệm chức vụ hân hòi, kỳ dư chỉ ngồi làm vị, không nhiệm vụ rõ ràng.

Hương cả là chủ tể, điều khiển công việc làng thi hành đúng đắn, thay mặt hương thôn trong việc giao thiệp với tỉnh, quận và các sở khác.

Hương bộ cất giữ sổ bộ của làng.

Hương quản đảm trách việc tuần phòng, bắt bớ trộm cướp, điều tra án mạng, bài trừ cờ bạc, rượu lậu...

Chánh lục bộ cầm giữ bộ đời, hay việc sanh tử hôn thú.

Phần việc xã trưởng là thu thuế đăng vào kho bạc, cùng gởi vào kho tiền công nho làng và lãnh ra mà chi phí.

Hương hào rao trát cho những ai có liên quan đến Tòa án, hương thân phụ trách việc điền lính... Cả ba, xã trưởng, hương thân, hương hào thị nhận mấy văn kiện mua bán ruộng đất cho hợp pháp...

Thời Nhứt Bồn xâm chiếm Đông Dương, chú lùn điền đầu với danh từ hương cả, hương trưởng,

xã trưởng, và sùng sộ với làng, muốn biết trong ba người ấy ai là lớn vì, theo họ, “huong” và “xã” cũng là làng, mà “cả” với “trưởng” cũng là lớn. Vậy thì ai là người lớn nhứt trong làng, có thể đại diện huong chức nói chuyện với họ.

Trong việc cử đặt huong chức, nhứt là xã trưởng, trong một bàn Hội tế mà lập đảng chia phe, ủng hộ xứng cử viên mình như làng Châu Phú Hưng chẳng hạn, làm cho tôi khó lòng giải quyết. Tôi qua Châu Thành vấn kế đại ca tôi là ông Bùi Quang Đồn, một công chức lão luyện trong quan trường.

Ông bảo: “Có chi khó khăn đâu, nếu ông không bằng lòng một ứng cử viên nào, vì thiếu điều kiện như tài chánh, hạnh kiểm, ông chỉ cho “avis défavorable” (ý kiến không thuận), hoặc làm một cái phúc trình vắn vắn gởi cho chủ tỉnh, ông bác cái tờ đề cử của làng, trả về cho họ cử lại. Chớ như ông không chịu người này mà muốn cử người kia, họ cho rằng mình tư vị, ăn hối lộ...”

Gần Tết, Cai tổng cùng một số đại diện huong chức đến quận dâng bao thơ gọi là lễ Tết.

Lại một lần nữa, tôi xin Cai tổng cùng huong chức đem tiền về, “của ai trả nấy”, vì tôi không quen nhận lễ Tết.

Cái tạt tham nhùng, lễ lộc, biết bao giờ chấm dứt trên thế gian này, bởi vậy cho nên, cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, Phật giáo sắp cái Tham đứng đầu trong Tam Độc: Tham, Sân, Si.

Vì rằng, từ vua quan đến hàng dân giả, ai cũng tham lam, ai cũng hối lộ, thậm chí trong tôn giáo, và mấy người Tàu nhiều phen thống trị Việt Nam ta, nhập cảng vào đất Việt cái tệ hối lộ to tướng “nhảm xà”, hối lộ luôn cả qui thần với tập quán đốt vàng mã!

Còn trên thế gian, trong quận nọ, một công chức thấy trong dinh toàn những đồ xưa quý giá, buột miệng hỏi “quan lớn” rằng: “Thưa quan quận, hàng ông nhớ rằng cái kiếp làm quan là kiếp lực bình, nay ở nơi này, mai đổi đi nơi khác, mà mỗi lần dọn đi là đồ đạc hư bể, gãy nứt, thì ông sắm làm chỉ những đồ xưa, rủi chớ đi nó bể nó nứt, chẳng là uổng lắm sao!”

Ông quận đáp:

- Ông tưởng tôi mua cho tôi sao? Tôi mua giùm cho quan Thống đốc đấy.

Là vì quan Thống đốc thích chơi đồ cổ, nên quan quận ta tìm những đồ xưa “mua giùm” cho quan ngài, dâng mau thẳng thường và ở quận tốt.

Dẫu rằng tôi không nhận lễ tết của tổng làng, tôi cũng phải “nhập gia tùy tục”, hùn 60\$ với bốn chủ quận kia mua đồ cống sứ cho Pommez và Merle trong dịp Tết.

Làng Thừa Đức đem lên quận tết tôi ba mâm mằng cầu dai, nhà tôi lấy một chục, còn bao nhiêu bảo đem xuống trại thầy đội chia cho anh em bếp lính dùng.

Thường thì tôi không chịu nhận lễ vật của ai,

song đôi khi, vì lòng thảo mà không tốn kém, hương chức họ đem lên mấy con le le, một con gà nòi, một đùi heo rừng, đương chà là.

Le le nhốt trong giỏ một đêm sáng ngày chúng ngã gục chết, đùi heo tôi chia làm hai phần, mượn thầy đội phát thơ đem biếu nhị vị Chánh, Phó.

Con gà nòi có vảy án thiên rất tài, lâu lâu tôi bảo hương thân Tỳ đem gà vô xổ với gà tôi. Con gà điều tôi đá con gà của y tôi bởi chẳng còn manh giáp. Ông Huyện Xuân, cai tổng Hòa Thịnh, tiếc nói rằng:

- Con gà hay như vậy mà xổ hoài nó bể uống lắm, thôi thì quan lớn cho tôi.

- Ủ, ông muốn nuôi thì nuôi.

Ông quản trường đồn Thới Thuận đem đến tặng tôi một cặp dao của cá đao dài một thước hai với một cái đuôi cá đuối, rặng treo cặp dao ấy trong nhà trị được tà ma (?). Và chính cái roi cá đuối ấy mà sau này sanh lắm chuyện...

Thế thường, người ta nói “hữu tước hữu duyên”.

Nhân dịp quyền tiền cất nhà thương, một bà ngiệp chủ ở Phước Thạnh đến quyền 50\$. Tôi cảm ơn, trao biên nhận.

Bà ấy còn trẻ, khá đẹp, ăn nói mặn mà; bà ngồi chiếc ghế trước bàn viết tôi, cà kê nói chuyện. Tôi bực mình, bảo thơ ký đem công văn vô tôi, và xin lỗi bà cho tôi tiếp hương chức. Bà đứng dậy cúi đầu chào, ra đến cửa văn phòng còn day lại nhìn tôi.

Một khi, hương quán Lộc Thuận giải lên một thiếu phụ can tội đánh lộn với mẹ chồng. Bà này có thai mà cô dâu “yêu qui” (yêu qui) cỡi trên bụng bà mà đấm, mà tát. Thiếu phụ ấy coi đẹp, mặt trắng hồng, môi son, song chơn mày xách ngược, tỏ ra người hung dữ, đáng ghê:

Tôi bảo lính giam cả hai dưới trại, sáng hôm sau giải qua Tòa.

Chinh tu quận lý, tôi truyền lục lộ sửa sang đường đá, phắc cỏ hai bên đường, và ban đêm, mỗi nhà phải đốt một ngọn đèn treo trước cửa. Thành thử, đêm hôm, quận cũng sáng sửa dễ coi.

Những người không tiền đóng thuế thân, bị bắt, tôi nhờ họ tu bổ cái sân quần vợt tại quận rồi tôi trả tiền công bằng cách đóng thuế thân giúp họ.

Ai khỏi lỗi lầm

Vì tánh nóng nảy, may mắn, mà tôi sốt sắng không đúng lúc và trừng phạt cũng vụng về.

Một hôm, chú bếp qua giúp việc bên dinh quận thất kính với tôi, tôi giận lấy roi cá đuối quất chú một roi. Chú qua tỉnh thưa tôi.

Pommez không quả liền, chờ có nhiều việc sẽ đẩy tôi đi.

Việc thu thuế vụ, tỉnh vẫn thôi thúc luôn, làng xã bơ thờ, tôi phải cho lính phụ thu thuế.

Phòng thủ quận do mười người lính mã tà, với thầy đội trưởng bớt là 11. Thầy đội mang cây súng

lục, tục gọi là “giò heo” của sân đầm Mỹ Tho phát cho, còn lính có 10 cây súng mứt (mousqueton).

Thường thường, lính đi thuê sớm mai, chiều về dinh quận ngủ và canh gác, ngày hôm sau thay tốp khác đi thuê. Đôi khi, vì làng quá xa, họ về không kịp phải ngủ tại nhà việc (công sở), thành thử mấy đêm tại quận chỉ còn có năm sáu cây súng mà thôi.

Khá một điều là lúc bấy giờ, Cộng sản chưa hoạt động mạnh mẽ, bằng chẳng, một cái quận chỉ có năm ba cây súng mứt thì “bị phản lực” cho họ rồi!

Lối 12 giờ, một giờ khuya, tôi thức giấc xách đèn pin đi vòng dinh quận ra ngoài nhà tròn coi lính canh có thức không rồi đi vòng xuống trại lính.

Một đêm, tôi bắt gặp bốn người vợ bếp lính đánh bài, tôi vỗ cửa kêu thấy đội “mời” bốn chị vô khám nhốt lại. Sáng ra, phạt làm cỏ trước quận.

Thấy đội xăn văn, chạy lên chạy xuống năn nỉ tôi hai ba phen rằng trong lúc chồng họ đi bắt thuế, mấy chị ở nhà buồn, cùng nhau đánh “chập ở”, tứ sắc giải khuây.

Tôi quá nghiêm khắc như vậy, phải hay trái?

Tôi nghĩ lại cũng hối hận phần nào, nên vài tuần sau, chú cai đi thuê làng Vang Quới về phúc trình rằng, đêm đó, hương quản hốt me với nhiều người trong ấp. Lẽ thì chú bắt giải về quận, song làm như thế mất thể diện một người tai mắt trong làng, nên chú phúc trình tôi rõ.

Tôi đòi hương quán lên, hỏi đêm x dương lịch, thầy có cờ bạc với người khác không.

Thầy thưa đêm đó thầy dắt dân đi tuần, đến khuya về nhà làm gà nấu cháo đãi anh em rồi đánh vài bàn cờ tê chơi, chứ không có hốt me.

Tôi bảo rằng thầy là hương quán, đảm trách việc an ninh trong làng, bắt trộm cướp cờ bạc mà chính thầy cờ bạc thì còn bắt bớ ai! Nhưng tôi không muốn làm vỡ lở ra, thầy bị cách chức, vĩnh bất tỵ dụng, vậy thầy nên từ chức, rồi khi tôi đi nơi khác, thầy sẽ vô bàn Hội tể làm việc lại...

Vụ đánh lính, phạt vợ lính là một lỗi lầm của tôi, tôi còn một sự lầm nữa là suốt một năm ở quận An Hóa, tôi ít giao thiệp cùng ai, đăng quan sát tâm lý mỗi người, ngô hầu biết ai tốt mà gần ai xấu mà tránh, vì sợ họ lợi dụng mình.

Tôi lại quá tin, tưởng mọi người chân thật như mình; hai người có việc kiện nhau đến quận, anh A nói năng đàng hoàng, tôi tưởng anh ngay thật, còn anh B, ăn nói cụt ngủn, ấp úng, tôi thậm tưởng anh gian, song tôi quên rằng anh A con mắt láo liên, trong lúc trả lời không dám ngó ngay tôi.

Lại còn cái việc xin tái cất binh viện, tôi cũng làm việc hấp tấp, thiếu suy nghĩ...

Vụ chùa Hội Tôn

Chùa Hội Tôn ở làng Quới Sơn, cạnh bên làng Tân Thạch, trên sông Tiền Giang.

Đây là một ngôi chùa lịch sử, có chiếc đồng chung to, những đêm thanh vắng và gió xuôi, phía Châu Thành Mỹ Tho, mấy nhà ở dài theo mé sông nghe vắng vắng tiếng chuông chùa Hội Tôn.

Tục truyền rằng, lúc vua Gia Long còn là Nguyễn Ánh, bôn đảo trước sự đuổi bắt của vị anh hùng Tây Sơn, có lần chạy vào chùa này, nhờ ngồi trong chiếc đồng chung mà thoát nạn.

Huê lợi chùa là mười mấy mẫu vườn dừa và, vì số huê lợi đáng kể ấy mà xảy ra vụ tranh chấp sau khi nhà sư trụ trì viên tịch. Một nữ tín đồ, bà Nguyễn Thị, một đại địa chủ, vì lẽ bà đã cúng cho chùa mấy mẫu vườn đó, rước ông Hòa thượng Lê Văn Xuyên, chùa Vĩnh Tràng, bên chợ cũ Mỹ Tho, đến làm trụ trì chùa Hội Tôn.

Phe Phật tử làng Quới Sơn lại quyết giao ngôi trụ trì cho nhà sư Lê Văn Tầu, đại đệ tử vị sư ông đã quá vãng.

Cuộc tranh chấp kéo dài đã nhiều năm mà chưa giải quyết. Tôi định một ngày, mời hương chức Quới Sơn và tín đồ hai phe phái đầu phiếu chọn vị trụ trì.

Nhà báo Hiền Sĩ (sau năm 1945 là chủ nhiệm báo *Phục Hưng*) cũng hiện diện ngày bỏ phiếu tại chùa; đa số tín đồ chọn nhà sư Lê Văn Tầu.

Phe bà Nguyễn Thị thua tức, qua Mỹ Tho thưa với chủ tỉnh Pommez. Ông mời tôi, hương chức với sư Lê Văn Tầu qua Tòa bố, “thuyết pháp” cho một

hỏi rồi giao việc quản trị tài sản chùa cho ban Hội tế làng Quới Sơn đảm nhiệm.

Sau đó ông quở tôi không khéo sắp đặt chuyện chùa Hội Tôn cho ổn thỏa, để kéo dài quá lâu và tôi không xứng đáng ở địa vị chủ quận An Hóa.

Tôi đáp rằng tôi không thích địa vị chủ quận, tôi chỉ lo làm tròn phận sự hành chánh mà thôi và tôi không xen vào nội bộ tôn giáo. Và lại, vụ chùa Hội Tôn, nhiều quan chủ quận trước đều giàn xếp không xong, không phải riêng gì mình tôi, và chắc ông không quên rằng, đầu tháng bảy 1935, hỏi tôi mới tiếp xúc ông cựu chủ tỉnh Butel, tôi đã xin ông ấy cho tôi tiếp tục công vụ tại Tòa bố Mỹ Tho.

Nhân một ngày nghỉ phép về Sài Gòn, tôi tìm đến ông thầy cũ tôi là ông Georges Mignon, thân với Thống đốc Pagès.

Tôi tỏ bày mọi nỗi phiền lòng trong việc thi hành nhiệm vụ ở tỉnh. Ông đem hoàn cảnh tôi nói lại với Pagès, Thống đốc la lên: “Tôi biết Đào sốt sắng, làm việc được, song Đào không ngồi yên một chỗ, xin đổi đi hoài... Để có dịp...”

Và dịp ấy đã đến một cách không vinh dự gì với việc tôi mượn Cai tổng Hòa Thịnh bán chiếc xe Dodge của tôi, hay trực trực, đặng tôi mua chiếc xe khác.

Thay vì bán chiếc xe đảng hoàng, ông lại mở cuộc xổ số, mà xổ số không có Chánh phủ cho phép thì phạm tội tiểu hình!

Lê ra Cai tổng Hòa Thịnh, giúp việc đã lâu năm, phải biết điều này, song ông tưởng mình là người giàu, oai thế, không ai dám làm gì ông! Ông lắm to, ông có rất nhiều thù nghịch.

Họ rơi thơ lên chủ tỉnh rằng Cai tổng đánh số chiếc xe hơi của ông chủ quận.

Pommez phúc trình lên Pagès rằng tôi có thể làm một viên đầu phòng khá (un bon chef de bureau), song tôi thiếu kinh nghiệm điều khiển việc quận, cần phải làm việc ở Tòa bố một thời gian...

Thuyền chuyển Cẩn Thơ

Tháng bảy năm 1936, tôi đắc lệnh đổi qua Cẩn Thơ, lại ông Phủ Nguyễn Văn Phước ở Hà Tiên đến thế tôi. Sự đời khéo trở trêu, chính ông Phước năm 1932 đã thay tôi một lần tại Thị xã Bạc Liêu, nay là lần thứ nhì tại quận An Hóa.

Tôi còn có dịp gặp ông nữa.

Bữa trước khi tôi đi, tổng làng đến tiễn tôi và đưa bao thơ “tiền xăng nhót”. Một lần nữa, tôi từ chối.

Trong buổi bàn giao công việc và giới thiệu tổng làng, ông Phủ Phước ngô lời ví mình như một tàn cao cội cả, che chở tổng làng và chúng dân trong quận.

Ông Huyện Xuân, cai tổng Hòa Thịnh, thể trung thành cùng tân chủ quận, cũng như năm rồi ông thể trung thành cùng tôi!

Nhắc lại, khi tôi đắc lĩnh thuyền chuyến, Pommez truyền xã trưởng An Phước, làng sở tại quận, đem số tiền đã quyền được để cất nhà thương, gởi tất vào ngân khố.

Dự định tái thiết nhà thương tại quận lỵ An Hóa do đó mà chìm trong thời gian vô tận, cho đến mấy năm gần đây, quận lỵ được dời xuống Bình Đại thì việc lập nhà thương nói trên không thành vấn đề nữa.

Một điều sơ hở của tôi là không kịp thu lại để hủy bỏ những biên nhận mà tôi đã ký và giao cho làng xã để thu tiền những người đã ghi tên vào sổ song chưa quyền, thành thử sau này xảy ra chuyện lòi thoi.

Tòa bố Cần Thơ (1936-42) (Phòng Thuế vụ)

Qua Cần Thơ, tôi gặp lại chủ tỉnh Giraud Gilliet đã từ Bến Tre đổi qua bên này cách mấy tháng trước.

Thật là tôi khờ khạo, chỉ vì tôi quá chân thật, quên rằng trường đời là một trường tranh đấu khốc liệt vì danh, vì lợi, vì tình!

Tôi ở An Hóa không yên thân với nạn ác bá cường hào, tướng đầu ở Tòa bố ngày hai buổi lo tròn phận sự, cuối tháng lãnh đồng lương nuôi gia đình, nào dè cũng chẳng yên thân. Cũng cái cảnh tranh giành xâu xé lẫn nhau mà tôi đã chứng kiến tại Bạc Liêu

lại tái diễn nơi đây, với một sắc thái khác, rõ ràng hơn, bi ối hơn, nhứt là với một ông chủ tỉnh và một ông phó thích nịnh hót bộ đờ.

Xin nói trước về vấn đề nhà cửa.

Thoạt tiên, Giraud Gilliet cho gia đình tôi ở một cái nhà nhỏ cũ kỹ, gần trường nữ học, song cái sân rộng rãi mát mẻ.

Được một tháng, thanh tra mật thám Paul Vieux mà tôi đã có dịp gặp trên Sở Mật thám lúc tôi giúp việc Phòng Phiên dịch bây giờ đổi tên là Lecorre òn ý với chủ tỉnh thế nào mà ông nẩy cho tôi đổi ở một căn phố lâu do tỉnh mướn, xa Tòa bố hơn, còn va thì lại chiếm cái nhà tôi đang ở đó.

Lúc ấy, nhà tôi có mang gần ngày, mà phải lui đui, nặng nề, lo dọn dẹp đĩa chén, soong chảo, quần áo để “di cư” nghỉ cũng tội nghiệp!

Mà nào có yên đâu!

Sau khi nhà tôi sanh đầy tháng, chủ tỉnh trả căn phố chúng tôi cho Công ty Địa ốc, viện lễ tiết kiệm ngân quỹ, rồi cho tôi đến chia đôi với một người thợ ký tên Sản, một cái nhà sàn cây ván, cũ mềm, lợp fi-bro ciment, phía sau là một vườn chuối, thông với một ngọn rạch đã cạn.

Chủ sở trường tiền Sandreschi sai thợ đem vài tấm ván mới, chấp vá, thay ván cũ đã mục. Nhưng chúng tôi đã có năm đứa con, ở vài căn phòng nhỏ hẹp, con nít ban đêm khóc la thật là bức bối đáo đẽ.

Lại vợ chồng thầy Sản thường gấu ó với nhau về vấn đề tiền bạc. Có đêm, thầy hằn học hỏi vợ:

“Từ đầu năm tới nay, người ta cho tôi sáu bảy trăm đồng, vậy chờ mình làm gì đâu mất hết đi?”

Tôi yêu cầu ông chủ tỉnh giải quyết vấn đề nhà ở vì nhiều công chức, chức tước thấp hơn tôi và ít con hơn lại được ở những nhà không tốt lắm cũng rộng rãi, cao ráo hơn căn nhà sàn của tôi.

Ông hứa để lo xong công cuộc lập vận động trường Cần Thơ, ông sẽ giải quyết vấn đề nhà cửa cho tôi, và ông hứa lần hứa hồi mãi. Tôi phàn nàn với Lecorre, vì va mà chúng tôi trong vòng năm tháng đã dọn nhà hết ba lần và bây giờ chúng tôi ở chung một cái nhà vách ván với thầy Sản lấy làm bất tiện.

Lecorre chạy đến nói với Giraud, ông nảy ký sự vụ lệnh cho tôi chiếm trọn cái nhà. Thầy Sứ trưởng tiền lại đem cây ván, xi măng, sửa nhà tôi lần nữa.

André Cazenave

Bây giờ tôi xin nói đến viên phó Chủ tỉnh là André Cazenave; cao lớn giềnh giàng, tánh khùng khùng và thích nịnh bợ, lại hay rầy, nhân viên Tòa bố tặng anh cái bí danh là “thằng Nạo”.

Ban sơ, hỏi tôi từ Mỹ Tho qua, vô chào anh ta, anh hất hàm hỏi: “Tôi nghe anh có biệt tài bán vé số, phải không?”

Tôi nghe không rõ, tưởng anh hỏi tôi về vé số Đông Pháp mà Chánh phủ nhờ chủ quận bán lúc bấy giờ, tôi đáp: “Hỏi tôi còn làm chủ quận An Hóa, mỗi kỳ tôi bán được ngàn số”.

Sau tôi mới vỡ lẽ ra là anh ta hỏi chuyện đánh số chiếc xe tôi.

Tôi được giao trách nhiệm làm chủ sự Phòng Thuế vụ, còn công nho làng có Huyện Dương.

Ông Dương bảo tôi thẳng Nạo nó khùng, lại dờ ẹc, làm việc theo phương pháp nó thì chết, đừng kể nó ra gì, nên làm việc trực tiếp với ông Chánh là hơn.

Bởi nghe lời Huyện Dương, mỗi việc tôi đều trình ngay chủ tỉnh nên Nạo ghét tôi.

Một hôm, ông Chánh đưa xuống Nạo một cái thơ, bảo trao lại cho Lecorre, có lẽ về thuế vụ. Tôi thấy Cazenave nhét trong góc cái tấm lót bàn viết của anh ta.

Một hồi, anh kêu tôi vô hỏi cái thơ đâu, tôi bảo hỏi này thấy anh để đó, anh quả quyết đã đưa cho tôi. Tôi cãi là không có, hai người cãi nhau lịch liệt, tôi giận bỏ về chỗ ngồi.

Nào dè nó đã đưa cho ông phán Nguyên, bí thơ của nó, ông nãy ít phút sau, kính cẩn trình lại cái thơ cho nó!

Lại vì chuyện nhà cửa, tôi phàn nàn với một vài nhân viên rúi lọt vào tai Nạo, do bấy tôi Trụ vương mác thót. Nạo lên tàu Giraud rằng tôi “nghịch” ông, ông tin bằng lời, song ông không hằn học với tôi, chỉ những khi ông nhóm nhân viên để huấn thị, ông thường ngó ngay tôi mà nói, như ông khuyên công chức tận tâm, tán thành công tác xây dựng vận động trường của ông, chớ không nên chỉ trích.

Thấy không khí giữa ông chánh ông phó với tôi căng thẳng, Vương Hồng Sển, một bạn thân, khuyến tôi nên “làm lành” với bọn chúng, như là với ông chánh.

Thế là tôi viết vài bài báo gửi đăng trên “La Tribune Indochinoise” tán thành công cuộc lập vận động trường Cần Thơ, đưa con tinh thần của ông, và trước khi gửi đi, tôi trình bốn thảo ông xem, ông sửa vài chữ.

Lần lần, ông đối với tôi có cảm tình trở lại.

Phòng Công nho làng

Tôi xuống được vài tháng thì Huyện Dương đắc lệnh đổi lên tòng sự ở Dinh Hiệp lý.

Cazenave hỏi tôi với phán Nguyên từ Sài Gòn đổi xuống, ai chịu qua Phòng Công nho làng. Tôi nói: “Sao cũng được”.

Thế là Giraud Gilliet ký sự vụ lệnh cho tôi làm chủ sự phòng Công nho làng và tôi ở đây luôn cho tới năm 1942 là năm tôi đổi đi Chợ Lớn.

Từ đây, Cazenave thấy tôi thạo Công nho làng bớt hống hách với tôi.

Vận động trường Cần Thơ

Đây, tôi xin nói về vận động trường của Giraud Gilliet.

Ông có sáng kiến trước nhưt lập một vận động trường xứng đáng cho Tây Đô (kinh đô Hậu Gi-

ang), gồm có sân bóng tròn, bóng rổ, quần vợt và một phòng đi trượt trên sàn gỗ (patin)...

Hỏi ông ở Bến Tre, ông chỉnh trang Châu Thành này đẹp đẽ; bây giờ, được cai trị một tỉnh lớn hơn, Châu Thành rộng hơn, đã “có đất dụng võ”, ông muốn lưu lại một kỷ niệm để đời.

Dự án của ông có người tán thành mà cũng có người công kích, song ông cương quyết thực hành.

Các thân hào trong tỉnh, các đoàn thể thương mại kỹ nghệ mang tiền giúp ông, mỗi quận tổ chức Hội chợ, lấy tiền vô của giúp vận động trường.

Hội chợ Cái Răng thu được nhiều tiền hơn cả vì... cờ bạc công khai. Nhiều thơ rơi gởi lên Thống đốc, ông chuyển đạt xuống chủ tỉnh “Để tùy nghi” (A toutes fins utiles). Ông Giraud chuyển lại cho ông quận: “Để tường” (Pour information).

Mấy ông chủ quận

Lúc bấy giờ, Cần Thơ chia ra làm năm quận: Cái Răng (Châu Thành), Ô Môn, Trà Ôn, Phụng Hiệp và Cầu Kè.

- Nổi bật trong năm ông quận ấy, mà một nhân viên Tòa bố gọi là “ngũ vị phan vương”, là Ông Đốc phủ sứ Phan Văn Chi, xứng đáng với danh từ “đàn chi phụ mẫu” (cha mẹ dân).

Hơn mười năm làm việc tại Cần Thơ, ông được các quan cai trị người Pháp kính nể yêu vì, và nhân dân mến phục.

Không bao giờ thiên hạ đồn ông thọ lãnh trái cam nải chuối của ai, đừng nói chi tới tiền bạc, và trong lúc thi hành chức vụ cũng như đối xử với đồng bào, ông thật không hổ với vị tiền bối họ Phan, Kinh lược Nam Kỳ, Cụ Phan thanh Giản, và cũng xứng với bốn chữ Liêm, Bình, Cẩn, Cán vua Tự Đức đã ban cho Cụ Phan.

Lúc bấy giờ, vào năm 1934-35, quận Trà Ôn bị nạn cường hào quấy nhiễu, mà lão ác bá “nổi danh một thời” còn coi ông Tỉnh trưởng không có kí nào thay, đừng nói chi tới ông chủ quận nhỏ nhoi! Mấy ông nầy khi có điều chi không vừa lòng lão, lão lên Sài Gòn một chuyến là ông quận ruong trấp đổi đi lẹ lẹ, lão chơi thân với Toàn quyền Pasquier kia mà!

Thế mà lão ác bá hách dịch, mưu mô, lại không làm gì được ông chủ quận họ Phan! Vì sao? Là vì ông Nouailhetas, chủ tỉnh Cần Thơ là người thân tín của Pasquier, mà ông Phan thì được ông Nouailhetas hiểu biết quá nhiều.

Thế nên, dầu nằm trong hang hùm, ngồi kẻ miệng rắn, song nhờ chính sách khôn ngoan, chống không chống, thân không thân, chẳng ai mua chuộc được, thanh liêm, công bình, nhân đạo, không sơ hở, nên ông Phan vẫn an như bàn thạch.

- Ông Phủ Nguyễn Văn Diệu, chủ quận Cái Răng, là một người giỏi, lanh lợi, vui vẻ với anh em, ngồi quận nào cũng thành công, song người ta nói (tôi không biết có thiệt hay không), ông “dễ dãi” với cờ bạc....

- Chủ quận Ô Môn, ông Tạ Trung Cang, anh Nguyễn Văn Sung (Cầu Kè), anh Trương Văn Ngọt (Phụng Hiệp) đều là những viên quan tận tụy với chức vụ, nhưng không tránh khỏi va chạm với cường hào trong quận, họ đương đầu với ông quận, cốt tở cho làng xã, tiểu nghiệp chủ và thường dân biết rằng ta đây chẳng kiêng ai, coi ông quận chẳng ra gì, hưởng hồ là lê dân, chủ điền nho nhỏ và hương chức tầm thường.

- Chúng tôi đến thăm ông bà Tạ Trung Cang, ông nói rằng ông làm việc đúng phận sự thì thôi, không ăn hối lộ, không xen vào chuyện ai, việc hình việc hộ ông đều đưa ra tòa.

Chúng tôi xuống Cần Thơ được vài ba tháng thì ông Tạ Trung Cang đổi qua Vĩnh Long, và anh Phủ Trần Ngọc Thạch từ Vĩnh Long đến thế.

- Quận Phụng Hiệp là một quận nghèo, đất phèn, quanh năm cuối tháng nước nổi mình mông, viếng làng phải đi bằng thuyền máy. - Một ông cai tổng gọi mật thơ thưa ông quận, chúng tôi sẽ nói sau.

- Quận Cầu Kè cách Châu Thành năm mươi cây số ngàn, ruộng nương tốt, giáp ranh với Trà Vinh, chủ quận là anh Nguyễn Văn Sung, từ Tòa sáu Dinh Hiệp lý đổi xuống.

Anh này cũng khá, không biết ăn hối lộ, siêng lo việc quận, song lại “thiếu xã giao”, nên vì Hội chợ Cầu Kè kiếm tiền cho vận động trường mà anh va chạm một hương chủ, đồ đệ thân tín của vị đại địa

chủ, địa hạt Hội đồng, tức nhiên là sanh chuyện với ông Hội đồng địa hạt, đại địa chủ này, có danh là “đại dương nhứt vùng!”

Nơi đây, tôi được biết, năm 1933, anh Dương Văn Lầu từ Tòa I đổi xuống phụ tá cho ông Dương Văn Hỷ, chủ quận Cái Răng. Lần nọ anh đến Tòa bố lãnh lương, bị viên kế toán Tây làm phách, anh suýt đánh lộn với nó, công chức Tòa bố can mới thôi.

Những người có chí khí, trọng danh dự, không để cho ai hiếp đáp bao giờ.

Nhân viên Tòa bố

Nhân viên Tòa bố đặc biệt có hai ông phán, Nguyễn và Được, đeo gán ông chánh ông phó, lập nhiều “chiến công”, được phó Nạo thích lắm.

Nhân viên ghê Nạo bao nhiêu thì họ ghét phán Nguyễn phán Được bấy nhiêu, mà họ cho là bầy tôi vua Trụ.

Một khi, phán Được khoe với tôi rằng Nạo cho nót anh ta tốt lắm, như là “studieux, travailleur, laborieux, obséquieux...” Tôi cười thầm, và sau đó mấy tháng, Cazenave đổi đi, Rebouillat đổi lại, tôi nói cái sự hành diện của phán Được cho Rebouillat nghe, anh này cười ngất.

Là vì, nếu mấy hình dung từ “studieux, travailleur và laborieux” đồng một nghĩa là sốt sắng, siêng năng, trái lại “obséquieux” có nghĩa là nịnh hót, thì thật không có gì mà phải hành diện.

Tháng ba, tháng tư, Cazenave xét thuê môn bài lộn xộn bị dân chúng thua, văn phòng Thống đốc đổi anh ra Bắc.

Nạo xin yết kiến Giraud, ông này không thuận, bảo phải lập tức giao việc cho Phó nhì Guy (Comte) de Tarragon (Bá tước De Tarragon), rồi rương traps lên đường lẹ lẹ.

Tiền đưa Nạo, phán Được phán Nguyên ở lại Tòa bố đến sáu giờ để tâm tình với Nạo.

Sáng hôm sau, chúng tôi vô Sở thấy nhân viên chuyển tay nhau một bức hí họa: Tào Tháo quì dưới đất, hai tay bưng mâm áo cảm bào dâng cho Quan công, dưới chua một dòng chữ: "... Gió bắc lạnh lùng, (hỏi vậy chứ) quan lớn (có) sắp đồ nỉ chưa?"

Vài ngày sau, tôi nghe chú Hóa, tùy phái phó Nạo, thuật rằng chiều đó phán Nguyên hỏi Nạo rằng: "Ngoài Bắc lạnh lùng lắm, quan lớn đã sắp đồ nỉ chưa?"

Nạo đáp:

- Vous tưởng! Mỏa từ bên Pháp qua mà không có đồ nỉ sao? Đây một rương!

Tôi tin rằng bức họa "ly kỳ" kia, chắc là chú Hóa vẽ.

Sữa đậu nành

Trên tôi có nói về sáng kiến trang trí Châu Thành của Giraud Gilliet, ông lại cùng bà vợ và chú bếp ông, người Bắc Việt, nấu sữa đậu nành.

Bữa nọ, ông mời thân hào Pháp Nam, nam nữ và

công chúc đến dinh nghe ông nói chuyện về công dụng của đậu nành (soja).

Trạng sư Valéry ngồi kể bên tôi, thỉnh thoảng ngó Giraud Gilliet mà cười, không biết cái cười của va là cười tán thưởng có cảm tình hay cười mỉa mai.

Nói chuyện xong, ông mời mỗi người dùng một tách, hoặc một ly sữa đậu nành mới nấu, còn nóng hổi. Muốn cho bán mùi đậu nành, ông bỏ thêm vào một chút cà phê.

Và ông khuyến khích trồng đậu nành, bán sữa đậu nành...

Thuyền chuyển chánh, phó chủ tỉnh

Cazenave đổi đi, Rebouillat đến thế. Anh này có bằng Luật khoa tiến sĩ, thảo văn thơ hay, làm việc đảng hoàng, song có tánh “mèo mả” chút đỉnh.

Thấy cách ăn mặc quá sang của phán Đuốc, anh hỏi tôi lương bổng của Đuốc bao nhiêu. Tôi đáp:

- Lối năm sáu chục chi đó!

Rebouillat trẻ môi:

- Ăn xài như thế phải có số lương vài trăm đồng.

Rồi anh đọc bài thi nhỏ bằng Pháp văn:

“L'on voit des commis

“Mis

“Comme des Princes

Tạm dịch:

Ta thấy những ông tham

phục trang

như ông Hoàng.

Sân vận động Cần Thơ, ban đầu được đặt tên là “Stade Rivoal”, lấy tên Thống đốc bấy giờ, sau năm 1941, đổi là Stade Pétain, là một thành công của chủ tỉnh Giraud Gilliet.

Ông đang sung sướng trên con đường vinh quang, bỗng có lệnh chuyển ông nơi khác vào cuối tháng chín năm 1937.

Ở Cần Thơ, người ta xôn xao bàn tán về vụ đổi này: kẻ xấu miệng thêu dệt rằng vì ông tăng tịu với mục đầm vợ anh tây chủ tiệm cầm đồ, bà chủ tỉnh xách súng lục đi tìm bắn tình địch nên vì sợ sỉ nhục đó mà ông bị đổi.

Kẻ khác cho ông là nạn nhân những sáng kiến ông, nên thượng cấp ganh tị...

Ông buồn lắm, song phải cúi đầu tuân thượng lệnh.

Tiệc trà tiễn ông được tổ chức trong cái nhà đi patin, nơi sân vận động. Ông Đốc phủ Phan Văn Chỉ, chủ quận Trà Ôn đọc một bài diễn văn đặc sắc, ông Giraud Gilliet cảm động và các người Pháp đều chú ý nghe.

Kế bang trưởng Ấn kiều là Malabarchettiar ngỏ lời bằng Pháp ngữ, tỏ ý cảm ơn ông chủ tỉnh, đoạn đeo vào cổ ông và bà Giraud Gilliet mỗi người một xâu lắc vàng.

Ông Larivière, chủ tỉnh Bạc Liêu, lên Cần Thơ thay thế ông Giraud Gilliet. Cấp Larivière – Re-

bouillat làm việc đắc lực, nhưng Larivière có mỗi một cái tật là chuyện nào dầu to hay nhỏ cũng hốt hoảng lên.

Ông kiểm sát mấy ông quận, nhân viên Tòa bố và hương chức làng, ông phê điểm ông quận Cái Răng: Ông ấy lanh lợi, quá lanh lợi!" (... Il est habile, trop habile!)

* * *

Một bữa, sáu giờ tối, tôi vừa về đến nhà bỗng tùy phái đem đến cho tôi ít chữ của Rebouillat, dặn tôi mai sáng, tôi không phải lại Tòa bố, anh sẽ đem xe đến rước tôi đi Phụng Hiệp với anh.

Chúng tôi không ghé quận, đi đến một nơi có chiếc canô chực sẵn; xuống thuyền, nhắm làng X trực chỉ. Là vì quận Phụng Hiệp ít có đảng quan lộ, chỉ có những kinh rạch thông thương làng nầy qua làng kia.

Chúng tôi xét công nho làng X, số tiền hiện hữu còn bao nhiêu, xét thành linh tưởng đâu có kết quả chi, nào ngờ xã trưởng khai đem gọi tất cả số thuế và công nho làng cho cai tổng giữ, vì ông có tù sắt, cất tiền chắc chắn hơn.

Đến nhà ông Cai, ông đi vắng, chúng tôi đành phải quay thuyền về bến cũ, lên xe trở lại Cần Thơ, ngày khác đi xét công nho làng khác.

Trong lúc đi thuyền, Rebouillat tỏ ý phục ông chủ quận Trà Ôn, ông Đốc phủ sứ Phan Văn Chi, một viên quan đại diện xứng đáng. Song ông biết một viên quan khác giỏi hơn tất cả các ông chủ

quận Cần Thơ, luôn cả viên quan giỏi nhất, ấy là ông Đốc phủ Trần Văn Phước, chủ quận châu thành Sóc Trăng. (Il surpassa tous les Délégués d'ici, même le meilleur).

Rebouillat nói về phương diện hành chánh, khôn ngoan mà chắc là không đề cập đến phương diện thanh liêm, đạo đức, được lòng dân.

Sớm mai hôm ấy, nhân viên Tòa bố lấy làm lạ mà thấy ông phó chủ tỉnh với ông chủ sự Phòng công nho làng thoát nhiên “biến mất”. Công chúng đến hầu và hương chức tới làm việc đều phải ra việc.

Nhân viên đoán Rebouillat đi Sài Gòn, còn tôi nghỉ phép.

Sau Rebouillat nói cho tôi hay một trong hai Cai tổng Phụng Hiệp thua kiện với Larivière rằng ông quận Phụng Hiệp, ông Phủ Trảng Văn Ngọt tham lạm công nho làng và đặt làm cái cầu tàu trước dinh quận không đáng giá 50 đồng.

Một cái cầu tàu cây cột chắc chắn mà không đáng giá 50\$! Lòng dạ con người nham hiểm.

Chúng tôi điều tra, ông chủ quận chẳng có lỗi gì, ông chỉ có mỗi một cái tội, là tội nghèo mà thôi! Thật chữ nghèo chữ dở!

Thế mà Larivière cũng xin Thống đốc đổi ông Phủ Ngọt đi nơi khác. Rebouillat hỏi tôi muốn đi Phụng Hiệp không. Tôi đáp: “Thôi để tôi ở Tòa bố cho yên thân. Tôi không muốn rắc rối với tổng làng, với những cường hào ác bá”.

Rebouillat nghiêm nét mặt bẻ tôi:

- Anh đâu có ở Tòa bố hoài được, rồi đây anh lên chức, phải đi ngồi quận nữa.

- Chùng nào đến đó sẽ hay, còn bây giờ tôi không tình nguyện đi Phụng Hiệp cho ông Phủ Ngọt phải đổi đi nơi khác.

Kể đó, Rebouillat được chuyển làm chủ quận Chợ Mới ở Long Xuyên, là một quận dành cho công chức người Pháp, như Long Xuyên, Hớn Quản, Cà Mau...

Ông phàn nàn với chủ sự Phòng nhân viên.

Ông này cho đó là một tín nhiệm của thượng cấp đối với Rebouillat, song theo Rebouillat thì từ địa vị Phó chủ tỉnh mà “xuống” chủ quận kể như bị sụt chức.

Tuần kỷ luật, Rebouillat đi, Beauvais lại thế.

Larivière cũng cuốn gói về Bạc Liêu vì Thống đốc bổ nhiệm ông Henri Colas, quan cai trị hạng nhứt từ Bắc vào, làm chủ tỉnh Cần Thơ là tỉnh lớn nhứt Nam Kỳ.

Đầu năm 1938, tôi được thăng Phủ hạng ba nhờ Larivière can thiệp với Phòng Nhân viên, trong phiên nhóm Hội đồng thăng thưởng.

Cũng năm 1938, có việc chuyển chủ quận trong tỉnh:

- ông Phan Văn Chỉ về châu thành,

- ông Phủ Nguyễn Văn Thiệt trên Phòng Nhân viên xuống thế ở Trà Ôn;

- ông Nguyễn Văn Diệu xuống Cầu Kè,
 - ông Nguyễn Văn Sung lên Phụng Hiệp,
 - ông Trương Văn Ngọt đi tỉnh khác.
- Thế là yên.

Henri Colas

Ông người nghiêm nghị, ít nói ít cười, mà khi ông cười thì nhân viên kêu ông là “Cọp mếu”. Đôi khi, tôi đem giấy tờ vô ký tên, ông ký rồi, giấu nói: Signé: Corollaire.

Có lần, ông kêu tôi bảo:

- Anh Đào, anh trình tôi xem tình hình tài chánh các làng trong nửa tiếng đồng hồ, hả, hả!

Tôi làm một bảng tình hình tài chánh 72 làng trong tỉnh, thâu xuất, chỉ tốn bao nhiêu, và kinh phí dự trù về “Ích lợi chung” còn bao nhiêu chưa dùng đến.

Hai mươi phút, tôi đem vô.

Ông cầm cây viết chì, dò từ trên xuống dưới không đầy một phút, trả lại tôi, nói: “Được rồi, mấy con số của anh đúng” (All right, vos chiffres sont exacts).

Tôi cầm tờ giấy trở ra, cười thầm.

Ông Colas lạ lắm, hễ ông tin ai thì ông tin mãi, mà nghi kỵ ai thì ông kềm hoài, quan Pháp, quan Việt gì cũng vậy, không tư vị ai, như Marquetty, chủ sự trường tiền chẳng hạn. Mỗi lần ông mời họ Mạc qua là họ Mạc xếu mếu, ông bảo đem sổ sách ông xem, ông vặn hỏi đủ điều...

Hối lộ

Một buổi chiều, gần năm giờ rưỡi, trời mưa lâm râm, đèn điện lại tắt, chúng tôi, vài ba công chức, tụm quanh bàn công tác (comptable) Để tán gẫu. Chú Để, tục gọi là “mi rộp Để”, vì vóc vạc nhỏ xíu, không cao hơn một đứa con gái nhỏ.

Để nói chuyện hữu duyên, thuật rằng hồi anh chưa đậu kế toán viên, anh làm thơ ký phụ trách thuế thân ở Tòa bố Trà Vinh (nay là Vĩnh Bình), ngồi gần ông phán Ngô làm bộ trâu.

Một hôm, anh nông dân đến xin lập một bài chỉ trâu. Ông Ngô làm xong, đem ông phó ký tên rồi.

Anh nông dân lặn lội cái hồ bao móc ra “một con đầm” (tám giấy bạc một đồng) khúm núm để trên bàn, gọi là đền ơn trà nước quan lớn phán.

Túc thì ông Ngô trợn mắt đọc, dừng râu dê, huơ tay vượn hét lên nho nhỏ, hất một cái con đầm nhảy bay xuống đất: “Hổng được mảy, lỗ mảy, hai đồng chớ một đồng hổng được, lỗ mảy!

Chúng tôi cười ngất: ai đòi, ăn hối lộ có vốn liếng gì mà nói chuyện lời với lỗ!

Vừa ua, ông Colas trên lầu đi xuống, thấy chúng tôi đứng chung quanh bàn công tác Để cười om, ông ghé vô hỏi.

Tôi thuật vắn tắt ông nghe câu chuyện hối lộ của ông phán Ngô, ông nói: “Tôi biết một chuyện hối lộ vui hơn nữa kia. Một khi, Tổng trưởng Bộ kinh tế viếng một xưởng chế tạo sản phẩm gì đó, Giám đốc

xưởng hướng dẫn thượng quan xem khắp các cơ sở trong nhà máy.

“Xong, ông trình cho Tổng trưởng một tập chỉ phiếu, nói: “Thưa ngài Tổng trưởng, xin ngài vui lòng nhận một điếu thuốc cho chúng tôi được hân hạnh. (M. le Ministre, veuillez nous faire 1 honneur d’une cigarette).”

“Mấy ông biết Tổng ngài trả lời sao không?

- Xin lỗi ông Giám đốc, tôi chỉ hút xì gà mà thôi. (Pardon, M. le Directeur, je ne fume que des cigares).”

Ông Colas dứt lời, cười hề hề ra khỏi cửa, chúng tôi tiễn ông bằng câu thơ:

Biện làng năm các họ la...

Thượng quan càng lớn, xì gà càng tooo!

Chuyện hồi lộ nói sao cho cùng; một ông chủ tỉnh, hình như ông Nouailhetas gọi đó là “một bệnh trầm kha” (un mal endémique).

Ở Cần Thơ, tôi nghe nói mấy năm về trước, có một ông chủ quận, ông ngồi tiệc trên Trà Ôn mà ông còn “quơ dừa” xuống đến mâm Cầu Kè, ngán chưa? Xin thưa mau rằng đó không phải là ông Phan Văn Chỉ, mà chính nhờ đức tánh thanh liêm của ông, làm gương cho tổng làng, nên dân chúng toàn quận Trà Ôn được hưởng một thời an cư lạc nghiệp.

Và hai ông Cai tổng đều tử tế đối với làng dân, như là ông Cai An Trường Lê Ngọc Diệp, là một công chức thanh liêm, giỏi dẫn.

Nhắc lại, năm 1938, trong cuộc truyền chuyển chủ quận to tát nói trên, tổng làng dân sự quận Trà Ôn mến ông Phan Văn Chỉ, dâng đơn lên chủ tỉnh, thỉnh cầu để ông ở lại.

Nhưng dường như lệnh thượng cấp dành cái quận Trà Ôn là quận tốt nhất Cần Thơ cho ông Phủ Nguyễn Văn Thiệt, nên ông Colas không làm sao đặt.

Bữa ông Phan Văn Chỉ giao việc cho ông Nguyễn Văn Thiệt rồi qua Cần Thơ, tổng làng và nhân dân theo đưa từ Trà Ôn qua Cần Thơ đông đảo suốt mười mấy cây số ngàn.

Theo lời công chức Cần Thơ, ít có cuộc biểu tình thiện cảm đối với chủ quận như vậy. Trái lại, một ông quận Phụng Hiệp hỏi còn ở đây ông muốn đắp đập làm ruộng của ông, ông đi rồi, dân làng họ bữa cái đập ông liền!

“Điều lệ về Sổ công nho thôn xã Nam Kỳ” (1938)

Hỏi tôi thi Huyện, tôi khổ sở với đề tài Công nho thôn xã Nam Kỳ, bây giờ đảm nhiệm phòng công nho làng, am hiểu được chút đỉnh, để giúp hương chức và nhân viên Tòa bố làm việc được dễ dàng, tôi gom góp điều lệ bằng Pháp văn về công nho làng, sắp có thứ tự, dịch ra Việt văn và chú thích, viết thành một quyển sách hai thứ tiếng Pháp Việt, nhan là “Điều lệ về sổ công nhỏ thôn xã Nam Kỳ”

(Recueil de Textes réglementant les Budgets communaux en Cochinchine).

Tôi trình bản thảo ông Colas xem, ông tán thành, để cho một cái tựa. Ông lại gởi văn thư lên ông Thượng (Directeur des Bureaux) Tòa tư, thỉnh cầu Chánh phủ nâng đỡ.

Ông Thượng trả lời khen tặng và cho biết đã giới thiệu với các tỉnh để họ giao thiệp ngay với tôi mua mà dùng.

Lúc ấy Nam Kỳ có 1.277 làng, tôi xuất bản hai ngàn cuốn, chỉ bán có bốn cắc (0\$40) một cuốn mà thôi, lời được vài trăm đồng. Và tôi không có tái bản.

Năm 1947 (48?), anh Lâm Văn Huê làm tỉnh trưởng Bến Tre, gởi thư xin mua 10 cuốn “Điều lệ về Sổ công nho thôn xã Nam Kỳ”, tôi trả lời văn tắt: “Đã hết lâu rồi, anh ơi, và tôi không có in lại nữa”.

Hồi ông mới xuống Cần Thơ, mỗi lần đấu giá công điền, ông Colas đi với tôi, chắc ông muốn xem có gì ám muội không. Chùng ông tin nhiệm rồi, ông giao công việc ấy cho ông Phó, đôi khi, tôi đi một mình xuống quận, và ông quận chủ tọa cuộc đấu giá.

Đi với tôi, có lần Colas chỉ một cái nhà ngói bên đường, ba căn, cũ nhưng sạch sẽ. Ông hỏi:

- Theo anh, chủ nhân nhà đó giàu chăng?

Tôi đáp:

- Có lẽ đủ ăn chó không giàu.

Ông nói:

- Ngoài Bắc, người nào được cái nhà như vậy, trong nhà có ít lắm cũng năm ngàn đồng.

- Trong Nam chúng tôi, có câu châm ngôn: “Sống được cái nhà, thác được cái mồ”; lúc sanh tiền, ta thường sửa sang cái nhà mình ở cho sạch sẽ vén vang, mặc dầu trong nhà không tiền cũng vậy. Lại cũng xây đắp một cái mộ phần tốt đẹp ấm cúng cho cha mẹ, hoặc tạo trước sanh phần cho mình, đợi khi mình nằm xuống, con cháu khỏi bận lo. Cho nên, chúng ta thấy cái nhà như vậy, chưa chắc chủ nhân có tiền dư giả trong nhà.

Ông Colas chú ý nghe, thỉnh thoảng gật đầu.

Tánh ông dường bất chấp khách sáo. Ông đi viếng Cầu Kè với tôi, đến nhà việc, Chủ quận, Cai tổng, Hội đồng và hương chức đón tiếp, ông về qua lễ đường, mở nút quần ra đãi, xong mới bắt tay từ người.

Cách ông làm việc cũng vậy, không câu nệ những luật lệ. Vương Hồng Sển là bí thư ông thuật rằng có lần, bực vì luật lệ, ông giơ hai tay lên trời, kêu rằng: “Miễn là tôi được làm Toàn quyền 24 tiếng đồng hồ, là tôi hủy bỏ tất cả luật lệ!” (Qu’on me nomme Gouverneur Général pour 24 heures et j’abrogerais tous les textes).

Ông lại thẳng thắn đến mức quỹ bí mật Chánh phủ cấp cho ông dùng, tháng nào ông xài không hết, ông bảo Phòng kế toán làm lệnh thầu ngân (Ordre de recette) ông trả lại cho kho bạc.

Vì gia đình ở bên Pháp, cho nên bên này buồn, ông cũng có nhân tình chút đỉnh và một vài cô lợi dụng hoàn cảnh mà toan làm áp phe, song gặp phải ông Đốc phủ Chi làm chủ quận châu thành kiêm Phó chủ tỉnh, họ không cạy gỡ gì được.

Khi kia, tôi với De Tarragon đấu giá công điền dưới Cầu Kè, anh Phủ Sung đãi cơm. Chùng ăn tráng miệng, bà quận dọn mẳng cầu Xiêm. Lần đầu tiên, De Tarragon mới thấy trái nầy hỏi trái gì, có tên Pháp ngữ hay không. Ông quận quên lúng, chạy đi hỏi bà vợ. Tôi chờ anh đi khuất, tôi mới nói nhỏ với De Tarragon: “le corossol”. Chùng anh Sung trở lại, họ Đờ ra dấu nói: “Thôi tôi biết rồi, nó là le corossol”. Chúng tôi đều cười.

Lại một bữa, ông phó Beauvais đi đấu giá công điền ở Ô Môn. Ông quận mời cơm; trước tiên, ăn bánh xèo. Beauvais hỏi tại sao mà kêu bánh xèo. Chúng tôi cắt nghĩa rằng ban sơ để mỡ vô chảo cho nóng, rồi đổ bột khuấy lỏng vô, bột kêu tiếng “xèo”, lấy cái tiếng ấy mà đặt tên cho bánh.

Đến tuần tráng miệng, Beauvais thấy tôi với ông quận cầm dao gọt xoài ăn từ miếng, ông lắc đầu, dùng tay lột vỏ trái xoài tro tro, rồi cầm cắn ăn, gặm hột xong lấy khăn lau miệng, lau tay, cười nói: “Hai ông ăn như vậy không mấy ngon, tôi ăn như vậy mới thích cho!

Lập sổ Công nho làng

Năm quận Cần Thơ chia làm 72 làng, ba làng lớn là Trường Thạnh, quận lỵ Cái Răng, Thới Thạnh (Ô Môn) và Trà Ôn quận Trà Ôn.

Mỗi năm, lối tháng 11, chúng tôi, nhân viên phòng công nho làng, lo làm sổ công nho. Thường thì xã và biện làng họ cho những con số thâu xuất “ầu”, họ tăng số thâu để tăng tổn phí, nhứt là phụ cấp hương chức, lương biện...

Vậy mình phải bớt xuống vừa phải và trong khoản “Tổn phí ích lợi chung” (Dépenses d'intérêt commun), như tu bổ một con đường đi ngang qua nhiều làng, mình cho làng giàu chịu nhiều một chút và miễn cho làng nghèo.

Biện làng ghi sổ thâu xuất bằng viết chì vào bản thảo công nho, chúng tôi lấy gồm xóa và cũng dùng viết chì mà sửa đổi; chừng “coi được” rồi thì viết lại bằng mực, đoạn trình ông chủ tỉnh phê.

Xong rồi, gọi về làng làm bốn sao, ông phó ký tên để thi hành. Năm nào, chủ biện làng cũng xin tăng tiền giấy mực, lương bổng..., hương chức, tăng phụ cấp. Chúng tôi không thể làm vừa lòng tất cả mọi người vì huê lợi làng có hạn và thuế vụ thâu không hết, thâu ít mà xài nhiều thì làm thế nào được!

Làng có sổ công nho cao nhứt là Trà Ôn: 57.000\$ (bằng 6 triệu bây giờ) còn làng nhỏ nhứt, công nho ít nhứt, là làng Phù Ly, sổ công nho vốn vẹn có 812 đồng.

Làng này đa số dân là người Miên nằm trọn trong làng Đông Thành, và những tổn phí, như phụ cấp hương chức, các làng khá giả phải dang tay ra chịu đựng mấy ông ăn mà đi làm việc.

Nghe nói, hỏi đòi Nouailhetas, ông này xin với Thống đốc sáp nhập Phù Ly vào Đông Thành cho dễ bề làm việc.

Nhưng hương chức Miên và dân sự trong làng cử đại diện lên tận Nam vang thỉnh cầu vua Sisowath can thiệp với Thống đốc Nam Kỳ chấp thuận cho Phù Ly ở vào tình trạng cũ. Và Phù Ly không sáp nhập với Đông Thành.

Ban sơ, làm 72 cuốn công nho, ông chủ tỉnh cấp cho chúng tôi thù lao 72\$, mỗi làng chịu 1\$, sau kể từ năm 1940, ông cho 144\$, mỗi làng chịu 2\$. Nhân viên Phòng công nho chúng tôi chia nhau số đó.

Viết bộ thuế

Ở Tòa bố, cuối năm có lệ viết bộ thuế. Cứ lấy bản cũ chép lại, bộ điền thổ không có gì thay đổi, chỉ trừ bộ thuế thân, trâu bò, ghe sông thì thêm hoặc bớt.

Vậy bộ cũ có sửa đổi rồi thì ông phó hoặc ông phán Nguyên, chủ sự phòng thuế vụ phân phát cho mỗi người một phần mà chép thành bộ mới, từ Huyện, Phủ, thơ ký di chỉ tùy phái ở Tòa bố đều có phần.

Chép xong, nạp quyển, ông phó định thù lao cho mỗi người tùy chức tước, tùy phái được vài ba chục, thơ ký năm bảy mươi, Huyện Phủ chủ sự, Công táp 100, 120\$.

Và số tiền thù lao ấy do làng Tân An (làng sở tại Cần Thơ) xuất công nho trả trước và đòi lại các làng.

Một năm, nhân viên chép bộ gần xong, chỉ còn năm ba người chưa rồi, có lẽ họ túng tiền nên yêu cầu tôi lập danh sách trình cho ông phó cấp thù lao, rồi truyền xã Tân An xuất công nho phát cho anh em xài.

Công việc gần xong, phán Nguyễn chạy lên thưa với Colas rằng nếu phát thù lao thì sự tu bộ sẽ trễ nải vì họ không thích chép nữa, vậy phải đình chỉ sự phát tiền cho đến khi nào họ nạp tất cả bộ thuế sẽ phát.

Colas đòi tôi lên quờ. Tôi tỏ bày chỉ có một số ít chép chưa xong, mà họ cam kết sẽ chép rồi mau lẹ.

Rốt cuộc, Colas nhứt định phát tiền cho những người chép xong, còn những ai trễ thì... chờ.

Thầy Nguyễn Thế Côn ngày thường không mấy ưa phán Nguyễn, cho là tôi thắng lợi

Bỗng thầy Huấn bên kho bạc qua “sanh giặc” với phán Nguyễn, vì kho bạc lo việc thầu thuế, sao lại không cho hưởng một phần “chép bộ”.

Colas xuống hỏi làm gì mà ồm tỏi thế? Thầy Huấn trả lời như vậy rồi kết luận: “Khi người ta lột da tôi thì tôi la!” (Quand on m’écorce, je crie!)

Rốt cuộc, Colas xử năm nay lỡ rồi, sang năm sẽ hay.

Phó chủ tỉnh Philippe d'Hughes

Nếu tôi nhớ không lầm thì cuối năm 38 Beauvais đổi lên Sài Gòn làm văn phòng Thống đốc, ông phó Philippe d'Hughes đến thế.

Anh nầy tánh tình nhỏ nhen, đa nghi, chúng tôi gọi anh là “con sâu rọm” vì anh ký tên như con sâu bò.

Một mình anh đi đấu giá công điền, chợ, lò heo, bến nước, không cần ai đi theo. Anh buộc người được thầu nạp tiền liền, rồi trưa anh ôm về Tòa bố cả cặp bạc, cất vô tủ sắt, chiều đếm gửi vô kho.

Tôi thấy chuyện ấy lấy làm kỳ, khuyên ông ta: tiền nầy là huê lợi làng, để cho xã trưởng họ thầu, mất họ thường, bởi vậy cho nên làng mới cử một anh xã trưởng có hàng sản, phòng ngừa những việc bất trắc.

Luật lệ không cho phép bất cứ ai, ngoài xã trưởng, thầu tiền làng mà đóng vào kho.

Ông phó làm như vậy là sai phép, đóng đủ, không ai mang ơn, mà mất thì xuất tiền túi thường!

D'Hughes không nói gì song cũng vẫn ôm tiền về như cũ, thành thử có bữa anh mất hết 100 đồng, cái mặt méo xẹo!

Anh làm việc dở, Colas bực mình, đổ quau, vài ba bữa xuống rầy một lần. Và ông phó chỉ thưa: “Thưa ngài được, thưa ngài phải”. (Oui M. l'Administrateur, bien M. l'Administrateur).

Ông kho bạc Ordioni

Thêm vào đó, lão tây kho bạc, người Corse,

tên Ordioni, nhỏ thó, bệnh hoạn luôn, tinh thần bất loạn.

Lão đề nghị với Colas, hễ xã trưởng xin rút tiền làng trong kho ra 500\$, thì phải đăng vô một sổ thuế tương đương.

Tôi cự, nói làm như vậy không đúng phép, vì tiền làng, họ có quyền xin lãnh ra đăng tiêu phí trong công việc làng, thuế vụ họ phải rán thầu, đã đành, song nếu cho họ rút một số tiền không đủ dùng ắt họ khiêu nại.

Một hôm, tôi với Colas viếng quận Ô Môn, ông quả về việc thuế vụ, chủ quận phát câu nói:

- Ông kho bạc của ngài là một người khó chịu, thua ngài. (Votre Payeur est un incommode, M. l'Administrateur).

Colas đáp:

- Phải, song ông làm cho tình hình tài chánh khá hơn. (Oui, mais il redresse la situation financière).

Lão Ordioni khùng khùng nên chúng tôi sửa tên lão Or-di-o-ni thành Or-i-di-o-ni (idiot: ngu, khùng).

Thế chiến thứ hai

Năm 1939, thế chiến thứ hai bùng nổ, lệnh tổng động viên Pháp được ban hành, hai ông phó nhút, phó nhùi là D'Hughes và Védrières đều nhập ngũ.

D'Hughes “anh hùng” lắm, run tợ lá cây, Colas đường khinh bỉ!

Ducrest ngạch “Chef de bureau” ở Sài Gòn xuống thế, vì ông có vợ, sáu con. Ông làm việc cũng đang hoàng, song năm 1940 không rõ vì một lý do chi, ông đổi đi, ông Đốc phủ sứ Phan Văn Chi kiêm chức chủ quận châu thành với phó chủ tỉnh (Secrétaire de Province).

Đầu năm 1940, Chánh phủ Nam Kỳ sắp lại ngạch Huyện, Phủ, Đốc phủ sứ cho lên một cấp, song không lên lương, chỉ được giữ thâm niên mà thôi.

Tuy nhiên, lương bổng cũ cũng được xét lại và lương tôi, Phủ hạng ba sắp lại hạng nhì, từ năm 38 là 187\$, với phụ cấp gia đình (vợ, bảy con) giờ lên được 303\$.

Nhưng, trước khi thi hành chánh sách sắp hạng tăng lương ấy, Chánh phủ có thái độ nghiêm khắc, xét tất cả hồ sơ công chức hành chánh cao cấp. Ông nào khá khá, làm việc được thì giữ để hưởng ân huệ sắp hạng, thăng nhứt cấp, còn ai không làm tròn phận sự thì hoặc cho nghỉ việc, hoặc giáng cấp. Vì thế, năm ba ông Phủ, Huyện mất chức; một ông Phủ hạng ba sụt xuống thợ kỹ thượng hạng, thật đau!

Chánh phủ Pháp lại toan mua lòng nhà trí thức, chẳng hạn như công chức, bằng cách kiến thiết nhà cho ở.

Cần Thơ cất một cái biệt thự nhỏ cho ông kế toán viên, bấy giờ là ông Huỳnh Văn Hóa đã thay ông Trần Văn Đẻ thuyền chuyển về Sài Gòn. Các ngôi nhà cũ, sở trường tiền đều tu bổ lại, và họ cất

một dây sáu bảy căn phố mới cho nhân viên. Hàng rào, họ thủ làm bê tông cốt tre, chờ lúc ấy sắt đầu có nhập cảng mà làm.

Thời kỳ chiến tranh, mọi vật đều khan hiếm, vải sô, vỏ xe, dầu xăng, dầu lửa, sắt thép...

Chú Cò tây ở Thới Lai (quận Ô Môn) gọi xuống tỉnh một cái phúc trình gọi là “cộng tác về kinh tế”. Chú tìm được một phương pháp đốt đèn rất tiện lợi, là chú cắt ruột trái mù u ra từng lát mỏng, rồi châm lửa đốt cái tiêm tre, mù u cháy nổ nang (rõ ràng, tỏ rạng) rất tốt.

Ông Colas đem cái phúc trình xuống Tòa bố, đọc cho nhân viên nghe, rồi phê bình: “Ông ấy tìm thấy quả địa cầu tròn vo!” (Celui-là, il a trouvé que la terre est ronde).

Năm 1940 là năm đen tối nhất cho nước Pháp và Việt Nam chúng ta, vì “con gà ô, chơn trắng mỏ ngà”, biểu hiện nước Pháp, bị con ó Đức cắn cho toi bời chẳng còn manh giáp.

Muốn cứu vãn tình thế phần nào, Thống chế Pétain đầu hàng Đức và lập Chánh phủ mới... lịch sử còn ghi rõ.

Cộng sản tấn công

Năm 1941, ở Đông Dương, Nhật Bản đổ bộ từ đất Bắc, lấy lý do là hợp tác với nhà cầm quyền Pháp phòng thủ Đông Dương chống Đồng minh.

Thừa dịp nước Pháp suy yếu, Thái Lan tràn qua Lào xâm chiếm đòi sửa đổi ranh giới...

Nam Kỳ, Cộng sản nổi lên đánh quận, mặc dầu thực lực họ chưa có bao nhiêu. Tam Bình bị tập kích, song ông quận Nguyễn Phước Lộc với toán lính mã tà đẩy lui “phiến loạn”.

Ở Cần Thơ, quận Cầu Kè cũng bị tấn công và cộng sản có người bị bắn chết. Người ta xâm xì rằng đó chỉ là một cuộc dàn cảnh (mise en scene). Dầu vậy, ông Colas cũng đánh điện tín lên Thống đốc xin cho ông Phủ Nguyễn Văn Điều, chủ quận Cầu Kè, đặc cách vinh thăng Đốc phủ sứ.

Một chiều, hương quản làng Phú Hữu, quận châu thành, cấp tốc đến báo ông Phan Văn Chỉ, chủ quận, hay rằng một bọn Cộng sản chừng vài mươi người, trương cờ búa liềm đến chiếm nhà việc, đốt sổ bộ.

Tức thì ông quận cùng mười người lính, súng ống đầy đủ, đi vài chiếc ghe máy đến làng Phú Hữu, bắt gặp mấy ông Cộng đang quy tụ dân làng diễn thuyết.

Ông truyền lính bao vây rồi hiệp với hương chức bắt được bảy anh Cộng sản, còn bao nhiêu chạy mất. Họ bị chở về Cần Thơ nhốt vô khám đường.

Cò mật thám hỏi ông quận đã bắt được bọn “phiến loạn” thì bắn bỏ đập xuống sông, chở về làm chi.

Ông đáp:

- Họ có tội hay không để cho Tòa án xét xử, còn việc bắn giết không phải phần quan hành chánh.

Vì ông Phan Văn Chi đã vinh thăng tột bậc, Đốc phủ sứ đặc hạng, nên ông Colas nồng nhiệt đề nghị với Chánh phủ ban thưởng ông Đệ ngũ hạng Bắc đầu bội tinh (Chevalier de la Légion d'honneur).

Và trong một buổi lễ long trọng, một toán bộ binh Pháp sáu trăm người, do một viên quan tự chỉ huy, bồng súng chào, ông Henri Colas, nhân danh Chánh phủ Pháp, gắn huy chương cho ông Phan Văn Chi.

* * *

Cũng trong thời kỳ chiến tranh này, một năm, Chánh phủ mở một cuộc lạc quyền toàn cõi Việt Nam.

Ở Nam Kỳ, tỉnh Cần Thơ dẫn đầu với số gần bốn trăm ngàn đồng, giá trị tương đương năm chục triệu hiện nay.

Nhiều Cai tổng hạ bút quyền hai mươi ngàn đồng, để rồi được ân hưởng chức Huyện hàm.

Kế đó là Gia Định.

Năm 1941, Thủy sư Đô đốc Decoux, đã thay thế ông Catroux năm 1940, đến viếng Cần Thơ và ủy lạo công chức, thân hào...

Công việc làng

Mặc dầu trong tình trạng chiến tranh, sanh hoạt ở Cần Thơ không mất mớ, và năm 1941, tôi xuất bản cuốn “Công việc làng”, chỉ dẫn cho hương chức làm việc, phận sự hương quản, xã trưởng, hương thân, hương hào, chánh lục bộ.

Cuốn này bán có 1\$50, tôi tái bản đặng vài lần, hương chúc hoan nghinh.

Đó, nếu chúng tôi sống cách thông thả, là nhờ tôi xuất bản mấy quyển sách và người nội trợ tôi tháo vát, tiết kiệm từ đồng mới có dư mà sau này cho mấy đứa con ăn học.

Tôi nói với vài vị thẩm phán ở Cần Thơ:

- Tôi thà bán một cuốn sách lấy lời năm ba cắc bạc, còn hơn ngửa tay thọ lãnh năm bảy chục một trăm đồng tiền phi nghĩa mà lương tâm không yên đặng.

Vườn thầy Cầu

Thỉnh thoảng chúng tôi dắt mấy trẻ đi chỗ này nơi nọ mà chơi, như chiều xuống cầu “bac”, mà người ta tặng là Tiểu Vũng Tàu, chúa nhựt vô vườn thầy Cầu.

Thầy Đoàn Hữu Cầu giỏi luật pháp, làm lý đoán cho những ai có việc đến Tòa án mà không mượn trạng sư.

Thầy có tiền nhiều, cất trong miếng vườn rộng gần con đường chạy dài theo rạch Cái Khế một biệt thự lầu, nhỏ mà đẹp, và đặc biệt tu bổ miếng vườn. Ở Cần Thơ, lúc bấy giờ, hễ nói đến vườn thầy Cầu là ai cũng biết.

Chiều thứ bảy, chúa nhựt, nhiều nam nữ đến đó ngoạn cảnh, thở không khí trong lành.

Vườn trồng nhiều hoa hơn quả, mấy con đường

tráng xi măng dài tám tấc, chạy ngang qua muơng con ngay thẳng, có những chiếc cầu đúc xinh xinh.

Đặc biệt nhứt là vào khoảng 23, 24 Tết, mai vàng nở đầy vườn, bông Zinnia cả mấy trăm cây khoe màu sắc. Đứng trên nhà trông xuống, gió thổi hiu hiu, bông hoa đua đẩy, mình tưởng chừng như ở cảnh Thiên thai.

Lại đặc biệt nữa là thầy có mấy cây sen Hoa kỳ, lá to bằng cái nia, bìa cong huốt; thầy nói rằng thầy ngồi trên lá sen ấy mà không chìm, lá không lũng. Lá ấy nằm chặt muơng, là đà trên mặt nước chớ không vượt lên cao như sen ta. Bông to cỡ cái tô. Hột sen rụng dưới đáy muơng, thầy Cầu bảo phụ làm vườn lội xuống mò, đem lên trao cho thầy, thầy đốt hết, thầy muốn độc quyền làm chủ nhân thứ sen ấy mà thôi, không gây giống cho ai hết!

Thầy nói rằng thầy đem cây sen con từ Đức quốc về Việt Nam trong một cái lon nhỏ.

Tôi quen thân với thầy, tôi xin thầy vài hột sen để trồng chơi, thầy ậm ừ mãi mà mấy năm cũng chưa có.

Gần đây, tôi có hỏi thăm vườn thầy Cầu tồn tại không thì dường như sau khi thầy quá vãng, vợ con thầy không có sở thích của thầy nên không tu bổ sở vườn, thành thử cảnh ấy ngày nay đã tiêu điều. Gặp khi thuận tiện, chúng tôi sẽ viếng vườn thầy Cầu một lần cho biết mức độ tang thương đã đến bậc nào, sức nhớ câu thi đầy cảm khái của Ôn Như tiên sinh:

“Phong trần đến cả sơn khê,
 “Tang thương đến cả hoa kia cỏ này!”

Vườn Vĩnh Lộc

Chúng tôi được hân hạnh quen với anh chị Đốc phủ sứ Dương Thân Hỷ, cựu chủ quận Cái Răng và lúc ấy là chủ quận Thốt Nốt.

Anh chị tánh hiền lành, thường mời chúng tôi lên vườn Vĩnh Lộc của anh chị tại làng Bình Thủy, cách Cần Thơ bốn cây số ngàn. Ngày chúa nhật là có mặt anh ở vườn.

Anh là rể ông Võ Hiếu Đễ, người mập mập, đang hoàng, Hội trưởng Hội canh nông Cần Thơ.

Ngôi vườn Vĩnh Lộc trên hai mươi mẫu tây, anh chị vì thiếu nhân công nên chỉ trồng độ năm sáu mẫu thôi. Anh trồng cam quít, khế, dứa, nhứt là quít, chín rồi sắc lại ngọt như đường phèn.

Anh chị Đốc phủ Hỷ rất mến chúng tôi, hai tôi cũng kính trọng anh chị là người đạo đức.

Không chịu đổi

Cuối năm 1941, anh Trần Ngọc Thạch chuyển làm chủ quận Thủ Thừa (Tân An), Colas bảo tôi đi Ô Môn, tôi từ chối, xin ông để tôi ở Tòa bố làm việc với ông.

Ông vừa giận, vừa ngạc nhiên, hất hàm hỏi tôi:
 Tại sao anh không ưng đi Ô Môn?

- Là tại hương chức đó khó chịu lắm! Ông coi ông Trần Ngọc Thạch là một viên quan thanh liêm, rất

tốt với dân làng, vậy mà họ còn kiếm chuyện thua gởi ông... Tôi không muốn có chuyện với họ.

Phủ Hồ Văn Xuân từ Long Xuyên đổi xuống, ông Colas cho va làm chủ quận Ô Môn.

Một bữa chúa nhựt, chúng tôi với mấy trẻ lên vườn Vĩnh Lộc gặp anh chị Đốc phủ Hỷ, anh tưởng tôi đã đi Ô Môn, không ngờ còn ở Tòa bố.

Tôi nói rằng tôi muốn được yên ổn, tránh phiền nã của viên chủ quận mà tôi đã nếm qua rồi.

Là vì, năm 1936, ít tháng sau khi tôi qua Cần Thơ, một chiều hương quán làng Thới Thuận quận An Hóa, tìm đến nhà tôi trình cải biên lai do tôi ký tên quyền tiền cát nhà thương An Hóa, nói rằng người đứng trong biên lai xin hoàn số tiền họ lại.

Ăn làm sao? Nói làm sao? Lẽ thì hể thầu tiền mới cho biên lai, mà họ cầm giấy nầy trong tay thì tức là họ đã đóng tiền rồi, bây giờ họ trình biên lai đòi tiền lại, vì nhà thương không cát được thì họ quyền tiền để làm chi!

Số tiền quyền có ba chục bạc, mà ba chục bạc lúc đó hơn ba ngàn hiện nay, tôi cần trả số tiền ấy mà đúng lý tôi không phải trả! May mà chỉ có một lần mà thôi, nếu họ rùng rùng đòi thì chắc tôi phải buộc lòng cho ông chủ tỉnh Mỹ Tho hay vì bao nhiêu tiền quyền được, ông đã bảo xã trưởng An Phước đóng tất cả vào kho.

Đó, vì thế mà tôi chán làm chủ quận rồi, không nhận đi Phụng Hiệp, cũng không chịu đi Ô Môn.

Anh Dương Thân Hỷ cười nói:

- Chú trốn làm sao khỏi, đã lỡ vô quan trường, phải chịu cảnh quan trường gió bụi, hoàn cảnh sẽ xô đẩy chú đi làm chủ quận để mà chịu phiền não nữa!

Từ hồi chúng tôi xuống Cần Thơ đến nay, hàng cây trước nhà đã sáu lần thay lá, chúng tôi ở đây đã sáu năm rồi, trong thời gian ấy, vui buồn lẫn lộn, ai muốn gây sự với mình, ám hại mình, Trời Phật cũng che chở cho qua...

Phiên nhóm Hội đồng thăng thưởng ngày 19 tháng 12 năm 1941, tôi nhờ ông Colas mà được thăng thưởng chức Phủ hạng nhứt.

Chúng tôi mừng, mà lo sợ.

Mừng, vì được thăng thưởng, mỗi tháng được thêm mấy chục bạc.

Lo, vì sự tiên đoán của anh Đốc phủ Hỷ sẽ thực hiện nay mai.

Chủ quận Đức Hòa (1942-43)

Mà thật, vào lối tháng sáu năm 1942, tôi được lệnh tòng sự ở Chợ Lớn, là chủ quận Đức Hòa.

Chính Đức Hòa là ổ Cộng sản và năm 1941 vừa qua, xảy ra vụ quản Nền với bếp Nhung bị phục kích chết ở Đức Hòa và Chánh quyền đàn áp dữ dội.

Và nay, tôi, một công chức chỉ muốn làm việc văn phòng cho yên thân, lại phải đến một quận mà dân sự đa số là những người quá khích!

Ông Huyện Hồ Văn Sĩ, phó chủ quận Long Xuyên, xuống Cần Thơ thế tôi.

Lần đầu tiên, tôi thấy ông Colas giận thật sự. Ông đứng giữa Tòa bố, hai tay chống nạnh, đứng thẳng lưng với tất cả bề cao thước tám của ông, mặt mày nghiêm nghị, nhìn thẳng vào mặt tôi, nói giọng rõ ràng như vậy:

- Tôi đã bảo anh đi Phụng Hiệp, anh không đi, tôi sai anh đi Ô Môn, anh từ chối, bây giờ người ta cho anh đi một quận rắc rối như vậy, anh thấy chưa, anh thấy chưa? (Je vous ai envoyé à Phụng Hiệp, vous avez refusé; je vous ai envoyé à Ô Môn, vous avez refusé; maintenant on vous envoie dans un sale poste, voyez-vous, voyez-vous?)

Trong cái giận của ông, tôi thấy rõ ông cảm tình cùng tôi, tôi chỉ biết xin lỗi ông, rồi xin phép vài ba ngày về Sài Gòn đăng yết kiến Lespinnasse, chủ sự Phòng nhân viên, ngõ hầu xin ở lại Cần Thơ.

Ông viết cho tôi ít chữ, giới thiệu tôi với Lespinnasse.

Ông nài tiếp tôi từ tể, song khi tôi viện lý nài lẽ nọ đăng xin ở lại Tòa bố một thời gian nữa, ông lắc đầu nói:

- Chánh phủ đã ban cho công chức cao cấp nhiều ân huệ, tăng lương, sắp hạng cho lên một bậc tất cả, khi nào Chánh phủ dùng đến là phải tuân lệnh, chớ từ chối làm sao!

“Và anh là Phò hạng nhứt, ở Tòa bố hoài sao đăng; anh thanh liêm, chúng tôi biết, nên tôi mới

để anh đi Đức Hòa là quận cần người mẫn cán và trong sạch.”

Trưa hôm ấy, tôi tìm đến nhà anh Nguyễn Minh Pháp, lúc ấy đã lên đến Phủ hạng nhì, xin anh nói dùm với Lespinasse.

Anh sẵn lòng, song anh không dám hứa là sẽ được.

Tôi về Cần Thơ bảo nhà tôi thu xếp đồ đạc, muốn chuyển, vì chắc không còn lưu lại đây được nữa.

Ông Đốc phủ Phan Văn Chỉ thiết tiệc trà đãi tôi, đa số anh em Tòa bố đến dự.

Chúng tôi ở Cần Thơ đúng sáu năm, sanh năm đưa con, lên ba bậc. Đổi đi, nhiều bạn thân đến tiễn đưa, cùng nhau bịn rịn.

Đi quận lần thứ nhì, chúng tôi lại phải nhờ nhạc gia tôi giúp tiền để sắm một chiếc Peugeot cũ, đi làm việc.

Đầu tháng bảy năm 1942, tôi vào Tòa bố Chợ Lớn, yết kiến ông chủ tỉnh Elie Pommez là em Henri Pommez, cựu chủ tỉnh Mỹ tho, mà tôi đã cộng sự hồi năm 1935-36.

Pommez tỏ bày tình hình chánh trị, kinh tế... của quận Đức Hòa, rằng ông biết tôi có hồ sơ tốt, ông tin cậy nơi tôi và ông yêu cầu tôi viếng làng cho thường, để ý đến mọi việc, thay vì ngồi ỳ sau bàn viết, trong dinh quận.

Tôi hứa sẽ cố gắng làm tròn phận sự.

Tôi ra ngoài thăm ông Đốc phủ Chấn là chủ

quận kiêm Phó chủ tỉnh, ông niềm nở tiếp tôi và hứa giúp đỡ tôi. Nhưng khi tôi nói đến việc xin phép Chánh phủ cho tôi dùng chiếc xe riêng để di chuyển về công vụ và được hưởng phụ cấp tính theo cây số (indemnité kilométrique) thì ông nói khó, rằng dường như Chánh phủ không muốn cho như vậy nữa, mỗi người phải tự lo liệu để mà làm việc...

Tôi chán nản, bụng bảo dạ sẽ nói với ông chánh Pommez.

Đây, quận Đức Hòa

Tiếp xúc với ông Nguyễn Hữu Hậu là cựu chủ quận Đức Hòa.

Ông chỉ tôi xem hai cái mả của quán Nền với bếp Nhung trước dinh quận, phía bên nhà bưu điện. Năm ngoái, nghe nói Cộng sản tụ tập ở làng Mỹ Hạnh, hai người cỡi xe đạp đi thám thính coi thế nào. Ai ngờ cả hai có đi mà không về, lọt vào ổ phục kích Cộng sản, bị họ đâm chết.

Lính Tây Nam dưới tỉnh lên đàn áp dữ dội, đốt nhà giết người; ông quận Hậu quyền được lố 15 ngàn đồng, mua heo, gà, vịt, rượu chè đãi lính ăn tiểu trừ Cộng sản, mãi đến cuối năm 1941, trong quận mới yên.

Ông Hậu đưa ra một cây dao găm dài độ bốn tấc, nói đó là khí giới của một Cộng sản từ ngoài ruộng bò vào toan đâm ông, song mạng ông chưa đứt nên lính bắt được.

Trên con đường đi Mỹ Hạnh, trong đám ruộng cận đường, phía hữu, ông có đắp một cái mô, để bắt được Cộng sản là đem xử bắn liền.

Tôi hỏi nếu bắt lầm một thường dân chỉ bị tình nghi thì trong trường hợp đó, đương sự cũng bị bắn nữa sao?

Ông đáp cũng có thể họ vô tội, song phải hành động như thế mới mau trừ Cộng sản đang.

Trong quận yên tĩnh rồi, ông xây cất một vòng rào dinh quận bằng gạch, cao một với, chùa lỗ để bên trong chia súng bắn ra; trên vách thành găm miếng chai đập bể; bốn góc thành có hai cái “lò cốt” (vòng canh) xuyên tâm đối diện (diamétralement oppose). Mỗi đêm, từ sáu giờ tối đến sáu giờ sáng, lính lên canh trên ấy, cứ hai giờ là đổi phiên gác một lần.

Dinh quận là một cái nhà nho nhỏ, kế bên là văn phòng, thứ nữa là trại lính, kho súng đạn, chỗ giam người để điều tra. Cũng trong vòng quận, tận đầu kia, phía tả, là nhà bảo sanh, chẩn y viện. Nhóm nhà này thông ra ngoài bằng một cửa nhỏ. Trước trại lính, có một cửa lớn, bên hữu nhà chủ quận cũng có một cửa rộng, cho chiếc xe quận vào ra.

Vô quận rồi, ba cửa đóng kín, chúng tôi có cảm tưởng là “bị giam trong ngục!”

Ông quận Hậu phá hủy cái mô súng, cất một ngôi đình thờ Thần, hai bên cửa đình đắp đôi câu liễn, tôi còn nhớ một câu khởi đầu bằng chữ Đức, câu kia bằng chữ Hòa.

Ông Hậu dự định cất lại công sở Đức Hòa gần bên dinh quận, song ông giao việc ấy cho tôi.

Nhân vật

Nhà giàu tại quận tôi để ý ông phán Cử, một địa chủ có sở mía với... một cây sừng hai nòng.

Chính ông là người điều khiển quận Đức Hòa, trong thời gian anh phủ Lương Minh Tráng làm chủ quận, khiến anh chán nản xin đổi về Sài Gòn.

Người ta đồn ít ai thích ông Cử, rằng có lần ông hăm hiếp chết một đứa bé gái trong đám mía, song nhờ thế lực kim tiền, tốn hai ba chục ghim, chuyện mới êm!

Ông xin cho phép ông ngủ trong quận ban đêm; Cai tổng với thơ ký đồng thỉnh phản đối, vì những kẻ thù ông, muốn bắt cho được ông tất phải tấn công dinh quận.

Một tuần sau khi tôi đến dinh quận, ông sai con gánh gà vịt, khoai đậu qua biếu tôi. Nhưng vì tôi đã nghe về ông quá nhiều, nên tôi không dám nhận, và chắc vì lẽ đó mà sau này ông không có thiện cảm với tôi.

Một người khó chịu nữa là ông phán Thới, điều dưỡng, ăn nói lỗ mắng, chiều chúa nhứt nào cũng đi Sài Gòn cá ngựa, thành thử chiều ấy nếu xảy ra những tai nạn trong quận, người ta đành chờ nạn nhân xuống bệnh viện Chợ Rẫy, mà ban đầu thì bằng bó sơ sơ, do những bàn tay không thông thạo.

Ông Hậu bắt bình, song ông cũng giao ông Thới cho tôi, rằng: “Chú hãy liệu lấy...”

Thơ ký quận là Dương Văn Mỹ và Huỳnh Hà Thanh, hai người đều tận tụy với chức vụ, nhứt là Mỹ có bằng Tú tài, viết Pháp văn trôi chảy. Hiện nay, Mỹ giữ một chức vụ quan trọng trong Tổng Nha quan thuế.

Mười năm sau, 1952, tôi làm Chánh sự vụ Bộ Tài chánh, một thơ ký trẻ tuổi tên Huỳnh Hà Tịnh cộng sự với tôi, chính là con ông Huỳnh Hà Thanh.

Quận chia ra làm hai tổng: Cầu An Thượng và Cầu An Hạ, có 11 thôn, 69 ngàn dân, đa số làm ruộng, trồng mía làm đường, đồn củi trầm... Những đất phèn không làm ruộng được thì họ trồng thom, cây gai, mà nếu thom không chịu nữa thì đất đành bỏ hoang, đứng lác mọc đầy.

Cai tổng Cầu An Thượng, ông Mai Tâm Kiên, là người nho nhã, giỏi Hán văn, ăn nói chằm rãi đàng hoàng, tôi nói chuyện với ông vài lần là có cảm tình ngay.

Tổng Cầu An Hạ, theo lời ông Hậu nói, cựu cai tổng Nguyễn Văn Vinh không thích làm việc mà thích vợ bé hơn, cho nên ông quận phúc trình lên chủ tỉnh, ông tỉnh đồng ý và Thống đốc giải chức Cai Vinh.

Trong lúc chờ đợi cử cai tổng mới, ông Hậu giới thiệu hương chủ Mỹ Hạnh, ông Nguyễn Văn Nhung, quyền cai tổng Cầu An Hạ. Ông này mạnh

mẽ, siêng năng, võ nghệ giỏi, can đảm, đủ sức chống Cộng và bắt trộm cướp, song vì theo luật lệ hiện hành, ông thiếu “hai năm xã trưởng” nên chưa được thực thụ cai tổng, đợi lập chiến công sẽ hay.

Suốt gần một năm tôi ở Đức Hòa, ông Nguyễn Văn Nhung không lập được chiến công nào, không bắt được một tên ăn trộm nhỏ, thì làm sao mà thực thụ cai tổng được!

Một tuần sau, Pommez với Đốc phủ Chấn lên viếng quận.

Chủ tỉnh cho chỉ thị này nọ, tôi thừa dịp xin dùng xe nhà đi làm việc, ông chấp thuận và gọi lên tôi quyết định cho hưởng thụ cấp về cây số, tem mua 40 lít rượu mỗi tháng. Trong thời kỳ chiến tranh, xăng khó nhập cảng, xe hơi phải chạy bằng rượu lọc nước (alcool déshydraté), với một cuốn cạt nê di chuyển (carnet de marche), đến viếng làng nào thì bảo xã trưởng đóng dấu ký tên.

Hãng đường Hiệp Hòa

Tôi bắt đầu viếng các làng, khởi sự thăm ông Georges Dubois, Giám đốc hãng đường Hiệp Hòa (Société des Sucreries de Hiệp Hòa).

Ông là nhà tư bản 100 %, chơi thân với Toàn quyền, Thống đốc, chủ tỉnh, song cũng dễ chịu với chủ quận, tổng, làng và không hà hiếp nông dân, trái lại, máy thầy xu, thơ ký, cộng sự viên của ông dựa oai thế ông mà hống hách, mà tham nhũng.

Trong lúc vỏ ruột xe hơi và xăng nhớt khan hiếm mà bà Dubois, một phụ nữ trẻ đẹp, mỗi lần đi nghỉ mát Đà Lạt thì chiếc xe bà thay bốn vỏ ruột mới tinh hảo, đem theo hai bánh “xơ cua” (secours) để xăng đầy thùng.

Phó giám đốc là Peyrolles, cũng tử tế, ông hướng dẫn tôi xem toàn thể nhà máy làm đường.

Thật làm một cơ sở đồ sộ, chia ra làm nhiều bộ phận, chạy luôn 24 tiếng đồng hồ trên 24, chẳng ngừng nghỉ lúc nào.

Một bó mía đưa vào một bộ phận, bị guồng máy kéo vào; thời gian sau, sản phẩm trở ra do nhiều cơ quan khác: đường thẻ, đường cục trắng (có máy xắt ra từ miếng vuông), đường cát trắng, mật mía, rượu mía... Xác mía và bùn đất do hai bộ phận của máy đổ ra.

Tới mùa mía già, ghe mía tới đậu chặt con kinh thông vào nhà máy. Và những ai đút lót cho mấy thầy xu (surveillant), họ cho cân mía trước, còn ai đến sau hoặc không có lễ mễ thì rần chờ, mía khô mất cân, hoặc có trường hợp phải khóc hận mà đổ mía xuống sông.

Dubois với Peyrolles có biết tình cảnh đó không?

Tôi định nói cho hai ông rõ tình trạng thiệt thòi của nhiều người như vậy, song vì mới đến lo lắng nhiều vấn đề quan trọng, nên không kịp tỏ bày.

Thầy thợ nhà máy mấy ngàn người. Hàng cát trong vòng thành, một trường học, một ấu trĩ viện,

một bình xá, cu xá cho nhân viên, cấp lương bổng hậu, cũng quan tâm đến vấn đề thể thao, lập sân quần vợt, bóng tròn, bóng rổ...

Peyrolles biếu tôi mỗi tháng 40 lít rượu chạy xe để đi làm việc; với 80 lít rượu, tôi dùng cũng tạm đủ mà mỗi tháng lãnh phụ cấp cây số bốn, năm mươi đồng.

Một tháng sau khi nhậm chức, tôi mua một con bò thiết tiệc nhỏ đãi vài người bạn thân, cai tổng, thơ ký, mời vợ chồng Peyrolles đến dự.

Kể về vật thực, quận Đức Hòa kém hơn các quận, chợ bán những cá ồm cá đuối, gà vịt, thịt heo gạo và đồ khô, đồ hộp, thương gia đi Chợ Lớn mua về.

Những nổi bực mình

Dân sự nơi đây nhiều người tánh tình hung dữ, hay thừa kiện.

Một hôm, tôi kêu một người thợ vô quận hớt tóc cho tôi. Tôi sợ ý không hỏi trước anh ta lấy bao nhiêu tiền công vì, dưới Cần Thơ, thợ chỉ đòi có ba cắc mà thôi; tôi tưởng trên này mất lắm năm cắc là cùng. Nào dè, hớt xong, anh đòi một đồng nuôi!

Tôi vừa ngạc nhiên, vừa tức giận, hỏi sao nó ăn mất quá vậy, nó có nêu giá hay không. Nó trả lời lỗ mãng với tôi ít lời và ném dao quăng kéo vô gió rồn rồn.

Tùy phách tôi là bếp Hậu giận đánh nó một bạt tai.

Vài ngày sau, Biện lý Tòa án Sài Gòn đòi tôi xuống cảnh cáo tôi sao vô cớ đánh người.

Tôi đáp rằng tên thợ đòi tiền công quá mắc và hỏn hào với tôi, tùy phái tôi là lính giặc đánh nó một bạt tại, chớ tôi không biểu đánh...

Phước không đến hai lần, họa thường đi có cặp.

Về dinh quận chưa bớt giận và buồn, bỗng ông phán Thới xổng xộc vô văn phòng tôi, tôi chưa kịp mời ông ngồi, ông đã huơ tay lên chơn nói cho một thôi dài, nào là Đức Hòa là một quận nghèo, lương bổng ông ít oi, ông phải tìm phương sinh sống, chiều chúa nhứt ông đi trường đua may ra kiếm được ít tiền, chớ buộc ông nằm nhà chờ bịnh nhân thì làm sao mà sống đặng.

Tôi sùng sờ, nhìn ông nói:

- Có việc gì mà ông nóng lên như vậy, ông phán? Ông đi trường đua thì đi, nào tôi có nói gì đâu mà ông sùng sỏ, dường như là ông cho tôi chỉ trích ông!

Phán Thời còn nói vài lời nữa.

Tôi giận lắm nhưng dần, thảo một cái mật thơ gởi cho chủ tỉnh Pommez. Một tuần sau, Thới đổi đi Cần Đước và thầy điều dưỡng tên Vĩnh thế ông.

Nhưng nào có hết đâu.

Hỏi tôi đến lãnh việc, tôi có tặng ông chánh Pommez với ông Đốc phủ Chấn mỗi người một cuốn “Công việc làng”, trong có đăng bức thư khen ngợi của Esquivillon, quyền Thống đốc Nam Kỳ, giới thiệu cùng làng xã.

Tôi cũng có cho hai ông Cai tổng mỗi người một cuốn. Hai ông bảo làng mua mà dùng, tưởng làm như thế cho vui lòng tôi. Tôi chỉ còn có vài chục

cuốn mà họ hỏi mua đến bốn năm chục, tôi không còn đủ mà bán. Thế mà tôi hân hạnh được người ta (có lẽ là phán Thói) thua Biện lý rằng tôi đánh thợ hót tóc, ép làng mua sách tôi xuất bản.

Pommez trả lời cho Biện lý, song dường như ông ta không vui, cho nên trong phiếu điểm, ông phê tôi: “thiếu kinh nghiệm...”

Thống đốc săn bắn ở Đức Hòa

Tháng 10, một chiều thứ sáu, tôi được Phủ Hậu gọi điện thoại cho hay, sớm mai chúa nhật, Thống đốc Rivoal sẽ lên Đức Hòa với một bạn thân đang săn mỏ nhác.

Ông bảo tôi cho vài người lính đi theo hai ngài đuổi chim lên cho hai ngài bắn.

Tám giờ mai, hai ông lên, mỗi người một cây súng hai nòng. Phủ Hậu theo bụng hộp đạn.

Vài người lính hướng dẫn hai ông lập hộ đi miệt Cầu Xáng, cỏ rậm rạp, có nhiều chim.

Săn đến 11 giờ, được vài chục con mỏ nhác, Thống đốc về quận giải lao, hỏi tôi về tình hình an ninh trong quận và sự phòng thủ. Ông bạn của Thống đốc, là một người Đức, leo lên tháp canh, đứng nhắm tứ hướng, xuống nói rằng nếu được một cây súng tốt thì sự phòng thủ hữu hiệu.

Hai ông khách ra về, nhưng độ mười lăm phút sau, một hương chức chạy xe ngựa đến quận báo tin chiếc xe Thống đốc chết máy cách quận độ

muội cây số, rằng ông Hậu mượn tôi gọi điện thoại văn phòng Thống đốc đem xe khác rước ngài về.

Tôi thi hành lời yêu cầu này, đồng thời tôi đem chiếc xe “xập lết” tôi đến chỗ xe nằm vạ, mời quý quan lên, rồi tôi về quận.

Một khắc sau, chiếc xe tôi cũng về tới, tài xế thưa rằng xe văn phòng đã đến rước hai ngài sang xe.

An ninh ở Đức Hòa

Phong trào Cộng sản ở Đức Hòa đã lắng dịu, song trộm cướp nổi lên như rươi, cách vài đêm xảy ra một vụ cướp. Là vì quận Đức Hòa trên giáp ranh Tây Ninh, đông cận quận Hóc Môn, tây kế cận Thủ Thừa, mà ranh giới chung với quận này là sông Vàm Cỏ Đông.

Dài theo sông Vàm Cỏ Đông, phía Thủ Thừa là mấy làng Mỹ Thạnh Đông, Bình Thành, khi ho cò gáy, đung để mọc dầy, là ổ trộm cướp, không ai dám léo hánh tới đây.

Thành thử, bọn cướp “ăn hàng” bên Đức Hòa rồi buồm về bên êm ru, không ai làm rộn chúng.

Mà thường là những nhà khá giả ở các làng Đức Hòa giáp ranh hai quận Thủ Thừa và Hóc Môn bị đạo tặc khuấy nhiễu luôn.

Quận Đức Hòa rộng lớn như thế mà chỉ có hai cái bót, một ở tại quận lỵ, thầy đội xếp cai quản mười mấy người lính, một ở Hiệp Hòa, số lính cũng tương đương.

Mỗi chiều, tôi cho một toán lính bốn năm người mang súng mứt, đạp xe đi tuần theo đường qua Mỹ Hạnh gần tới Hốc Môn, hoặc trên đường xuống Hựu Thạnh, tới bến đò trên sông Vàm Cỏ, qua Tân An. Hoặc chạy về ngã Tân Phú Trung, hoặc xuống Cầu Xáng hướng về Chợ Lớn.

Gặp trời mưa, toán tuần tiểu vô nhà việc mà đụt, khi nào mới chơn họ cũng kiếm nhà quen nghỉ ngơi, thành thử lính tôi không bắt được một tên ăn cướp nào cả, trong những cuộc đi tuần như vậy.

Vả lại, bọn cướp đại gì mà đánh mấy cái nhà gần đường cái và họ có chờ lính tới mới rút đâu!

Tuy nói vậy chớ có một đêm mờ hồi một đánh gần quận, cách độ một cây số ngàn: ăn cướp quá lộng dám đánh gần dinh quận!

Tôi bảo thầy đội xếp bớt cắt lính đi tiếp cứu, thầy không dám thưa rằng sợ Cộng sản thi hành kế “điều hổ ly sơn” (dụ cộp ra khỏi núi), mình cho lính ra ngoài, họ thừa cơ chụp quận thì nguy.

Tiếng mờ hồi một càng thúc giục, tôi không thể chịu được, bảo chú cai dắt vài người lính cẩn thận tới đó xem sao. Tiếng mờ dứt, bọn cướp buồm, toán lính về phục lệnh!

Dưới tình cho ông ách Mười lên, lưu động bảo vệ an ninh trong quận. Ông nẩy lùn mập, vui tính, mang cây “Colt” kè kè bên hông. Một đêm, ông hiệp với lính bắt êm được vài tên cướp và Cộng sản trong một ổ gần biên giới Mỹ Thạnh Đông, tóm được mấy gia gạo, súng, dao găm và tang vật, như

đồng hồ, nôi đồng... bọn cướp lấy nơi nhà họ đánh gần quận tháng trước.

Cai tổng Nguyễn Văn Vinh đã bị giải chức không dùng cây súng lục Mauser ông nữa, ông đem biểu tôi.

Tôi xin phép sắm súng để tự vệ, Sở Mật thám cấp cho tôi cái giấy phép mang súng, chú san đầm Jaequot tặng tôi mười mấy viên đạn 6,35.

Thỉnh thoảng, vào lối nửa đêm, Jacquot đi chiếc “traction” nhỏ của va đến võ của mời tôi đi tuần.

Tôi lấy chiếc đèn pin, thủ cây Mauser, đi dạo mát với va một vòng, độ hơn nửa tiếng đồng hồ va trả tôi về quận.

Người ta nói san đầm Jacquot nầy độc ác lắm, trong lúc đàn áp Cộng sản, có lần người ta thấy va liệng cả con nít vào đám lửa hồng! Thật là ghê tởm cho tên thực dân Jacquot!

Đầu xanh nào đã tội tình gì!

Tôi viếng làng, hỏi thăm đồng bào phòng thủ trộm cướp thế nào, họ trao cho tôi xem một cây súng bằng cây, sơn phết rất đẹp, bắn bằng một mũi tên sắt thay viên đạn, nằm trong lòng súng. Hễ ta bật cò là sợi dây thun bung, đẩy cây tên do họng súng mà ra ngoài.

Tôi đứng trên thềm nhà một ông địa chủ, nhắm nhía cây cau cách đó chừng ba mươi thước, rồi bật cò. Cây tên găm lút vô thân cây, họ phải lấy kềm giựt ra mới nổi. Ghê thay, nếu có nhiều súng như

vậy, những người can đảm chống cự bọn cướp nào có khó chi.

Ông Hòa thượng làng Đức Hòa

Là Phật tử, tôi kinh Phật trọng tăng. Sau khi nhậm chức được vài tuần, tôi đến chùa lễ Phật viếng thầy.

Làng Đức Hòa có một ngôi chùa to, nhiều cốt Phật, đường như có huê lợi nhiều, hiệu chùa là gì lâu quá tôi quên, ông Hòa thượng trụ trì pháp danh là chi tôi cũng quên nốt, chỉ nhớ tên ông là Lê Văn Thập mà thôi.

Ông lùn, mập, to không khác gì cái chùa của ông.

Bữa tôi viếng chùa, ông đang nhập thất, tôi lạy Phật xong, đến trước cửa sổ cái thất bái ông. Ông mặc đồ đại lễ, áo cà sa, đội mào, chấp tay chào tôi.

Vài tuần sau, ông qua dinh quận đáp lễ, ký Mỹ hỏi: “Ông ăn gì mà mập vậy ông?”

Hòa thượng cười.

Tới lui vài ba lần, một hôm, ông tỏ thật lúc trước ông Phủ Hậu có đề nghị Chánh phủ ban cho ông Kim khánh hay Kim tiền; ông trông hoài không thấy kết quả, giờ ông thỉnh cầu tôi nhờ chủ tỉnh nhắc nhở Chánh phủ xem sao, hoặc là tôi làm đề nghị khác.

Tôi giựt mình, ngạc nhiên, vì lần đầu tiên tôi mới nghe một nhà sư, đại diện Đức Thế Tôn hoàng dương chánh pháp, cứu độ người qua bờ giác khỏi

bến mê, dứt bỏ Tham Sân Si tam độc, mà nói chuyện cầu xin một chút hư danh!

Tôi muốn thốt vài lời cảnh tỉnh ông, song lại ngại ông đã tham lại si, bây giờ nghe những lời không thích ý mà ông nổi sân lên, thì thật là “trợn gói”! Ông sanh phiền não, ông đắc tội, mà tôi là người gây phiền não cho ông, tôi cũng gánh tội phần nào.

Nên tôi lại thôi, trả lời xui xị rằng, tôi bị nhiều việc không rảnh, ông Phủ Hậu bây giờ “gần mặt trời”, có thể lực hơn, nhà sư nên nhờ ông Hậu nhắc Chánh phủ thì “chắc ăn” hơn.

Hòa thượng kiếu tôi mà về.

Đêm ấy, tôi không chợp mắt, nghĩ một kẻ làm tôi Phật mà đòi đeo mẽ đay lưng lẳng trên ngực làm cho kẻ thế họ cười, thì sao cho xứng đáng thay mặt Phật hoàng hóa chúng sanh!

Quốc gia kịch đoàn

Thuở ấy, Chánh phủ Pháp ở Nam Kỳ sợ Nhứt Bản, đã đổ bộ lên Đông Dương, giành ảnh hưởng của Pháp đối với Việt Nam dân tộc, thi hành vài cái mưu mô nhỏ nhỏ như tăng lương, cắt thêm nhà công chức ở, như trên tôi đã nói trong khoảng thời gian tôi ở Cần Thơ.

Thứ nữa là tuyên truyền ra ngủ bằng cách lập một gánh hát nhan là “Quốc gia kịch đoàn” giao cho ông Nguyễn Thành Điểm, một kỹ nghệ gia ở Vĩnh Long, làm bầu gánh.

Kịch đoàn chỉ vồn vẹn có hai tuồng, cô năm Phi làm đào chánh, một tuồng diễn lớp Nguyễn Ánh bôn đào trước Nguyễn Huệ, công chúa Ngọc Anh (?) trốn chạy trên một chiếc thuyền trên sông Đồng Nai, bị Tây Sơn bắn chết, Nguyễn Ánh cùng hai bộ tướng chạy vào chùa, nhờ nhà sư trụ trì bày kế, cho lên ngồi trên bàn thờ giả làm ba cốt Phật.

Tuồng thứ hai diễn lớp Nguyễn Ánh giao Hoàng tử Cảnh cho Đức Cha Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) đem về Pháp cầu viện với Pháp hoàng.

Sau khi diễn ở Cần Giuộc và Cần Đước, Quốc gia kịch đoàn lên Đức Hòa diễn hai đêm.

Đêm đầu hát trong đình thầu hoạch được 512\$, chủ tỉnh Pommez cho là một kết quả khả quan.

Phong trào thể thao Sân vận động Đức Hòa

Nhắc lại, năm 1940, xảy ra vụ tranh chấp ranh giới Lào Xiêm, kế Cộng sản nổi lên tấn công quận bót, Chánh phủ Pháp lo sợ chủ nghĩa quốc gia dân tộc Việt Nam bùng dậy, nên giao cho Ducoroy là quan tư hải quân (Commandant de vaisseau) lập ra một phong trào khỏe mạnh, kiến tạo vận động trường trong mỗi tỉnh mỗi quận, và ta phải ghi công Giraud Gilliet là người có sáng kiến đi trước phong trào.

Người ta nói rằng vận động trường Trà Vinh không kém phần đặc sắc; ông chủ tỉnh cho cất hai cái khán đài, một day mặt về hướng tây, một day về

hướng đông, thành thủ dầu có cuộc biểu diễn trên sân sớm mai hay chiều, quan khách cũng không bị nắng dọi vào mặt.

Hồi tháng bảy, tôi mới đáo nhậm Đức Hòa thì thấy hai trường tiền đang chổ đất ruộng đắp sân vận động. Làm từ tháng bảy đến tháng 12, năm tháng chẵn chòi, mới xong sân banh, sân quần vợt, “bít” (piste) chạy bộ, đặt những dụng cụ thể thao, thanh ngang (barre fixe), thanh song song (barres parallèles), thang xiên, thang ngang, vách đứng

Thỉnh thoảng, ông Gaudry, thanh tra tiểu học liên tỉnh với ông Nguyễn Văn Yên, thanh tra tiểu học Chợ Lớn, lên xem công việc tiến triển và rất hài lòng.

Để khuyến khích thể thao, tôi bỏ vào quỹ thể thao và xã hội tất cả số tiền phạt vạ xe đồ chở nặng, đậu sai phép, những vụ đánh lộn, chửi lộn, say rượu ngoài đường...

Mỗi tháng, tôi mời một nhân viên Tòa bố lên hiệp cùng tôi với ông Cai tổng mở hộp thể thao và xã hội, lập biên bản, chia phân nửa tiền cho quỹ xã hội, phân nửa cho thể thao.

Với số tiền ấy, vài tuần một lần, tôi tổ chức những cuộc tranh tài chạy bộ, ném tạ, nhảy cao, nhảy xa...

Chạy bộ thì từ Đức Hòa lên Hòa Khánh, đường lên Hiệp Hòa, bốn cây số ngàn; từ quận đi Mỹ Hạnh, đường đi Hóc Môn, năm cây số, hoặc từ quận đi Cầu Xáng, đường về Chợ Lớn, bảy cây số ngàn.

Hồi tưởng lại mấy cuộc đua ấy mà lòng cảm thấy vui vui... Sớm mai chúa nhật, thanh niên mấy làng cận quận tựu đến cả trăm vào lối sáu giờ, hằng hái, mạnh mẽ.

Thầy Vinh, y tá, rờ ngực từ anh, xem tim đập điều hòa không rối cho sắp hàng.

Một tiếng còi thổi lên, mấy tay đua khởi chạy với một tốc lực khá mau; nam phụ lão ấu hai bên đường vỗ tay cổ vũ.

Nhờ những cuộc tổ chức thể thao ấy mà tôi tìm được hai nhân tài chạy bộ, Cao Kim Thạch với Nguyễn Văn Bờ ở Lương Hòa. Cao Kim Thạch sau có lần đoạt giải chạy bộ ở Sài Gòn.

Khánh thành sân vận động

Vận động trường Đức Hòa kiến tạo xong, chủ tỉnh Pommez định ngày 19 tháng 12 năm 1942 khánh thành. Ông mời Ducoroy, mấy ông chủ tỉnh kế cận là Tân An, Tây Ninh, mấy ông chủ quận, cai tổng Chợ Lớn...

Tôi phải lo nuôi 300 thanh niên Chợ Lớn và hai tỉnh kia trong hai ngày 17, 18 để họ tập dợt đăng ngày 19 biểu diễn. Lo ăn uống, chỗ ngủ, nước tắm. Tôi vận dụng ông cai quyền Cầu An Hạ hương chức làng Đức Hòa, lính quận, mua hết la ve, nước cam, xá xí hai chợ Đức Hòa và Hiệp Hòa.

Tôi mua sáu con bò con, tám con heo với một

số nhiều gà vịt. Tôi trút hết quỹ thể thao, tổng làng chịu một phần, tỉnh cũng châu cấp cho một phần.

Ngày 19-12, một ngày quan trọng đáng ghi nhớ của quận Đức Hòa, không kém ngày 12-11-35, Thống đốc Pages viếng quận An Hóa, hai ngày khổ nhọc cho chủ quận, bảo thăm thà làm anh dân đứng bên vệ đường xem chơi còn sướng hơn làm ông quan số I trong quận, cực khổ nhiều bề, cả tỉnh thần lẫn thể xác.

Tôi không nhớ tất cả chi tiết nên không tả được cuộc lễ tí mĩ nơi đây, chỉ thuật tóm tắt: tám giờ, quan khách lần lượt đến; 8 giờ 15, tôi đọc diễn văn, Ducoroy đáp từ, kế thanh niên biểu diễn nhiều trò thể thao; học sinh lớp nhứt lớp nhì trường Đức Hòa sắp chữ S V Đ H (Sân vận động Đức Hòa).

Cuộc lễ chấm dứt vào hồi 11 giờ, tôi mời quan khách dùng bánh rượu. Pommez về tỉnh với Đốc phủ Chấn, còn các ông Phó Nguyễn Văn Trị, Gaudry, Yên, Bảy, hiệu trưởng trường Phú lâm, cai tổng, thơ ký, giáo viên... thanh niên, học sanh dùng cơm với tôi.

Hai giờ rưỡi chiều, lễ khánh thành kết thúc bằng một trận túc cầu giao hảo giữa đội banh Hiệp Hòa với Hội Stade Militaire (?) ở Sài Gòn lên. Hai đội đồng tài đồng sức đá rất hay, rốt cuộc Hiệp Hòa Sport thắng một bàn (1-0) nhờ anh tây lai Guichard nhà máy Hiệp Hòa bắn banh vô lưới.

Đầu tháng giêng, kỳ hầu hội, Pommez hỏi mấy ông tổng các quận họ thấy cuộc khánh thành sân

vận động Đức Hòa thế nào, máy ông đồng thỉnh cho là kết quả khả quan.

Mua đậu phộng

Ngoài mấy vườn mía là thổ sản chánh của Đức Hòa, nhà vườn còn trồng đậu phộng, hột to, nhiều đậu, hạp với đất cát pha. Mỗi năm, sản xuất một số lượng đậu phộng đáng kể.

Năm 1942, không hiểu hãng đường Hiệp Hòa làm trung gian cho lò dầu nào hay họ mua đăng xuất cảng, mà họ cất nhiều nhà chứa đậu phộng và nhờ tình trường khuyến khích nông dân bán đậu phộng cho Hiệp hòa.

Vài ba tuần, Dubois đem đến gởi tôi cả triệu bạc, giấy mới tinh hảo, vừa lấy trong ngân hàng ra, để trả tiền đậu, hễ cân rồi là trả tiền liền.

Bốn trung tâm sân đậu: Đức Hòa, Đức Lập, Tân Phú Trung và Hiệp Hòa. Mỗi chiều, người đại diện hãng cân đậu rồi, đến quận cho tôi biết đã cân được bao nhiêu kí, số tiền mua bao nhiêu tôi liền đưa tiền, bảo ký tên vô sổ rồi đem tiền trả cho nhà vườn. Lối bốn giờ rưỡi, tôi có đủ mấy số lượng đã mua. (Hiệp Hòa gọi điện thoại tôi, còn ba nơi kia thì hương chức chúng kiến đạp xe đến quận cho tôi biết), tôi yêu cầu viên chức phụ trách kinh tế tại Tòa bố cho Pommez hay.

Có hôm, bốn nơi cân được bảy tấn, bữa khác năm sáu tấn không đều. Cân được một thời gian vài tháng thì hết đậu.

Nạn lụt

Quận Đức Hòa là một trảng cát nghiêng về phía hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông. Mùa nước lớn, sông này tràn lên ngập ruộng mía, làm cho mía và cây trái ven sông hư hại ít nhiều.

Nhứt là cây mít dở chịu nước, rễ gốc bị ngập vài ngày là chết ngay.

Con nước tháng chín năm 1942, quận Thủ Thừa, mía bị hư hại, ông chủ quận cùng tôi với một Ban biện đi thuyền máy chạy dọc theo sông, đăng ước lượng thiệt hại bao nhiêu.

Trời mưa phất phất, “trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ”. Tôi mặc áo mưa đứng trước mũi thuyền trông hai bên bờ sông, mía toàn là mía, đám thấp đám cao, chỗ nào hư hết thì lá mía thui đen, những nơi đất xấu không trồng được gì thì lau lách rậm rì, gió thổi rì rào, chợt nhớ đến câu:

“Vi lô hiu hắt như màu khơi trêu”.

Chúng tôi xuống thuyền nơi bến Hựu Thạnh (Đức Hòa) rồi đi dọc theo mé sông đến giữa trưa tới nhà việc Mỹ Thạnh Đông (Tân An) trên bờ sông. Ăn qua loa gà quay bánh mì, uống soda, nghỉ một giây rồi lại xuống thuyền về Đức Hòa, đến quận vào lối tám giờ tối vì mắc mưa trên sông.

Cơm đã dọn sẵn, chúng tôi ăn uống hàn huyên, rồi ông quận Thủ Thừa lên xe hỏi bốn quận.

Truyền kỳ, thần thoại

Giáp ranh với Tây Ninh, bờ sông Vàm Cỏ nơi bến

đồ, nước trong leo lẻo. Cách đây vài ngàn thước, thiên nhiên tạo một cái hồ, diện tích độ một mẫu tây, trong hồ mọc hòn tiểu đảo, trên đảo thổ nhân cất ngôi miếu nhỏ thờ ông Tà, đó là dấu vết người Miên để lại.

Tục truyền rằng ông Tà linh lắm, hễ ai có cử chỉ và lời nói xúc phạm đến ông, ông hành xác cho đau ốm.

Trong một rừng tràm ở Lương Hòa, gần sông Vàm Cỏ, sống một con rắn hổ cụt đuôi rất độc, những người đi nôm, rui nôm nhằm nó, thò tay vô nôm, tức thì bị nó cắn sùi đờm chết tại chỗ.

Họ sợ quá, kêu tung là “Ông cụt”, tránh khu vực nó ở không dám bắt cá nơi đó nữa.

Súc vật

Đôi khi, nhân dịp đi Chợ Lớn Sài Gòn, lúc về, tôi ghé chợ Bà Hom, làng Bình Trị Đông, quận Châu Thành, quan sát việc nuôi heo giống.

Quận Đức Hòa sản xuất nhiều ngựa tốt, lắm người nuôi ngựa đua có hạng.

Vào lối tháng 11, năm 1942, tôi tổ chức một cuộc triển lãm ngựa ở Hòa Khánh.

Gia đình ông Pommez, ông Vittoz, chủ sở thú y, vài ông thú y người Việt, tổng làng, chủ ngựa đến dự đông đảo.

Buổi lễ chấm dứt bằng một tiệc rượu bánh.

Cử đặt hương chức

Tuy nơi đây sự cử đặt hội tể không đến nỗi gay go như ở An Hóa, song một vài chức như xã trưởng, họ cũng tranh nhau kịch liệt, dám tổn tiền.

Việc cử xã trưởng làng An Ninh, ông Cai Mai Tâm Kiên tổng Cầu An Thượng đỡ đầu đệ tử ông, nhưng đa số hương chức không chịu vì mặc dầu nhà giàu, ứng cử viên kém học thức, có thể bị mấy ông biện làng lạnh lùng qua mặt.

Ông Cai cầu cứu với tôi và trao cho tôi một gói bạc, tương đương số lương tôi. Tôi không nhận, nói để thùng thăng sẽ hay.

Tôi cùng ông lên làng An Ninh, mời hương chức đến nhóm tại nhà việc gần bên quan lộ.

Tôi để ý một nhóm thanh niên qua lại ngoài làng, mục đích chờ xem tôi xử đoán vụ này ra sao.

Tôi nói: “Địa vị hương chức trong làng không phải là di sản ai để lại cho ta thọ hưởng, để dự phần xoi thịt những lúc cúng đình, trái lại đó là phận sự mỗi công dân đối với tổ tiên đất nước, đối với đồng bào.

Vậy xã trưởng phải là người có hăng tâm hăng sản và học thức mới khả dĩ đảm nhiệm trọng trách thu thuế vụ, sử dụng công nho làng, và hương chức cũng không nên vì thân thuộc bạn bè mà cử người không xứng đáng”.

Thanh niên đứng ngoài lộ vỗ tay hoan nghinh rồi giải tán.

Rốt cuộc, người của ông Cai bị bác và hương chức cử một người khác mà tôi gọi là “tạm được”.

Tiếp quan Thống đốc

Sau lễ khánh thành sân vận động, giờ lại phải tổ chức cuộc tiếp rước Thống đốc Hoeffel đến viếng quận vào đầu tháng hai năm 1943.

Hoeffel là người thế nào? Hối ông làm Đô trưởng Sài Gòn Chợ Lớn, ông là quan cai trị hạng nhứt, bây giờ ông thăng chức Khâm sứ (Résident Supérieur), nhân dịp Rivoal về Pháp nghỉ, ông được bổ nhiệm Thống đốc Nam Kỳ.

Ông siêng năng, kỹ lưỡng, quá sạch sẽ. Ông thạo tiếng Việt và tiếng Miên ông cũng giỏi vì làm việc trên Cao miên đã lâu năm. Nhân Tết nguyên đán, năm 1943, Ông Trương Vĩnh tặng ông mấy đòn bánh tét, ông cảm ơn nói: “... được ăn bánh tét với cá kho thì thích lắm!”

Trong thời kỳ ông đảm nhiệm chức Đô trưởng, sớm mai, đúng bảy giờ rưỡi, ông đi rào các văn phòng, thấy ai chưa vô, ông nhắc chiếc ghế người đó để lên bàn, làm cho người đi trễ sợ sệt và hổ thẹn.

Người ta nói ông chê Dương Chấn bên Tàu không thức thời (xin xem khoảng tôi thuyết cho tổng làng An Hóa nghe về đức tánh thanh liêm) và ông áp dụng biện pháp ngược lại, chẳng biết có thật hay không, tôi nghe sao chép vậy, “với những dè dặt thường lệ”.

Hoeffel lại có tật sạch sẽ lạ lùng, như là nhà cửa bàn ghế không một chút bụi. Ông kỹ sư trường tiền Chợ Lớn cho tôi biết trước, khi Hoeffel viếng Tòa bố Chợ Lớn, ông chánh, ông phó, ông kỹ sư vận dụng tất cả nhân viên dọn dẹp rửa ráy Tòa bố thật kỹ lưỡng, thế mà Hoeffel vô còn chê: “Hừ, chưa được sạch lắm!” (Hum, ce n'est pas bien propre!)

Đó, quận tôi phải tiếp một viên quan khó khăn quá kỹ lưỡng như thế nào vào đầu tháng hai năm 1943.

Lại một ngày quan trọng nữa của quận Đức Hòa. Tôi mời tất cả tổng làng, Hội đồng địa hạt tân cựu, tựu tại đình Đức Hòa ngày 9 tháng hai vì nơi này rộng rãi đủ chỗ chứa mấy trăm người.

Sớm mai ngày ấy, tôi đốc suất hương chức, dân làng dọn dẹp đình và dinh quận thật sạch và mỗi tiếng đồng hồ lại phải lau quét vì, nhằm mùa nắng, gió hốt bụi vô nhà. Mấy con đường trong quận, xe nước đi rưới nước hàng giờ, cho bụi hạ xuống, mà hễ con đường vừa khô thì bụi lại dậy lên.

Theo chương trình, ba giờ chiều Thống đốc với chủ tỉnh tới. Hai giờ, thân hào, chức sắc, làng xã tề tựu đông đủ, lại có cả ông Hòa thượng chùa Đức Hòa, mặc áo bá nạp, đội mão tì lưu, chống tích trượng, dẫn vài người đệ tử đến tiếp rước thượng quan. Đúng ba giờ, xe công an tới trước, kế đó là xe Thống đốc và Tỉnh trưởng.

Sau khi giới thiệu Hội đồng và Cai tổng, tôi đọc một bài diễn văn, đại khái nói rằng đa số dân trong

quận đều lo làm ăn dưới sự bảo trợ của nước Pháp nói chung và Thống đốc nói riêng, am hiểu tâm lý và nhu cầu đồng bào chúng tôi.

Hoeffel ứng khẩu đáp từ bằng mấy lời tiếng Việt, khuyên chúng dân trung thành cùng Chánh phủ Pháp.

Đoạn ông hỏi có ai thỉnh cầu điều chi chẳng. Ông Hòa thượng trao cho Thống đốc một lá đơn viết bằng Hán văn, không biết trong đó ông nói những gì, nhưng tôi đoán có lẽ ông xin miễn!

Thống đốc với Chủ tỉnh đi một vòng qua quận rồi về, không nghe nhị vị tỏ ý kiến chi.

Sau này, tôi còn có dịp tiếp rước ông Hoeffel một lần nữa ở Sóc Trăng.

Ở Đức Hòa gần một năm, gặp nhiều việc khó khăn, những án mạng ly kỳ (mà tôi lại thiếu tài trình thám), hương chức giành ngôi thứ kiện lộn nhau, những dân ngoan ngoãn, một tu sĩ ham danh, trộm cướp không dẹp được, mà bề trên làm khó dễ đủ điều, tôi chán quá đệ đơn lên chủ tỉnh xin đổi về Sài Gòn.

Pommez chấp thuận.

Song Phòng Nhân viên lại cho tôi đi Sóc Trăng. Phủ Vũ Tiến Huân bên Gia Định qua thế tôi.

Chúng tôi lại phải một phen thuê thuyền do các con sông cũ độ nọ đi Bạc Liêu, bây giờ lại ghé Sóc Trăng.

Phó nhì Tòa bốn Sóc Trăng (1943-45)

Đầu tháng ba năm 1943, tôi cùng đứa con trai lớn tôi là Diệp, 14 tuổi, đi chiếc xe Peugeot nhà xuống trước. Đầu tiên vào viếng ông phó Guerrini, quyền chủ tỉnh, ông cho tôi biết tình hình trong tỉnh và sự sắp đặt nhân viên cấp chỉ huy.

Trước đây, ông Đốc phủ Danh Suôn, người Miên, làm chủ quận châu thành, anh phủ Ngô Văn Nghị làm Phó nhì (Secrétaire de Province). Bây giờ, ông Danh Suôn hưu trí, anh Nghị qua quận châu thành, tôi xuống đây làm Phó nhì, và ông Guerrini cho tôi ở từng dưới một cái nhà lầu do công nho làng muốn của Bác sĩ Đức, mỗi tháng là 50\$.

Nhà ấy rộng minh mông song tối om, vốn của một ông Bang trưởng Hoa kiều nhiều vợ nên có nhiều phòng.

Trong nhà có một cái bể chứa nước mưa (cit-erne), chúng tôi không được xài thường, vì nước để dành uống.

Yết kiến Guerrini xong, tôi gặp anh Phủ Nghị.

Anh người lịch thiệp vui vẻ, cũng là bạn cũ với nhau. Năm 1929, ở Tòa tư, chính anh đã trả lời cùng Thống đốc Krautheimer rằng không phải là vọc vạc cao lớn mà người ta kính phục...

Anh Nghị cho cha con tôi ngủ trong một căn phòng, mỗi người một cái ghế bố, và anh nuôi cơm trong lúc chờ nhà tôi với chiếc ghe chờ đồ đạc tới.

Tôi xuống nhằm lúc tại châu thành Sóc Trăng Hội chợ rập rình, nhạc Cao Miên hòa tấu bát âm.

Người ta trưng bày thổ sản trong tỉnh; giải trí thì có đánh bài chòi, đua ngựa trên bàn...

Tôi gặp anh Đốc phủ Võ Văn Đảnh, chủ quận V, anh Phủ Phạm văn Học, chủ quận Long Phú, cả hai đều làm việc đứng đắn, không bị ai phàn nàn.

Tòa bố Sóc Trăng

Rộng rãi, sáng sủa, có một tầng lầu; dưới đất, viên phó nhì ngồi giữa; dài theo mấy ghi sê là thơ ký; công chúng đến, đứng ngoài mà giao thiệp với nhân viên.

Trên lầu, bên trái, ngó ra ngoài đường là văn phòng ông chủ tỉnh, kế một cái hành lang dài nối liền qua văn phòng ông phó. Dọc theo hành lang là bàn ghế nhân viên phòng công nho làng, ông Phủ Trương làm chủ sự (ông này đã từ Phủ hạng ba bị giáng cấp xuống Thơ ký thượng hạng hạng nhứt).

Thiệt là một chỗ đầu điếng cho ông, nên bao giờ nét mặt ông cũng âu sầu!

Người ta tự hỏi sao ông không từ chức cho xong, kéo bị người khinh rẻ, ông là người dư ăn dư xài. Nhưng ông vẫn tiếp tục làm việc, với lý do gì tôi không hiểu đặng.

Ông Trương choán ở một cái nhà gạch ba gian gần thành lính tập, nhà ấy lúc trước ông Phủ Dương Văn Hòa ở, đảm nhiệm chức vụ Phó nhì. Đến khi ông nẩy thuyên chuyển làm chủ quận Kế Sách, nhà bỏ không, ông Trương mới xin ở đó.

Cạnh bên văn phòng ông Phó là Sở quản thú điền địa, do ông Hòa đồ Bùi Đình Quế làm chủ sự.

Ông Cò mi Dương Văn Hưng đảm nhiệm Phòng kế toán tỉnh, sau ông đổi đi thì ông Huỳnh Văn Đạo đến thế. Ông này làm việc đàng hoàng, được viên chủ sự ngân khố Pháp khâm phục và chánh phó chủ tỉnh tín nhiệm.

Xuống đây, chúng tôi gặp lại Vương Hồng Sển, bên vợ y vốn nhà cự phú ở Sóc Trăng, còn ông thân Sển là một nhà nho đạo mạo, ở đường Đại Ngãi, gần cầu Bông.

Ông Cự có mấy tủ đồ xưa, những tổ chén, độc bình đời Càn Long.

Tôi quên nói rằng hồi tôi với Sển ở Tòa bố Cần Thơ, một bữa chúa nhứt, vợ chồng tôi với cặp họ Vương qua Vĩnh Long dự lễ kỵ com nơi nhà một người bà con.

Trong lúc anh nầy cúng vái, tôi với Sển dắt nhau đến nhà ông phán Lê Văn Nuôi mà ngoạn thưởng cái gia tài đồ cổ của ông, sắp cả một tầng lầu, giá đáng mấy triệu bạc thời bấy giờ.

Suốt mấy tiếng đồng hồ, chúng tôi không ngớt trầm trồ kho tàng quý báu của ông, nào mấy bộ chén ngọc, cây lá ngọc cành vàng, đặc biệt nhứt là một chiếc độc bình xưa cao độ thước hai, đứng trên sập gụ cao bốn tấc.

Trên chiếc độc bình hiếm có ấy, người ta chép trọn bài phú “Đăng vương các” của Vương Bột đời Đường, hai câu tả cảnh nổi bật là:

“Lạc hà dư cô lộ tể phi,

“Thu thủy cộng tràng thiên nhứt sắc.”

Năm xưa, tạp chí *Nam Phong* có đăng bài phú ấy, luôn cả bài dịch, và hai câu thi trên được dịch như vậy:

“Cò bay ráng lượn đua nhau,

“Long lanh đáy nước in màu trời xa.”

Trở lại Tòa bố Sóc Trăng.

Hai ngày sau khi tôi đáo nhậm, tôi chủ tọa cuộc bắt thăm điền lính khắp cả quận, và ngày chót thi hành xong phận sự nầy thì ông Barthel đến làm chủ tỉnh, Guerrini làm phó. Barthel là quan cai trị hạng nhì, còn Guerrini là Phó tham biện hạng nhứt. Vài ngày sau, Guerrini được thăng chức “quan cai trị” hạng ba, thân hào Sóc Trăng lấy làm tiếc, phải chi Guerrini thăng chức sớm vài hôm, có lẽ ông được thực thụ Chánh chủ tỉnh Sóc Trăng rồi, vì ông ta làm việc thẳng thắn, lại khôn ngoan, hay mua lòng người.

Thiên hạ thuật rằng, hồi ông làm chủ quận Cà Mau, ông mua đá xanh trải đường. Nhà thầu giao đá; người đóng đá để đẩy thước khối rồi, ông bước vào giẫm đá lún xuống, thành thử năm tấc đá chỉ còn có bốn, nhà thầu méo mặt.

Vì mấy người đổ đá, họ đổ khéo vô cùng, mình thấy đá đẩy tới mặt thước, mà là tấm bông ở trong, một thước kỳ thật có tám tấc!

Nhà thầu dặn bảo nhau, Guerrini làm việc nơi nào thì họ không bán đá cho tỉnh đó.

Guerrini đã lên chức Tham biện hạng ba, không thể có hai ông tham biện (quan cai trị, Administrateur des Services civils) trong một tỉnh, chức tước suýt soát nhau, ông này làm phó cho ông kia.

Vậy thượng cấp mới bổ nhiệm Guerrini làm chủ tỉnh Bà Rịa và Louis Paul Mahé đến làm phó cho Barthel.

Barthel là người thế nào?

Cao lớn, mặt xương xương, giọng thô, tánh điềm đạm ít nói, người tỉnh Alsace, có khiếu ngoại ngữ, chắc là đồng hương với Hoeffel, nên Hoeffel thích ông, cả hai đều nói tiếng Miên thành thạo, vì đã làm việc trên Cao Miên một thời gian khá lâu.

Có lẽ cảm tình riêng giữa hai ông mà Hoeffel dành một tỉnh tốt cho Barthel, dân sự dễ cai trị, người Miên hiền lành, an phận làm ăn, không muốn sanh chuyện lời thôi, thuế vụ thâu rất dễ.

Barthel hài lòng, thời gian cai trị tỉnh Sóc Trăng là thời kỳ sung sướng của ông, không xảy ra việc gì rắc rối lớn lao, lại được nhân viên phụ tá đắc lực.

Thỉnh thoảng, ông bà mời thân hào và công chức cao cấp trong tỉnh, cả vợ lẫn chồng, đến dinh dùng trà, hai ông bà tiếp xúc làm quen.

Bà Barthel là một thiếu phụ đẹp đẽ, muốn cùng

năm ba phụ nữ Việt Nam chiều bơi canô trên rạch Sóc Trăng tiêu khiển.

Nhưng đa số phụ nữ Việt Nam ở châu thành, hoặc không thông tiếng Pháp, hoặc rụt rè không thích giao thiệp cùng người Pháp, nên ít ai lui tới cùng bà Barthel, chỉ có bà Kỹ sư Trà, cựu nữ sinh trường Pháp, thạo tiếng Pháp nên thân thiện với bà Barthel.

Ông phó Mahé vạm vỡ, bà vợ cũng lớn cao, có một đứa gái Nelly, năm tuổi.

Bà chánh phó không ưa nhau, vì có lần hai bà giành nhau cái đầu bò con do làng Khánh hưng nhân dịp cúng thần kính tặng.

Đôi khi, bà Barthel bỏn thân đến thăm chúng tôi, chúng tôi lại đến dinh đáp lễ.

Mỗi ngày, tám giờ sớm mai, tôi tiếp những người vào đơn rồi họ ngồi trên chiếc băng dài ngoài hàng ba, chờ giải quyết.

Tôi phân phối công việc cho nhân viên làm mau lẹ, để công chúng được hài lòng.

Vào lối chín giờ, tôi xem công văn, phê ý kiến rồi cho tùy phái ôm lên phòng ông phó Mahé. Ông này xem xong, phê một lần nữa, lựa văn thơ nào quan trọng trình Barthel xem, còn giấy má tầm thường thì nhân viên thơ ký nhận công văn phát cho các nhân viên phụ trách.

Tôi không nhứt định một giờ nào để ký công văn, giấy tờ, phiếu gởi... Vì những ai có việc đến Tòa

bố cũng muốn cho chóng xong mà về, chờ tới 11, 12 giờ khổ cho người ta quá.

Hai ông Barthel và Mahé làm việc có giờ, còn tôi, hề thấy văn kiện, hồ sơ trên bàn là tôi ký, giao, cho đi, sửa bản thảo... không để ối động một sự việc gì.

Thành thử, buổi mai kia, vào hồi tám giờ rưỡi, Barthel từ nhà qua, đi một vòng, vào văn phòng Mahé nói chuyện một giây rồi xuống bàn tôi, thấy ngoài hàng ba trống trơn, không có bóng một người khách.

Lấy làm lạ, ông hỏi: “Hôm nay không có ai đi hầu sao?”

- Thưa có, gần tám giờ họ đến Tòa bố như thường lệ, nào hương chức, nào thường dân, tôi giải quyết nhiều vấn đề, có giấy tờ thì họ lãnh rồi về hết.

Barthel mỉm cười nói: “Được lắm, ông làm việc rất mau lẹ” (C'est bien, vous êtes expéditif).

Lại vấn đề nhà ở

Chúng tôi đã khổ sở với vấn đề nhà cửa hồi ở Cần Thơ; xuống Sóc Trăng, dầu gì mình cũng Phó nhì, không lẽ bị hắt hủi như năm 1936, hồi mới đến Cần Thơ?

Nào dè, như trên đã nói, Guerrini cho chúng tôi ở tầng dưới cái nhà thuê của bác sĩ Đức, tối om, nực nội, lại không được xài nước mua. Vài ba bữa, người nhà anh Phủ Nghị đến gánh nước làm rầy thật rất khó chịu.

Tôi trình bày cùng Barthel rằng gia đình ông Trương được ở một cái nhà mà, với địa vị ông, ông không quyền ở; rằng, ông làm chủ sự công nho làng thì ông phải ở cái nhà do làng thuê, và lại con cái ông không đồng bằng gia đình tôi...

Barthel ký sự vụ lệnh đổi nhà, chúng tôi dọn đến ở cái nhà mà ông phán Trương choán từ trước, gần bên thành lính tập.

Trước khi dọn đi, gia đình ông Trương xả giấy rác đầy nhà dơ tẻ, chúng tôi phải mất mấy ngày dọn dẹp rửa ráy cục thân. Nhà ấy ngăn nhiều phòng không được gọn ghẽ. Trước sân có một cái nhà để xe hơi, phía sau là dãy nhà bếp, đường lát gạch tàu từ nhà trên xuống nhà dưới.

Vườn rộng bao quanh nhà, trồng đu đủ, khoai mì, có muông hẹp, mấy bụi tre, giáp ranh với miếng ruộng sau nhà.

Lần lần, chúng tôi nuôi ít con gà, vài con vịt, lấy trứng cho trẻ ăn.

Lúc bấy giờ, dưới tỉnh người giúp việc nhà tiền công rẻ, một người đầu bếp sáu đồng một tháng, trẻ giữ em chùng bốn năm đồng. Trong nhà tôi luôn luôn có bốn năm đứa ở, tổng số tiền công hơn vài chục bạc, sánh với hiện nay sự cách biệt quá xa, hai người giúp việc trong nhà cũng lãnh sơ sơ sáu ngàn đồng, bằng hai số lương Toàn quyền Monguillot hồi năm 1931: 3.120\$!

Thời kỳ chiến tranh, giá trị đồng bạc đã nhẹ lắm rồi...

Dạy Việt ngữ

Barthel có khả năng về ngoại ngữ, ông đã thạo tiếng Miên, bây giờ chung đụng người Việt, ông muốn biết Việt ngữ. Ông mượn ông Trần Văn Chúc, hiệu trưởng trường nam tiểu học, mỗi chiều đến dạy ông.

Nghe đâu ông học được ba tháng thì đọc và hiểu sách chữ Việt, nhưng nói chuyện thì chưa thông.

Riêng phần tôi, cũng có hai “ông học trò”: phó chủ tỉnh Mahé với ông Muret, thanh tra tiểu học liên tỉnh.

Mỗi chiều, mãn giờ làm việc, tôi thu xếp đồ đạc giấy tờ rồi lên lầu cùng ông Mahé đọc sách chữ Việt, dịch ra Pháp văn, hoặc đọc sách chữ Pháp dễ dễ, dịch ra Việt ngữ.

Kể đó, tôi nói chuyện bằng tiếng Việt với ông. Ông tiến bộ tầm thường, không lấy gì làm khả quan; là vì, muốn học một ngoại ngữ phải tập nói cho thường, đừng ngại miệng, ban đầu ai lại không nói trật và ấp úng, sau lần lần quen thì nói trúng và nói mau, rành rẻ.

Mahé trao đổi những câu văn tắt cùng tôi chưa đủ, ông phải nói tiếng Việt với bất kỳ ai, hạng trí thức, bồi bếp... song đối với nhân viên ông chỉ xài tiếng Pháp mà không dùng học thức Việt ngữ tôi đã trao cho ông thì làm sao mà tiến bộ!

Ông Muret thỉnh thoảng vài ba hôm đến nhà tôi một lần, cũng đọc sách, cũng nói chuyện, cố gắng trong việc học danh từ, đọc sách, song cũng ít nói

chuyện bằng tiếng Việt với ai. Tôi để ý nhứt là âm *ng* tiếng Việt ông không đọc được, như chữ nghĩa, ông đọc *nhĩa* mà thôi, không có cái giọng “ngờ”.

Giao thiệp

Mahé chê tôi ít giao thiệp với ai, hẳn giờ là về nhà, không chơi bời bè bạn...

Phải, làm việc suốt buổi chiều đã mệt, mau về nhà tắm rửa nghỉ ngơi, trông nom con học hành, rồi tụng kinh niệm Phật, đọc sách xem báo thì còn ngày giờ đâu, vả lại tôi không có tánh hiệp bè bạn với anh em ra nhà hàng nhậu nhẹt.

Tuy nhiên, Sóc Trăng bé nhỏ, đi tới đi lui cũng gặp bao nhiêu thân hào và công chức đó, ban đầu lạ sau quen, mà thân hay không cũng còn tùy...

Nơi Tòa án, chúng tôi quen được anh chị luật sư Nguyễn Văn Đạm, hoạt bát, ở tòa nhà to, do một luật sư Pháp cho anh thuê lại.

Anh Đạm là một luật sư hữu tài, nói tiếng Pháp rất có giọng và làm việc kỹ càng.

Hai ông Lục sự Dương Đức Thụy với Đoàn Bá Lộc là hạng trí thức khả kính, anh Lộc lại cùng học ban Tú tài bốn xứ với tôi hồi năm 1922-23, anh học năm đệ nhị, còn tôi đệ nhứt niên.

Thanh tra tiểu học là ông Nguyễn Văn Nghĩa, bạn thân anh Võ Văn Đảnh, chủ quận Kế Sách. Nghĩa quan niệm rằng mình chỉ mua lòng bác sĩ giám đốc bệnh viện với chủ sự trường tiền là đủ, đặng khi gia đình mình đau có bác sĩ săn sóc, còn

nhà cửa hư sụp thì trường tiền tu bổ, thế là đủ rồi, khỏi cần ai khác.

Sóc Trăng có hai ông Quế, Bùi Đình Quế, chủ sự phòng điền địa, và Huỳnh Văn Quế, chủ sự bưu điện.

Hai người đều trên bốn mươi, đang hoàng, cùng gia đình chúng tôi thường tới lui thăm viếng.

Ông Đỗ Văn Trà, kỹ sư trường tiền, có du học bên Pháp, hề chúng tôi cần dùng sửa sang sơn phết nhà cửa, cất cái nhà cầu, nói với ông, ông liền cho cai đem thợ chở cây lá đến cất cho chúng tôi, khỏi tốn tiền gì hết.

Bệnh viện Sóc Trăng do mấy bà xơ cai quản, thầu tiền phòng tiền ăn của bệnh nhân, mấy bà trợn quyền cho ăn sượng ăn cực, cho thuốc nhiều ít, cho ai nằm phòng nào tùy ý các bà, bác sĩ Trần Văn Mạnh và các y tá là người Chánh phủ bổ nhiệm chỉ lo săn sóc bệnh nhân mà thôi, còn quản lý là quyền mấy bà.

Trong số công chức quen, chúng tôi xin kể thú y sĩ Đỗ Hữu Khoán, người lùn mập, hiền lành, có một cỗ xe ngựa để viếng các quận mỗi tuần.

Ông nầy với ông Bùi Đình Quế từ trần trong thời kỳ Việt Minh chống Pháp, vào năm 1945-46.

Những thân hào mà chúng tôi quen biết là được su Lương Đình Giáp, tử tế đối với chúng tôi, người ta nói ông khùng khùng; được su Lê Quang Trọng, ăn chay trường, em bác sĩ Lê Quang Sang ở Cần

Thơ; bác sĩ Lương Văn Lầu, đẹp trai, rể của Huyện hàm Trinh, tục gọi là Xã mười Trinh, một đại địa chủ ở Long Phú.

Có lần con đau, bác sĩ Lầu chở nó lên Sài Gòn nhờ bác sĩ khác điều trị, vì thế mà người ta nói ông không giỏi.

Tôi không đồng ý.

Mỗi lần trong gia đình có người lâm bệnh, chúng tôi nhờ bác sĩ Nguyễn Văn Nam; ông nhỏ thấp người, rất tốt, cho thuốc cũng khá “mát tay”.

Trong một cái bồn kiếng, ông nuôi một con cá rô vảy bạc trắng ngời, là một con vật hiếm có.

Chúng tôi được quen ông địa chủ Trương Vĩnh Giá, dòng dõi nhà bác ngữ học Trương Vĩnh Ký; luật sư Trương Minh Chiêu, anh của Phủ Trương Minh Tiên ở Tòa I dinh Hiệp lý, ông Cai tổng Huỳnh Yên Sia ở Bồ Tháo, là một nhà giàu có thế lực, cái nhà lầu ông kiên cố như một tòa thành, cửa sổ cửa cái cài song sắt to, ăn cướp tầm thường chắc khó bề xâm nhập.

Chúng tôi thường lui tới viếng thăm gia đình bà góa phụ Lý Công Kiều, thường gọi là trưởng tòa Kiều, một nhà danh gia vọng tộc, mấy người con đều học thức cao đẳng, như bà Đại sứ Trần Văn Đôn, Luật sư Lý Công Lượng. Marcel Lý Công Trinh là Luật khoa tiến sĩ, sau cùng là cô Rose, giỏi văn chương, song sau thời cuộc 45, cô học và đậu được sư, lập một được phòng lớn ở đường Gia Long.

Công chúc người Pháp, tôi quen bên ty giáo huấn, ông Vaux, kế ông Murer, thanh tra tiểu học liên tỉnh, ông biện lý Leibenguth, nghiêm nghị nhưng tử tế, cái vai bên trái thấp hơn vai bên mặt.

Nơi đây, tôi cũng kể một nhân vật khác thường ở Sóc Trăng, mặc dầu tôi không giao thiệp: ấy là luật sư Lafont, ốm cao, nước da tái mét, giọng nói khào khào; ông ấy học rộng và mê sách đến nỗi người quản lý thư viện Sóc Trăng nói với tôi rằng, tất cả sách trong thư viện, mấy ngàn cuốn, mỗi cuốn ông Lafont đọc ít nào cũng hai lần

Khả năng đọc sách của ông đáng sợ!

Ở Sóc Trăng, chúng tôi gặp một thân nhân, là anh Nguyễn Năn Nhung, nha y sĩ, anh là rể ông Diệp Văn Giáp, Hội đồng quản hạt và là một cựu phú ở Bai Xau (người ta thường đọc là Bãi Xàu), một thị trấn kỹ nghệ và thương mại thanh hành, cách tỉnh lỵ Sóc Trăng bốn cây số.

Nơi đây, ông Giáp có chành lúa to và lò nấu rượu.

Nhắc lại, sau khi chúng tôi xuống Sóc Trăng đặng mười bữa, nhân dịp cúng đình, hương chức Bai Xau mời Guerrini, anh Phủ Nghị, tôi với ông phán Trương đến dự.

Ban Hội tế do ông chủ Quạnh đại diện, ông cao lớn, giàu có, mạnh mẽ, chính ông đứng tổ chức cuộc tiệc đãi quan khách. Nhân nói chuyện muối bột, muối hột ở Bai Xau bán rẻ, nhà tôi mượn ông chủ Quạnh mua dùm ít kí.

Nào dè, cách một tuần sau, tôi nghe ông chủ Quạnh đã “đi mua muối” thật sự (từ trần). Thật là xui cho gia đình ông bị nhà tôi mượn ông “đi mua muối”!

Vì, theo tục lệ người Nam mình, từ ngữ “đi mua muối” có nghĩa là “theo ông theo bà”.

Phận sự viên Phó nhì

Công việc tôi lúc bấy giờ là phải biết chút đỉnh tất cả mọi ngành trong tỉnh: chánh trị, kinh tế, tài chánh, hành chánh...

Thời gian tôi ở Cần Thơ, ban đầu chỉ biết thuế vụ, rồi sau làm công nho làng hơn năm năm, chỉ có thể thôi. Còn nay, công việc chỉ trong tỉnh mà Barthel với Mahé biết thì tôi cũng phải biết qua, nhưng tôi không có trách nhiệm như hai người, không có quyền định đoạt việc lớn, tôi chỉ là phụ tá mà thôi.

Ngoài công việc thường ngày ở Tòa bố, tôi còn đi xét công nho làng, chủ tọa những cuộc bắt thăm điền lính. Với tư cách thanh tra lao động, tôi viếng nhà máy, xưởng thợ, xem coi chủ nhân áp dụng luật lệ lao động có đúng hay không, và tôi còn là chủ tịch ban kiểm duyệt tuồng hát.

Vì đã “làm” công nho làng khá lâu nên tôi am hiểu phần nào. Thỉnh thoảng, tôi xin một chiếc xe chạy bằng hơi than (gazogène), tôi cùng ông Phan Văn Hiện Sở công nho làng, đi xét ngân sách xã thôn.

Hoặc một tháng, hoặc hai ba tuần lễ tôi đi một kỳ, tôi cho chủ quận hay trước, đôi khi cũng đi thỉnh linh.

Thường thì cai tổng chúng kiến sự xét công nho với hiện diện của hương cả, xã trưởng và biện làng.

Chẳng những kiểm điểm tiền bạc sổ sách, tôi còn hỏi về thuế vụ, an ninh và sức khỏe trong làng, thành thử hương quản cũng phải có mặt.

Điều chi sơ sót, tôi chỉ biểu ngay, không làm phức tạp quá gắt, cố làm cho chủ tỉnh thấy rằng quận đó có những hương chức làm việc dở...

Để mà chi?

Tôi không còn nhớ ai cho, hay là tôi mua, một cây súng hai nòng. Cất ở nhà sợ mất, tôi gói trong kho súng mã tà.

Ngày viếng làng, tôi lấy đem theo. Trên đường đi Long Phú, vào khoảng tám giờ mai, gặp bảy cò đậu dưới ruộng, con ngóc mỏ nhìn trời, con cúi đầu tìm tép.

Tôi bảo xe ngừng, cầm súng xuống xe, lấy bộ chơn đứng chữ đinh (J), nhắm nhía tử tế: “Đoàn, đoàn”. Súng nổ liên tiếp hai phát. Bảy cò cất cánh bay trắng xóa kêu: “Cọ, cọ” om sòm, nghĩa là không có trúng trụ nào hết!

Phán Hiện cười nói: “On Trên đã bảo ông Phủ đừng sát sanh mà!”

Tôi bèn lên, lên xe đi. Từ đó, tôi gói luôn trong trại lính không lấy ra nữa, cho đến ngày Nhựt đảo chánh, cây súng mất luôn.

Kiểm duyệt tuồng hát

Trong lúc anh Phủ Nghị làm Phó nhì, anh làm chủ tịch ủy ban kiểm duyệt, với một ông thông phán quận châu thành cùng thầy Trang Mộc Đầu, thơ ký Tòa bố.

Bây giờ anh đảm nhiệm quận châu thành, Barthel giao cho tôi làm chủ tịch ủy ban đó.

Mỗi lần gánh cải lương đến xin phép hát, họ trình một cuốn sổ, trong đó chép mấy đơn xin phép hát những nơi khác, có ông phó tỉnh trưởng hay ông quận phê cho.

Và họ nạp chương trình tuồng hát. Mỗi đêm hát ba tiếng đồng hồ, mỗi tiếng họ phải trả thù lao cho ban kiểm duyệt hai đồng, thế là mỗi đêm sáu đồng, như hát năm đêm tôi bảo đóng trước ba mươi đồng.

Tôi đi coi đêm đầu, vì sao đêm ấy họ cũng lựa tuồng hay mà hát. Bốn đêm sau, thầy Đầu đi hai đêm, ông phán quận châu thành hai đêm.

Có bữa gánh xiệc đến diễn, chủ gánh mời chủ tỉnh, hai ông phó. Xiệc Việt Nam cũng khá hay, và mấy hôm ấy, không lấy tiền kiểm duyệt.

Thanh tra lao động

Tôi lại có phận sự xét các xưởng thợ, nhà máy về việc áp dụng luật lệ lao động, như giờ làm việc, vệ sinh, nghỉ hàng tuần, hàng niên...

Các cuộc thanh tra như thế không có chỉ làm cho chúng tôi nhọc lòng làm biên bản, gặp vài sơ sót thì chỉ dẫn cũng đủ rồi.

Tôi nhớ lại một sự việc xảy ra tại Kế Sách, ngày hôm nay còn nực cười.

Lúc bấy giờ, vật dụng cần thiết như vải sỏ, hộp quẹt, đường sữa... đang ở trong thời kỳ hạn chế gắt gao vì là thời buổi chiến tranh, Pháp đã hợp tác với Đức và Nhật Bản, Mỹ đe dọa oanh tạc Sài Gòn có mấy căn cứ quân sự Nhật.

Muốn mua sữa, hộp quẹt, đường... tất phải xin “bon” của Tòa bố, mà tôi có phận sự ký bon nầy.

Một hôm, tôi với Trang Mộc Đầu thanh tra dưới quận Kế Sách. Vào một tiệm thợ bạc kia, xem xét giấy tờ xong, tôi nhìn vào tủ kiếng chủ nhân, thấy một mớ tiền xưa và bạc giấy cũ, trong đám có hai tấm giấy 20\$ màu xanh rất đẹp, phát hành vào năm 1917, tức cách 1944 đã 27 năm rồi.

Tôi thích quá, xin đổi lấy tám giấy 20 đó, dầu chú thợ đòi 40 đồng tôi cũng chịu. Song chú khẳng khẳng không đổi, rằng đổi với giá 100 đồng chú cũng không ưng!

Tôi suy nghĩ một chút: “Thôi được!”

Rồi chúng tôi về, không ghé quận.

Chiều ấy, một chú lính quận hữu sự lên tỉnh thành, ghé Tòa bố thưa với tôi rằng: quan chủ quận biểu lên xin tôi cấp cho ông một cái “bon” mua 10 hộp sữa đặc.

Tôi nhớ việc hồi sớm mai, nói: “Bây giờ gần tối rồi, qua chưa kịp soát lại sổ sách coi còn bao nhiêu sữa, vậy em về đi rồi sáng em lên... à nầy, đây là 20\$, em về thưa với quan lớn đổi dùm qua tám giấy 20

đồng cũ mà qua thấy trong tủ kiếng hồi sớm mai trong tiệm anh thợ bạc X.

“Em đem tấm 20 kia lên rồi lấy bon mua sữa, nghe em, qua ký để sẵn cho...”

Ngày hầu hội, anh Đốc phủ Đánh gặp tôi, điểm mặt cười: “Chú thật là quá quắt, dám làm khó với tôi!”

Tôi cũng cười:

- Anh em nhờ nhau chút đỉnh vậy mà!

Đi nhiên anh thợ bạc đâu dám “cụ” với quan chủ quận rằng anh không chịu đổi tờ giấy 20 cũ của anh cho quan chủ quận..

Hoeffel viếng Sóc Trăng

Vào lối tháng bảy năm 1943, chúng tôi nhận tin Thống đốc Hoeffel sắp viếng tỉnh Sóc Trăng, và chúng tôi quen cái tánh quá kỹ lưỡng của ông ta.

Nhưng Barthel “bỏ” với Hoeffel, nên chúng tôi không mấy lo sợ. Tuy nhiên, chúng tôi trang hoàng công sở Khánh Hưng là nơi tiếp rước Thống đốc, dọn dẹp Tòa bố sạch sẽ, vì thế nào ông cũng đến trông qua.

Ngày ông ta xuống, chúng tôi mời thân hào chúc sắc trong tỉnh với một số sư sãi Cao Miên tề tựu nơi công sở.

Sau bài diễn văn chúc mừng của Barthel, Hoeffel đáp từ, kể ông ứng khẩu nói với sư sãi bằng tiếng Miên, có lẽ yêu cầu mấy ông khuyên dân

Miền trung thành cùng Chánh phủ Pháp, vì thỉnh thoảng nhà sư chấp tay trả lời: “batt”.

Xong, ông ra xe cùng với quan khách viếng Tòa bố.

Thấy cái nắm cửa bằng đồng chúng tôi không được bóng lắm, ông nói một câu mà cười, trong đó có đoạn: “... le vin de Bourgogne blanchit les cuivres” (rượu chát Bourgogne đánh bóng đồ đồng).

Ông về rồi, chiều ấy Mahé nói với tôi: “Anh thấy Thống đốc để ý ghê chưa? Mặc dầu ông nói như tuồng nói chơi, song ông bảo kín rằng cái nắm cửa bằng đồng chúng mình không được bóng lắm”.

Phòng thủ thụ động

Năm 1944, Sài Gòn bắt đầu bị oanh tạc và lệnh truyền các tỉnh đào hầm núp, thực hành phương pháp phòng thủ thụ động. Trong sân Tòa bố, trường tiền kiến tạo một hầm dài, hình chữ chi (Z), cho công chức xuống ngồi thử.

Ngoài châu thành, những nơi có đất trống cũng làm hầm núp.

Ban ngày, hễ tiếng còi báo động nổi lên là mọi hoạt động đều phải đình chỉ, dân sự xuống hầm núp, chỉ có cảnh sát với nhân viên phòng thủ thụ động có quyền dùng xe Hồng thập tự chạy ngoài thành phố để cứu thương.

Nơi nhà tôi, Sở trường tiền làm dùm phía sau vườn một cái hầm bằng tre, đất, mái lợp chắc chắn.

Ban đêm, khi tiếng còi hạ lên, đèn đuốc trong nhà phải tắt hết và ai nấy vô hầm ngồi, một lát không nghe thấy gì lại mò trở vô nhà.

Một đêm, lối mười giờ, ban cải lương đang diễn tuồng, bỗng còi báo động. Ngày hôm trước có mưa, thành thử trong hầm núp hoặc nước ứ đọng, hoặc sinh lây, báo hại mấy bà mấy cô, chung diện bánh bảo đi xem hát, mà phải xuống hầm ẩm ướt, quần áo dính bùn, họ lạnh run, chờ cả tiếng đồng hồ báo động chấm dứt mới lóp ngóp về nhà.

Tranh chấp Nghị - Mahé

Barthel nghi phép, vợ chồng đi Sài Gòn, Mahé quyền chủ tỉnh.

Một buổi cúng đình trong một làng quận châu thành, hương chức mời Mahé đến dự.

Anh đốc phủ Nghị (vì đầu năm 1944 anh đã vinh thăng Đốc phủ sứ) đã hiện diện nơi đó trước rồi, song khi Mahé tới, anh không ra đón tiếp.

Mahé bất bình, vì cho rằng ông quận thất kính đối với vị chủ tỉnh, dầu là “quyền chủ tỉnh”; có lẽ anh Nghị ý y mình với Mahé là chỗ anh em, đã là công chức cao cấp với nhau, lại là bằng hữu, Mahé thường lại quận mượn con ngựa hồng của Nghị cỡi chơi, và cả hai cũng thường ăn nhậu cùng nhau nữa!

Nào dè, vì một chút tự ái mà Mahé bắt lỗi Nghị, hai người bất hòa cùng nhau.

Barthel đi Sài Gòn về, mời cả hai đến.

Tôi từ dưới lên, xột xột vô văn phòng Barthel, thấy Nghị với Mahé ngồi hai chiếc ghế đối diện Barthel, cả ba đều buồn. Tôi thối lui, trở xuống.

Chiều, Mahé nói với tôi Barthel giải hòa hai bên, không muốn cho ai đối đi cả, vì hai người đều là công chức giỏi, Barthel hài lòng.

“Song, Mahé nói, nếu trường hợp này lại xảy ra, tôi cũng sẽ có thái độ đối với ông Nghị như vậy!

Quyền chủ quận châu thành

Anh Đốc phủ Nghị xin phép đi nghỉ ở Hà Tiên Rạch Giá một tháng với cả gia đình.

Anh đề nghị tôi xử lý thường vụ quận châu thành trong thời gian anh vắng mặt.

Tôi hỏi sao anh không giới thiệu phán Trượng với ông Barthel, vì Trượng là cựu Tri phủ, từng làm chủ quận.

Anh Nghị lắc đầu: mặc dầu ông Trượng có khả năng về hành chánh, học thức rộng, song ông không có uy tín đối với tổng làng, nên tôi quyền chủ quận là phải hơn.

Tôi nhận chịu, và trong suốt một tháng xử lý thường vụ quận châu thành, tôi làm việc bình thường, không xảy ra việc gì rắc rối. Và tôi cũng thường gặp Barthel với Mahé để trình bày việc quận.

Viếng làng với Barthel

Barthel mua hai chiếc xe đạp tốt hiệu alcyon, mỗi chiếc 250 đồng, cho ông một chiếc, Mahé một.

Mỗi tuần vài lần, ông bảo tôi cỡi xe đạp đi viếng làng với ông, những làng gần, cỡ mười, mười hai cây số. Tôi phải may vài cái quần cụt mặc cho gọn.

Chú sẵn dằm cho tôi mượn một chiếc xe đạp nhẹ nhàng.

Đôi khi, tôi cùng Barthel đi canô, chạy suốt mấy con kinh mới đào; có lúc cũng viếng làng bằng xe hơi, song rất ít.

Lần nọ, trên đường đi Đại Ngãi, chúng tôi gặp kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích, Chánh Sở Dẫn thủy nhập điền (Hydraulique agricole).

Kỹ sư Bích là cựu sinh viên Đại học Bách nghệ (Polytechnique), có Pháp tịch, người rất mẫn tuệ, con ông Nguyễn Ngọc Tương, Giáo tông phái Cao Đài Bến tre.

Sau này, ông Bích kháng chiến bên cạnh Việt Minh, phá sập cầu Tân Hương, trên đường Sài Gòn Mỹ Tho, bị quân đội Pháp bắt được đem về Pháp. Ông học y khoa, đậu bác sĩ. Cách vài năm nay, ông mang bệnh ung thư mà từ trần.

Nhắc lại, kỹ sư Bích đi Đại Ngãi thi hành công tác bảo vệ mé sông, mỗi năm bị lở.

Nhân nói chuyện nuôi cá, Bích cho Barthel biết rằng, mùa nắng, nông dân ta đốt trấu cá sặt thành tro, gói lại để dành đó. Mùa xuống, ruộng xấp xấp nước, họ rải tro cá xuống. Một tuần lễ sau, trong ruộng nở ra vô số cá sặt con. Khoa học chưa giải thích hiện tượng lạ lùng ấy được.

Ông Barthel tin lời Bích nói song lấy làm lạ.

Trong phúc trình hàng niên, ông liệt Bích vào hàng công chức ưu tú.

Trong những buổi viếng làng với tôi, ông tìm hiểu phong tục tập quán Việt Nam, và tôi nói với ông những câu tiếng Việt ngắn ngắn về công việc đồng án miền Nam...

Thấy ông hay tìm hiểu, nhân cơ hội, tôi tỏ bày cho ông biết những dị đồng giữa người Pháp và người Việt, như là những điểm giống nhau, như tánh thẳng thắn, chân thật, lòng ái quốc, quật khởi chống xâm lăng...

Chút ít lịch sử

Trong lúc viếng làng, hoặc xét công nho, hoặc thanh tra lao động, tôi hay tìm biết ý nghĩa, gốc gác những tên tỉnh, quận... vì một tỉnh như Sóc Trăng, có 260... dân mà một phần là người Miên, ắt có nhiều di tích lịch sử.

Thân hào trong tỉnh cho tôi biết rằng hai chữ Sóc Trăng do chữ Srok Tréang, vì khi trước Chân Lạp chia ra là Srok Tréang miền Nam, kể từ tỉnh Châu đốc trở xuống Nam, và Srok Tréang miền bắc, từ tỉnh Takeo trở lên, sau kêu trại là Sóc Trăng.

Sóc Trăng cũng có thể do chữ Srok Kléang, nghĩa là “Xứ lằm”, “Xứ kho”.

Hai tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu trước kia thuộc tỉnh Bassac, lấy tên miền Bassac trên Lào.

Cách mấy trăm năm về trước, một vị Hoàng tử Cao miên ở trên Lào vì có lỗi với nhạc phụ là vua Lào, bị đày ra khỏi xứ.

Vợ chồng Hoàng tử dùng thuyền bè do sông Mékong xuống Thủy Chân lập, đáp tại Bai Xau và cư trú luôn tại đó.

Vì vậy mà ngày nay tại Sóc Trăng (Ba xuyên), còn một ngôi miếu gọi là “Miếu Ba Thắc” tức là Bassac, còn chùa Cao Miên kêu là “Vat Luông Bassac” (Chùa Hoàng tử Bassac) cách đó vài trăm thước, trên đường đi Tham Đôn.

Dưới Nam triều, Sóc Trăng là Phủ Ba Xuyên, tỉnh thành tại Bai Xau. Trong những sở tâu về vua Minh Mạng viết là Nguyệt Giang tỉnh, tức là “tỉnh Sông trắng”, do tiếng Sóc Trăng đọc trại. Phủ Ba xuyên là một trong ba Phủ tỉnh An giang, do Chi dụ năm 1832 của vua Minh Mạng lập ra.

Bạn tôi, Vương Hồng Sển, có làm bài thơ tự thuật như vậy:

“Nguyệt khuyết rồi may có thuở tròn,

“Giang hồ cốt cách phận con con;

“Vương hầu mặc kẻ say mùi tục,

“Hong tía còn ra một sắc son.

Bốn chữ đầu là “Nguyệt giang Vương Hồng”

Thị trấn “Bãi Xàu” có nghĩa là gì?

Hai chữ này đúng ra là “Bai Xau”, tức là “com

sống”, mà người Nam ta đọc trại thành Bãi Xàu, không có nghĩa chi hết.

Tục truyền rằng, mấy trăm năm về trước, nơi đây còn là rừng bụi bung bầu, thổ dân đa số là người Miên sống về nghề chài lưới và săn bắn. Buổi mai kia, một nhóm người vừa nấu nồi cơm chưa chín, bỗng đâu một con sấu ở dưới bầu nổi lên rượt họ chạy hoảng. Con sấu theo không kịp, trở lại lấy đuôi quất nồi cơm đổ văng tứ tung. Chùng nhóm người kia tìm khí giới trở lại thì sấu đâu không thấy mà lửa tắt, cơm gạo đổ đầy. Họ mới đặt tên vùng này là “Bai Xau”, tức là “com sống”.

Theo một truyền thuyết khác, đồng bào ta di dân từ mấy tỉnh miền Nam Trung kỳ vào đây lập ấp, sống chung đụng với thổ dân, sanh ra những cuộc tranh chấp đẫm máu.

Một buổi sáng, thổ dân mới bắc nồi cơm vừa sôi bỗng người Nam đến đánh đuổi họ đi, họ bỏ nồi cơm mà chạy, thành thử nơi ấy họ đặt tên là “Bai Xau”.

Quận Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, do chữ Miên “Ksach” mà ra, có nghĩa là “giồng cát”.

Mà thật, đất đai quận này là đất cát pha cho nên hạp với quít đường, rất ngọt.

Nơi vườn một ông cai tổng, tôi thấy một cây quít sai oằn đến đổ chủ nhân phải dùng trụ chống tứ phía và toàn cây chỉ có trái là trái mà không thấy lá.

Mặc dầu di tích người Miên để lại khá nhiều, song di tích Nam triều cũng không ít.

Như vàm Đại Ngãi, nơi con sông Sóc Trăng đổ ra Hậu Giang, là nơi chiến thuyền Chúa Nguyễn Ánh vào ra không biết mấy lần.

Quận Long Phú, người ta thường nhắc hai cổ tích là: Rạch Trường Tiền và Giếng Cao Hoàng.

Rạch Trường Tiền là nơi Nguyễn Ánh lập xưởng đúc tiền. Lúc trước, thỉnh thoảng thợ chài tìm được nơi đây, những tiền kẽm tiền đồng...

... Thuở nọ, Nguyễn Ánh cùng tướng binh bại tẩu trước thế mạnh của Nguyễn Huệ Tây sơn chạy đến một nơi trong quận Long Phú gần biển, nước uống đã hết, binh sĩ mỏi mệt.

Nguyễn Ánh đưa guom lên trời khấn vái chập lâu rồi về một vòng tròn dưới đất, bảo quân lính đào.

Lạ thay, đào xuống sâu được ít thước thì gặp nước ngọt, quân binh mừng rỡ, múc nước uống và chứa đầy hũ đầy lu, tin tưởng Phật Trời mặc hộ.

Giếng ấy tên là Giếng Cao Hoàng đã bị cát lấp từ lâu vì ở gần bờ biển.

“Nam Kỳ danh nhân”

Làm công việc một viên phó nhì không có gì nặng nhọc, trí óc cũng không lo lắng nhiều vì không có bao nhiêu trách nhiệm.

Nơi tôi ngồi làm việc cận thư viện Tòa bố; khi nào rảnh rỗi, tôi qua thư viện lấy sách xem và sưu tầm lịch sử.

Tôi nghĩ tiểu sử danh nhân Việt Nam được đăng rải rác trong báo chí chẳng thiếu chi, song in thành sách thì chưa có quyển nào, đó là một khuyết điểm lớn cho đồng bào muốn rõ biết tiểu sử văn võ danh nhân mà chiêm ngưỡng và soi gương, trong tinh thần ái quốc, trong xử thế tu thân...

Năm 1943, chưa có sách về danh nhân toàn cõi Việt Nam, dĩ nhiên về phần danh nhân Nam Kỳ ít ai nghĩ tới.

Thế nên tôi sưu tầm trong tạp chí *Nam Phong, Tri Tân, Đông Nai*... tiểu sử danh nhân Nam Kỳ, rồi phối hợp với tài liệu đăng trong mấy quyển sách nhỏ nhỏ, nói về Đức Tả quân Lê Văn Duyệt, Cụ Phan Thanh Giản, nhà Bác ngữ học Trương Vĩnh Ký... viết về mỗi vị một bài không quá khô khan vắn tắt mà cũng chẳng rườm rà.

Đánh máy xong, tôi gởi qua Bến Tre nhờ anh Thọ Xuân Lê Văn Phúc xem lại dùm. Tôi được quen anh hỏi chúng tôi còn ở Cần Thơ, anh là anh ruột Bác sĩ Lê Văn Ngôn, một nhà văn viết sách y khoa rất có duyên, đọc không biết chán.

Anh Phúc giỏi Hán văn, Việt văn và lịch sử.

Bổn thảo được anh xem rồi và Chánh phủ kiểm duyệt xong, tôi giao cho nhà in Lý Công Quận in hai ngàn cuốn.

Thời kỳ chinh chiến, khan giấy in, Lý Công Quận in trên giấy xộp, do bã tre tạo thành.

Tôi gởi biểu các ông hiệu trưởng, các nhà sách, Tỉnh trưởng... nhờ mua hoặc giới thiệu dùm.

Hai ngàn cuốn sách bán vài tháng hết tron.

Năm ấy, 1943, tôi tặng Cụ Phan Văn Nam, Giám đốc học chánh Bắc Việt, một cuốn. Thời cuộc biến chuyển, gia đình Cụ di cư vào Nam, lên ở Đà Lạt.

Sự ngẫu nhiên dong ruổi, mấy năm sau, tôi đi Đà Lạt nghỉ mát gần bên nhà Cụ, nhân qua thăm hỏi làm quen thì, hay thay, Cụ biết tên tôi từ năm 1943, đến mười sáu năm sau mới gặp mặt tôi, mừng rỡ cảm động, tưởng không bao giờ được gặp soạn giả quyển “Nam Kỳ danh nhân”!

“Nam Kỳ lịch sử, cổ tích”

Trước sự thành công của “Nam Kỳ danh nhân”, tôi có ý định sưu tầm tài liệu để viết một cuốn “Nam Kỳ lịch sử, cổ tích”, không phải một cuốn Nam Kỳ tổng quát, mà là trong hai mươi mốt tỉnh Nam Kỳ, mỗi tỉnh một quyển lịch sử và cổ tích riêng biệt.

Tôi lập cho mỗi tỉnh một hồ sơ, gởi cho các ông chủ tỉnh, chủ quận, mấy ông Hội đồng, kỳ cựu trong làng tổng, như Chánh bái, Bồi bái, Đại hương cả... một bức thư chung, xin các ông giúp tôi tài liệu lịch sử, cổ tích, truyền kỳ, trong tỉnh quận mình, hứa rằng khi nào cuốn sách được xuất bản, tôi sẽ biếu quý vị đã cung cấp tài liệu một quyển đặc biệt đóng bìa cứng để làm kỷ niệm.

Tài liệu rùng rùng gởi đến, nhiều tài liệu quý giá, lạ lùng, chưa ai từng biết.

Mỗi hồ sơ, tôi sắp đặt làm ba phần, lịch sử tỉnh, kế đó là cổ tích, sau cùng là truyền kỳ, giai thoại.

Hồ sơ hai mươi mốt tỉnh, tôi để vào hai cái cặp to, tất gần hai ngàn trương, do những vị tán thành ý định tôi lần lượt gởi tới, và còn gởi tới nữa.

Khi nào tài liệu được khá dồi dào, tôi sẽ soạn và xuất bản từ tập một cho mỗi tỉnh, như công việc làm của ông Huỳnh Minh từ mấy năm nay. Công việc sưu tầm chưa hoàn thành, bỗng xảy ra việc Nhứt đảo chánh ngày 9 tháng ba năm 1945.

Và tài liệu lịch sử tôi cũng mất trong hoàn cảnh ly kỳ, sau này tôi sẽ nói rành hơn.

Gặp Phạm Duy Khiêm

Thạc sĩ văn chương Phạm Duy Khiêm, nổi danh nhờ quyển “Légendes des Terres Sereines” (Truyện kỳ miền đất thanh bình) trong Nam ta chắc nhiều người biết.

Giáo sư Khiêm có lần xuống Sóc Trăng thăm ông bà Berthel; ông bà mời Khiêm dùng cơm trưa và chỉ mời thêm tôi mà thôi, không mời Mahé với Nghị.

Trước khi vào bàn, chúng tôi ngồi phòng khách nói chuyện. Khiêm nói năng hoạt bát hấp dẫn, đối thoại thích nghe; mỗi khi trả lời, ông ta đứng dậy sửa áo, quá lễ phép.

Ông thuật rằng, nhân “Lễ rước nước” (Fête des eaux) trên Nam vang, Thống đốc Hoeffel đặc cách giao một chiếc xe hơi cho ông ta sử dụng với xăng nhớt đầy đủ, trong thời kỳ nhiên liệu hạn chế

này, mà trước đây Thống đốc không chịu để cho bà Hoeffel dùng đi Nam vang.

Dự lễ xong, Phạm Duy Khiêm viết một bài tường thuật trình Hoeffel xem, vì ông này quý trọng văn chương lắm.

Trong bữa ăn, tôi nói chuyện với Khiêm về cuốn “Nam Kỳ danh nhân” tôi xuất bản năm 1943, và những tài liệu về “Nam Kỳ lịch sử và cổ tích” tôi đang sưu tập.

Ông Khiêm nói về mấy quyển sách ông hoặc đã xuất bản, hoặc thảo xong nhưng chưa in được vì thiếu phương tiện, như giấy in.

Ông đến gõ cửa Đô đốc Decoux song ông này hứa lần vì tình hình chánh trị càng căng thẳng giữa Pháp với Nhật.

Ít ngày sau, nhằm bữa chúa nhật, anh Đốc phủ Nghị mời ông Khiêm với tôi đến quận dùng trà. Đàm thoại không ngoài câu chuyện văn chương.

Có người bảo ông viết tiểu thuyết bằng Pháp văn. Theo ông, viết như văn sĩ Pháp không khó gì, chỉ tạo hai nhân vật chánh trong tiểu thuyết, một thanh niên, một thiếu nữ yêu nhau song vì hoàn cảnh mà xa nhau, đến chừng gặp lại nhau thì tình trạng trái ngang không cho phép hai đảng phối hợp...

Ông có thể viết được song ông không làm.

Quận Thạnh Trị

Quận châu thành được xem là quá rộng lớn,

Chánh phủ cắt bớt một phần dưới giáp ranh tỉnh Bạc Liêu, lập ra một quận mới, gồm một tổng và bốn thôn.

Barthel trưng dụng cái nhà Bang Hoa kiểu gân bên chợ cho chủ quận ở, và chính ông Huyện Hồ Văn Sĩ, năm 1942, đã thế tôi ở Cần Thơ làm chủ sự Phòng Công nho, bây giờ đổi xuống đây đảm nhiệm quận Thạnh Trị.

Cuối năm 1944, Huyện Sĩ được thăng Tri phủ hạng ba, Barthel bảo tôi đánh điện xuống Thạnh Trị khen mừng ông ta.

Rồi vài ngày sau, một buổi mai, Barthel với tôi xuống Thạnh Trị xem công việc đắp vận động trường đã tiến tới đâu.

Phủ Sĩ tiếp đón chúng tôi, tay trái thọc vào túi quần, chìa tay mặt ra bắt tay Barthel.

Dường như không bằng lòng, ông nẩy hơi nhăn mày, hỏi: “Anh đau hay sao?” (Vous êtes malade?) Có lẽ hiểu, ông quận đáp: “Là vì sớm mai này tôi hơi lạnh”.

Thanh tra viếng Sóc Trăng

Năm 1944, Sóc Trăng chúng tôi được hân hạnh hai vị thanh tra đến viếng.

Đó là ông Dương Tấn Tài và ông Renou.

Ông Dương Tấn Tài là vị Thanh tra hành chánh người Việt đầu tiên do Chánh phủ Pháp bổ nhiệm.

Ông đến Sóc Trăng, ghé ngay Tòa bố; vừa ưa ông

Barthel bên nhà qua, tôi giới thiệu hai ông cùng được biết nhau.

Ông Barthel mời ông Dương Tấn Tài nghỉ nơi nhà khách gần Tòa bố và mời ông dùng cơm trưa, song khách từ chối, mặc dầu ông Barthel ân cần mời mọc, vì đó là nguyên tắc của ông.

Mãn giờ, tôi qua nhà khách thăm ông thanh tra và nói chuyện một giây với ông về tình hình trong tỉnh và chỉ đường cho ông đến mấy làng mà ông muốn xét.

Tôi thấy trên bàn để lổm một chục chai nước suối Vittel.

Nghe nói, có lúc ông thanh tra ở Tân An, Cai tổng Cù Khắc thiết tiệc đãi ông, mời gây lười ông cũng không dùng cho một miếng.

Vài ngày sau, nhằm chiều thứ bảy, ông Dương Tấn Tài đến thăm chúng tôi và anh em cùng nhau nói chuyện rất lâu.

Đi thanh tra về độ vài tuần, ông chuyển xuống Sóc Trăng bốn sao bản phúc trình mà ông đã gửi lên quan Thống đốc.

Ông dành một cột cho chúng tôi trả lời những điều nhận xét của ông. Barthel đồng ý với ông Thanh tra hầu hết các khoản.

Cuối năm 1944, đến lượt ông Renou, Thanh tra chánh trị và hành chánh xuống Sóc Trăng để thanh tra mật về tình hình chánh trị trong tỉnh.

Ông muốn viếng năm ba thân hào để tìm hiểu ý

kiến họ về thời cuộc, thử xem họ còn trung thành với Chánh phủ Pháp không.

Ông cần dùng một người thông ngôn kín đáo, Barthel giới thiệu tôi.

Renou cùng tôi đi Kế Sách viếng Huyện hàm Cương. Cuộc hội kiến diễn ra với sự hiện diện của hai người con trai ông Huyện. Ông nẩy nòng nhiệt cầu chúc nước Pháp thắng trận và thể trung thành cùng nước Pháp mãi mãi.

Bữa khác, tôi với Renou gặp anh Nguyễn vNn Nhung ở Bãi Xàu. Với lời lẽ ôn tồn, anh Nhung tỏ sự bất mãn của nhà trí thức Việt Nam, như việc y khoa bác sĩ được Chánh phủ Pháp tuyển dụng với một số lương quá mạt, thua xa lương bổng một anh biện chà!

Cuối cùng, Renou đến thăm kỹ sư Lương Phước, một thanh niên Hoa kiều, tôi được miễn theo ông.

Một vấn đề tế nhị

Một hôm, Barthel mời tôi lên văn phòng, cậy tôi qua dinh ông thông ngôn dùm cho bà Barthel trong một vấn đề tế nhị (délicat).

Ông nói sơ tôi biết rằng một ông quyền cai tổng quận Long Phú đem lên biểu ông bà một số tiền, thỉnh cầu ông thực thụ ông ta làm cai tổng; rằng chưa có thể được, theo thể lệ hiện hành phải có cuộc tranh cử cai tổng, ông ấy sẽ ra tranh, chừng đó chủ tỉnh sẽ liệu mà giúp ông.

Trường hợp ứng cử viên chỉ có mình ông, cũng phải mở cuộc tuyển cử hợp lệ.

Tôi qua dinh, đã thấy vợ chồng ông cai tổng ngồi đó, với bà Barthel. Bà cũng nói đại khái như ông, rằng hiện thời bà không dám nhận số tiền của ông bà quyền cai tổng, chừng nào ông đắc cử cai tổng sẽ hay.

Bà Barthel vô trong một lúc đem ra một gói bạc trả lại cho bà cai tổng quyền.

Tôi an ủi hai ông bà sự này không mất đi đâu, ông bà an tâm, chỉ là một vấn đề thời gian đôi ba tháng mà thôi, ông chủ tỉnh đã hứa giúp thì thế nào cũng được.

Ông bà từ giả ra khỏi dinh, nhưng khi mãn giờ tôi về nhà, thấy ông bà đã đến ngồi nói chuyện với nhà tôi tự bao giờ.

Ông yêu cầu tôi giúp ông được việc, ông sẽ đền ơn tôi.

Tôi mỉm cười, đáp rằng tôi là Phó nhì, giúp ông chỉ được phần nào thôi, còn người giúp đỡ đắc lực nhất là ông chủ quận và ông Chánh chủ tỉnh, vậy ông nên xin ông chủ quận đề nghị mở cuộc tuyển cử càng sớm càng hay.

Riêng phần tôi, gặp ông chủ quận Long Phú, anh Phủ Học, tôi sẽ nói vấn đề này.

Mà thật, nhân dịp xét công nho ở Long Phú, tôi nói với anh Phủ Học việc ông quyền cai tổng.

Anh đáp: “Để coi lại”.

Anh “coi lại” quá lâu, thành thử anh đổi đi quận

khác, ông Phủ Hồ Văn Xuân ở Cần Thơ xuống thế anh mà vấn đề tuyển cử cai tổng chưa giải quyết.

Mà “nạn nhân” gián tiếp trong vụ này chính là tôi, bị ông Barthel không bằng lòng vì ông không có cơ hội giúp ông quyền cai tổng được thực thụ, cho nên ông phê điểm tôi: “... Công chức siêng năng, làm việc giỏi dẩn, thanh liêm, song thiếu sáng kiến...”

Ông Phủ Hồ Văn Xuân năm 1941 từ Long Xuyên đổi xuống Cần Thơ thế ông Phủ Thạch, vì tôi không chịu đi Ô Môn.

Theo hồ sơ thì năm 1943, va đổi qua Phụng Hiệp, và năm 1944, xuống Sóc Trăng, ông Barthel cho ngồi Long Phú.

Nhật đảo chánh (1945)

Năm giờ sáng ngày 9 tháng ba năm 1945, tùy phái đến nhà kêu tôi, rằng ông chủ tỉnh mời gấp.

Tôi ngạc nhiên vì từ hai năm nay, chưa bao giờ có sự mời bắt thường như vậy.

Tôi lật đặt vô Tòa bố, đã thấy công chức Pháp Nam tể tựu đông đủ rồi, công chức Pháp dუმ năm dუმ ba nói chuyện nho nhỏ, còn công chức Nam ngơ ngạc hỏi nhau: “Chuyện gì xảy ra?” mà không một ai trả lời.

Barthel trên lầu xuống, đứng giữa Tòa bố nói

rằng vì hoàn cảnh xảy ra đột ngột nên ông buộc lòng phải rời khỏi tỉnh một thời gian, rồi cũng có ngày tái hiệp.

Ông bảo ông Huỳnh Văn Đạo, kế toán viên, làm ngân phiếu trả cho nhân viên hai tháng lương và trả liền nội buổi mai.

Công chức Pháp không còn gì bí mật mà không tiết lộ với đồng nghiệp người Nam rằng trong đêm vừa qua, Nhựt đã đảo chánh ở Sài Gòn, nhà cầm quyền vẫn vô Pháp đều bị họ quản thúc.

Thế là “ta hồ” chủ quyền Pháp ở Đông Dương!

Ngày 9-3-1945 là một ngày đáng ghi nhớ trong lịch sử.

Và vận mạng Việt Nam cũng qua một khúc quanh lịch sử.

Nhựt chưa vội đi các tỉnh “mời” người Âu về Sài Gòn trú ngụ nên mỗi ngày Barthel cỡi xe đạp đi gần gần Sóc Trăng hướng về Cần Thơ, nghe ngóng tin tức.

Ông tính sẽ chạy xuống Bạc Liêu và từ đó đi Cà Mau. Sau tôi nghe lại thì dường như tàu chiến Mỹ toan đến mũi Cà Mau rước người Pháp, nhưng chẳng thành công.

Barthelyêu cầu trong nhân viên Tòa bố một người tình nguyện theo ông để liên lạc với Sóc Trăng. Thợ ký Huỳnh Ngọc Tám, độc thân, ưng chịu.

Kể từ ngày ấy, chúng tôi sớm mai hoặc chiều vô Tòa bố một lần, chờ tin, chờ còn làm việc gì nữa!

Nhóm thanh niên mừng rỡ vì “nước nhà sắp

được độc lập”, nhà trí thức lại hoang mang vì không khéo sẽ lâm vào cảnh “dịch chủ tái nô” (đối chủ) mà thôi! Hết nô lệ thằng chủ Tây sẽ phụng sự thằng chủ Nhật!

Vài ngày sau, hay tin quân đội Nhật đã tới Cần Thơ, Barthel truyền lệnh trường tiền quay ngang cái cầu về phía châu thành, ý muốn ngăn trở đường tiến binh của Nhật.

Rồi ông lên xe đi Bạc Liêu còn bà Barthel vô bệnh viện Sóc Trăng tạm trú.

Tôi cho gia đình tôi chờ y phục bằng hai xe lôi tản cư vô nhà Cai tổng Huỳnh Yên Sĩa ở Bồ Tháo, cách tỉnh lỵ tám cây số, còn tôi đóng cửa ở nhà chờ thời cuộc.

Nếu tôi nhớ không lầm thì ngày 14 tháng ba, vào lối hai giờ trưa, tùy phái mời tôi đến công sở Khánh Hưng, nơi đó thân hào chức sắc trong tỉnh đã đến họp. Hiện diện có các ông Đốc phủ Đảng, chủ quận Kế Sách, Phủ Hồ Văn Xuân, chủ quận Long Phú, Nguyễn Văn Nghĩa, thanh tra tiểu học, Sư huynh Ignace Xavier, hiệu trưởng trường Dòng Sóc Trăng...

Mục đích cuộc nhóm họp hôm ấy là cử đặt những chức vụ quan trọng trong tỉnh thay thế nhân viên Pháp. Cử tọa đồng thanh cử anh Võ Văn Đảng làm tỉnh trưởng, tôi làm Phó, Hồ Văn Xuân làm Cò cảnh sát, Huỳnh Văn Đạo làm quan kho bạc...

Chiều ấy, tôi mượn xe rước nhà tôi với mấy trẻ về.

Ngày hôm sau, anh Đánh lên nhậm chức và công việc Tòa bố điều hành như thường lệ.

Ngày Nhựt Bồn đến Sóc Trăng, họ thấy cái cầu đã bị xây ngang, một toán lính và sĩ quan tìm thuyền sang sông, chạy đến sở trường tiền, (có một mớ “Jap lô canh” phụ tá), buộc ông trường tiền phải quay cái cầu ngay lại. Xong, họ hỏi ai ra lệnh quay ngang cái cầu như vậy. Đáp: ông chủ tỉnh Barthel

Không biết ai tả hình trạng ông Barthel cao ốm, mà Nhựt tìm được ông Clanet, Chánh án, cũng ốm cao, họ lầm tưởng là Barthel, họ bắt đứng dựa lưng vào vách tường, bịt mắt, toan xử bắn.

May đâu, Sư huynh Xavier đến kịp, can thiệp rằng người Pháp này là ông Clanet, Chánh án Tòa án Sóc Trăng, chớ không phải Barthel đã đi đâu rồi, họ mới thả Clanet ra.

Nhân viên Pháp sợ ở tỉnh nguy hiểm đến tánh mạng, xin nhà cầm quyền Nhựt chở họ về Sài Gòn.

Và ngày họ rời khỏi Sóc Trăng, ông Muret đến Tòa bố từ già, tôi, tôi cũng chúc ông được nhiều may mắn. Vì cuộc từ già ấy mà nhóm thanh niên dưới quyền ông Nghĩa ngộ nhận rằng tôi “mến tiếc” (?) người Pháp.

Lúc ấy, Minoda làm Thống đốc Nam Kỳ, Satoh làm Phó.

Cuối tháng ba, trong một cuộc nhóm họp thân

hào và công chức tại Tòa bố, nhóm thanh niên có ác cảm rõ rệt với anh Nghị chủ quận châu thành.

Về phần tôi, họ công nhận rằng tôi thanh liêm song yếu tánh. Sau phiên nhóm ấy, ông Đánh ký giấy cho tôi nghỉ phép ba tháng và bổ nhiệm Vương Hồng Sển làm Phó tỉnh trưởng.

Tôi đóng cửa ở nhà học Anh văn, và thỉnh thoảng lại trụ sở thanh niên nghe tin tức.

Lúc này, anh Nguyễn Văn Đạm đã lãnh nhiệm vụ làm Chánh án Tòa Bạc Liêu và anh Lý Bình Huệ lên làm Chánh án Sóc Trăng.

Một hôm, tôi đến thăm anh Huệ, suýt gặp anh Hồ Văn Ngà, từ Sài Gòn xuống, ghé anh Huệ rồi đi Bạc Liêu.

Trước thời cuộc, anh Ngà toan lập một mặt trận ái quốc và anh đi tìm đảng viên.

Tháng sáu năm ấy, anh Ngô Văn Nhị đắc lệnh làm Tỉnh trưởng Trà Vinh. Vài ngày sau, tôi được chuyển làm quận trưởng Long Thành (Biên Hòa).

Và trong dịp chuyển chuyển cả trăm công chức hành chánh, nghe nói một nhân viên cao cấp văn phòng Minoda lấy bao mà đựng bạc.



PHẦN II THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP (1945-1946)

*Đời người như chớp nhoáng,
Thế sự mộng hoàng lương.
Tội ác sao chồng chất!
Tu hành thoát họa ương.*

*Lạ gì hai chữ nhục vinh,
Hết vinh tới nhục, nhục vinh là gì?*

Quận trưởng Long Thành (20-6-45 / 1-10-45)

Chúng tôi mượn thuyền của mấy bà xơ ở Sóc Trăng chở đồ đạc về Chợ Đệm, nơi quê ngoại sắp trẻ tôi, sau khi bán bớt một mớ bàn ghế, bộ xa long, giường sắt...

Chúng tôi gói y phục, sách vở, tất cả vật dụng trong nhà nhạc gia tôi, chỉ lấy chiếc xe Peugeot đi Long Thành nhận việc.

Nghe nói lại, ban sơ, Tỉnh trưởng Biên Hòa muốn cho tôi ở quận châu thành, song ông Phủ Tân hàm Phục, quận trưởng Long Thành xin được tiếp tục công vụ ở quận châu thành, nên tôi phải đi Long Thành là vậy. Trường hợp giống hết trường hợp khi tôi xuống An Hóa.

Lúc bấy giờ, Tỉnh trưởng Biên Hòa là ông

Nguyễn Văn Quý, quận trưởng Tân Uyên là Đỗ Văn Công, Lê Thành Tường ởV. Nguyễn văn Hải, quận nào tôi quên. Đầu tháng bảy, chúng tôi năm người, tuyên thệ trước ông Tạ Trung Nhan, Chánh án Tòa án Biên Hòa.

Quận Long Thành rộng rãi mát mẻ, mấy cây dầu, cội cả tàng cao đứng chập sần. Trên miếng đất rộng hơn một mẫu, lớn hơn đất dinh quận An Hóa và Đức Hòa, dinh quận Long Thành nằm đồ sộ trên nền cao, một cái dinh quận cũ, ban đêm con đậu đen (một loại côn trùng giống như hột đậu đen) trên trần nhà rớt xuống lộp độp tựa mưa sa. Bên trái quận là dãy trại lính, cũng 10 khẩu súng; trước trại là sân quần vợt; quanh quận, nào buồm, mảng cầu.

Từ ngoài đường cái vô khỏi cổng, phía bên trái là văn phòng quận trưởng, nhỏ thấp, trời mưa tạt vô ướt mình. Bên phải là công sở Phước Lộc xã.

Quận có hai tổng: Thành Tuy Thượng và Thành Tuy Hạ.

Quốc lộ Sài Gòn - Cáp chạy ngang quận Long Thành. Một con đường khác nối liền Long Thành với Xuân Lộc. Con lộ thứ ba dẫn đến làng Phước An, qua sông Đồng Nai, lên bến đò Cát Lái, là đi ngay về Sài Gòn.

Thời bình, quận Long Thành vui vẻ, phồn thịnh, thổ sản là mảng cầu dai, chôm chôm tróc, chôm chôm lép, sâu riêng; mấy làng gần biển có cua biển ngon. Trên rừng, họ làm dầu chai, cây, củi...

Bây giờ, công việc quận đã đổi khác, thuế khóa và công nho đứng vào hàng thứ nhì, chánh trị vượt lên hàng thứ nhứt. Vấn đề quan trọng đặc biệt là lo Mỹ đổ bộ từ dưới Cấp lên.

Quân đội Nhựt muốn dân làng đào hầm đào hố, lập cơ cấu phòng thủ dài hai bên đường Long Thành Biên Hòa, sửa soạn tiếp Mỹ xứng đáng nếu Mỹ đổ bộ.

Dường như họ trả cho dân phu mỗi người mỗi ngày 1\$60, song cái ông phụ trách muốn nhân công, kêu là ông Hai, trả cho mỗi người chỉ có 1\$20. Chùng Nhựt hay được, nó đánh đuổi ông đi. Nhựt cũng muốn xe bò để chở vật liệu. Anh lính Nhựt nào cũng hớt tóc trọc lóc cái đầu, khỏi tốn công chải gỡ.

Thanh niên tiên phong (Jeunesse d'avant-garde)

Phong trào này đi đôi với phong trào thể thao đã có từ năm 1942 và rất thịnh hành năm 1945.

Ủy ban thể thao trung ương ở Biên Hòa cử tôi làm Trưởng thể thao và thanh niên quận Long Thành, ông giáo Chỏi là Trưởng ban Thanh niên tiên phong, hoạt động mạnh mẽ.

Mỗi chiều, thanh niên tụ đến sân quận tập luyện, khi thì tập võ Việt Nam, khi lại bắn bia.

Lúc bấy giờ cũng cấm nhặt cờ bạc. Mà, theo ý

tôi thì, muốn chấm dứt nạn cờ bạc, không gì bằng tịch thu mấy bộ bài. Tôi ra lệnh hương quân và lính tráng xét các tiệm tịch thu bài đem về quận chất một đồng chế dầu đốt.

Bang trưởng Long Thành bốn cẳng ba chon chạy lên Biên Hòa tố tôi với ông Tỉnh trưởng, tức thì ông nẩy chạy bay xuống Long Thành, vừa gặp tôi ngoài cổng quận đã rầy tưới hột sen, rằng tôi làm việc “vô ý thức”, mất lòng bang trưởng Hoa kiều, rằng tôi muốn bài trừ nạn cờ bạc thì cho “bon” mua bài, họ mua rồi ta sẽ lấy bộ bài xé đi là họ hết cờ bạc.

Nói như ông Tỉnh thì Hoa kiều cứ việc nhập cảng bài mà bán vẫn hưởng lợi như thường, chỉ có thằng dân Việt mất tiền mà không được chơi bài, cái mới thiệt: Tỉnh trưởng tôi lo cho Hoa kiều mà quên quyền lợi Việt dân!

Một bữa, để mừng một cuộc chiến thắng, quân đội Nhựt ở Long Thành thết tiệc đãi sĩ quan cao cấp và mời tôi đến dự. Họ dọn ăn những gì? mấy đĩa cua biển, chuối, măng cụt với rượu sa kê. Nhằm ngày chay, tôi không ăn cua, chỉ ăn chuối với măng cụt. Tôi không uống rượu, họ đãi tôi nước trà (họ gọi là ô cha). Sĩ quan Nhựt tha hồ say sưa một bữa; tiệc tan, có người té lăn bên vệ đường.

Học tiếng Nhựt

Nhân viên trong quận người nào cũng có năm ba chữ Nhựt bỏ túi để xài trong lúc gặp người Nhựt,

nhu chào thì “konichihoa”, “yoto” là tốt, được “yotoni” là xấu, “Jidosha”, xe bò...

Thông ngôn thì có cô Tiết, con ông chủ sự Buu điện, hoặc anh thông ngôn người Nhựt đi theo các quan, hít mũi chùn chụt.

Anh đại ba Sakai dạy tôi một câu dài để xưng: “Tôi là chủ quận Long Thành”. Anh nói: “Wa ta shi wá, Long Thành ní, guncho dess”. “Guncho” là quận chủ, “shocho” là tỉnh chủ.

Sakai mở lớp dạy tiếng Nhựt, ngộ hầu người Việt với Nhựt thông hiểu nhau, mến nhau và hợp tác chặt chẽ, vì cũng là người Á đông với nhau.

Mỗi chiều, một số giáo chức và thanh niên đến học; thỉnh thoảng tôi cũng đến dự cho vui.

Sakai đẹp trai, nói tiếng Việt khá; và thường nói: “Tôi muốn chết ở đây”. Đường như va phải lòng cô gái con ông Cai Luông, tổng Thành Tuy Thượng.

Nhựt đầu hàng (1945)

Ở Long Thành, chúng tôi chẳng nhận được tin tức chi hết, ngoài tin tức Nhựt đưa ra vì họ tịch thu tất cả máy thu thanh.

Cho nên hai trái bom nguyên tử Mỹ thả xuống Hiroshima ngày 6 tháng tám năm 1945, và Nagasaki ngày 9 tháng 8, làm cho Nhựt đầu hàng vô điều kiện, thế mà chúng tôi không hay biết gì ráo!

Cách vài hôm trước, Nhựt xin chúng tôi truyền

rao cho chủ ngựa, ngày 12 tháng 8, đem ngựa đến quận họ lựa mua.

Đúng kỳ hẹn, từ 8 giờ mai, chủ ngựa lần lượt dắt ngựa đến, nhiều con cao lớn tốt mã.

Chờ mãi đến 10 giờ, một sĩ quan Nhựt đến với viên thông ngôn, báo tin rằng “vì hoàn cảnh” quân đội Nhựt phải đi nơi khác, nên hôm nay không thể mua ngựa được

Thế là chủ ngựa đem ngựa mình về, và vài ngày sau, chúng tôi mới nghe Nhựt đã đầu hàng vì hai trái bom ác liệt rơi xuống Hiroshima và Nagasaki.

Một hôm quan ba Ivabuchi, chỉ huy đại đội ở Long Thành, đến thăm tôi; chúng tôi ăn hết một trăm chôm chôm tróc, uống hai ly nước trà; viên sĩ quan Nhựt nói: “Hiroshima” rồi viết trên bàn con số 4 tiếp theo là năm con số không, tôi hiểu là trái bom rót xuống Hiroshima tàn sát 400.000 dân. Anh ta mỉm cười!

Anh tặng tôi một cây súng hai nòng. Sau, nhờ viên thông ngôn mà tôi được biết lúc trước anh làm quan hai đi đánh giặc ở Xiêm (?), điều khiển một đạo 200 quân. Xáp trận mấy tiếng đồng hồ, anh nhìn lại đạo binh mình, lớp chết, lớp bị thương ngã rạp hết, chỉ còn một mình anh đứng giữa rừng. Anh lững thững xách súng trở về, được tuyên dương công trạng và thăng quan ba (đại úy).

Ivabuchi lối 29, 30 tuổi, vóc vạc cao lớn, mũi cao da trắng, cỡi con ngựa hồng trông thật là bảnh trai. Đối với anh ta, danh từ “người lùn” không

có nghĩa. Anh thường đánh ban vọt với tôi và múa kiếm tôi xem. Cây kiếm dài và nặng, tôi cảm không muốn nổi.

Một bữa chúa nhựt, tôi tổ chức một cuộc thi bắn. Dân làng đem nó đến và mỗi người được bắn ba mũi tên. Cuộc thi đang vào lúc hào hứng bỗng Ivabuchi cỡi ngựa đến. Anh ta ngạc nhiên mà thấy sao xạ thủ cứ nhắm vào cái quảng đỏ mà bắn hoài. Thì ra, cái bia chúng tôi là một khung vải trắng, khoảng giữa vẽ một quảng đỏ bằng cái tô, xạ thủ nhắm vào hồng tâm mà bắn.

Mà khung trắng, với trung tâm mặt trời chính là lá cờ Nhựt bản, vô tình, chúng tôi cho xạ vào lá cờ Nhựt mãi!

Sau khi giải thích cho anh ta hiểu, tôi bãi cuộc thi bắn.

Mặt trận Việt Minh (1945)

Thời cuộc biến chuyển, vua Bảo Đại cử một khâm sai cho Bắc Kỳ (đổi là Bắc bộ) và một cho Nam Bộ.

Ngày 19 tháng 8, Đại biểu Nam Bộ Nguyễn văn Sâm ra Huế tâu chúc, anh Hồ Văn Ngà là Đồng lý văn phòng ký nghị định cách chức bốn năm viên quan cao cấp ngạch hành chánh có tiếng là tham nhũng.

Nhưng Mặt trận Việt Minh (tên tắt của “Việt Nam độc lập đồng minh”) nổi lên cướp chính quyền.

Bảo Đại thoái vị.

Việt Minh nắm quyền cai trị từ Bắc chí Nam.

Ở Biên Hòa, mặc dầu ông Phủ Nguyễn Văn Quý còn đảm nhiệm chức vụ Tỉnh trưởng, song thực quyền ở trong tay ông Dương Bạch Mai, Thanh tra các tỉnh miền Đông.

Còn ở Long Thành, những người bấy lâu hoạt động trong bóng tối, bấy giờ xuất đầu lộ diện: Đặng Hữu làm Tổng thư ký, Trương Giệ, chủ tịch tổng bộ Việt Minh, nhưng họ vẫn để quận trưởng làm việc “cho có vị”.

Một hôm, xã trưởng làng nọ đến quận có việc. Quen miệng, anh gọi tôi bằng “quan lớn”. Tức thì anh Giệ trợn mắt, hét to: “Anh xã trưởng, nếu anh còn dùng hai chữ “quan lớn nữa, tôi bỏ tù anh đã! Còn anh Đào, sao anh quan liêu quá vậy, còn để cho gọi anh bằng quan lớn?”

Tôi nổi giận nói:

- Đó chỉ là thói quen của họ mà thôi, chớ nào tôi có thích làm quan lớn: Anh Giệ, anh bước ra cửa văn phòng mà coi tấm bảng treo từ hôm tôi lên trấn nhậm quận Long Thành: “Ai dùng danh từ quan lớn mà xưng hô nữa, sẽ bị phạt 0\$50 bỏ vào quỹ thể thao”. Tôi còn dân chủ trước phong trào Việt Minh nữa kia!

Bây giờ, quân đội Nhứt bốn đóng ở Long Thành cả ngày không làm gì, chỉ chờ quân đội Anh đến giải giới. Họ bán rẻ những xăng nhớt và dụng cụ khác, người Việt rùng rùng đến mua.

Nhiều anh Nhứt bán súng lục mỗi cây ba trăm

đồng và một số đồng bào ta mua đi bán lại kiếm bộn tiền lời.

Tổng bộ Việt Minh đến “ngoại giao” với Ivabuchi, xin súng ống thuốc đạn để chống cự quân đội Pháp. Viên sĩ quan không ừ, không không, nhưng ban đêm chúng tôi nghe họ nổ súng đạn ầm ầm trong một ngọn suối, gọi là Suối Vòng.

Ngày 2 tháng 9

Tổng bộ Việt Minh ở Long Thành lập cái diễn đàn trước chợ, mời đồng bào đến đông đảo nghe nói chuyện.

Tôi nhận thấy ông Đốc phủ Phạm Hữu Ngải, cựu quận trưởng Long Thành, khăn đóng áo dài đến nghe diễn thuyết.

Nhiều nhân vật tiếp nối nhau trên diễn đàn, sau cùng họ yêu cầu tôi nói ít lời. Tôi lên án thực dân Pháp, nhứt là mấy ông chủ đồn điền, và cầu chúc nước Việt Nam được Tự do, Độc lập, Hạnh phúc.

Lúc bấy giờ, một phần tử Đệ tam sư đoàn, độ ba mươi người với vài cây súng, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Trung Trực (?) trưởng đoàn, đến đóng trong sở cao su của ông Reyboubet, trước là hiệu trưởng trường Gia Định.

Và một hôm, họ xử tử Trần Trọng N. tại chợ Long Thành về tội điểm chỉ cho Tây bắt thanh niên tiến phong.

Phòng ngừa quân đội Pháp tới bắt tôi, gia đình chúng tôi tản cư vô Phước Thiện, cách Long Thành bốn cây số, ở trong một căn phố của ông Lương, chủ nhà máy xay lúa.

Đầu tháng 10 năm 1945, chánh quyền Việt Minh ở Biên Hòa bãi bỏ chức vụ tỉnh trưởng và quận trưởng.

Chúng tôi ở lẫn lút trong mấy làng xa, như Phước Thọ, Phước Hiệp, cách Long Thành mười mấy cây số, và nghe đầu quân đội Anh đi giải giới Nhật bốn đã tới Biên Hòa, quân đội Pháp tháp tùng theo sau.

Đường như ông Phủ Tân hàm Phục bị Việt Minh nghi ngờ và thanh niên đánh chết. Tội nghiệp thay!

Binh Pháp đến chiếm kho đạn Thành Tuy Hạ.

Ban ngày, lối một vài trung đội mang súng đi làng này qua làng kia, nơi nào họ nghi có bộ đội Việt Minh ẩn trú thì họ đốt nhà người ta.

Tổng bộ cậy tôi quyền tiền cứu giúp đồng bào có nhà bị đốt, họ bảo rằng: “Anh Đào có uy tín”.

Anh trưởng đoàn tá danh Nguyễn Trung Trực, mượn chiếc xe Peugeot tôi, số CJ.772, tiếng là để đi thị sát các mặt trận rồi bị Pháp rượt nà, anh bỏ mất chiếc xe ở Xuân Lộc.

Trực cùng ba anh nữa, Tây, Du, Cảnh làm những điều sai quấy, bị xử tử tại Phước Thiện. Công chúng ở Long Thành ghép bốn tên thành một câu có ý nghĩa: “Trực Du Tây Cảnh” (Đi ngay về cảnh tây).

Núi Nứa – Cấp – Bà Rịa (1945-46)

Năm bảy bữa, thỉnh linh nghe tiếng súng nổ, người ta phao đồn “Tây tới”, trống nổi âm âm, thanh niên tựu đến quận lỵ đông như kiến cỏ, chuẩn bị đối phó.

Còn thì ông già, đàn bà, trẻ con, lớp chạy xuống sát, lớp vô rừng, hoặc xuống ghe chống ra ngoài sông, vô mấy xèo mà ẩn núp.

Chúng tôi cũng như ai, cũng diu dặt đoàn con trẻ xuống thuyền chống đi một đôi, nghe êm êm trở về.

Sống trong cảnh pháp phòng lo sợ như thế đã hai ba tháng trường, khổ quá, chúng tôi tính về cùng cha mẹ ở Chợ Lớn, Tân An. Nhưng đường giao thông với Sài Gòn trở ngại, dùng xe tất là không yên, và không ai dám chở thuyền đưa đi.

Lúc ấy, nhiều người ở Phước Thọ xuống Núi Nứa (Bà Rịa) chở thuốc hút về bán. Họ quả quyết đàng thủy đi Núi Nứa đã dễ mà ở đó yên tĩnh lắm, dân sự chỉ lo tu hành; một điều tiện lợi nữa là, dưới Núi Nứa, họ đi Chợ Lớn rất thường.

Và lại, nơi đó, chúng tôi có vài người bà con tu theo đạo “Ông trần”, chúng tôi chắc không lấy làm bơ vơ.

Rời Phước thọ, xuống Núi Nứa

Thế là ngày mồng hai tháng giêng dương lịch năm 1946, chúng tôi nhờ một người bà con chở thuyền xuống Núi, định ninh rằng xuống đây chúng tôi sẽ tìm phương về Chợ Lớn. Ghe đến Bến Đá,

một chiến sĩ xét chúng tôi và, sau khi thấy không có gì khả nghi, họ cho chúng tôi đi thông thả.

Xuống núi đặng vài hôm, anh Điền trong Bộ tham mưu của M. V. Viễn mời tôi đến trụ sở mượn cây súng lục tôi với 6 phát bi.

Từ ấy, chúng tôi sống một cuộc đời yên tĩnh, trong lúc tại Biên Hòa, binh Pháp và Vệ quốc đoàn đánh nhau nhiều trận kịch liệt.

Ngày 23 tháng chạp, âm lịch, kịch chiến ở Phước Thiện;

- 24, phố, chợ Phước Hiệp bị đốt;

- mồng tám tháng giêng, quân đội Pháp chiếm Bà Rịa;

- mồng 6 tháng hai, hai bên xáp trận dữ dội tại Phước Thọ;

- hai ngày sau, phi cơ Pháp “bố” vùng này, bay theo lòng sông xả súng bắn hại lương dân cũng nhiều.

Ngày 23 tháng giêng, nửa đêm có tin đồn quân Pháp thừa nước lớn đổ bộ lên Núi Nứa. Ủy ban thôn bộ và Phó chỉ huy đoàn trưởng thanh niên xông xáo một lúc rồi... thôi.

Thuở trước, đây là làng Núi Nứa, cách bốn năm năm nay, đổi tên là làng Sơn Long, chia ra nhiều ấp: ấp Bến Đá, Bà Trau, Bến Diệp và hai xóm: Đất Sét, Gò Su.

Dân sự hai xóm này và ấp Bà Trau, gồm lối ba trăm nóc gia và ngàn rưởi người tu theo đạo “Ông trần”.

Hơn bốn tháng cư ngụ nơi ấp Bà Trau, tôi thừa dịp khảo cứu đạo này và biên thành tập sách nhỏ: “Núi Nứa – Tiểu sử và đạo Ông trần”.

Một hôm, chúng tôi gặp một anh Bình Xuyên, chiến sĩ ở mặt trận Chợ Đệm (Bình Điền, Chợ Lớn) sau khi thất trận rời bỏ hàng ngũ đi rong. Anh nói với chúng tôi rằng ngày 13 tháng chạp năm 1945, đạo binh Pháp đụng độ với kháng chiến tại Chợ Đệm; hai bên đều tổn thất. Quân đội Pháp rút về Chợ Lớn, đốt nhiều nhà ở Chợ đêm, trong số ấy có cái nhà lầu và hai cái nhà trệt của nhạc gia tôi.

Và tất cả đồ đạc, quần áo, giày vớ, sách vở tôi, gởi nơi nhà ấy lúc tôi dời từ Sóc Trăng lên Long Thành, dĩ nhiên làm mồi cho ngọn lửa.

Tôi buồn bực ba đêm không ngủ, không tiếc quần áo sách vở cho bằng hai cặp tài liệu lịch sử 21 tỉnh Nam Kỳ, vì mấy thứ kia còn có thể mua sắm lại được, chớ tài liệu lịch sử, gồm 2.000 trương, sau biến cố tìm đâu cho ra!

Mặc dầu hiện nay có nhiều sách khảo cứu lịch sử các tỉnh ra đời, rất có giá trị, song tôi nhận thấy họ thiếu những tài liệu mà tôi đã thâu thập lúc trước.

Tháng năm dương lịch, 1946, tin binh Pháp sắp qua Sơn Long càng thường; những người khá giả đào hầm trong nhà chôn giấu đồ đạc, quần áo, nữ trang, vì nghe nói nhiều nơi trên đất liền, bọn thân binh đi bố với binh Pháp, lạm dụng cơ hội, cướp giật lương dân một cách vô liêm sỉ.

Hàng ngày, phi cơ bay lượn rất thấp trên ngọn

cây, nghiêng mình cho phi công dòm tận trong nhà, vì binh Pháp đóng bên Cáp và Bà Rịa nghi bộ đội Bình Xuyên đóng bên Núi Nứa.

Họ cũng nghi ngờ người Nhứt gia nhập vào bộ đội này nên cuối tháng tư dương lịch, tàu bay rải truyền đơn trên núi báo người Nhứt phải tìm đến trình diện cùng “đội binh Pháp đóng gần hơn hết”, hoặc là đi ngay về Sài Gòn trình với “Sở liên lạc và kiểm soát người Nhứt”, họ sẽ được hồi hương.

Ủy ban thôn bộ và chỉ huy quân đội ra lệnh cho nhân dân

- không được qua lại Cáp với Bà Rịa;
- không nên phơi nhiều quần áo trước nhà, hoặc là có phơi, hãy nghe tiếng phi cơ thì mau lấy vào cho hết.

Binh Pháp đổ bộ - Ngày thứ tư 22-5-46

Ngày 22 tháng tư năm bính tuất, nhằm 22 tháng năm dương lịch 1946, một ngày lịch sử của Núi Nứa. Bảy giờ rưỡi.

Trong lúc nông phu đang cày ruộng, chợ Bà Trau nhóm họp vui vầy, bỗng đâu, phía Bến Điệp, đầu cù lao, là nơi gần Vũng Tàu hơn hết, có tiếng tàu bay vù vù và tiếng súng: pầm pầm pầm... Công chúng kêu to, thất thanh: “Súng liên tỉnh!”

Rồi thì bạn hàng giải tán như ông võ ở, lớp mau chon chạy về nhà, lớp chạy vô Nhà lớn (nhà thờ của Ông Trần) núp dưới lùm lúa, vì bỏ lúa mấy ngàn gia ví trong cùi chác chắn, cao khỏi mặt đất gần một thước tây.

Còn trong mỗi nhà thì già, trẻ, bé lớn chun dưới sàn ván, hai ba bộ chồng lại một, trên chất chuối cây, nệm gối, bạ thứ gì mềm cũng chồng chất lên cho cao, càng cao càng tốt, lấy mềm trị cứng.

Phi cơ bay qua một lượt, vù vù... pầm pầm pầm... bay đi xa rồi thì bích kích pháo (mortier) trên tàu chiến đậu một hàng phía Vũng Tàu bắn vãi vô.

Đùng! Viên đạn bay ngang không khí, rít lên một tiếng veooo, rồi tới ngay trên đầu mình nổ một tiếng long trời lở đất. Một chê im, tàu bay tới... i i i... lại bỏ bom. Pầm pầm pầm, lại bắn súng liên thanh xuống.

Tiếng chuông mỗi nhà ngân nga lên.

“Lệnh ông Phật lớn” (ở Núi Nứa, người ta tôn sùng “Ông Trần” là Phật lớn) được mời về cứu độ đệ tử, Phật Thích Ca, Phật Quan Âm, cho đến ông Sơn thần, bà Chúa Xứ, bà Nữ Oa, cũng được khẩn vái phò hộ chúng sanh tai qua nạn khỏi.

Đùng, veooo, ùùng, đạn một chê thi hành phận sự.

Vài mươi viên đạn; đến lượt tàu bay bắn súng liên thanh hoặc thả bom xuống.

Khúc nhạc vang lừng và rùng rợn kéo dài cả hai tiếng đồng hồ, chín giờ rưỡi mới dứt.

- Tây đổ bộ lên Bến Đá rồi!

Một anh làm rầy trên nhà việc chạy về, đi ngang nhà hơ hải trao tin ấy cho chúng tôi hay.

Tây đổ bộ!

Cuộc bắn phá dữ dội dọn đường cho họ đổ bộ,

chẳng còn nghi ngờ chi. Máy ông hương chức cụt, khăn đóng áo dài, lần lượt tựu đến nhà việc. Máy anh thanh niên phần nhiều xuống sát hoặc lên núi mà ăn mình.

Bây giờ kiểm điểm lại coi nhà cửa đồng bào có bị hư hại vì sự bắn phá khi nãy không.

Nhà ông hương bộ Kiên bị một miếng đạn trở cửa vào nhà, khoét một lỗ tròn vo bằng ngón chơn cái, may không ai bị thương tích chi.

Nhà chú năm Tru, một cái mâm thau dựng dựa vách bị đạn liên tỉnh khoang lưng mà cái mâm không ngã. Hai Chi bị bể vài cái lu, nhà tư Huồn ngói bể một khoảnh.

Nhà dài, trong dãy Nhà lớn của ông, bị trở nóc một lỗ bằng cái thúng đôi.

Hai đứa gái nhỏ, ở xóm Đất Sét, con của chủ ấp Ba, ngồi trước hàng ba hay là chạy núp chưa kịp không rõ, trúng đạn liên tỉnh, một đứa lưng cuồn tay trái, một đứa bị thương nơi hông.

Chúng tôi đang hì hục xây một cái hầm núp trong nhà bếp, kể nghe tin quân Pháp đổ bộ liên ngưng công, vì họ đã chiếm hòn núi mà không gặp kháng cự trong làng thì họ còn bắn phá liệng bom làm chi nữa!

Vì sao tôi không xuống sát hoặc lên núi mà trốn như mấy người kia vậy? Vì tôi không nỡ lia một người đàn bà yếu đuối và chín trẻ thơ cho đành! Lỡ trong bọn đổ bộ có người dờ thói dã man, cướp giật hầm hiếp, có mặt mình, mình lấy lời phải giác đất

người một dân tộc văn minh, chắc họ cũng thông cảm chứ chẳng không.

Mười một giờ rưỡi, một toán lính Pháp độ ba mươi người đi rào trong ấp Bà Trau, vô từ nhà biểu tất cả đàn ông tựu tại nhà hội.

Nơi nhà hội Bà Trau

Nơi đây, dân sự và hương chức đã khá đông. Viên quan ba, người cao lớn, mặt mày nghiêm trang nhưng vẻ hiền từ hỏi ai nói được tiếng Pháp.

Tôi lẩn lút trong đám đông không muốn ra mặt, viên sĩ quan biểu một người Việt Nam trong đoàn đổ bộ, tên Paul, làm thông ngôn.

Nhắc lại hồi nãy, cách đây chừng nửa giờ, tôi nghe tiếng súng nổ, bây giờ tại nhà hội, tôi thấy sáu bảy san đá dặt “thằng cầm” vô, máu me sau đít đầm đìa.

Hỏi ra mới hay họ gặp nó đi ngoài ruộng, họ kêu, nó không nghe cứ lằm lúi đi. Hỏi, nói không trả lời, họ bắn. Thằng ấy cầm từ thuở nhỏ, mới bập bẹ được năm ba tiếng từ năm ngoái, giữ trâu cho chú hương bộ Thê, nuôi côm và cho quần áo.

Thầy Paul hỏi ai làm hương chức.

Đáp: đây là ấp Bà Trau, có hương chức ấp, từng quyền hương chức trên làng, nhà việc chánh cách đây bốn năm cây số.

Quan ba biểu biên tên hương chức ấy. Mấy ông cho tên bốn người: hương chủ, hương sự, hương trưởng và hương quản. Éo le thay, họ lại “củ” tôi

làm hương sư và lại giới thiệu cho tôi mang khổ -
rằng tôi nói được tiếng Pháp.

- Anh biết tiếng Pháp? Quan ba hỏi.

- Biết chút đỉnh.

- Được, anh làm thông ngôn dùm tôi. Anh làm gì ở đây?

- Tôi là người tản cư.

- Lúc trước anh có giúp việc Chánh phủ không?

- Có.

- Ông chủ củ anh là ai?

- Quan cai trị RB.

Thầy Paul vọt miệng nói:

- Tôi nhớ rồi, thầy là thầy giáo mà; thầy có làm thầy giáo phải hôn? Nên nói tiếng Tây cũng khá khá.

Tôi cười. Lúc ấy, lối một chục người lính lại dắt thằng Cầm đi, tôi hoảng hồn, tưởng họ đem nó đi bắn; tôi cất nghĩa cho quan ba hiểu rằng thằng ấy nó câm, nó hiền lắm, không biết gì hết, đừng đánh đập nó tội nghiệp.

Viên sĩ quan biểu dắt nó trở vô, cho ngồi trên ván.

Kế san đá dẫn về một tốp dân làng, bắt ngồi ngoài đường, dưới nắng, còn họ vô đứng trong hàng ba, lấy nón quạt, rút khăn lau mồ hôi. Tôi xin với quan ba cho mấy anh dân vô nhà dài mà ngồi, ông bước ra quờ mấy anh san đá:

- Sao mấy anh để họ ngồi ngoài nắng vậy? Mấy anh phơi đầu trần ngoài nắng chừng mười phút được không?

San đá tiu ngui, dất dân làng vô nhà dài, bảo ngời đó ngui. Quan ba hỏi tời trên núi có hang hổ chi không.

Tời tả động Sơn thần cho người nghe. Người bảo vài hương chức dẫn đường cho người lên viếng mấy hang ấy.

Hương chức kinh hồn ngất nhỏ tời:

- Thanh niên trốn trên núi cả trăm, nếu quan ba dất lính đi rần rần rộ, thanh niên hoảng chạy, họ bắn chết đi còn gì!

Tời giải thích với quan ba:

- Dân làng đây thiệt thà lắm, họ nghe tiếng súng đã kinh tâm, nên họ chạy trốn trên núi, xin ông hiểu dùm cho.

- Được, vậy hai người hương chức lên kêu họ về trình diện với tời, bảo họ đừng sợ chi cả, tời không làm hại họ đâu. Song trước khi đi, hai người hương chức phải để tên họ lại đây, sáu giờ chiều phải về tời, nhược bằng không về, tời sẽ tìm bắt và bắn liền.

Người hỏi thăm tời về thức ăn nước uống nơi đây, vì người định đồn binh ở đây ít ngày, bắt tời với ba ông hương chức già làm “con tin”, hăm rằng nếu trong đêm người bị tập kích, người sẽ bắn bốn “con tin”.

Hương chức đem nước trà và chuối đái quan ba với các hạ sĩ quan. Viên sĩ quan chỉ huy dạy vòng mấy trẻ bị thương ở Đất Sét xuống nhà hội cho viên điều dưỡng Pháp băng bó sơ thương tích, rồi xế chiều sẽ có bác sĩ Tây trên làng xuống cho thuốc. Người nào mang bệnh chi cũng sẽ được bác sĩ điều trị.

Trừ mấy người bệnh với bốn con tin, còn bao nhiêu hương chức và dân làng đều phải lên nhà hội Sơn Long cho quan tư nói chuyện, chừng vài giờ thì về, chớ không sao.

Quan ba nghĩ sao không biết lại bảo tôi phải đi với hương chức và dân làng. Lúc ấy, mấy ông dân nhao nhao áp lại khai bệnh: ông nầy sung chơn, ông kia rét, ông nọ ho, mượn tôi nói dùm cho họ khỏi lên làng.

Một giờ rưỡi trưa, sắp hàng hai ra đi, dưới vòm trời xanh thẳm, nắng như đốt như thiêu.

Không một chút gió. Chòm mây bạc treo cao.

Cây mít, khóm đào, bụi tre đứng tro bên vệ đường, ngạc nhiên tự hỏi không biết đoàn người nầy đi đâu có dây có dọc, lại có mấy anh da trắng đội nón sắt, mang súng trường, đi hai bên hộ tống.

Anh quan một (thiếu úy) tìm tôi nói chuyện; anh tốt nghiệp trường võ bị mới ra, được lệnh sang Đông Dương bình định (?). Anh cố gắng học tiếng Việt Nam đang nói chuyện cùng người bốn xứ, chớ không hiểu nhau, không nói được tiếng Việt Nam thì khó quá.

Anh có thiện cảm cùng người Việt vì họ cũng không hung hãn gì.

Anh là chiến sĩ, anh chỉ biết làm phận sự người chiến sĩ thôi, anh phê bình nghiêm khắc cử chỉ những san đá thừa cơ hội hành binh trong làng, hãm hiếp đàn bà con gái, cướp giặc bạc tiền, bắn

giết thường dân vô tội. Nước Pháp mới trọng tự do nhân đạo, không nhìn những đứa con như vậy.

Tiếc thay, chiến sĩ có thiện chí như anh thiếu úy này lại là phần ít, và rất ít, tiếc thay!

Nơi nhà hội Sơn Long

Binh sĩ Pháp đông ba bốn trăm người. Viên thiếu úy vào báo cáo xong, chúng tôi ngồi ngoài chờ. Quân đội lấy nhà hội Sơn Long làm Tổng hành dinh, ăn ngủ và làm việc.

Giây phút, họ mời hương chức Bà Trau vô. Một viên sĩ quan cao, ốm, đầu chơ, bảo tôi thông ngôn, hỏi ba điều bốn chuyện về hánh chánh ở Bà Trau, làm việc dưới quyền ai... Đoạn, hương chức ra, họ mời tôi vào trong. Một viên quan hai còn trẻ, ốm, cao, mang kiếng trắng, ngồi sau bàn, lãnh việc điều tra; cạnh bàn, một ông ách Việt Nam lỏng không thông ngôn.

Bên trái, một thân binh Việt đang thẳng tay vạt chiếc roi da lên lưng một đồng bào, tóc quăn, mình trần, quần kaki. Mỗi lần chiếc roi vô tình giáng xuống lưng anh nẩy nổi một vệt dài bầm tím, là mỗi lần anh kêu lên những tiếng “ôi” xé ruột! Giọt máu đào bắt đầu rịn trên lưng anh, thân binh cứ thẳng tay vạt bóc, bóc...

- Mày khai hay không?

- Ôi, tôi có gì mà khai!

Ngày hôm nay, viết mấy dòng chữ này, dường

nhu tôi còn thấy ràng ràng trước mắt tấn tuồng tra khảo vô nhân đạo kia, lòng tôi se thắt lại, và lần này là lần đầu tiên trong khoảng hơn bốn mươi năm, tôi buồn quá, tôi đau đớn quá, tôi khóc.

Vì từ tôi mười hai tuổi là mẫu thân tôi lấy lời phải trái mà dạy bảo tôi, chớ không còn dùng roi vọt cùng tôi nữa, từ ấy đến nay, suốt mấy mươi năm trường, ngày hôm nay tôi mới có dịp lại để khóc!

Khi xưa, bị mẫu thân tôi đánh, tôi khóc vì đau đớn xác thịt; hôm nay, tôi khóc vì đau đớn trong lòng. Tôi cảm ân và thương hại cả hai người, một người hăm hăm, mặt mày hung ác, tỏ mình là người đắc thế hữu quyền, dụng quyền một cách đắc lực, triệt để; một người, hai tay bị trói quặt sau lưng, ngựa mặt lên trời mà kêu rên, cử chỉ kẻ sa cơ thất thế, chỉ kêu trời chớ chẳng còn biết cầu cứu với ai...!

Điều tra

Viên sĩ quan điều tra hỏi tôi:

- Anh tên gì, họ gì, làm nghề nghiệp chi, mấy tuổi, có vợ con không?

Tôi khai gia thế.

- Anh làm gì ở Núi Nứa?

- Tôi tản cư.

- Từ hồi nào?

- Từ tháng giêng năm 1946.

- Nghĩa là đã trên bốn tháng rồi? Lúc trước anh làm gì?

- Tôi là cựu quận trưởng Long Thành; từ ngày

Việt Minh bãi bỏ chức tỉnh trưởng và quận trưởng, tôi và gia quyến tôi muốn về Sài Gòn nhưng chưa được, tôi phải xuống đây nương náu với bà con, chờ thuận tiện về Chợ Lớn.

- Tại sao anh lựa một chỗ, ổ hang bọn cướp (?), quân phản loạn (?) mà tản cư?

- Là vì lúc trước, tôi nghe ở Núi Nứa dân cư lo tu hành chớ không nghe ai nói họ làm giặc và ăn cướp bao giờ.

- Anh biết bộ đội Bình Xuyên đóng chỗ nào không? Anh gặp họ không?

Tôi nào có biết trong dân sự ai là kháng chiến, và tôi không rõ bộ đội Bình Xuyên đóng chỗ nào, tôi chỉ ở quanh quần ấp Bà Trau mà thôi, chẳng hề dám lên làng và ra Bến Đá, vì tôi là người lạ mặt.

- Anh có biết cơ quan hành chánh Việt Minh đâu không?

- Tôi cũng không biết.

Viên sĩ quan lấy roi giá tôi, rồi cầm cây súng lục lên sầm soi:

- Anh nói tôi khó tin quá! Ai cũng biết bộ đội kháng chiến đóng nơi nào, cơ quan hành chánh Việt Minh ở đâu, duy có anh, anh ở Bà Trau trên bốn tháng rồi mà anh không biết, hay là giả vờ không biết.

- Thiệt tình tôi không biết, vì tôi sợ người ta nghi tôi, tôi có dám đi đâu!

Anh biết Chánh phủ Pháp đã cai trị tại Cáp và Bà Rịa không?

- Tôi có nghe nói.

- Anh là cựu công chức Chánh phủ Pháp, sao anh lại không tìm đến Cấp hay Bà Rịa mà trình diện với nhà cầm quyền?

- Tôi làm sao đi đặng? Gia đình đông con, nhiều va li quần áo đồ đạc.

- Anh có biết Lê Thành Duy không?

- Không.

Viên quan hai suy nghĩ một giây rồi nói mà gần từng tiếng:

- Thái độ anh khó hiểu, nếu anh muốn ra khỏi Núi Nứa thì anh ra được, chỉ tại anh không muốn mà thôi!

Đột ngột, ông hỏi tôi:

- Anh làm gì trong ủy ban Việt Minh ở đây?

- Tôi không có làm gì cả, và tôi không biết Ủy ban là ai.

- Thôi được, anh lại đứng dựa vách kia.

Thoạt viên quan tư bước vô, quan hai nói gì nhỏ nhỏ với quan tư, ông nầy kêu tôi lại:

- Mày làm gì ở Núi Nứa?

- Tôi tản cư, lánh nạn (me réfugié)

- Sao mày không ra làm việc với Chánh phủ Pháp?

Tôi không dám ra khỏi cù lao, sợ nguy tánh mạng.

Mày nói láo! Mày làm gì trong Việt Minh?

- Tôi chẳng hề nói láo, tôi không có làm gì trong Việt Minh hết.

- Nếu đúng sáu giờ mây không khai thật, tao sẽ ra lệnh bắn mây.

Viên quan hai dắt tôi do cửa hông bên phải mà ra ngoài, bảo tôi đứng dưới gốc cây, cất lính canh giữ. Nơi trụ bên kia, Lê Thành Duy đã bị trói ké, lại có một sợi dây cột ghệt cổ vào trụ.

Lâm nạn

Bọn san đá xúm lại chế giễu tôi, chúng nói mắng tôi, tôi mắng lại, viên sĩ quan đầu chon bảo trói tôi vô cây cột song song với cây nơi đấy đã trói Lê Thành Duy.

Một tên san đá châm điều thuốc nó đang hút vô lòng bàn tay tôi, tôi dạy lại nói:

- Mày không bánh chút nào hết! (tu n'es pas chevaleresque du tout!)

Thằng ấy xén lén bỏ đi, thằng khác lại hỏi:

- Mày làm sao mà sống ở đây?

- Tao làm sao sống mày hỏi chi?

- Chắc mày có ăn tiền của Việt Minh?

- Tao không có lãnh tiền gì của ai hết, nhưng tao sống cách nào không quan hệ gì tới mày cả.

Nó văng tục một câu, tôi ngo lảng chỗ khác không thèm trả lời. Một viên đội nói gì với tôi, hôm nay tôi đã quên, song tôi nhớ tôi trả lời với và rằng:

- Con người ta, ai ai cũng chết có một lần thôi!

Va cãi:

- Phải, người ta chỉ chết có một lần, nhưng có cái chết tự nhiên, cái chết dữ tợn.

Tôi mỉm cười:

- Chết tự nhiên hay chết dữ tợn cũng là chết. Song mình không làm điều sái lương tâm thì nào có sợ chi cái chết!

Nhiều viên đội trưởng và sĩ quan bao vây tôi và hỏi tôi, không ngoài câu chuyện “tại sao bị bắt” và “cựu quận trưởng mà làm gì ở Núi Nứa”.

Đa số trong bọn họ nói chuyện có lẽ phép, tỏ rằng họ có giáo dục đảng hoàng, không kêu “mày” xưng “tao” như mấy người lính của họ, họ không có cái “cử chỉ vô phu san đá” (manières soldatesques) và nhút là họ không văng tục.

Tà tà bóng ngả về tây...

Trong cảnh tù tội mà thi tứ vẫn dồi dào!

Tà tà bóng ngả về tây... Mấy chú san đá lo đào hầm, trí sùng liên thịnh trên mô đất, dự bị qua đêm.

Khát nước quá.

Lệ Thành Duy kêu một lão Bắc kỳ mập, trọc đầu, mặc áo thun vá bằng vải trắng do, xin một miếng nước uống. Ban đầu, tôi tưởng ông ấy là thường xuyên, hay là ông tù trong đình, sau rõ lại là bồi tây, thân binh kêu nó là ông sáu.

Ông sáu đem ra nửa lon thiếc nước giếng, Duy uống xong, tôi cũng kêu xin một miếng. Ông vô mức đem ra nửa lon, kê vào miệng tôi, miếng nước giếng lúc ấy nó ngon làm sao! Chưa chắc sâm banh thượng hảo hạng lâu năm của người Pháp ngon bằng.

Lúc ấy gần sáu giờ. Mà đúng sáu giờ, “nếu mình không khai thật” (mình nói dối bao giờ!), viên

quan tư sẽ ra lệnh bắn mình. Tử sanh hữu mạng, phú quý tại thiên.

Tôi tưởng nhớ cha mẹ già, cha bảy mươi bảy tuổi, mẹ bảy mươi lăm, gần đất xa trời, mấy anh chị em, và con thơ vợ yếu, tôi cảm động thở dài, hột lệ muốn tràn lên mắt.

Rồi đây, song thân tôi hay tin tôi bị bắn! Cảnh thảm thiết tre già khóc măng tơ, không rõ con tội tình gì mà chết bắn! Còn bảy con tôi, chín trẻ thơ nheo nhóc, đứa đầu lòng chỉ mười bảy xuân xanh, đứa út mới vừa năm tuổi.

Con sẽ mồ côi cha, ai dạy dỗ con cho nên người?

Tôi sực nhớ ba câu ca, nghe trong đĩa hát độ nào:

“Đoái thấy con thơ,

“Con dại con khờ

“Kêu khóc theo cha!

Rồi đây, con tôi sẽ khóc kêu, theo mẹ! Tội nghiệp cho đàn con trẻ, chớ mạng tôi, tôi nào có kể chi. “Nam mô Đại từ đại bi Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ tát”.

Tôi niệm thầm danh hiệu Bồ tát một lát lâu, bỗng một anh đội trưởng lại bảo tôi: “Anh hãy nói với dân làng và hương chức rằng đêm nay chúng tôi buộc lòng phải cho họ ngủ đờ trong trường học, và nếu người nào toan tẩu thoát, sẽ bị bắn ngay”.

Họ yêu cầu mình thông ngôn và lập lại cho hương chức và dân làng lời dặn bảo hăm he đó, tất chiều nay họ chưa “xử” mình.

Viên đội nói xong, mở trói tôi với Lê Thành Duy rồi bảo vô trong trường học.

Đi tiểu tiện, “nhập trường”, lớp ngồi, lớp nằm, đặng... thức. Cất bữa cơm chiều.

Anh chà đèn cầm súng đứng gác ngoài cửa, ban đầu anh để cửa cho tù người ra đi tiểu đi tiêu, sau nhiều người mỗi lần đồng ra một lượt, và đêm cũng đã tối rồi, nên anh đóng ập cửa lại. Nóng nực quá, chúng tôi cởi áo ra quạt. Tôi ngồi giữa anh mười Bông với chú hương trưởng Nhiệm. Anh mười nói:

Hồi chiều, tôi nghe anh nói tiếng tây với mấy ông ở trông, tôi tưởng rồi anh cũng được thả ra, không ngờ một lát năm Trụ chỉ tôi coi anh bị trói dựa cột, thiệt tôi đứt ruột nát gan, tôi không hiểu vì có gì.

- Đó là tai nạn của tôi!

Mấy người quen xúm lại:

- Sao dân làng bị giam, anh?

- Sao hương chức cũng bị giam, anh?

Tôi đáp:

- Nghe nói mai nầy hương chức sẽ qua Bà Rịa trình diện với ông chủ tỉnh, còn dân làng thì sẽ xét hỏi, chớ chẳng có chi lạ.

- Rồi chừng nào hương chức về?

- Trình diện rồi thì về.

- Còn anh?

- Còn tôi thì... không biết tánh mạng tôi có toàn hay không.

Chú hương trưởng Nhiệm xen vô:

- Người ngay mà nỡ nào trời hại hay sao!

Tôi bảo:

- Vậy thì chú ba làm ơn bấm dùm tôi một quẻ, coi bốn mạng tôi thể nào.

Chú ba Nhiệm co tay tính toán rồi nói:

- Bốn mạng chú vững vàng, không có sao. Nay là hăm hai, mai hăm ba, có lẽ mai chú được thả ra; bằng mai chưa được thì bữa hăm lăm cũng được thả.

Đêm càng khuya, muỗi vo ve bên tai, kẻ ngủ ngáy om sòm, người thức nói chuyện cũng lớn tiếng. Ngồi lâu mỏi, tôi nằm co. Ngoài trời sáng sáng. Sáng chưa? Chưa. Trăng vừa mọc. Thức nói chuyện nho nhỏ chờ sáng. Gà gáy, trời gần sáng rồi. Thôi, nín tiểu và rán chịu nực thức thêm vài canh nữa.

Muỗi vẫn kêu, tả xông hữu đột. Nhiều anh nông phu ngáy vẫn giòn. Vài chiếc tà áo phe phẩy quạt. Đã thấy rõ hình người. Bình minh.

Ngày thứ năm 23-5-46

Cửa lớp học mở, anh chà san đá cho ra.

Trên bụi cỏ cạnh cây sương mù còn đọng.

Chim rừng bắt đầu kêu, trái núi trước mặt thân nhiên nằm ì. Chúng tôi túa xuống ruộng, lấy tay bụp nước súc miệng, rửa mặt mày.

Quả đất cú xây, mặt trời lổ dạng, cảnh mai tuyệt đẹp, gió thổi rao rao.

Chúng tôi lớp ngồi lớp đứng dưới hàng ba.

Bọn san đá đi nghênh ngang ngoài sân, đĩa ăn bánh mì phó mạch, đĩa gắp một đùi gà quay.

Khát nước, một người bảo tôi xin phép tây đen cho một đứa trẻ chạy về nhà múc nước đem ra uống. Tây đen chịu.

Mười phút sau, thằng nhỏ trở lại, tay xách một tin nước láng láng. Một anh uống rồi trao tình cho người khác, có anh lớp một hớp súc miệng, phẹt nhỏ rồi mới uống. Nhiều anh phàn nàn rằng súc miệng thì xuống ruộng mà súc, còn nước trong tin để cho anh em mỗi người uống một miếng cho đỡ khát.

Thằng bé lại chạy về đem qua một tin nữa với một gàu nước bằng nang.

Bọn sĩ quan Pháp kêu tất cả lại đình xét hỏi tiếp.

Bây giờ chúng tôi nghe như dạ dày đòi hỏi phải cung cấp vật thực cho nó. Ngày nay sẽ ra sao đây? Mấy người ở xóm làng được bà con đem cơm bánh trái cho ăn. Chúng tôi, dân Bà Trau, cũng phải lau lách làm sao chứ.

Nhắc lại, trưa hôm qua, hỏi tôi lại nhà việc Bà Trau, tôi không có bỏ theo túi đồng nào, cả cái khăn tay cũng quên đem, những tưởng xuống giáp mặt với họ một chút rồi về, chứ có sao, nào dè... Nền đêm nay, tôi mượn anh mười Bồng ba chục bạc, phòng khi họ giải mình qua Cấp, qua Bà Rịa, có tiền mà xài.

Tôi mới trao cho anh tư Nữ năm đồng mua bánh

cốm anh em ăn đồ dạ. Một lát, không rõ dưới Bà Trau đem lên hay trong xóm làng bung ra một rổ cơm, mấy cái muống, với một chén cá thiếu kho. Anh tư Đen kêu tôi lại ăn, tôi chối từ rằng tôi ăn cơm còn no; mấy anh cố ép tôi phải dùng ba miếng cho vững bụng vì không biết ngày hôm nay, mình sẽ được ăn bữa nào nữa chẳng. Thôi, vị tình mấy anh, tôi cũng lấy muống xúc ăn ba hột.

Hôm qua, lúc tôi bị trời vô cớ, một vị Pháp quốc đại anh hùng lột cái nón casque trắng của tôi ném xuống đất, rồi một vị tiểu anh hùng khác lại mượn đem đi đầu mất.

Sáng nay, tôi xin phép viên quan hai cho tôi vô nhà hội kiểm cái nón. Kiểm táo tác không có, trở ra. trời nắng quá, tôi hân hạnh lượm được một cái nón lá, ai bỏ gần gốc xoài. Tôi hỏi nón ai, không ai nhận, tôi mượn đội đỡ.

Nhà binh bảo cai Giác, Lê Thành Duy với tôi ngồi riêng, chắc họ cho ba chúng tôi là “tù binh” quan trọng.

Cai Giác là một anh cai mã tà hồi hưu, về nhà làm rẫy tại Bến Đá, bị bắt trong hầm núp lúc binh Pháp đổ bộ. Quần áo, vòng vàng của vợ anh với sáu trăm đồng bạc đựng trong một cái bao kaki bị đại ma và tiểu quỷ “sạch sành sanh vét cho đầy túi tham”.

Anh lính gác gắt quá chừng! Ai ngồi đầu ngồi đáy, dầu có nắng cũng trời thây, không được phép di dịch đi đâu hết!

Hai viên sĩ quan lo việc điều tra: viên cao, mang mắt kiếng hỏi tôi hôm qua là quan hai Lebris, với một viên ốm, mặt thỏn, đau chon.

Người nào được hỏi rồi mà không có gì khả nghi, ngồi riêng một bên và họ cấp cho một miếng giấy bằng ba ngón tay, viết:

Vu:

Le 23 Mai 1946

L'O.R. (L'Ouricier de renseignement)

Ký tên: Lebris

Kiến thị

Ngày 23 tháng 5, 1946

Sĩ quan điều tra

Ký tên:

Anh dân làng được miếng giấy ấy quý nó hơn vàng ngọc, trọng nó như tánh mạng mình, hai tay cầm giờ lên ngang ngực, như các quan đảng cựu cầm cái hốt buổi châu, mặt hiền từ xem dễ thương...

Cảnh mai đẹp cho những người vô tư lự, một anh san đá cất tiếng hát. Hòa nhịp với tiếng ồ... ồ... ồ của anh, một con chim rừng đậu trên cây dầu cao, kêu các... các... các nghe buồn cười lạ.

Hồi tảng sáng, nhiều tốp san đá chia nhau, mỗi tốp vài ba mươi người đi một ngã, trèo lên núi. Giây lát, nghe súng liên thanh nổ: bùm, bùm, bùm...

Lối chín giờ rưỡi, mười giờ, dắt về một dọc, y phục tử tế có, mà khố rách áo ôm cũng có.

Rồi điều tra.

Hồi tám giờ, quan hai Lebris cho đòi mấy hương

chức Bà Trau vô. Mấy anh hương chức tôi cũng ng-
hiệt, họ lôi tôi theo làm cho Lebris ngạc nhiên hỏi
tôi vô làm gì. Tôi nói tôi là hương chức. Và bởi tôi là
hương chức nên ông sáu bồi tây mới cho tôi một bài
học rằng tôi là hương chức sao không biết lễ phép,
đến trước mặt quan mà không mặc một cái áo dài.

Ông sáu khéo làm lạnh thì thôi!

Tôi biết phép lắm chứ, tôi thường khuyên bảo
hương chức khi đến Tòa bố, đến quận, nên mặc cái
áo dài, song vì chiếc áo tôi, hôm qua hỏi viên quan
ba biểu tôi lên làng, nực quá, tôi cởi tại nhà hội Bà
Trau, gởi bà con đem về giùm.

Tôi có cầu ông dạy tôi lễ phép đâu!

Tôi chưa kịp trả lời ông sáu thì Lebris đuổi tôi
ra ngoài.

Vậy ngày hôm nay, nè ông sáu, nếu quả vô
thường chưa rước ông và ông được hân hạnh đọc
quyển hồi ký tôi đây, ông nên xem mấy dòng chữ
trên như là câu trả lời tôi nhắn gởi cho ông nhé!

Bồi tây mặt đụt, khéo làm bộ lạnh!

Giải qua Cấp

Điều tra xong, quá mười một giờ. Một đoàn
san đá chục người, bốn anh thân binh, hộ tống “tù
binh” và hương chức xuống Bến Đá, sẽ có tàu chở
qua Cấp, đăng lên Bà Rịa.

Nặng gắt, đường quanh co, nhiều khúc lờ phải
lội ngang qua vùng nước.

Bên trái, núi Bến Đá như con qui, nằm day đầu ra biển.

Còn độ ngàn thước nữa tới bến, chúng tôi (lính, dân và làng) dừng chơn, ngồi bên vệ đường dưới bóng cây mà nghỉ, trong lúc vài san đá dất Lê Thành Duy về nhà, ra vườn tìm sùng. Vài mươi phút sau, họ đem Duy trở ra, rồi lại đi.

Đến Bến Đá là một giờ trưa.

Trên nhà việc, ngọn cờ tam tài bay phất phới. Một toán lính đóng nơi đây, san đá mình trần thân trụi, chỉ có cái slip che bộ phận sinh dục thôi; đi rong ngoài đường.

Nắng quá, anh nào anh nấy lưng và mặt đỏ au, gió thổi run rung chòm lông ngực.

Một san đá hỏi tôi bến này tắm được không, có cá nóc, cá sấu, có cá mập, có thuồng luồng, có... có... hay không.

Trả lời: “Ba con nết”

Anh hỏi ông chủ quán. Đáp: “Tắm được”. Tức thì anh nhảy ào xuống lội.

Tiệm ông già bán đồ gia vị bị cuộc oanh tạc hôm qua làm hư cửa lũng mái hàng ba, mấy nhà khác cũng hư hao chút đỉnh, nhưng không ai bị thương.

Ngồi trước hàng ba ông già mà chờ xà lúp. Đội tây nói có lẽ hai giờ, hai giờ mấy mới qua tới, và đi vài giờ đồng hồ sẽ đến Cấp. Qua Cấp rồi đi Bà Rịa luôn.

Tôi dặn anh mười Bồng, tôi có quen quan Phủ Bùi Quang Ân, chủ tỉnh Bà Rịa, như tôi được gặp

người thì tốt, bằng chẳng, xin anh trao lời cùng người rằng có một bạn của người là Tri phủ Đ.V.H. bị nhà binh bắt, xin người liệu lượng cứu giùm.

Muời Bông nhận lãnh sứ mạng, lập đi lập lại lời tôi dặn hai ba lần cho thiệt nhớ.

Vợ cai Giác bỗng đưa con mới lên hai tuổi ra thăm chồng. Chị mặt mày ủ ê, cai Giác cũng buồn không nói chuyện.

Hồi ở trong làng, họ có bắt một anh dân mang đồ giùm ra Bến Đá, đồ của thầy sáu, thân binh. Anh dân này đã được điều tra, có giấy tử tế, không đáng nghi.

Đến nơi, anh để đồ xuống rồi... đi về.

Đội tây thấy vắng anh, tưởng là một “tù binh vượt ngục”, hô hoảng, chạy kiếm lảng xảng, hăm rằng nếu kiếm không được, sẽ bắn sơ ba người trong bọn tôi mà trị tội.

Thật mạng sống chúng tôi rẻ quá, rẻ hơn mạng con gà, vì giết con gà còn ăn thịt, chớ bắn thẳng dân Việt rồi họ đập xuống sông!

May đâu, thầy sáu trong nhà việc ra, cắt nghĩa vậy vậy, đội tây ừ ừ bỏ ra.

Khát nước, chúng tôi cứ múc trong lu ông chủ tiệm. Tôi trao cho ông đồng bạc để ông mượn người gánh nước. Ông không nhận, tôi cố nài ông thọ lãnh tôi mới nghe.

Hai giờ rưỡi tàu lại, chiếc tàu dùng đồ bộ, bọc sắt, cái lườn bằng, tám búng trước mũi hạ xuống kéo lên được.

Chuyến thứ nhứt, lính về đông, không thể chờ hết dân với làng, nên chỉ chờ Lê Thành Duy, cai Giác với tôi.

Xuống tàu, chúng tôi cởi áo, vì ra biển sóng to, chiếc tàu trôi lên hụp xuống, sóng tạt vào mình mấy ướn hết.

Tàu xinh xịch chạy, một đôi gặp chiếc ghe bầu, tàu thả móc sắt móc chiếc ghe cập vô tàu, đoạn san đá xuống xét.

Không biết họ buôn bán thứ gì. Xét một hồi lâu, xong mở móc cho đi.

Ra đến biển. Thiệt quả nhiên lượn sóng to nhồi lắc chiếc tàu, chúng tôi ướn như tấm mới lên. Lúc này, tôi đã có nón đội, vì ở Bến Đá, viên quan hai tìm đầu được cái nón trắng tôi đem trả lại.

Cảnh trời nước bao la đẹp quá, nhưng mình đang lo sợ buồn rầu, và phải đứng vịn cứng lấy be, nên không được thưởng thức cái đẹp hùng vĩ của núi Hóa công.

Tàu chạy dọc phía Nam hòn Núi Nứa, vòng qua bên kia, chạy dài theo Bến Diệp, nhắm Bến Đình trực chỉ. Gần tới Bến Đình, năm người: quan hai Lebris, một đội tây với ba lính tay trơn, cởi quần áo nhảy ùm xuống biển, lội.

Tàu phải chạy vòng vòng chờ họ tắm, rồi quăng dây cho họ lên. Tới Bến Đình là bốn giờ chiều.

Lên xe cam nhông. Họ tính chờ ba người chúng tôi đi luôn Bà Rịa, song xe trục trặc, nên họ chỉ đem

lại “Bureau de la Place”, cho ngồi trước hàng ba, giao san đá giữ.

Một anh san đá liến xáo chế giễu tôi, nhưng sau khi trao đổi ít lời, dường như anh có thiện cảm cùng tôi.

Nơi đây, tôi phải công nhận tư cách sĩ quan Pháp có khi cũng cao hơn tư cách một người đồng bào tôi, hạ sĩ quan trong đạo binh Pháp, nhưng tôi không nói rõ rồi ra đây làm chi!

Tôi chỉ nhún vai mà nói sơ rằng hạng sau này chỉ là hạng xu thời và có chút quyền là tận hưởng đối với đồng bào...

Hồi ở Bến Đá, lính Pháp có cho Lê Thành Duy một gói bánh mì lát, bây giờ chia nhau ăn rồi anh lính tây cho chúng tôi một lon nước lạnh.

Gần bây giờ, cam không chờ dân làng bị bắt với hương chức tới. Hương chức ngủ nơi khác, được nhà binh cấp cho vài chục bạc ăn cơm, còn chúng tôi có lính hầu rước lại ngủ trong khám Cấp và miễn ăn chiều.

Đứng hàng hai trong sân khám đường, tôi mục kích một việc hết sức chướng mắt, là dân bị bắt (chỉ trừ tôi là khỏi) bị viên hạ sĩ quan da vàng lông không lục túi lấy hết tiền, rồi “ngài” trao cho anh đội tây.

Anh đội tây lắc đầu.

Hoan nghinh anh đội tây!

Tôi không bêu tên viên hạ sĩ quan da vàng lông không ấy, song “ai có tịch nhúc nhích lỗ khu”, ước

ao sao anh tự sửa mình, trở thành người khá hơn, giúp đồng bào anh được chút nào hay chút ấy.

Vào khám, biên tên.

Ông quản xếp khám còn trẻ, lanh lợi, tử tế. Thầy chú cũng dễ chịu. Tôi xin tắm một chút, vì hai ngày rồi không rửa mình, xót xáy khó chịu.

Thầy gác khám hứa để một lát sắp đặt yên rồi, thầy sẽ tính cho. Tôi hỏi trong này sáng có ai bán gì ăn không. Thầy hứa sẽ mua bánh mì giùm. Cảm ơn thầy lắm.

Căn khám nhỏ xíu mà cho nằm tới mười bảy người, thầy đem tôi và bốn người bạn qua khám khác, khám giam tù chánh trị (cellule administrative), trải một chiếc chiếu trên sập xi măng cho nằm. Xong, thầy mở cửa cho tôi ra ngoài tiểu giải. Tôi thừa dịp xối ít lon nước, mát mẻ vô cùng.

Sao ở đây lại giam đàn bà con gái nhiều quá, có cả vài ba chục. Họ trải chiếu, nằm chỗ hai người, chỗ ba người, ngoài nhà cầu mà ngủ. Kế nhà cầu là dãy khám rộng, nhốt tù chánh trị. Họ cười giỡn, huýt gió, ca hát, chừng nào muốn vô khám thì vô, đóng cửa ngủ, coi thông thả quá.

Họ nói ở đây ăn uống sung sướng, lâu lâu quan chủ tỉnh vô thăm, mua cá biển cho ăn, thịt bò thịt heo ngày nào cũng có. Thế thì khám Cấp nếu chưa hẳn là thiên đường kẻ bị giam, cũng hơn khám khác bội phần.

Ngày thứ sáu 24-5-46

Sáng, rửa mặt xong, thầy gác đem vò tôi một ổ bánh mì xẻ hai, dồn xá xíu.

Rồi tôi xuống khám số một ngồi chờ, khám ấy rộng có thể chứa cả trăm người. Chánh phủ Pháp lo xa, cất khám rộng lớn nhỉ! Cửa khám lại mở, kêu ra đứng sắp hàng, ông Cò già, mập mập, môi dưới xẻ xệ, họ gọi là “ông Cò xệ”, cầm roi mây. Thấy tôi đứng đầu, ông điểm:

- Anh là chef Việt Minh? (Tôi, chef Việt Minh?)

- Thưa ông, không, tôi là cựu quận trưởng, tản cư nơi Núi Nứa.

Nghe tôi giải thích một hồi, ông ngó xuống suy nghĩ rồi nói:

- Đúng như tôi, tôi không bắt anh, nhưng anh sẽ được thả chứ chẳng không.

Day qua Lê Thành Duy, ông trách Duy sao là dân Pháp mà theo Việt Minh.

Duy chối, nói mình trông tria ruộng rẫy ông thân chàng (là ông Đốc Phủ L.T.L.) chứ không có làm gì cho Việt Minh.

Ông Cò gục gặc đầu, hoài nghi.

Đoàn người bị bắt ra khỏi khám, kéo nhau lại phòng việc quan hai Lebris. Trong lúc vội vã, tôi lại bỏ quên cái nón tại văn phòng khám. Tôi xin phép Lebris cho tôi trở lại lấy. Không cho. Thôi, cái nón ấy mất lần thứ hai và mất luôn.

Nhà binh lưu lại bảy người để vác đồ đạc xuống

tàu, còn mười người lên cam nhông đi Bà Rịa. Hương chúc đi xe riêng.

Giải lên Bà Rịa

Đọc đường, nhiều cầu bị hư mới bắc lại, nên xe cẩn thận khi qua. Đường sá nhiều khúc hư lổ, xe chạy gập ghình. Tới Bà Rịa, xe hương chúc đi ngay lại Tòa bố, cam nhông chúng tôi đỗ trước khám đường.

Chiếc cửa sắt nặng nề mở, chúng tôi bị lừa vào. Ách Tồn là thông ngôn của Lebris gọi chúng tôi cho ông quản xếp khám, bảo giam Lê Thành Duy với cai Giác vào ngục tối (cachot).

Lúc ấy mười giờ rưỡi, giờ ăn cơm.

Mấy anh bị giam dọn cơm ngoài sân từ khóm, một thúng cơm gạo đỏ, một viên nhỏ rau muống xào, một viên nhỏ cá mỏng gà kho, sáu cái chén đá, sáu đôi đũa tre...

“Bị giam” áp lại ăn ngon lành. Ba bốn anh ăn cơm riêng trên thềm trước khám. Tôi bước lại gần mấy người ăn cơm tôi ngó viên cá kho rồi đứng dặng ra.

Cơm xong, họ đi uống nước.

Anh sáu, một thầy đội gác khám, mỉm cười bước lại nói với tôi:

- Ông nên hùn tiền với mấy người kia đặt cơm ở ngoài, mỗi bữa họ đem vô ăn.

- Cám ơn anh sáu.

Khám số một

Vô khám số một.

Mấy anh cũ áp lại hỏi tôi với mấy anh dân Núi Nứa. Tự giới thiệu cùng nhau xong, tôi làm quen được mấy anh sau này: anh HỒ Văn Tươi, nhạc sĩ, anh Văn Lâm, thương gia, bị phao chứa súng lục không giấy phép, anh Hoạt, cựu chủ bút báo *Trung Lập*, cựu ủy trưởng quốc gia tự vệ cuộc tình bộ, anh Trình Xuân, thương gia, cựu phó chủ tịch thôn bộ làng Cù My, và nhiều người khác nữa, lần lượt tôi sẽ nói đến.

Khám đường số một, vòng vức mười hai bước, mặt tiền có một cửa cái, một cửa sổ, song sắt tận trên cao; những khi mưa lớn, gió tạt nước mưa vào.

Người bị giam ngủ trên sập xi măng cao độ tám tấc; nơi góc trái phía trong, một cái cầu tiêu không có cửa, hai đêm đổi thùng một lần. Gắn cửa cái, một khạp nước; mỗi ngày hai lần, bảy giờ mai và ba giờ chiều, gánh nước đổ đầy khạp.

Lá gói bánh và vỏ chuối thì bỏ gần khạp, chiều mở cửa, quét ra ngoài hốt đổ vô xe rác.

Gánh nước dội rửa trong khám cũng khá sạch, hém vì cầu tiêu quá hôi!

Anh Trình Xuân trao gói y phục anh cho tôi gói đầu. Rửa mặt xong, anh Hoạt cho tôi mượn khăn lau.

Tôi than không biết chừng nào nhà tôi hay qua thăm tôi, đem y phục cho tôi thay đổi. Văn Lâm

nói: “Không sao, như chị chưa qua thì anh lấy quần áo tôi đây mà mặc”.

Hồi sớm mai, sau bữa ăn, ông quản kêu mấy người mới “nhập thất” lên văn phòng khai tên họ...

Tôi gặp ông Cò tuần cảnh Bà Rịa cũng là xếp khám; ông hỏi tôi có sự, hứa sẽ trình cùng chủ tỉnh trường hợp tôi.

Chiều ấy, lối bốn giờ, anh Lê Thành Tường, chủ quận Long Điền, lại khám thăm Lê Thành Duy là em chú bác của anh. Gặp tôi, anh ngạc nhiên, hỏi thăm tự sự, rồi cũng hứa lo lắng chuyện tôi.

Kế năm giờ rưỡi, anh Phủ Càng, Phó chủ tỉnh, cũng đến thăm tôi và cũng hứa sẽ can thiệp cùng quan tư cai quản đạo binh Bà Rịa.

Chiều ấy, anh Lâm, anh Hoạt mời tôi dùng cơm; tôi sẵn trong bóp còn hơn vài chục bạc tôi trao hết cho anh Lâm, cậy anh bảo người nhà nấu thêm cơm cho tôi dùng với.

Anh Lâm, người Bắc Việt, tác trung trung, tóc nhiều, da trắng, chuyên nghề thương mại, nhà ở Long Hương, cách châu thành ba cây số. Anh còn một số dagéan, quinarcrine... người ta thấy anh làm ăn được, ganh ghét, phao anh chứa súng lậu.

Mặc dầu nhà chức trách xét nhà anh không thấy gì khả nghi, anh cũng bị bắt.

Anh nói “Đệ tam sư đoàn” sẵn lòng lãnh anh ra, song anh không muốn, vì anh còn mong Chánh phủ xét lại trường hợp anh, anh vô tội kia mà!

Mấy bữa rày, bị nắng gió, phần mệt, phần buồn

nên tôi cảm nằm vui, anh Trinh Xuân cho tôi mượn ve dầu Nhị Thiên Đường xúc đồ.

Ngày thứ bảy 25-5-46

Hôm sau, mười một giờ, Lâm chạy lên phòng việc ông quản xin thầy điều dưỡng cho tôi hai viên quinine. Mười hai giờ, cửa khám sổ một mở, hai người dân quê vào, một người bầm mặt, một người bé mí mắt, hai người khai là dân Núi Nứa “đi trễ” (đi nhui cá tôm).

Đêm 24 rạng mặt 25, một chiếc thuyền chở binh Pháp với thân binh đi tuần dài theo mé sông. Tới xóm giống, ấp Bà Trau, gặp hai người đi chiếc ghe câu, hỏi: Ai? Họ đáp: “Ghe trễ”.

Thoạt nhiên, từ một nhà trên giống đạn bay vài xuống, dưới binh Pháp Nam xả súng bắn lên, gây thành một trận ác chiến.

Rủi một anh thân binh trúng đạn chết.

Hai anh đi trễ bị bắt đem về Bà Rịa, tra khảo hết sức, bị cáo là “đi bắt cóc”, là do thám cho Bình Xuyên... rồi chiều ngày thứ bảy ấy, một chiếc cam nhông nhỏ lại rước hai anh đi “ngoạn cảnh” trên núi, và hai anh “say mê phong cảnh” đi luôn, không bao giờ trở lại!!

... Tôi đã chờ nhiều nhờ hai viên quinine, tôi rửa mình sơ rồi nằm nghe Văn Lâm phô diễn âm nhạc cải cách. Anh đồn ca bằng miệng, tiếng tuy không được thanh tao, nhưng ca đồn đúng điệu, cũng êm tai.

Đêm nay, đầu hôm nức, khuya lạnh lùng, tôi nằm co ro trên sập xi măng giữa anh Trình Xuân với Hà Văn Tỏ.

Ngủ không được, tôi dậy súc miệng mặc áo, ngồi xếp bằng, nhớ tưởng gia đình, nghĩ một bài thơ tự thuật:

*Ai xui tôi mắc nạn tai này,
Trời thảm, đất dày, hồi có hay!
Những tưởng giúp người qua nước lửa,
Nào ngờ lăn tó xuống chông gai.
Ba phân mạng bạc lòng đâu kể,
Chín trẻ đầu xanh lụy ứa đầy.
Có lẽ Hóa nhi người muốn thử,
Thử ai gan góc chốn trần ai?*

Sáu giờ sớm mai, mở cửa ra điểm binh, rồi vô đóng cửa lại. Chín mười giờ mới cho ra chõ cơm, quét tước, gánh nước đổ vô khạp, xin thuốc. Cơm xong, vô ngủ. Chiều, ba giờ mở cửa ra, chõ cơm, quét tước và gánh nước.

Khi thi cho ra sớm, ở ngoài được nhiều ngày giờ, thông thả chút ít, chớ ngồi bó rọ chật hẹp tù túng thêm buồn. Và số người thả ra thì ít mà cho vô nghĩ mát lại nhiều, lớp nằm trên sập, lớp nằm dưới đất. Nước trong khạp mau cạn mà cái thùng trong góc lại chóng đầy.

Thấy tôi không vui, Văn Lâm rủ tôi đánh cờ tướng. Anh vẽ bàn cờ trên tờ giấy dầu vuông, cắt

con cờ bằng ngón tay trên giấy cứng, viết chữ bằng viết chì màu xanh đỏ.

Ừ, đánh thì đánh, song trong lòng không yên còn tính nước hay sao đặng. Tôi bị Lâm đuổi luôn ba bàn, dẹp, nghỉ.

Lâm mời anh Hoạt đánh.

Nội khám, có mình anh Hoạt là cao cờ hơn cả. Bị Hoạt vây, Lâm chợt thốt ra hai câu:

“Làm chi cũng chả làm chi,

“Dầu có làm gì cũng chả làm sao.

“Làm sao cũng chả làm sao,

“Dầu có thể nào cũng chả làm chi.

“Làm chi cũng chả làm chi...”

Thì ra Lâm mượn khẩu khí Cụ Phan Tây Hồ mà ứng dụng vào cuộc cờ. Hoạt cười: “Làm sao cũng chả làm sao, thì gỡ thử coi, có làm sao hay không mà!”

Tôi đi qua đi lại, nghĩ đặng một bài tứ tuyệt, ngũ ngôn, yết hậu, tôi:

Lúng túng mười hai bước,

Bạn Văn Lâm hài hước,

Giúp anh em đỡ buồn,

Được!

Lâm bị Hoạt đánh bại luôn ba bàn; dẹp, nghỉ.

Mỗi bữa, người nhà Lâm xách gà mền com vô, đổi lấy chén đĩa dơ ra, còn Hoạt với Xuân ăn cơm tiệm đem vào.

Đêm 25, nhạc sĩ Hồ Văn Tươi hát bài “Buồn tàn thu”.

Tối 26, Hồ Văn Tỏ ca một mạch tuồng “Chiêu Quân cống Hồ”.

Nhạc sĩ Tươi thiện nghệ cây vĩ cầm (violon) và lục huyền cầm Hạ uy di (guitare hawaïenne). Lúc trước, anh làm thông ngôn cho nhà binh, anh yếu phổi nên không làm nữa. Anh xuống Bà Rịa, tính qua Núi Nứa đặng thăm nhạc gia là ông ba Râu, sửa đồng hồ, làm đồ đồng, đồ thiếc ở xóm Đất Sét.

Anh mang “giấy chúc chúc nghiệp” do nhà binh cấp, song thiếu giấy thông hành nên anh bị bắt. Ông Cò nói nếu có ai lãnh thì anh sẽ được ra. Anh cậy tôi nếu có dịp nhắn tin về Núi Nứa xin cậy người nói giùm ông gia anh đi với một hương chúc qua lãnh anh về.

Tôi hứa sẽ làm vừa lòng anh, nếu có thể được.

Ông quản xếp khám tên May, hai thầy đội phụ tá, anh sáu tên Mai và anh bảy tên Đức.

Anh bảy dễ dãi với người bị giam, ai mượn mua gì cũng mua, một hai khi anh cũng cho phép ra hồ mà tắm.

Anh sáu nghiêm hơn, song cả ba người đều lòng dạ tử tế, không hung hăng to tiếng với người bị giam.

Chúa nhật 26-5-46 – Được thăm

Sớm mai chúa nhật, anh chủ quận Long Điền lại khám thăm tôi và biểu tôi một gói vật thực với một

hộp sữa tươi. Anh nói rằng trưa ấy anh đài quan hai Lebris, anh sẽ đề cập đến vụ tôi, chắc vài ngày nữa tôi được ra chỗ chẳng không.

Anh bảo người hộ vệ quân (garde du corps) của anh gọi báo vô tôi xem và anh nói với ông quản tôi cần dùng việc chi thì ông giúp dùm.

Rất cảm ơn tấm lòng quý hóa của anh.

Lại được thăm

Trưa ấy, lối 12 giờ, nhà tôi qua thăm.

Vừa thấy tôi xanh xao, mặc cái quần vải ta nhuộm đen hơi trở của Văn Lâm, người sa nước mắt, tưởng là đồ trong khám phát cho tôi. Người nói rằng chiều hăm hai tưởng tôi sẽ về nên để cơm chờ, nào ngờ một ngày một khuya mà không thấy về, sáng ra chờ đến mười giờ cũng bật tin, sai con tôi là Diệp đem cơm lên làng cho tôi ăn. Lên đến thì tôi đã ra Bến Đá rồi. Nhà tôi biểu Diệp mượn chú năm Hiệp coi giùm một quẻ chùng nào tôi được về.

Năm Hiệp nói ngày 28 có lẽ tôi về, không 28 thì mồng ba tháng năm, mà mồng ba chưa về thì tháng tám mới được thả.

Diệp về nói lại mà khóc rờn, kể ngày thứ bảy hương chức đi Bà Rịa về nói tôi bị giam rồi, nhà tôi mới giang ghe qua Phước Tỉnh, sáng nay đi xe tới đây, xin phép anh Phủ Càng vô thăm tôi.

Anh nầy nói có gởi thơ cho nhà binh, họ phúc đáp để xử vụ Lê Thành Duy và cai Giác rồi sẽ nói tới chuyện tôi.

Nhà tôi trách tôi sao gặp biến chẳng từng quyền, như lanh trí thì ta bảo với viên quan ba tại nhà việc Bà Trau rằng mình muốn về Sài Gòn lắm song không biết làm thế nào, vậy nhờ ông giả vờ cho lính cột trói mình đăng khỏi ai nghi ngờ rồi cho thuyền chở mình với gia quyến qua Bà Rịa đăng mình xin giấy mà về Sài Gòn. Như vậy có phải là tiện chăng, khỏi bị giam cầm.

Ông quản May xếp khám cũng đồng ý cho đó là thượng sách.

Tôi đáp rằng không phải tôi không có nghĩ dùng phương pháp ấy, song nó hay về mặt *lý* mà thôi, mà bất tiện về mặt *sự*. Là vì, trong đám người đến nhà việc, tôi để ý nhiều anh mang đầu tóc mà hiểu biết tiếng Pháp mặc dầu họ không nói nhiều. Như vậy, trong trường hợp mình dùng cái kế nói trên với viên quan ba mà họ hiểu biết đăng, ắt họ tìm tới nhà hoặc bắt gia quyến mình, hoặc làm khó dễ, có phải là họa hổ bất thành, mà chiêu họa và thân không?

Chiều ấy, Hồ Văn Tươi ca bản “Buồn tàn thu”, “Con thuyền không bến” và “Đàn xuân”.

Xã trưởng làng Long Xuyên bị tình nghi chứa Việt Minh, bị bắt, vào làm bạn với chúng tôi. Xã trưởng Long Tân bị cáo chứa ăn cướp, cũng bị tổng giam, hương quản liên can cùng chung một số phận.

Ngày 28, chúng tôi thêm một người bạn là

thấy đội kiểm lâm, lúc phong trào thanh niên tiến phong thấy làm Tráng trưởng sinh.

Anh bảy Đức ôm vô cho tôi một cái mền bằng chỉ bông gòn, của ông quản cho tôi mượn.

Văn chương

Tôi ngẫm nghĩ ra cho anh em câu đối:

“Một giấc *Nam* kha, người *trung* mắc nạn, cuộc *bất* bớ ly kỳ”

Câu đối gồm ba chữ Nam Trung Bắc, có hai nghĩa. Văn Lâm cho là hiểm, không đối được.

Tôi lại ra câu khác:

“Ngủ giấc Trần Đoàn, ăn cơm Phiếu Mẫu, khiến tướng chinh đông”

Anh Hoạt ngẫm nghĩ hoài mà chưa đối được, nhân anh cầm lưỡi dao Gillette đang cạo râu, anh đọc một câu bảo tôi đối:

“Râu rĩ râu ria ra rậm rạp”.

Câu này toàn chữ r lại có ba thành ngữ: râu rĩ, râu ria, rậm rạp, cũng hiểm lắm chứ không phải vừa.

Tôi xin thất lại một đêm, bữa sau.

Thứ hai 27-5-46

Tôi đối:

“Thất thời thân thể thấy thảm thương”.

Anh Hoạt gật đầu cho được, nhưng mà “yếu” một chút.

Những chuyện buồn cười

Từ ngày chủ quận Long Điền vô thăm tôi, mỗi chiều thầy đội cho tôi một thùng nước; tối, tôi rửa mình vài lon còn bao nhiêu anh em hưởng, vì người bị giam không được tắm.

Anh Trinh Xuân là một người buôn bán cây ở Cù My, địa phận Trung phần, lúc trước anh làm lý trưởng; Việt Minh nắm chánh quyền, anh được cử làm “Phó chủ tịch thôn bộ”; mới đây nhà binh lục soát tìm được trong nhà anh giấy tờ và con dấu Phó chủ tịch.

Lúc anh bị bắt, vợ anh mới sanh được mười lăm ngày. Cách đây mấy hôm, vợ anh có đến thăm anh, trải qua ba mươi mấy cây số ngàn, khi đi bộ, khi đi xe bò, xe ngựa.

Anh bảo vợ anh xuất vài ngàn bạc lo cho anh ra, hai ngàn không được thì thêm nữa.

Tôi đang an ủi anh, bỗng cửa khám rầm rầm mở, anh bầy lửa vào ba người và bảo chúng tôi cho họ nằm trong góc, gần cầu tiêu. Cửa đóng ập lại, Hồ Văn Tỏ xốc đến thi hành phận sự. Hồ Văn Tỏ là ai?

Hội ủy ban quận bộ Long Điền còn làm việc, họ ra lệnh đốt nhà ông Bùi Thế Khâm. Nhà thờ của ông bị cháy tiêu, còn đồ đạc trong nhà ông ở Long Điền, họ phân chia cho người trong làng, mỗi người một món. Tủ sắt ông, ban phá hoại gồm sáu người trong đó có Hồ Văn Tỏ, anh Còn và chú Tâm bừa phá.

Chùng quân đội Pháp đến chiếm Bà Rịa Long Điền, dân trong làng đem trả đồ đạc lại cho ông

Khâm đủ hết, sáu anh bữa tù sắt với vợ chồng con rể người gác đàn nhà ông đều vào tù.

Hồ Văn Tỏ là thợ máy, làm tài xế lành nghề; mỗi lần có người mới vô khám, anh lãnh phần điều tra “cho rõ sự thật”. Chính nhờ sự khôn khéo của anh, khi thì anh hăm dọa, lúc lại dỗ dành mà anh tìm được nhiều sự bí mật quân đội Pháp không tìm ra, mặc dầu đánh bằng roi da hay giựt bằng máy điện.

Anh làm hùng làm hổ cho họ sợ họ khai, chớ chẳng đánh ai một thoi bao giờ.

- Ba anh làm gì?

- Anh em tôi là bạt ti dân (partisan).

Tỏ cười ré lên, một cái cười rùng rợn:

- Bạt ti dân mà cũng ở tã! Lạ dữ chưa!

Lúc nầy Chánh phủ Pháp không còn gọi mấy người lính là đội cai bếp lính, là mã tà nữa, họ kêu là “partisan” (thân binh). Trở lại cuộc điều tra của Tỏ:

- Ba anh bạt ti dân, sao mà cái mặt sung như Hà bá vậy?

- Anh em chúng tôi gác cầu tàu, vải nhà binh bị mất cắp họ nghi chúng tôi, họ đánh.

Tỏ lại cười:

- Thôi đi các cha. Các cha ăn trộm vải nhà binh rõ ràng ai mà không biết, đừng chối mất công. Quí vương mà xưng mình là Bạt chớ!

“Mấy cha phải biết, Cộng sản ghét lính sốt tề (Sûreté) bao nhiêu thì Việt Minh cũng thù bạt ti dân như vậy. Thôi khai mau đi nghe chơi kéo bị ăn loi bây giờ.

Một trong ba thân binh nhận chịu có “lấy ít thuốc thôi”.

Tò nói:

- Mấy cha mắc mưu tôi rồi, có ăn cắp thì bị đòn mới đáng. Sửa soạn mà chịu hình phạt đi. Đây, đôi giày bố vàng này (Tò đưa đôi giày anh Tươi lên) đá vô hông không biết bao nhiêu người, đá thấy máu lặn.

Anh Còn lấy sợi dây lưng trắng, nói với X. một thân binh:

- Để trói anh này khảo ảnh cái chơi. Thôi đưa tay cho tôi trói kẻo.

Ai ngờ vị anh hùng thân binh X. nhát hơn thỏ đế, kêu khóc om lên:

- Thế này tôi ở đây chắc mấy anh giết tôi, để tôi kêu ông quản.

Anh nói mà đi xốc lại cửa. Anh Hoạt nạt:

- Người ta giỡn chơi mà làm bộ gì vậy? Đi vô hay không?

Chiều đó không biết ba thân binh nói sao mà ông quản cho họ qua khám số hai, rồi bữa sau, chúng tôi nghe nhà binh lãnh họ ra, bắt làm việc mà không trả tiền.

Ngày thứ ba 28-5-46

Chiều 28, ách Tồn vô khám dắt vài người bị giam về phòng việc xét hỏi, tôi xin ông giúp tôi tai qua nạn khỏi, ông hứa ngày 30 sẽ mời tôi ra điều tra lại.

Ông nói:

- Ông đừng tưởng, quan một quan hai nhỏ lóc cóc vậy mà họ có quyền lắm đấy! Thử chủ tỉnh chủ quận can thiệp coi có được hay không thì biết.

Tôi cũng đưa đẩy đòi câu:

- Ông biết tôi là người tản cư mắc kẹt, tôi đã khai ngay chó có gian dối chi đâu. Ông nói giúp một tiếng, quý đáng ngàn vàng, tôi đặt thả ngay, ơn ông tôi không bao giờ quên đấy.

Mấy anh đi làm về báo tin chúng tôi hay rằng đã xử tử Lê Thành Duy. Duy bị trói vô cột cây bàng dựa mé sông gần chợ cá, lãnh mấy viên đạn mót cơ tông, rồi một sĩ quan bắn vào lỗ tai anh một viên súng lục cuối cùng.

Thế là anh giữ sạch nợ trần ai, không còn bận đến gia đình xã hội. Tội nghiệp thay!

Còn cai Giác?

Nhà binh bắt anh đi tra khảo, cột một đầu sợi dây điện vô cuờm tay anh, một đầu vô dương vật anh, cho máy điện chạy. Anh té xuống đất một cái phịch gọn gàng. Tra khảo anh cách dữ tợn như vậy mà chẳng thu thập một lời khai hay ho nào, nhà binh trả anh về khám và anh xin được phép rời bỏ ngục tối lên nằm chung khám số một với chúng tôi.

Ngày thứ tư 29-5-46

Ngày 29, bốn giờ chiều, lúc chúng tôi ra chơi, thân binh X. trở lại với một thân binh khác nhìn mặt mấy người điều tra anh ta hôm trước. Rủi cho

Hồ Văn Tươi, chúng chỉ nhằm anh, vì anh mang đôi giày bố vàng.

Chiều ấy, anh nằm dầu dầu trên sập, không buồn ra ăn cơm tôi phải vào khuyên lon anh cho anh vững tinh thần và lời anh ra dùng bữa.

Tối, anh cản rằn Tỏ với Còn dữ quá vì rồi đây anh sẽ bị lính đánh, thân hình anh bệnh hoạn, làm sao chịu nổi quả đấm “thôi son” của chúng!

Mà bởi tại ai? Có phải tại Tỏ, Còn giỡn chơi mà anh sẽ bị đánh đập hay không?

Anh Hoạt với tôi cố khuyên giải, anh cũng chưa nguôi, phải anh Sanh (một anh vóc vạc cao lớn mạnh mẽ, cũng bị giam) đảm bảo rằng ai động đến anh Tươi, Sanh sẽ liều mạng một với họ, Tươi mới yên lòng, tuy vậy chớ cũng...

“A lô, a lô, đài vô tuyến khám số I, chiều nay nhạc sĩ Hồ Văn Tươi khủng hoảng tinh thần không hát được, nhạc sĩ Bùi Văn Lâm thay thế, cố gắng quý vị đồng bào bản ‘Hòn vọng phu’ của Lê Thương, giọng ca tuy ồ ồ chút song xài được.

Xướng ngôn viên Văn Lâm tự giới thiệu xong, lên dây cổ rồi hát:

Hòn vọng phu

Lệnh vua hành quân, trống kêu dồn,

Quan với quân lên đường,

Hàng ngựa theo cuối cùng,

Rồi rẽ sang lối sông;

Chốn cách quan sa trường.

Quan với quân lên đường,

Hàng cờ bay trống đồn,
 Ngoài sườn non cuối thôn;
 Phất phơ ngậm ngùi bay.
 Bên Thiên San kìa ai tiễn rượu vừa tàn,
 Vui ca xong rồi đi tiến binh ngoài ngàn,
 Người đi ngoài vạn lý quan san,
 Người đương chờ trong bóng cô đơn.
 Bên Mang Khê còn tung gió bụi mịt mù,
 Bên Tiêu Tương còn thương tiếc nơi ngàn trùng.
 Người chưa rời khỏi kiếp gian nan,
 Người biến thành tượng đá ôm con.

Ngựa đi ngoài sương hí vang trời,
 Chiêng trống kêu trăm hồi. Ngần ngại trên núi đồi,
 Rời vọng ra khắp nơi,
 Chốn cách quan xa vời.
 Chiêng trống kêu trăm hồi,
 Ngần ngại trên núi đồi,
 Rời vọng ra khắp nơi,
 Ngẫm bao niềm chia phôi!
 Nơi chinh biến kìa ai ước hẹn lời thề,
 Bên cô đàn kìa ai ước trông ngày về,
 Ngoài chon trời xanh biếc bao la,
 Người trông chồng còn ngóng nơi xa.
 Bao nhiêu năm bỗng con đứng đợi chồng về,
 Bao nhiêu phen thời gian xóa phai lời thề
 Người tung hoành trong cõi xa xăm,
 Người biến thành tượng đá muôn năm!
 Văn Lâm hát xong, đổ:

- Xin anh em làm bài toán này:

“Một đoàn chim đậu trên lá cây, mỗi con đậu một lá thì dư một con; mà hai con đậu một lá, thì dư một lá. Hỏi con chim? Hỏi lá cây?”

Tôi tính một chút, đáp:

- Bốn con chim, ba lá cây.

- Trúng.

Góp phần văn nghệ, chú Tâm ứng lên đọc bài về “Ngôi tù”. Sáng hôm sau, tôi bảo chú đọc lại cho tôi chép:

“Bước cẳng lên thang như công chúa lên lầu.

Bận áo không bầu như kim khâu thiết giáp.

Thầy chú đánh đập như thí võ Trạng an;

Áo rách lang thang như kim tông xích tội.

Phá rừng phá bụi, như Thái tử đi săn.

Cuốc vá lẳng xẵng, như Trương Phi thí võ.

Hai tay nhỏ cỏ, như Khương Thượng toán binh.

Hai tay móc sinh, như Huất Trì tắm ngựa.

Mười giờ chục cửa, như Hà Tôn Hiến lập trận trường xà.

...

...

Cơm dọn hai hàng, như bọn làng ăn tròng cừu.

Ăn rồi đi ngủ, như Lưu Bị viếng Khổng Minh.

Trống đánh in in, như La Thông tảo Bắc.

Mưa sa ướt mặt, như rưới nước Cam lồ,

Bận quân ướt đi vô, như cung nga tắm gội.

Gẫm mình có tội, như Phật Tổ mắc nạn,

Chiếu rách lang thang, như Địch Thanh nằm trường ngọc.

Đánh cây trên óc, gọi là tiền đà hôn quân.

Tối ngủ không quần, như phụng hoàng ấp trứng.

Tu bề vách đứng, như Tiết nhon Quí xuống hang;

Còng sắt hai hàng, như Lê Huê đeo kiếng cẳng.

Gắm mình tội nặng, như Đức Thượng Đế đi tu;

Ngồi trong lao tù, như Hồng Hải ngồi cửa động.

Đi ra lồng lộng, như nước chảy qua đèo.

Cô bác hỏi reo, như đốt pháo ra binh ba ngày Tết.

Sự tình phân hết căn kỳ nay thơ.

Theo vài anh em thì bài về còn dài, và bài này sót một đoạn, song chú Tâm nhớ được bao nhiêu thì đọc bấy nhiêu nghe chơi giải muộn.

Thứ năm 30-5-46 –

Câu chuyện thương tâm

Ngày ba mươi. Phạm văn Sánh thuật một câu chuyện thương tâm:

Trước đây chừng một tuần, có một người bị kh-iêng vô bỏ nằm trong khám số I, trối thúc ké bằng dây kẽm, máu me đầm đìa, bất tỉnh nhân sự.

Chừng anh tỉnh dậy, anh kêu la om sòm, vang dậy cả khám: “Tại sao họ bắt tôi, tôi đi mua dầu về thắp cho chư vị Nam ông, Phật Tổ, Phật Thầy, mà không cho tôi mua thì thôi, tôi về, có gì đâu, vậy mà mấy ông ráp đánh tôi rần rần vậy hè, lấy của tôi hết ba đồng tám, cái hộp thuốc với chai dầu, lại xé áo xé quần tôi nữa. Trả ba đồng tám lại cho tôi!”

Ở ngoài, thân binh vô đánh nữa, chừng ông quản can thiệp họ mới thôi. Họ bỏ anh ấy nằm ngục tối một đêm và giam ba bữa, chừng họ biết ảnh khùng, giam tới chết cũng chẳng ích chi, họ mới thả.

Mỗi khi lãnh cơm vô, Lâm lấy đũa xóc liễn cơm từ trên tới dưới vì anh của Lâm muốn nói gì với Lâm thì viết ít chữ bằng viết chì vô miếng giấy mỏng, vô cục lại để trong cơm.

Còn anh Hoạt, ba bữa vợ anh vô thăm một lần, gói bánh in, bánh tét, bánh ít trong báo đem cho anh. Nhờ vậy mà chúng tôi có báo đọc, mới biết Chánh phủ Nam Kỳ sắp thành lập và hy vọng Chánh phủ thi hành một chánh sách nhân đạo, được lòng dân là “phóng thích tù chánh trị”.

Hy vọng chúng tôi chưa đơm hoa kết quả bỗng một anh san đá say đứng lù lù trước cửa, bảo anh bày mở cửa và mời mấy anh mới vừa bị nhốt hồi sớm mai ra cho anh nói chuyện.

Mấy anh vừa ra khỏi cửa khám thì roi gân bò nó vụt tả vụt hữu, nó hỏi một anh kia: “Mày là Việt Minh?” (Toi, Việt Minh?) không biết ảnh trả lời sao mà nó thoi anh té ngựa, đá vô trán anh một đá máu chảy ròng ròng.

Chừng như thấy máu nó bớt say, nên bảo anh bày dắt nạn nhân đi rửa mặt rồi đem nhốt vô khám lại.

Chúng tôi bất nhẫn, nhìn nhau thở dài.

Nước Pháp mới, công bình nhân đạo, chắc

không hay biết hành vi của những đứa con đã man như vậy!

Đêm nay, 30 tháng 5, Hồ Văn Tươi yên lòng khỏi sợ thân binh đánh, anh đã vui vui, anh cùng Văn Lâm hòa đàn, một cuộc hòa đàn, một cuộc hòa đàn không tiền khoáng hậu mà hai nhạc sĩ dùng miệng, tay, quạt và chơn “hòa” với nhau.

Tươi hát thì Lâm đờn mà Lâm hát thì Tươi vừa nhịp vừa đờn, hoặc cả hai đờn một lượt.

Chúng tôi nằm nghe lấy làm thích thú.

Mỗi ngày, Lâm và vài người đi xe gạo, Lâm nói vận động cho nó khoẻ người, kéo ở không nhưng, e thân thể phải gầy gò bệnh hoạn.

Bốn anh dân Núi Nứa thiện nghệ làm rẫy, đốn cây, thì của cây, bữa củi.

Ngày thứ sáu 31-5-46

Khám số 1 thêm nhiều người quá, khám chỉ chứa được 16, 17 người mà nay đã chứa gần 40 thì hết sức chật chội.

Vậy ông quản mới bảo dọn khám số 3, đem gạo trong khám này qua chát bên khám số 4, rồi để một số người ở lại khám số 1, sang một mớ qua khám số 2, một tốp qua số 3.

Hoạt, Trình Xuân, Sánh với tôi qua số 2, Lâm ở lại số 1 còn Tươi qua số 3. Thế là gió đùa chia lũ nhận, sóng tạt rẽ bấy le...

Trước khi rời nhau, đêm nay Tôi còn cống hiến
các bạn giọng hát như ru của anh trong bài:

Đàn xuân

Đàn xuân tủi lòng,

Nầy cùng đợi mong

Điều ai oán trong khuê phòng.

Đàn tính tang, tính, tính tình,

tình tang, tang tính, tính tình,

Lạnh lùng hơn gió ngoài đồng.

Ngồi xe chỉ hồng

Hỡi ai hiểu không?

Điệp khúc:

Tiếng oanh muốn nhắn lời,

Như những tiếng cười,

Như những tiếng ngân,

Như chiếc bóng người,

Chưa dám nhắc chân.

Tùy theo dây tơ, tình tơ duyên,

còn bay xa trong sương mờ.

Đàn bao tuổi rồi.

Đàn ca chẳng ngại,

Bao dây đứt trong khoảng đời.

Đàn tính tang, tính tình tình,

tình tang tang tính tình tình,

cuộc tình duyên ở mệnh người

Đàn ca nửa lời,

Đàn ca chẳng thôi.

Điệp khúc:

Nấn theo những tiếng cười,

Như những tiếng ngân,

Như những tiếng thầm,

Như những tiếng than,

Chờ tin thơ chim hoàng anh đưa,

Còn xa bay trong sương huyền.

Ngày thứ bảy 1-6-46 – Cái oai của anh thân binh

Chờ mãi đến thứ bảy mới thấy nhà tôi qua, vô thăm tôi và cho hay đã chờ đồ đạc và đem sắp trẻ qua, cư ngụ nơi nhà cô giáo Hai, con ông cựu giáo sư Nguyễn Đình, tác giả quyển sách luân lý “Ngũ luân minh cảnh”.

Nhà tôi với mấy trẻ đặt chơn lên tỉnh thành Bà Rịa hồi một giờ rưỡi trưa, gặp một sự “làm khó dễ” buồn cười, do một anh thân binh gây ra.

Thuyền vừa cập bến, một thân binh oai vệ nhảy xuống thuyền xét đồ đạc, xóc xổ hết từ bao, sùng sộ hỏi sao không có đàn ông mà có giày tây hai ba đôi.

Những phúc trình cũ của hương chức, tôi soạn một mớ để dùng vì còn một mặt chưa viết, được anh thân binh chú ý đặc biệt. “Giấy gì mà có người ta ký tên đông quá, lại có đóng con dấu nữa kia, chắc là giấy Việt Minh!”

Thì ra, tội nghiệp, nó không biết chữ quốc ngữ! Ấy là tờ xin xuất công nho làng.

Rồi nó phao cho người ta Việt Minh dễ quá! Nó chạy đi kêu một thân binh khác đang tắm phụ lục nó và cho nó mượn cây súng “đặng bắt một lũ Việt Minh”.

Anh thân binh sau này biết quốc ngữ song dốt chữ Pháp nên mặc dầu nhà tôi có giấy quan ba đóng binh bên Bà Trau cho phép chở đồ và qua ở luôn bên Bà Rịa, nhưng giấy phép viết chữ Tây bằng viết chì, ký tên chó không đóng dấu, hai thân binh rùn vai, trề môi, chê giấy phép “làm không đúng phép”.

Mà chúng nó có biết chữ Tây chữ u gì đâu!

Chúng ngó vô như đám rừng, choáng váng cả mày mặt.

Bắt lại ông Cò cái đã.

Anh thân binh buộc nhà tôi theo nó lại ông Cò. Dọc đường, nó đòi 50\$ trà nước, nhà tôi không thèm trả lời.

Tới bót. Ông Cò ngủ. Chú cai gác hỏi tự sự, mắng nó một vọt: “thằng lập công không ra lối”, rồi phê sau lưng giấy phép “Cho phép bà H. chở đồ về nhà”.

Anh thân binh tôi chưa chịu giải giới đâu! Trong lúc nhà tôi xuống thuyền đặng đem đồ lên, nó đã ba chơn bốn cẳng chạy trước, kêu xe ngựa dọn hết đồ lên xe, chở tuốt lại phòng việc quan hai Lebris.

Sau khi xem giấy phép và mấy tờ nó lượm trong tập vở mấy trẻ tôi, viên sĩ quan tặng nó hai tiếng: “Rõ ngu!!” (C'est idiot!) rồi cho nhà tôi chở đồ về.

Nhà tôi bảo rằng hỏi này có người thân binh đòi hối lộ. Quan hai hỏi ai. Cặp mắt nó chớp lạch, mặt

nó tái xanh, trán rịn mồ hôi, nó lên tiếng trước:
 “Không phải tôi đa! Ai đâu chó không phải tôi đa!

Nhà tôi không muốn đập chén com nó và gây ác cảm làm chi, nên cũng nhận là không phải nó.

Sau, ngày 8 tháng 6, trước khi về Sài Gòn, tôi từ già ông Cò tuần cảnh, phàn nàn sao Chánh phủ lại dùng những người vô học thức, vô lương tâm như vậy.

Ông lắc đầu đáp:

- Tôi cũng công nhận như anh, song... lúc cần người. Thùng thăng, tuyển chọn người tử tế hơn.

Khám số 2 – Những điều trông thấy

Từ ngày 1 tháng sáu dương lịch, tôi sang khám số 2.

Khám này rộng 30 thước bề dài, hai sập xi măng minh mông, ba cái cầu, một thùng nước cao, sức chứa bằng hai cái khạp. Số người bị giam tăng lên mãi, 72, kể 80, 90.

Vài người khách mới: anh Bùi Văn Chánh, hương quân Phú Mỹ, tôi đã gặp hồi tháng tám năm 1945, lúc mua đồ Nhứt ở sở Phước Thái.

Anh Nguyễn Văn Mười, cựu “Quốc gia tự vệ cuộc quân bộ”.

Mấy anh có ăn có chịu đã đành, mà anh gieo mạ bị bắt giam mới là tức cho chó!

Một anh khác bị giam dưới Cấp mới được thả hồi một giờ trưa, ra chợ ngồi ăn hủ tiếu đảng hoàng, bỗng bị nhà binh lại bắt, chở tuốt lên Bà Rịa nhốt vào khám số 2, lạ lùng chưa?

Lại một anh chàng nữa, vợ chồng bất hòa, anh đánh vợ, vợ la làng, làng bắt anh giải đến cai tổng, ông đòi ăn hai chục, anh không có hai chục cùng cho ông cai, ông lạnh lùng giao anh cho nhà binh, nói anh có chon trong “Ủy ban ám sát”!

Ghê chưa! Họ giam anh vào khám số 2. Anh kêu trời biết bao nhiêu. Song trời đâu có cho phép anh đánh vợ, nhứt là trong lúc này. Vì anh nóng giận đánh vợ, vợ anh mới la làng, anh mới bị làng bắt, mới có vụ hai chục bạc, mới bị nhà binh giam vào khám số 2, rồi đây... rồi đây... tôi không dám viết nữa, vì ghê quá!

Mà phải chi nhà binh điều tra kỹ lưỡng.

Phải chi cai tổng thanh liêm.

Phải chi làng đừng giải anh tới cai tổng, chuyện bé xé to, phạt quách vợ chồng anh 1\$20 cho rồi.

Phải chi chị vợ đừng la làng.

Mà phải chi anh chàng đừng nóng giận!

Phật nói nào sai, nhân loại tạo nên nghiệp chướng cũng bởi Tham Sân Si mà!

Song, cái ông cai tổng ấy, với 10 đồ đệ ông là 10 thân binh, cả và con trai ông, vì ý thế cậy quyền, làm tiền công khai, nên bị ông chủ quận tước khí giới và lột chức rồi.

Ông này thi hành một việc đáng hoan nghinh, song không biết ông có cứu xét luôn trường hợp anh kia không, vì nóng tánh đánh vợ mà phải vào tù, chớ không có chon trong ban ám sát gì hết, đáng thả anh ra kéo oan cho anh lắm!

Một anh nọ không mẹ cha, vợ chết, để lại hai con thơ. Không rõ anh làm tội gì cũng bị bắt bị giam, hai con nheo nhóc, ngày tối khóc đòi cha.

Người lân cận dắt hai trẻ lên tỉnh thành, xin phép vào thăm anh, giao hai đứa con, cha con ở tù cùng nhau hú hí.

Đầu xanh đã tội tình gì!

Một anh Trung Việt bị tra khảo bằng điện, lở hai cuờm tay, bại cả đôi chơn, mỗi bữa nhờ người bồng ra ăn cơm; xong, bồng vò, để anh nằm trên sập, đắp chiếu không cửa quây, như một cái thầy ma chết chưa chôn.

Một anh Nhựt, có lẽ theo đạo binh Việt Minh, bị bắt nhốt. Anh tác trung, ốm, mặc bộ đồ vàng, sức mạnh lắm, tánh cang cường. Anh ăn cơm tội, chứ không thèm nhận đồ ăn người Pháp cho.

Một bữa, anh nghĩ tội phạm thế nào, anh không chịu vô khám, bốn người Việt ôm vật anh, anh vẫy vùng, quèo chơn họ té tất cả, sau cùng anh cũng bị khiêng vô ngục tối.

Rồi hôm sau, anh tuyệt thực, phải có anh Đức vô an ủi, anh mới chịu ra ăn và vô khám số 2 mà nằm với bọn tôi.

Anh Đức là ai?

Một chàng trai trẻ, trung người, nhưng mập mập mạnh mẽ.

Anh nói tiếng Anh, biết chút ít tiếng Pháp; tôi với Văn Lâm bập bẹ đặng đôi ba tiếng Anh, nói chuyện với anh Đức cũng hiểu đặng nhau.

Theo lời anh nói, cha anh là người Áo (Autriche), mẹ người Hoa kỳ (Etats-Unis). Anh bị giam vì không đi lính cho Pháp, không biết chừng nào mới được tự do.

Anh bị cầm ngục tối, song ông quản dễ dãi để anh chạy chơi ngoài sân, hễ nhà binh hay ông Cò lại khám thì bắt anh vô nằm, họ về, cho anh ra.

Anh liến thoắng, thường giỡn với anh sáu anh bảy, giấu chìa khóa, giựt roi, thoi vô bụng. Mặc dầu anh không phải người Đức, song chúng tôi quen gọi anh là anh Đức hay thằng Đức.

Khám số 3, có một anh cánh tay lở lói thấy mà ghê. Họ nói anh bị ghê hòm, đi bệnh viện xin thuốc; dọc đảng, gặp nhà binh, bị bắt giam không điều tra gì hết.

Bình anh càng nguy ngập, cánh tay tanh hôi, không có thuốc xúc, mỗi lần mở băng ra là giò rớt lọt đọt! Anh Đức thấy bệnh nhân nằm trước khám gần bên tường, anh lắc đầu, dắt anh ấy lại phòng việc ông quản, nhằm giờ thầy điều dưỡng vô, anh xin thuốc tím (permanganate de potasse), băng mới, thuốc xúc ghê, anh mở băng cũ ra, lấy bông gòn rửa cánh tay bệnh, xúc thuốc vào rồi băng bó lại.

Một cử chỉ đáng khen của người ngoại quốc.

Khám số 6 có hai người Pháp bị mất súng hay tội chi không biết cũng bị ở tù. Một anh hay giỡn với

anh Đức, một anh nghiêm trang, cả ngày chỉ ngồi đọc sách.

Lâm làm quen với anh này, mượn sách xem, Tuổi thì xin lưỡi dao cạo, còn tôi, sau khi được san đá viên chinh Núi Nứa đối đãi đặc biệt, sao tôi không muốn nói chuyện với san đá nữa.

Từ đây, mỗi ngày con tôi, Điệp, vô thăm tôi, đem thức ăn món uống cho tôi.

Ban đêm, khi mấy anh em ngủ rồi, tôi đi tới đi lui, niềm kia nổi nọ.

Tôi thăm vái Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, đại từ đại bi, cứu độ tôi tai qua nạn khỏi. Đến nửa đêm, tôi mới đi nằm trên sập. Chập chờn dở tỉnh dở mê, tôi dường như nghe ai bảo văng vẳng bên tai: “Mỏng tám ra! Mỏng tám ra!”

Sáng ngày, tôi còn nhớ rành mạch, tin tưởng Trời Phật không phụ người ngay.

Ngày Chúa nhật 2-6-46 – Hy vọng

Nhà tôi với mấy trẻ vô thăm tôi, thuật rằng có đến khiếu nại với Lebris rằng tôi vô tội, chỉ có khai xuống Núi Nứa tản cư, rồi ra không được mà thôi vậy.

Lebris an ủi, hỏi trong khám tôi có bị ai hù dọa hay không, nói cho người rõ. Người lấy làm lạ sao tôi khai xuống Núi mà “nghỉ mát” (se repos-er), sao nhà lựa chỗ như vậy mà nghỉ mát!

Thì ra, người *nghe lâm*, vì tôi khai lánh nạn, ẩn trú (me réfugier), chớ nào phải nghỉ mát (se reposer) bao giờ.

Nhờ ông quản cho ít tờ giấy trắng và cho mượn một cây viết chì, tôi viết cho Lebris một cái đơn dài, cắt nghĩa tự sự. Người nói để xét lại và có lẽ thứ bảy ngày 8 tháng 6 dương lịch, cho tôi ra.

Bây giờ chưa chan hy vọng, tôi phấn khởi tinh thần, thắng Trần Văn Chử ba bàn cờ, mà Chử thì cầm đồng với Lâm, còn Lâm cách mấy ngày trước thắng tôi ba bàn không gỡ.

Mỗi ngày, sớm mai thức dậy, chúng tôi, Hoạt, Xuân, Phương, Chính, và tôi ăn bánh mì, xôi vò, uống cà phê; trưa hai giờ: bánh ú, chuối, sa bô chê, bánh bông lan, khi thì cà phê, gà quay bánh mì. Tối, tám giờ, bánh in, nước trà, chuối.

Nằm nói chuyện một hồi rồi họ ngáy, còn tôi, vì nực quá nên tôi đi qua đi lại, tay không rời cây quạt, đúng nửa đêm trời mát, tôi mới đi nằm.

Vừa đặt lưng xuống thì kia, phương Nam, góc Bắc, trung ương bom nổ ì ầm. (họ nổ trung tiện), máy bay trên trời kêu vù vù luôn rồi đáp xuống “cẩn” (muỗi bố), tàu lặn dưới sập bắn lên (rệp chích).

Trần trở mãi đến bốn giờ thì, góc đằng kia, súng liên thanh bắn rầm rầm (họ bắt đầu đi đại tiện).

Rồi họ súc miệng rột rột, nhóm “hội nghị tứ cường”, “thất tung”, “liên hành”, “hội nghị hòa bình” lằng xằng, bàn cãi om sòm, còn ngủ nghe

gì được, thôi đành ngồi dậy lại cầu cho nhẹ cái đại trường, thì giò tủa “đổ bộ” rần rần, thiệt là nhồm góp!

Đêm nay, 3-6, đèn điện không cháy, chúng tôi đốt đèn cây ngồi ăn chuối, bánh, uống cà phê, mời anh Nhựt lại ăn uống cho vui.

Ảnh lại, rờ bụng cười, ý nói hồi chiều ăn cơm chưa no; anh xức hết hai trái chuối, uống tách nước trà, đứng dậy chụm chơn cúi đầu, cười nói: “Arigatô” (cám ơn) rồi về chỗ nằm.

“Lối thàng chín năm rồi, nghe nói người Pháp nhảy dù bị bắt ở Cù My, có hôn anh chủ tịch?

Tôi hỏi anh Xuân. Anh trầm ngâm một lát, gật đầu nói:

- Có, mà nhảy dù ở Lagi chứ không phải Cù My. Một buổi mai, phi cơ bay qua, rồi lơ lửng năm chiếc dù hạ xuống.

Tức thì thanh niên nổi trống lên ầm ầm, tụ họp có trên mấy trăm, tổ chức cuộc “săn người”.

Họ mang dao găm, vác tầm vòng vật nhọn, nhiều người mang súng trường súng lục.

Hai cây dù chớ đồ đạc, vật thực, rơi là đà xuống bãi biển, thanh niên bao vây hai cây khác vừa hạ xuống; một người Anh với viên sĩ quan Việt Nam giơ tay xin hàng.

Còn ba người nữa chạy trốn trong rừng, song bữa sau, đói quá, họ lóp ngóp bò ra, cũng bị bắt nốt.

- Mấy anh Núi Nứa, chiều nay hay là mai, có lẽ mấy anh sẽ được trả tự do, nhà binh có hứa như vậy. Mấy anh đừng đi làm đầu xa, tôi cho lại quét tước đảng Tòa bố, đợi khi nhà binh có lại thả thì tôi kêu về cho mau.

Nghe ông quản nói, mấy anh mừng, chúa chan hy vọng, hẹn rằng nếu họ được ra rồi, sao sao họ cũng lại nhà cô giáo Hai mà thăm nhà tôi và mấy trẻ.

Họ chờ. Chiều nay, không thấy ai kêu gọi đến; rồi hôm sau, anh bầy lại cửa mở khóa, rút song sắt, kéo cửa ra kêu két két.

- Mấy anh Núi Nứa đâu?

Mấy anh khoái chí nhìn nhau cười cười.

- Dạ, anh em tôi đây.

- Mấy anh ra lấy búa búa củi.

Mình không dám cười vì cái mặt mấy anh méo xẹo!

Tối ngày tôi ra mà mấy anh cũng còn duyên nợ với khám số 2.

Ngày thứ tư 5-6-46 – Điều tra, mà không phải là điều tra

Bốn giờ chiều, anh lính Phòng lại khám đường mời tôi.

Quan hai Lebris với ách Tồn đi vắng, ông Sergeant-chef với cậu Nguyễn Văn Thơ (bà con ông Nguyễn Phú Khai) tiếp tôi. Ông Sergeant hỏi tôi sao ở Núi Nứa lâu như vậy mà không ra, rằng nhà binh xét đơn thỉnh cầu của tôi, mai hay là mốt, ông Leb-

ris về sẽ ký giấy cho tôi ra, phải chi người có quyền ký thế thì người đã ký rồi.

Người nói chuyện với tôi về thời cuộc, thế giới chiến tranh, Thống chế Pétain, De Gaulle...

Tôi xin phép về thăm gia đình một chút, người vui vẻ viết giấy phép liền và bảo tôi ở lại vài giờ cũng được.

Lối bảy giờ, tôi lững thững trở lại khám đường. Hồ Văn Tò lấy làm lạ, nếu anh được phép như vậy, anh ở ngoài suốt đêm sáng sẽ vô.

Tôi cười đáp: “Lời hứa là danh dự”.

Thứ năm 6-6-46

Trưa, Diệp vô thăm tôi, tôi bảo ông Sergent-chef hứa “ngày mai hay ngày mốt” nghĩa là ngày 6 hay 7 tháng sáu cho tôi ra, vậy nhà tôi nên lại nhắc coi.

Thứ sáu 7-6-49

Nhà tôi vô cho hay rằng lên nhắc Lebris thì người hứa chắc ngày 8, đúng 10 giờ, người sẽ cho tôi ra, bảo đừng đi đâu, đợi thứ hai 10-6, người đi cùng tôi lại Tòa bố, trình tôi với quan chủ tỉnh.

Trưa 7, anh em còn hội họp ra thai đồ chơi:

Hoạt: Trong thơ Lục vân Tiên, có câu lục bát ý như vậy: “Nhút nhờn thọ nạn, nhị nhờn tử” (Một người thọ nạn, hai người chết). Câu gì?

Đáp: Liền mang bức tượng Vân Tiên,
Nhắm dòng nước chảy nàng liền nhảy ngay.

Có phải là Nguyệt Nga nhảy xuống sông tự vận mà Vân Tiên và Nguyệt Nga cả hai đều chết chìm không?

Phuong: “Long châu hổ phục, xuất Vân Tiên nhút cú”.

Đáp: Qua sông cá thấy xếp vi,

Vào rừng cọp thấy phải qui lạy đưa.

Hoạt: “Hữu vấn vô đáp” (Lục Vân Tiên)

Đáp: Vân Tiên nghe biết người nay,

Hỏi thăm tên họ phòng ngày đến ơn.

Ông tiêu trở lại lâm sơn,

...

Ông tiêu không trả lời nói tên họ mình.

Phuong: “Yếu điệu thực nữ, quân tử bất cảm cận” (Thiếu nữ yêu kiều, quân tử không dám gần).

Xuất mộc: Cây nàng hai (có gai)

- Đôi bên phụ mẫu lưỡng song toàn,

Có sao hiền phụ lụy sang sang? Xuất mộc: Cây sấu đầu.

Chữ: Hai ông mà không có bà,

Sanh con đẻ cháu đặng ba mươi người.

8 đứa ở nhà làm quan,

12 đứa ra đường nghinh ngang,

10 đứa đi hoang không về.

Xuất vật dụng: Cờ tướng.

Giải nghĩa: Hai ông tướng

4 si 4 tượng ở nhà phò tướng.

4 xe 4 pháo 4 ngựa đi dọc đi ngang

10 chốt tấn tới, qua sông rồi đi ngang hoặc đi tới, không đi lui.

Hoạt: Ông già có 4 người con, người ta hỏi chúng làm nghề gì. Ông đáp:

- Một thằng chết chưa chôn (thằng hút)
- Một thằng chôn chưa chết (thằng ăn trộm)
- Một thằng có ấn không chịu làm vua (thầy pháp)

- Một thằng làm vua không ấn (thằng hát bội)

- Giận chệch chửi nhà,

Kiến cắn cột nhà, nhức nhối bụi tre.

Xuất quả: Trái tai.

- Nước trong rửa ruột sạch trơn,

Một câu danh lợi chi sồn lòng đây. Xuất ngư: Cá chán.

Tôi cũng dự cuộc, hỏi:

- Truyện Kiều anh đọc đã lâu,

Đố anh có biết bốn câu một tiền.

(Một tiền là sáu mươi đồng tiền kẽm xưa).

Đáp: *Mười lăm* năm bấy nhiêu lần, Làm gương cho khách hồng quần thử soi.

Từ còn lưu lạc quê người,

Bèo trôi sóng vỗ chốc *mười lăm* năm.

Những là rày ước mai ao,

Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình.

Những từ sen ngó đào tơ,

Mười lăm năm mới bây giờ là đây.

Anh Hoạt vỗ vai tôi nói:

- Anh đã chắc chắn mai này được ra, vậy không lẽ tôi thiếu nợ anh (nợ văn chương) mà không trả, vì câu đối của tôi

Rầu rĩ râu ria ra rậm rạp,

anh đã đối xong, còn câu đối của anh, tôi cũng rần đối, dầu dờ dầu hay, nhưng câu:

- Ngủ giấc Trần Đoàn, ăn cơm Phiếu Mẫu, khiến tướng chinh đông

hơi hiểm, xin anh sửa lại như vậy:

- Ăn cơm Phiếu Mẫu, ngủ giấc Trần Đoàn, xuất binh phạt Bắc

đặng tôi đối:

- Đọc truyện Nhạc Phi, ngồi tù Nhơn Quý, toan kế phòng Nam.

Tôi khen hay, còn phần tôi, tôi đối như vậy:

- Ngủ giấc Trần Đoàn, ăn cơm Phiếu Mẫu, khiến tướng chinh đông đối:

- Noi gương Quan Võ, học sách Khổng Minh, đề binh phạt Ngụy.

Được trả tự do – Cảm tưởng

Chiều thứ sáu, ngày 7 tháng sáu, đúng sáu giờ, quan hai Lebris ký tên vào sổ cho tôi ra.

Anh em từ già, vui vẻ người về, kẻ còn giam buồn bực, mình sao khỏi chạnh lòng.

Tôi nồng nhiệt cảm ơn ông quản May xếp khám, anh sáu Mai, anh bảy Đức, cả ba đều đối xử với tôi rất mực tử tế, tôi cảm động vô cùng.

Nằm trên võng, dưới mái hiên, hiu hiu gió thổi, bóng nguyệt lơ mờ, tôi ôn lại quãng đời di vãng và nghĩ đến tai nạn lạ kỳ tôi vừa thoát khỏi.

Trong khoảng mười bảy năm làm việc của tôi, gặp mấy việc hình tôi điều tra kỹ lưỡng, làm phúc trình giải phạm nhân qua Tòa án, còn người vô tội tôi thả ngay, ít khi giam quá 24 tiếng đồng hồ.

Còn hôm nay, mặc dầu họ biết mình vô tội, họ cũng giam chơi nửa tháng!

Tôi nhớ lại điểm chiêm bao tôi nằm thấy hôm tháng tư năm rồi, năm Ất Dậu 1945; bây giờ, những việc xảy ra, tôi mới thấy nó phù hợp với điểm chiêm bao ấy.

Vía tôi đi xét sổ sách một làng nọ với ông Thanh tra hành chánh Việt Nam trong một tỉnh miền đông. Tôi thấy trong sổ con số 417. Rồi năm 1945, sau khi Việt Minh bãi bỏ chức vụ tỉnh trưởng và quận trưởng, tôi tính lại tôi vừa làm việc đúng 17 năm 4 tháng.

Năm 1946, tháng 4, tôi lâm nạn và bị giam đúng 17 ngày tại một tỉnh miền đông!

Trời Phật mách bảo cho biết trước chẳng? Mà sự xảy ra rồi, mình phạm phu mới hiểu.

Đầu năm Ất Dậu, tôi có làm bài thơ: “Đêm rằm tháng giêng năm Ất Dậu”, trong có câu:

“Tròn khuyết khuyết tròn, gương tố nữ,

“Hiệp tan tan hiệp kiếp phù vân.

Câu ấy là lời sấm của cuộc đời tôi sau này chẳng?

Thời đương làm quan đó, kể ra dân đầy, rồi mang

thân tù tội, song người đời bỉ cực thái lại, hết vinh đến nhục, miễn lương tâm yên ổn, tâm chí thanh cao, thì cuộc vinh nhục, nhục vinh, bản hàn, giàu có, mình vẫn xem thường.

Ngày 8 tháng 6, tôi đến Tòa bố thăm ông Tỉnh trưởng Bùi Thế Khâm là chú ông Phủ Bùi Quang Ấn, ông Phó tỉnh trưởng Phạm Văn Càng với ông Huyện Lưu Đình Việp.

Cả ba đều tỏ cảm tình và an ủi tôi. Ông Tỉnh trưởng cấp cho tôi một bức thư để về Sài Gòn trình cho Cédile là Ủy viên Cộng hòa.

Thoát khỏi nạn tai, gia đình chúng tôi, ngày 9 tháng sáu, đạp xe đò về Sài Gòn, gia tài vòn vẹn có mấy bộ y phục cũ mà thôi!

Lại chuẩn bị lên đường (1946)

Đến đây chấm dứt đời công chức tôi dưới thời Pháp thuộc, nói cho đúng ra là đến ngày 9-3-1945. Và mặc dầu sau này còn làm việc với người Pháp mấy năm, song họ cũng dưới quyền Chánh phủ Việt Nam.

Chúng tôi về Sài Gòn đùm đậu nơi nhà một người bà con, một căn phố nhỏ hẹp; sau từng được một căn phố đường Trần quang Khải và mượn được một bộ ván, mấy cái ghế, mới có chỗ ăn chỗ nằm.

Ngày 12 tháng sáu, tôi đến dinh Hiệp lý cũ, yết kiến ông Arondel, Giám đốc Nha Nhân viên. Ông

xem thơ Tỉnh trưởng Bà Rịa rồi cho tôi hưởng lương kể từ ngày trình diện, sự bổ nhậm tôi sẽ tính sau.

Lúc bấy giờ, Bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh làm Thủ tướng Chánh phủ Nam Kỳ, ông Đốc phủ Phan Văn Chi làm Đồng lý văn phòng Phủ thủ tướng.

Tháng bảy 1946, tôi đến Nha Nhân viên, nghe nói tôi đặc lệnh tòng sự tỉnh Sa Đéc, quận Lai Vung.

Tôi đến thưa với ông Đốc phủ Chi rằng tình thế nầy mà ngôi quận nửa thì nguy, và mấy con tôi ngày một lớn, chúng tôi cần phải ở Sài Gòn hay châu thành đặng cho ăn học, vì hai đứa lớn hơn hết đã vô trung học rồi.

Ông hứa gặp Tỉnh trưởng Sa Đéc là ông Thái Minh Phát sẽ nói giùm cho tôi ở Tòa bố.

Vài tuần sau, ông cho hay ông Phát chịu cho tôi làm việc tại châu thành.

Sự đời éo le, cùng một lúc tôi được ông cò Cảnh sát quận ba mời tôi đến lãnh sự vụ lệnh, theo đó Chánh phủ bổ nhậm tôi tòng sự tại Trà Vinh (Vĩnh Bình).

Thế là tháng chín, tôi lại khăn gói một mình xuống Trà Vinh, để gia đình ở lại Sài Gòn. Lúc nầy, lương bổng tôi được 1.100\$, bằng hai số lương hồi ở quận Long Thành.

Phải có một biến cố như vậy, Chánh phủ mới nhớ đến công chức mà tăng lương, và lại xứ Việt Nam lâm vào thời kỳ chiến tranh, sanh hoạt đã bắt đầu mắc mớ.

Tôi buồn bực hay tin bạn thân của tôi, anh Hồ Văn Ngà, trong thời cuộc qua, đã bị kẻ thù, vì ganh ghét nhỏ nhen, vì bất đồng chánh kiến, thủ tiêu một cách rất oan.

Tội nghiệp thay, anh Hồ Văn Ngà là một cựu sinh viên xuất sắc, anh thi đỗ thủ khoa trong kỳ thi nhập học Trung ương Đại học đường Paris (Ecole Centrale Paris, E.C.P.) được giáo sư Pháp mến yêu khen ngợi.

Năm 1932, để phản kháng việc Chánh phủ thuộc địa xử tử Nguyễn Thái Học cùng đồng chí, anh Ngà với một số sinh viên biểu tình trước điện Elysées, bị Chánh phủ Pháp tống hoàn về nước.

Anh được ông Lê Bá Cang rước dạy Toán pháp trường tư thực của ông, và suốt mấy năm, tỷ số học sinh trường nầy đậu bằng Thành chung (Diplôme de fin d'Etudes complémentaires) cao hơn các trường khác trong Nam, kể cả trường Chasseloup Laubat (nay là “Trung tâm giáo dục Lê quý Đôn” – Centre d'Enseignement Lê quý Đôn).

Anh Hồ Văn Ngà là một nhà ái quốc chân chánh mà chết một cách vô lý, chưa làm gì thiết thực cho nước non nhờ, thương tiếc thay!

Nếu anh may mắn thọ đến ngày nay, biết đâu chừng miền Nam đất Việt ta chẳng được thêm một viên kiện tướng chống đỡ giang san!



PHẦN III

PHỤNG SỰ VIỆT NAM

(1946 — 1959)

Người quân tử cố làm cho người trở nên tốt, không bao giờ làm cho người trở nên xấu.

Trong các thứ hương, chỉ có hương của người đức hạnh rất vi diệu, bay đến tận mười phương.

Ba tháng ở Trà Vinh – 1946

Đi tỉnh lần này là lần thứ mấy rồi?

Ban sơ là Bạc Liêu, lại trở về Sài Gòn, kể đi Mỹ Tho, qua Cần Thơ, lên Đức Hòa, xuống Sóc Trăng, lên Long Thành, bây giờ đi Trà Vinh, thế là dạo chơi cảnh tỉnh lần thứ bảy rồi.

Từ đây cho đến ngày hưu trí, còn thuyền chèo bao phen nữa?

Tôi quá giang xe đò xuống Trà Vinh, vào Tòa bố yết kiến ông chủ tỉnh Emiry, ông phó Bernard Fau.

Emiry bổ nhiệm tôi làm chủ sự điều khiển nhân viên, trừ ngân sách tỉnh do ông Dương Sanh, kế toán viên đảm nhậm.

Ông bảo tôi ở tạm đâu đó, chờ ông cấp nhà cho tôi với hai ông thanh tra tiểu học.

Gặp anh Đốc phủ Nguyễn Văn Phước, chủ quận

châu thành. Anh này đã hai lần đến thế tôi, lần thứ nhứt ở Thị xã Bạc Liêu, lần thứ nhì làm chủ quận An Hóa.

Tôi gặp anh lần này là lần thứ ba và là lần chót.

Anh bảo tôi khi chưa nhứt định ở đâu thì ngụ nơi nhà anh cho vui. Phòng ăn có một cửa cái thông ra sân, một cái hàng rào dâm bụt ngăn cách ngoài đường.

Bữa cơm chiều vào lúc bảy giờ ruồi tối, anh ăn rất lâu, ăn cơm một hồi đòi cháo; anh để một cây súng lục to trước mặt, lè nhè nói chuyện anh tiểu trừ kháng chiến.

Anh thuật rằng một khi, anh mặc đồ trận đi hành quân núp trên chiếc xe GMC bắn xuống. Thoạt anh để ý những viên đạn không biết từ đâu rớt chung quanh mình anh. Thành linh, anh day ngón lên cây dừa, thấy một chú áo đen ngồi chễm chệ, chĩa súng ngay anh, anh bắn một phát, chú rớt xuống “như một con gấu”. Thì ra một anh lính Nhật theo kháng chiến.

Nếu anh ấy bắn giỏi thì anh Phước đã bạc phước rồi!

Tôi ở chung với anh tôi ngán quá, nói với Emiry cho tôi một phòng trong khách sạn (bungalow) mà ở.

Khách sạn này từng dưới phía trong có mấy cái phòng, một anh săn đằm chiếm một, tôi một, phía trước tạm làm thư viện. Trên lầu dùng làm Tòa bố, vì Tòa bố cũ và dinh Tỉnh trưởng đã bị đốt cháy hồi

quân đội Pháp tái chiếm Trà Vinh và bộ đội kháng chiến rút lui.

Một chiều thứ bảy, tôi ra thư viện tìm sách xem. Ngồi dưới đất một hồi, chừng đứng dậy xây xẩm mặt mày muốn té.

Tôi lại ngồi xuống, nhắm mắt một hồi bớt chóng mặt mới lần bước về phòng. Hôm sau, tôi đến bác sĩ Lê Văn Huê nhờ ông khám bệnh. Ông bảo tôi thiếu máu, mỗi chiều tiêm một mũi thuốc bổ, vài tuần thì mạnh. Là vì, suốt thời gian chúng tôi tản cư dưới Núi Nứa, ngày ngày ăn toàn cá mè kho với trái đào lộn hột chấm tương, không có gì bổ dưỡng.

Ở Trà Vinh, tôi gặp lại anh Hồ Bảo Thành, chủ quận Cầu Ngang, tôi trước đã quen anh hồi ở dinh Hiệp lý, với anh Nguyễn Văn Báu, chủ quận Trà Cú, tôi biết anh hồi anh từng sự văn phòng Thống đốc Nam kỳ, lại gặp nhau lúc tôi ở Cần Thơ còn anh ở Long Xuyên.

Anh Báu tảnh thẳng thắn và trọng phong tục Việt Nam.

Trong quận anh, có lần nông phu cày phạm một cái mả, anh bịt khăn đóng, mặc áo dài, nhang đèn ra tạ mả, mặc dầu anh là tín đồ Thiên Chúa giáo.

Bữa nọ, anh sốt rét uống 6, 7 viên quinarcrine, anh phạm thuốc trong mình nóng nẩy, cởi áo vắt vai, đương đêm ra nằm ngoài chợ. Mật thám phúc trình lên chủ tỉnh Emiry rằng ông quận Báu làm

sao mà có thái độ liêu linh như vậy, không biết có “ăn chịu” với bên kia chăng?

Emiry gọi văn thơ lên thượng cấp, xin thuyền chuyển anh Báu đi nơi khác, ông phủ Nguyễn Ngọc Chỉ đến thế anh ở quận Trà Cú. Nghe như năm 1947, quận này bị Việt Minh tấn công, ông quận Chỉ bị chôn sống, tội nghiệp thay!

Tôi lại gặp anh Lâm Văn Tượng, chủ sự Ty Điền địa, gốc người Tân An, đồng hương với tôi.

Tôi quen thân hai anh thanh tra tiểu học Trần Văn Kiết, Vương Bảo Thuận, anh Lê Văn Huê, Trưởng ty Y tế, ông Thông, chủ sự Bưu điện.

Mấy ông nói trên đều là những người đạo đức.

Có lần, tôi phá chơi anh Kiết với anh Tượng một phát làm hai anh hoảng hồn.

Số là, tại Phòng Thông tin, trên vách bên phải, treo mấy tấm hình thời sự, bên trái là bức ảnh Nội các Thủ tướng Nguyễn Văn Thinh.

Anh Kiết với anh Tượng đảm nhiệm việc trang trí Phòng Thông tin. Trên bức ảnh thời sự, hai anh có dán một câu: “Một tác đất bỏ hoang là...” Và bên kia, trên bức ảnh mấy ông Thượng trong Nội các, hai anh dán tiếp: “... một gia đình chết đói”.

Tôi không ác ý, song quen tánh vui đùa. Hôm đó nhằm chúa nhật, tôi ghé Phòng Thông tin xem chơi, anh Kiết, anh Tượng (mà chúng tôi gọi là “ma mút” (mammoth)) cũng hiện diện nơi ấy. Tình cờ tôi để ý cái chuyện “ly kỳ” tôi vừa kể trên, tôi nói

với hai anh: “Hai anh có phận sự trang trí Phòng Thông tin cho công chúng xem, mà hai anh lại gọi Nội các Chánh phủ Nam kỳ là “một gia đình chết đói” à! Tôi nói với Emiry”.

Kiệt, Tượng hết hồn, bóng đổ thấy, thấy đổ bóng. Tôi cười nói: “Khó gì đâu, ba phút đồng hồ là hai anh sắp đặt đâu vào đấy”.

Tôi phụ với hai anh, gỡ câu “chết đói” đem qua bên phải, cho nối với câu kia, thế là xong!

Bây giờ cái xưởng trường học “Atelier-école” sửa xong làm một dãy ba căn nhà rộng, Emiry giao tôi căn giữa; bên phải, gia đình anh Vương Hảo Thuận, bên trái ông Pen Nouth, thanh tra trường tiểu học Cao miên.

Gia đình anh Thuận là một nhà đạo đức, anh trường trai, thường mời tôi qua nhà dùng cơm chay với hai ông bà, và thỉnh thoảng, đêm trăng, anh sang qua bên tôi, anh em bắc ghế ngồi ngoài sân, ăn bánh in uống nước trà, đàm luận về việc cổ kim, và có lần anh thuật chuyện chon linh ông Nguyễn Trung Trực nhập xác.

Mặc dầu xa gia đình, tôi nhờ giao thiệp thân mật với anh chị Kiệt, anh chị Thuận, cũng được an ủi phần nào.

Một sớm mai chúa nhật, tôi rủ anh Kiệt đi chơi, viếng Chùa Lương Xuyên Phật học.

Một ngôi chùa đồ sộ, nền đúc cao tám tấc, cột

gõ một ôm bóng ngời, nhiều cốt Phật thép vàng to. Quanh chùa, trồng nhiều cây ăn trái.

Nhà sư trụ trì ở trần, quần cụt, đang sẵn sóc mấy giống khoai mì bên hông chùa. Thấy khách đến, ông vào lấy áo tràng mặc vô, rót nước trà đãi khách.

Chúng tôi xin phép viếng cảnh chùa, bất ngờ tôi hỏi nhà sư ăn chay trường chẳng. Ông hơi lúng túng, đáp rằng ông ăn lạc trai. Tôi ngạc nhiên, không ngờ ông sư trụ trì một chùa lớn, nổi danh ở Nam kỳ, mà chỉ ăn chay mỗi tháng có sáu ngày thôi, không bằng nhiều cư sĩ trường trai hay thập trai.

Tôi thua cùng ông, hể thí phát xuất gia thì trường trai tuyệt dục. Nhưng nay ông chỉ ăn chay kỳ thì ông còn ăn thịt cá, tôm cua, như vậy, vô tâm hay cố ý ông phạm tội sát sanh, một tội nặng, đứng đầu trong ngũ giới cấm nhà Phật...

Ông sư khó chịu, đi tới đi lui, dường như ông muốn khách về phút cho rồi.

Anh Kiệt thấy tình thế “khẩn trương”, nháy tôi đứng dậy từ giã nhà sư, dắt nhau ra khỏi chùa, anh nói với tôi: “Thôi nương tay cho ông nhờ, thấy ông bối rối, cũng tội!”

Đôi khi, tôi đến thăm anh Huỳnh Thiên Kim, một thanh niên du học bên Pháp về, giỏi Pháp văn, sử, địa, tánh tình anh cương trực đến mực thách đố.

Vì, hai bên cột cửa ngõ trước nhà anh, khắc đôi liên như vậy:

*“Quan khách khuốc từ, vô luận Chánh tà, Chủ tỉnh,
“Thuế sau hoàn nạp, bất tri Thống đốc, Toàn quyền.*

Ngày 11 tháng 11, Emiry tổ chức cuộc lễ đình chiến của nước Pháp, mặc dầu lúc bấy giờ, Nam Kỳ đã có Chánh phủ, không thuộc quyền cai trị nước Pháp nữa.

Nhưng thôi, Việt Nam chưa hẳn độc lập thì cho phép viên chủ tỉnh Pháp tổ chức lễ đình chiến cho vui. Tôi cùng anh Kiết đi xem.

Một anh lính Cao Miên phùng mang trợn mắt thổi chiếc kèn Tây coi oai ớn, tôi đọc bên tai anh Kiết mấy câu thơ:

Ông Chân trợn mắt lại phùng mang (Nặc Ông Chân)

Thổi đặng kèn Tây thật rất sang!

Trẻ nhỏ Nam dành cười chỉ trỏ (An nam nhân)

Tiệm kia Giới Thạch cứ lan can (Tượng Giới Thạch – tán thuốc bắc kêu leng keng).

Thuyền chuyển Sài Gòn

Ngày 12 tháng 11, chúng tôi hay tin Thủ tướng Thịnh tự tử. Có kẻ bảo ông bị ám sát.

Mà ai ám sát ông? Có lợi chi cho họ?

Thật là bí mật!

Tội nghiệp cho người chỉ có tấm nhiệt thành ái quốc mà chẳng có thủ đoạn chánh trị đối phó thực dân trong lúc họ lăm le trông ách đô hộ lên đầu cổ dân tộc Việt Nam.

Hội đồng Nam Kỳ nhóm mấy phen bầu cử ông

Tân Thủ tướng thay thế cố Thủ tướng Thịnh; bác sĩ Lê Văn Hoạch được đa số thăm đặc cử Thủ tướng.

Nhắc lại, trước khi xuống Trà Vinh, tôi có yết kiến ông Nguyễn Phú Khai, Tổng trưởng Bộ Thông tin, xin cộng sự với ông. Ông bảo làm gấp không được vì Thủ tướng ít muốn cho công chức ở tỉnh về Sài Gòn, thùng thăng vài ba tháng sẽ hay.

Nay ông Thịnh đã từ trần, ông Hoạch quen thân với chúng tôi, tôi viết thư bảo nhà tôi nhắc nhở ông Nguyễn Phú Khai và thỉnh cầu anh Hoạch vui lòng cho tôi thuyền chuyển về Sài Gòn, giúp việc ở Bộ Thông tin. Nhà tôi trả lời anh Hoạch hứa sau khi nhậm chức anh sẽ liệu mà đem tôi về. Bây giờ chỉ còn vấn đề thời gian là tôi được đoàn tụ gia đình.

Hạ tuần tháng chạp, tôi tiếp một công điện Phủ Thủ tướng đánh cho tỉnh trưởng Trà Vinh, thuyền chuyển tôi về Bộ Thông tin. Tôi mừng lắm, chờ Emiry cho tôi đi. Song cả tuần anh ta mới gọi tôi vô văn phòng, rằng chắc tôi đã thấy công điện kia, nhưng anh ta “không thích làm việc một mình”, tôi phải chờ người thế, ông mới để tôi đi.

Sau, về được Sài Gòn, tôi nghe Bộ Nội vụ có bổ nhiệm ông Cò mi Phạm Văn Ngà xuống Trà Vinh thế tôi, ông không tuân lệnh, bỏ đi đâu không biết. Được công điện vào lối 15 tháng 12, mãi đến lễ Chúa Giáng sinh, tôi nói với Emiry rằng thân phụ tôi ở Tân An đau nặng, tôi xin phép về thăm, mãi lễ rồi tôi xuống tiếp tục làm việc, chừng nào có người thế, tôi sẽ về luôn. Viên chủ tỉnh chịu cho.

Nhiều thân hữu khuyên tôi không nên quá quân tử trong thời loạn này, nhứt là đối với một chủ tỉnh Pháp như Emiry không có thiện cảm với người Việt Nam. Và lại, đã có công điện gọi về thì nên ở Sài Gòn làm việc luôn, tội gì phải xuống nữa, không khéo mà mắc kẹt dưới này, biết bao giờ mới về được. Nghe lời hữu lý, tôi trả đồ đạc mượn của ông bang chủ Quảng Đông lúc dọn nhà, từ giả chánh phó chủ tỉnh các thân hữu và nhân viên Tòa bố, ngày 24 tháng chạp về Sài Gòn.

Bộ Thông tin (1946-1947)

Ngày 19 tháng chạp, Việt Minh Bắc Việt gây chiến với quân đội Pháp. Ở Nam Kỳ, phong trào kỳ thị địa phương thanh hành, song các báo đều theo phe thống nhất.

Ban đầu, tôi làm Chánh văn phòng cho ông Nguyễn Phú Khai, sau làm Giám đốc Thông tin, quan ba Huỳnh Văn Chín tức Tự Do là Đồng lý văn phòng. Đường lối tuyên truyền của Bộ Thông tin lúc bấy giờ chưa có gì rõ rệt.

Sau khi tôi ở Trà Vinh về Sài Gòn rồi, tháng giêng 1947, Emiry về Pháp, Baroagelata đến thế.

Ngày 4-2-47, ông nảy với một phái đoàn nhân sĩ và công chức, trong đó có ông Lâm Quang Trữ với ông Nguyễn Văn Phước quận trưởng châu thành, cùng một số binh lính đi Tiểu Cần.

Đến Ô Đùng, bị Việt Minh phục kích giết gần 40 mạng.

Nghe nói nạn nhân bị lột trần; thi hài họ được chôn vùi nằm sấp lớp từng dưới khách sạn, nơi lúc trước làm thư viện, trông thật thảm thương và ghê tởm!

May cho tôi được về Sài Gòn trước đó vài tháng, bằng chẳng thì biết chừng đâu tôi cũng sẽ là một trong các nạn nhân hoặc là sau đó sẽ thế ông Phước làm chủ quận châu thành, hay một quận khác, mắc kẹt dưới Trà Vinh không biết chừng nào về được!

Lúc bấy giờ, mấy công chức trở lại giúp việc trước tháng 12 năm 1945, được thăng nhậm cấp, như Phủ hạng ba lên hạng nhứt, Phủ hạng nhứt lên Đốc phủ sứ đặc hạng, nhiều thơ ký được bổ sang ngạch Cò mi hay Huyện.

Những ai trình diện với chánh quyền Pháp trước ngày 10 tháng 5, 1946, được thăng nhậm cấp. Còn ai về sau ngày ấy, chẳng hạn như tôi, không được thăng cấp nào.

Có người may mắn đến đổi từ thơ ký hạng ba nhảy vọt một cái đến Tri phủ hạng nhì ngang xương, không thi cử, không công cán gì hết (?!).

Sau đó một thời gian, Chánh phủ lập một ủy ban xét trường hợp mấy công chức về trễ và tùy trường hợp mà cho, hoặc không cho, hưởng số lương trong thời gian gián đoạn công vụ (période d'interruption de services).

Ban đầu, Ủy ban do ông Thái Lập Thành làm chủ tịch, rồi sau vài năm là ông Hồ Bảo Lộc.

Mặc dầu tôi biện minh rằng sở dĩ tôi về trễ, sau ngày 10-5-46, là vì gia đình tôi tản cư dưới Núi Nứa, một hòn đảo mà muốn qua Vũng Tàu hay Bà Rịa bằng thuyền máy cũng mất hai ba tiếng đồng hồ. Vào lối tháng 5-1946, đường giao thông từ Núi Nứa qua Cáp, Bà Rịa gián đoạn, nhân viên mật thám từ Cáp qua không có trở về và dân sự bên này cũng không qua Cáp.

Vì thế mà chúng tôi không hay tin Chánh phủ truyền lệnh công chức tản cư phải trình diện trước ngày 10-5-46, mà dầu có hay biết cũng vô phương qua Cáp hay Bà Rịa đặng.

Trước trường hợp bất khả kháng như thế, Ủy ban vẫn hai ba lần bác đơn tôi mà không cho tôi hưởng tám tháng 12 ngày lương thời kỳ gián đoạn công vụ, từ 1-10-45, đến 12-6-46, là ngày tôi được tái hưởng lương công chức. Số tiền lên tới 12.000 đồng. Tôi chịu hai thiệt thòi nói trên sau khi, vì bát cơm manh áo, phải làm việc lại.

Tháng tư năm 1947, ông Nguyễn Phú Khai từ chức Tổng trưởng, ông Diệp Quang Đồng được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Thông tin.

Ông dùng ông Delebris là Phó tham biện làm Đồng lý văn phòng, anh Nguyễn Văn Báu, Chánh văn phòng và tôi, Chủ sự Phòng Công văn. Các báo bất bình và công kích việc một ông Bộ trưởng Chánh phủ Nam kỳ dùng người Pháp làm Đồng lý.

Tháng năm 1947, tôi không nhớ ngày nào, ông Diệp Quang Đồng với ông Trương Vĩnh Khánh,

Tổng trưởng Bộ Giáo dục, đi công cán vừa đến Trung Lương, bị Việt Minh phục kích bắn chết.

Tin này làm mọi người xúc động, chúng tôi thương tiếc hai ông tận tụy với chức vụ mà chết thê thảm. Thủ tướng phát câu, giận những báo thường ngày ca tụng kháng chiến, đóng cửa một lượt gần chục tờ, bổ nhiệm ông Võ Đồng Phát làm bộ trưởng Thông tin.

Tòa bố Chợ Lớn (1947-48)

Bất thành lính, tôi được nghị định Thủ tướng đổi tôi đi tòng sự ở Rạch Giá. Thật là sét đánh bèn tai!

Sao mà tôi phải chịu nhiều bất công như thế? Tôi đã không được thăng chức, mặc dầu ở trật Phủ hạng nhứt đã bốn năm và Barthel cũng có đề nghị thăng thưởng cho tôi.

Tôi không được hưởng lương bổng thời gian gián đoạn công vụ, tôi đã đi tỉnh nhiều rồi, lại đồng con, còn bao nhiêu bạn đồng nghiệp tôi hưởng nhiều ân huệ, lại được sống phây phây ở Sài Gòn. Sao mà Chánh phủ bất công như thế?

Tôi khiếu nại với Thủ tướng, nếu ông không cho tôi ở Sài Gòn hay một tỉnh gần thì tôi nhứt định không đi.

Rốt cuộc, ông Hoạch cho tôi đổi vô Tòa bố Chợ Lớn.

Sự chuyển chuyển này tôi nhờ ông Võ Văn Ngọ, Phó Giám đốc Nha nhân viên, tận tâm giúp đỡ và sau này ông còn giúp tôi nhiều lần nữa. Viết mấy

hàng này, tôi nghiêng mình cảm ơn ông, một công chức mẫn cán thanh liêm, một người bạn tốt.

Vào Chợ Lớn, tôi được chủ tỉnh De Bascher giao phó công việc kế toán ngân sách tỉnh và công nhò làng.

Cộng sự với tôi có hai ba thơ ký, trong đó có ông phán Giai là người đã phụ tá anh kế toán viên Nguyễn Văn Ngọ ở Tòa bố Bạc Liêu năm 1932.

Năm ấy, 1947, Vũ Tiến Huân làm Phó tỉnh trưởng Chợ Lớn. Ông này hồi 1943 thế tôi làm chủ quận Đức Hòa. Đầu năm 1944, ông lên Phủ hạng nhì, tôi đã là Phủ hạng nhứt đặng hai năm. Năm 1946, ông đặc biệt vinh thăng Đốc phủ sứ còn tôi vẫn lụi đụi chức cũ! Anh Trần Văn Kỹ, Đốc phủ sứ đặc hạng làm chủ quận châu thành, ông Nguyễn Văn Vàng, chủ quận Cần Giuộc. Cần Đức có ông Châu Ngọc Thôi và chủ quận Đức Hòa là ông Huỳnh Văn Liêm.

... Ngày hai buổi đi xe buýt Sài Gòn Chợ Lớn, rất mất ngày giờ và mệt nhọc. May tôi được quen với ông Louis Félix, người Pháp lai, là chủ Sở Vệ sanh Chợ Lớn, nhà ở Sài Gòn, đi làm việc bằng xe Hồng thập tự của Sở, thỉnh thoảng ông ghé nhà cho tôi quá giang và chiều đưa về.

Một hôm, một biện Tây đến Tòa bố trao cho tôi một tờ đòi hầu của ông Dự thẩm Tòa án quân sự Pháp. Ông hỏi tôi khi Việt Minh nổi lên, tôi đã làm gì, nói gì ở Long thành.

Sau ông lại điều tra mật về tôi với ông Huỳnh Trường Thi, hiệu trưởng trường Phước Thiện năm

1945. Ông Thi khai rằng vì tình thế bắt buộc, tôi phải nói và chỉ có nói đôi lời vừa đủ để cứu tánh mạng tôi thôi.

Tháng chín năm 1947, bác sĩ Lê Văn Hoạch từ chức Thủ tướng. Trung tướng Nguyễn Văn Xuân thay thế, bổ nhiệm ông Lê Tấn Nắm làm Thứ trưởng Nội vụ.

Đảm nhiệm cả hai phần kế toán tỉnh và làng, khi mưa gió đến sở trễ, tôi thú thật làm hai việc không kham cho nên ông phán Giai gian lận công nho làng mà tôi không hay biết.

Là vì hương chức đem tiền đến Tòa bố mượn ông làm giấy gởi kho, ông lãnh gởi dùm mà lại bỏ túi, chùng đổ bể ra, ông trốn mất. Kết quả cuộc điều tra, ông gian lận của làng tôi vài chục ngàn đồng.

Tôi chịu trách nhiệm tinh thần về sự “bê bối” đó, nên cuối năm 1947, De Bascher phê điểm tôi rất xoàng.

Tôi xin ông Đốc phủ Ngọ giúp tôi về Sài Gòn, chớ làm việc trong hoàn cảnh như vậy, tôi xuống tinh thần làm việc không được.

Tôi nghiệp ông tận tâm giúp tôi, nói với Giám đốc Nha nhân viên là Bargeton sắp đặt cho kế toán viên ở Tân An là ông Trần Văn Bình lên Chợ Lớn thế tôi và tôi thuyền chuyển về Bộ Thương mại và kỹ nghệ đầu năm 1948.

Bộ Thương mại và kỹ nghệ (1948-50)

Bộ kinh tế hiện thời, hồi năm 1948, gọi là Bộ Thương mại và Kỹ nghệ.

Ở Trà Vinh về, tôi có đến Bộ này xin Thẻ tiếp tế thực phẩm (carte de rationnement). Ông Nguyễn Phước Lộc, Đồng lý văn phòng, chỉ phát cho tôi có một cái cật chủ gia đình mà thôi, còn nhà tôi với chín đứa con thì không có, vì tôi “về trễ!” Thiết cái thùng công chức này không về sớm đăng phục vụ chủ Tây, nó bị thiệt hại đủ điều.

Thẻ tiếp tế lúc ấy quý như vàng, vì có nó mới mua được bưa sữa, vải sớ, bằng chắt thì mua chợ đen mắc bằng hai bằng ba giá chánh thức.

Đến chừng tôi đổi lại Bộ Thương mại và Kỹ nghệ, ông Lộc đã lãnh chức vụ cao cả nơi khác, anh Nguyễn Văn Bá nói với Phó Đồng lý Marie cấp cho tôi một cật chủ gia đình, nhà tôi với bảy đứa con lớn, mỗi người một thẻ, còn hai đứa nhỏ nhút lại không có.

Sau, tôi quyền chủ Sở Kiểm giá, ông Huỳnh Khắc Dụng, Phó Giám đốc Nha Tiếp tế, mới cho hai đứa út tôi hai tấm cật.

Tháng tư năm 1948, Chánh phủ tổ chức Hội chợ triển lãm thương mại kỹ nghệ trên phần đất nằm trong phạm vi các con đường Công Lý, Hàn Thuyên, Pasteur và Alexandre de Rhodes, trước dinh Độc lập.

Đến Bộ Thương mại và kỹ nghệ, tôi yết kiến ông Phạm Văn Hai, Tổng trưởng, ông Larivière Đồng lý

văn phòng. Ông này là cựu chủ tỉnh Cần Thơ và Bạc Liêu, tôi có đề cập đến ông trong chương “Tòa bố Cần Thơ.

Larivière dắt tôi đến văn phòng Hội chợ, giao tôi cho anh Trần Văn Chi, Tổng Thư ký sử dụng.

Chắc độc giả còn nhớ anh này là cựu chủ quận Cái Bè, lúc tôi ở An Hóa (Mỹ tho).

Hội chợ mãi, tôi đảm nhiệm chức vụ Đầu phòng Công văn.

Lúc bấy giờ, mấy ông Đồng lý văn phòng, Phó đồng lý, Chủ sự Phòng Kỹ nghệ, cô Bí thư của Đồng lý, đều là người Pháp.

Việc điều hành trong Bộ nằm trong tay mấy người ấy. Sở Kiểm giá, một anh cựu Cò cảnh sát là Boué Lahorgue làm Chủ Sở.

Sở Kiểm giá (Service du Contrôle des prix) – 1948-50

Ở trên Bộ được vài tháng, tôi đổi xuống Sở Kiểm giá, từng sự dưới quyền Boué Lahorgue, thế Huyện Nguyễn Vĩnh Tộ lên Bộ lãnh chức chủ sự phòng Kỹ nghệ.

Lão Boué có một nữ bí thư, đầm lai, bà Delorge, là nhân tình ông ta.

Kiểm hóa viên (Contrôleur des Prix) lối mười mấy người, đa số là người Pháp, chỉ có vài ba người Việt dân Pháp như Khánh, Hậu, Adam.

Lúc ấy, Chánh phủ tuyển dụng kiểm hóa viên một cách quá dễ, không biết theo tiêu chuẩn nào,

và mấy người ấy đốt luật lệ, lập vi bằng thương gia cách cầu thả vô cùng, đôi khi lại là vô lý.

Mỗi tuần, sớm mai thứ hai, Chủ Sở Kiểm giá trình cho Ủy ban kiểm giá xét hồ sơ vi phạm luật lệ kinh tế, hoặc những đề nghị sắp hạng các khách sạn...

Ủy ban này gồm bốn năm ủy viên người Pháp, nhóm dưới quyền chủ tọa của Henri Bonnaud, Giám đốc Nha Kinh tế

Những vải sô do Kiểm hóa viên bắt đem về Sở và bị tịch thu, “bà chủ” Delorge hữu quyền bán cho ai tùy ý.

Sự kiện này thấu đến tai Bonnaud, ông phái ông Tăng Văn Chi, chủ sự Phòng thương mại, xuống điều tra. Boué đổi đi, mụ Delorge nghỉ việc.

Cò Alexandre đến làm chủ Sở Kiểm giá, làm việc không trôi, chừng một tháng cũng đổi tuốt. Ông Jean Vanel, quan cai trị hạng nhì, không biết từ đâu đổi lại. Ông làm việc có quy củ, không hối lộ, nên được Bonnaud vị nể. Ông tuyển thêm nhiều kiểm hóa viên, phần nhiều thạo việc.

Ông tín nhiệm tôi với Cò mi Võ Văn Phi, Cò mi Đào Văn Ký.

Ông ham đọc sách và cho ba chúng tôi, Phi, Ký với tôi mượn nhiều sách hay mà đọc.

Đầu năm 1949, nhạc gia tôi từ trần, Vanel cho tôi mượn chiếc Peugeot 202 nhỏ đưa đám tang về Chợ đêm (Bình Điền).

Trung tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng toàn cõi Việt Nam, ban ân cho công chức nào đủ điều kiện thâm niên tối thiểu và có đề nghị của thượng cấp, được thăng nhứt cấp.

Nhân cơ hội này, tôi với anh Phạm Văn Học, trước là chủ quận Long Phú, bây giờ đã đổi về Phủ Thủ hiến Nam Việt, được thăng chức Đốc phủ sứ, song anh Học được hưởng cả thâm niên và lương bổng mới kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1948, còn tôi chỉ hưởng lương trật mới từ ngày 1 tháng 7 mà thôi, vì phiếu điểm tôi không tốt bằng phiếu điểm anh Học, bởi vụ phán Giải thâm lạm công nho làng ở Chợ Lớn.

Một cái thiệt thòi thứ tư của tôi, từ ngày về làm việc lại.

Cứu xét trường hợp công chức trình diện trễ

Năm 1949, Chánh phủ lập một ủy ban gồm ba người, do ông Nguyễn Văn Tâm làm chủ tịch, tôi làm thuyết trình viên, với một công chức đồng ngạch nhưng trên trật nhân viên bị xét xử vì trình diện trễ.

Tôi đã ở trong tình trạng “bị kẹt” dưới Núi Nứa nên rất thông cảm hoàn cảnh của họ.

Phúc trình tôi không gắt gao, và ông chủ tịch Nguyễn Văn Tâm cũng khoan hồng, thường thì

ủy ban đề nghị lên Chánh phủ cho đương sự chậm thăng thưởng một hoặc hai năm mà thôi.

Tôi lấy làm lạ song sung sướng mà thấy sao một viên quan có tiếng là nghiêm khắc, lại tỏ thái độ dễ dãi với đàn em, phải chăng thời cuộc qua đã thay đổi tánh ông phần nào.

Trái lại, khi ông Đỗ Văn Công thế ông Nguyễn Văn Tâm, ông đề nghị phạt ông Phan Văn Hiện, thơ ký thượng hạng, sứt một cấp, vì đến năm 1947 ông mới ra làm việc lại.

Ông Hiện là cựu thơ ký giúp việc tôi ở Sóc trăng, tôi hiểu biết hoàn cảnh ông, thế mà tôi bình vực ông không được.

... Có lần, Hội đồng nhóm xong, ông Tâm chưa vội ra về, còn rồn (rám) ngồi tâm sự với tôi.

Rằng, hồi Nhứt đảo chánh, ông đang làm chủ quận Cai Lậy; kẻ thù đến bắt ông giam vào khám đường Mỹ Tho, hai tay bị còng.

Để phá bàn tay mặt ông không còn dùng nữa được, họ “rút” lỏng xương thứ nhứt ngón tay cái ông cho trật qua một bên. Ông chờ họ ra khỏi khám, ông cắn lỏng tay đó rút lên và đặt nó ngay vị trí cũ, trên lắt léo lỏng thứ nhì, đoạn ông đứng sát vách tường đè ép ngón tay cái vào tường suốt hai giờ như vậy, đau chảy nước mắt, cho hai lỏng khỏi sự ăn khớp với nhau.

Một thời gian sau, kẻ thù sợ ông vượt ngục, chở ông lên Sài Gòn giam vào khám lớn. Ngày 18 tháng

chín, năm 1945, quân đội Anh Pháp chiếm Sài Gòn, ông được giải phóng.

Sau đó, trong một cuộc hành quân, ông bị Việt Minh bắn gãy ngón tay giữa bàn tay trái.

Tháng bảy năm 1949, Vanel về Pháp nghỉ, tôi quyền Chủ Sở kiểm giá, phạt gắt bọn gian thương Hoa kiều, nhứt là trường hợp họ không nêu giá, để cắt cổ khách hàng.

Trong thời kỳ này, tôi vừa quyền Chủ Sở kiểm giá, vừa là “nhân viên trung gian ngân khố” (agent intermédiaire du Trésor) có phận sự gọi số tiền phạt vào ngân khố.

Tôi kiểm điểm bạc tiền kỹ lưỡng, xem xét sổ sách do Phan Quang Lễ giữ có phù hợp với số tiền trong tủ sắt hay không. Mỗi tuần một lần, tôi làm phiếu nộp tiền, rồi với Lễ ôm bạc xuống kho, giao cho mấy thầu ngân viên, chiều mới nhận biên lai.

Tôi không thọ lãnh tiền bạc ai, song một vài nhân viên tôi lợi dụng cơ hội để làm tiền, sau này ra khỏi Sở Kiểm giá tôi mới hay.

Là khi thương gia xin giá thực phẩm để bán sỉ và bán lẻ, Sở định giá rồi, nhân viên trao bốn thơ cho thương gia, nhận lãnh số tiền trà nước!

Vài tháng sau, Bargeton, cựu Giám đốc Nha nhân viên, từ bên Pháp qua, đến làm Chủ Sở Kiểm giá.

Ông này cũng làm việc khá cẩn thận, không tu vị ai. Ông phái tôi điều tra về giá giấy in báo, tôi

trao cho ông một phúc trình đầy đủ, ông rất hài lòng. Ông phê điểm tôi khá tốt, song Bonnaud bảo sao không biết mà Bargeton đổi thành phiếu điểm tầm thường.

Cái anh thực dân Bonnaud, tôi làm bốn phận vẹn toàn, có gì mà anh ghét tôi! Không rõ ai ác tâm tâu ra tâu vào chi đó!

Năm 1950, Bargeton qua Tòa Đô chánh phụ tá ông Bùi Quang Ân; ông nầy làm Tổng thư ký cho Bác sĩ Trần Văn Đôn đảm nhiệm chức Đô trưởng từ năm 1948.

Một lần nữa, tôi quyền Chủ Sở kiểm giá cho đến ngày tôi nghe Sở này sắp bãi bỏ, tôi đến Đô thành xin cộng sự với Bác sĩ Trần Văn Đôn.

Ông chấp thuận.

Đô thành Sài Gòn Chợ Lớn (1950-51)

“Gia cư liên giá cuộc”

Henri Bonnaud bổ nhiệm ông Hữu Cơ thay thế tôi làm Chủ Sở Kiểm giá.

Sau đó một thời gian, ông Cơ gặp tôi, hỏi tôi “còn cần dùng tiền không”. Tôi ngạc nhiên, song hoặc vì ngày ấy tôi bận việc, hoặc vì tánh tôi ít muốn gây sự với ai, tôi không hỏi ông tôi “cần tiền” trong trường hợp nào, hoặc ăn hối lộ, hoặc xén bớt tiền của Sở, hoặc chia tiền thưởng với nhân viên...

Về trường hợp thứ ba nầy, phải, tôi có chia tiền với nhân viên, vì tôi có quyền hưởng một phần nhỏ

trong số tiền phạt. Ngoài ra, tôi không hà lạm công quỹ, không nhận tiền dứt lốt của ai bao giờ, bằng chẳng, mấy người kế tiếp tôi đã phanh phui ra rồi!

Ông Cơ, nếu tình cờ ông đọc mấy hàng chữ này, ông nên suy nghĩ lại mà đừng nói oan cho một bạn đồng nghiệp.

Bác sĩ Đô trưởng Trần Văn Đôn có sáng kiến lập một “Gia cư liêm giá cuộc” cất nhà rẻ tiền bán cho công chức nghèo đông con mua ở.

Sẵn đại lộ Lacaze, (nay là Nguyễn Tri Phương) còn một miếng đất trống, rộng trên mười mẫu, ông giao cho ông kỹ sư Nguyễn Ngọc Kỳ, chánh sự vụ Sở Kỹ thuật Đô thành, san bằng Sở đất ấy, vẽ bông đồ rồi chia ra nhiều lộ, gọi thầu khoán đến đấu thầu xây cất.

Về phần tôi, tôi thảo quy chế “Gia cư liêm giá cuộc”, tiếp xúc với Bộ Tài chánh và Phủ Thủ Hiến Nam Việt, ngõ hầu có số tiền cần thiết để khởi công.

Trong công tác đại quy mô này, ngân sách Đô thành đài thọ một số tiền là năm triệu đồng, Bộ Tài chính cũng giúp một số tương đương.

Tôi yết kiến ông Hồ Quang Hoài, Giám đốc Tài chánh Phủ Thủ hiến, tỏ mục đích “Gia cư liêm giá cuộc”. Ông cự nự một hồi rồi hứa sẽ đề nghị với Thủ hiến, lúc đó là ông Thái Lập Thành, chuẩn cấp cho Đô thành hai triệu bạc.

Thế là “Gia cư liêm giá cuộc” được khởi công với số tiền là mười hai triệu đồng, để cất bảy trăm

căn nhà, dài bảy thước, ngang ba thước năm, bán mỗi căn là 20.000\$, với một số biệt thự nhỏ, bán 50.000\$, hai loại đều phải trả góp trong năm năm.

Bác sĩ Đô trưởng giao tôi gói tất cả số tiền vào ngân hàng, lãnh tập chi phiếu để thanh toán cho thầu khoán.

Nếu đã xây cất được một phần, mấy ông có thể xin thanh toán. Ông Kỹ sư Kỹ chứng nhận, tôi làm chi phiếu, ông Đô trưởng ký tên trả tiền.

Cũng trong năm 1950, tôi tái bản lần thứ nhì cuốn “Nam Kỳ danh nhân” đổi tên là “Danh nhân nước nhà”; cuốn này được tái bản lần thứ nhứt năm 1948 trên giấy đặc biệt.

Nhắc lại, năm 1949 tôi có xuất bản cuốn “Tự điển dấu hỏi dấu ngã”, được Nha Học chánh Nam Việt nhận làm sách giáo khoa. Quyển tự điển nhỏ này không hay về mặt lý thuyết, song tiện lợi về mặt thực hành là, cùng trên một trương, tôi cho in đối chiếu, những chữ có luôn cả hai dấu, dấu hỏi và dấu ngã, và tùy theo dấu mà có nghĩa khác nhau.

Như chữ:

Củng (củng cố): làm cho vững chắc. Cũng (cũng vậy): như vậy. Nghỉ (nghỉ ngơi, ngồi nghỉ, nghỉ mệt). Nghĩ (suy nghĩ, nghĩ ngợi).

Năm 1951, tôi tái bản lần thứ nhất cuốn này.

Năm 1950, tháng 10, tôi theo lớp đệ nhứt niên trường Luật khoa đại học, cốt mở rộng kiến thức

kiến văn, chớ để thi cử gì, một công chức ít có ngày giờ rảnh rỗi, và năm 1950, tôi đã 45 tuổi rồi, trí nhớ không còn mau lẹ và bền dai nữa thì thi với cử làm gì cho chắc rớt!

Thế nên môn nào thích thì học, như luật hộ (Droit civil) kinh tế chánh trị (Economie Politique), mà không thích là không học, như Lịch sử Luật học (Histoire du Droit...)

Về việc cấp phát mấy căn nhà mới cất, Bargeton đề nghị làm một cái bảng có hai “cửa”: lương bổng và tình trạng gia đình.

Thí dụ một công chức hạng C có vợ, 7 con, lương tháng chỉ có 5 ngàn, chắc được ưu tiên hơn một công chức hạng B, đồng số con mà lương tháng 8, 9 ngàn đồng.

Nhưng ủy ban cũng cân nhắc cẩn thận những trường hợp tương đối đồng nhau, như lương 5.000\$ mà 7 đứa con với lương 7.000\$ mà 9 con...

Áp dụng tiêu chuẩn ấy, tôi thấy sự cấp phát cũng công bình được phần nào.

Cuối năm 1950, Bác sĩ Đôn được bổ nhiệm làm Đại sứ, Tổng thư ký Bùi Quang Ấn quyền Đô trưởng ít ngày, kế ông Lê Tấn Nẫm đảm nhiệm chức vụ ấy.

Bác sĩ Đôn cai trị Đô thành hơn hai năm, thực hiện nhiều công tác, nhứt là kiến tạo một dãy nhà lầu gần Chùa Xá Lợi bây giờ. Ông sửa đổi “đất thánh chà”, đường Hiền Vương, làm những dãy phố trệt cho nhân viên Sở Vệ sanh, và hiện nay khu

nhà Nguyễn Tri Phương sum mật, vui vẻ, đó là “đứa con tinh thần” của Bác sĩ Trần Văn Đôn, một người nhân hậu, có óc tổ chức.

Bộ Tài chánh (1951-54)

Sở Viện trợ Mỹ

Vào lối tháng năm, năm 1951, ông Nguyễn Phước Lộc, Đồng lý văn phòng Bộ Tài chánh, Tổng trưởng là ông Nguyễn Trung Vinh, xin tôi qua Bộ Tài chánh.

Thủ hiến Nam Việt, ông Thái Lập Thành, chấp thuận.

Tôi không biết trong các bạn đồng nghiệp, công chức hành chánh có ai thuyên chuyển nhiều như tôi không, riêng phần tôi, định mạng sao đưa đẩy tôi đổi chỗ quá thường!

Thủ kiểm điểm, dưới thời Pháp thuộc, từ 1928 đến 1945, Pháp bị đảo chánh, tôi làm việc đã mấy nơi:

- 1) Dinh Hiệp lý (Tòa 6) 1928
- 2) Thị xã Bạc Liêu 1932
- 3) Dinh Hiệp lý (Tòa 1) 1932
- 4) Phòng Phiên dịch 1933
- 5) Quận An Hóa 1935
- 6) Tòa bố Cần Thơ 1936
- 7) Quận Đức Hòa 1942
- 8) Tòa bố Sóc Trăng 1943

Đó, trong vòng 17 năm, gia đình chúng tôi đã

ruong trấp đi nơi nầy nơi nọ cả thầy tám lần, khi thì mình xin đổi, khi lại bị đổi đi.

Và, từ 1945 tới 1951, thay đổi mấy phen:

- | | |
|--|------|
| a) Quận Long Thành | 1945 |
| b) Tòa bố Trà Vinh | 1946 |
| c) Bộ Thông tin | 1946 |
| d) Tòa bố Chợ Lớn | 1947 |
| e) Bộ thương mại kỹ nghệ (Sở Kiểm giá) | 1948 |
| f) Đô thành | 1950 |
| g) Bộ Tài chánh (viện trợ Mỹ) | 1951 |

Trong vòng sáu năm, tôi cũng đã đổi sơ sơ bảy chỗ, cộng với 8 lần chuyển chuyển trước, vị chi là 15 lần đổi đi!

Rồi từ 1951 đến 1959 là năm tôi về hưu, tôi còn chuyển chuyển bao nhiêu nơi nữa? Nhưng đó là việc sau.

Xét lại từ ngày bước chơn vô Tòa sáu đến ngày Nhứt đảo chánh, kết quả 17 năm công vụ, chúng tôi được những gì? Thăng chức từ Huyện tập sự đến Phủ hạng nhứt, 9 đứa con, bàn ghế, quần áo, sách vở, hết.

Sau khi ở Núi Nứa về, bảy con đứa ốm đứa đau, ghẻ chốc đầy mình, tôi còn vài bộ đồ Tây cũ, quần áo Việt đều rách, sách vở cháy tiêu, tiền bạc không còn.

Đó là kết quả 17 năm công vụ!

Bây giờ phải đào tạo lại...

Ông Nguyễn Trung Vinh bổ nhiệm tôi làm Chánh sự vụ Sở Viện trợ Mỹ. Cộng sự với tôi có Lê Ngọc Diệp, Nguyễn Ảnh A và một thợ kỹ đánh máy, Lê Song Phước.

Văn phòng Tổng trưởng với Chánh văn phòng đặt ở số 10 đường Đoàn Công Bưu (Lanzaroot), còn nơi số 59 Gia long, trên lầu, cánh bên phải, là văn phòng ông Đồng lý, Nha Kế toán với Sở Viện trợ Huê Kỳ.

Ông Đồng lý với Giám đốc Kế toán là Nguyễn Phú Hải ngồi trong văn phòng, còn tôi với ê kíp tôi ngồi ngoài hàng ba sau, phía bên sân quần vợt. Nắng mưa cũng chịu, miễn làm tròn phận sự thì thôi.

Ông Đồng lý thấy tôi mỗi tuần nhiều lần nhóm họp với các Bộ khác về vấn đề viện trợ Mỹ, hoặc vấn đề khác, như Luật nhà phố... nên kiếm cho tôi một chiếc Renault nhỏ để đi làm việc.

Ủy ban Viện trợ Mỹ do ông Peer làm chủ sự. Ông là người Mỹ là mà nói tiếng Pháp trôi chảy, văn hoa hơn nhiều người Pháp mà tôi quen biết.

Tôi có khuyết điểm là thiếu kiên nhẫn: ở Cán Thơ, trong Tòa bố có nhiều nhân viên Hoa kiều, Sở Kiểm giá cũng có thông ngôn Hoa kiều, thế mà tôi không học được tiếng Khách trú để dùng.

Làm việc dưới Sóc Trăng, nhân viên tôi có anh Lâm Sisomouth, thợ kỹ người Miên, con ông Lâm Em, cựu chủ quận châu thành, tôi không học được tiếng Miên; bây giờ cộng tác với người Mỹ mà hể

gặp nhau dùng điệu nhút hai chữ “good morning” rồi thì xài rông tiếng Pháp.

Phụ tá ông Peer có Leslie Boyd, ông này thỉnh thoảng đến nhà thăm tôi, tặng mấy con tôi tạp chí Mỹ và dạy học tiếng Anh. Chúng tôi đãi ông ta ăn chả giò, ông khen ngon lắm.

Lúc ấy, Chính phủ Việt Nam đang cứu xét một vấn đề quan trọng: luật nhà phố. Chủ tịch ủy ban là Tổng trưởng Bộ Tư pháp, ông Nguyễn Khắc Vê sau ông Vê nghỉ, ông Vương Quang Nhường, Tổng trưởng Bộ Giáo dục, thế.

Trong ủy ban, tham gia nhiều luật sư người Pháp, như luật sư Couget.

Ủy ban nhóm họp nhiều kỳ, bàn cãi cũng lắm; mãi đến năm 1953, đạo luật Nhà phố mới ra đời.

Cũng năm 1951, Thủ hiến Thái Lập Thành với Tướng Chanson bị ám sát ở Sa Đéc, linh cữu quản tại Phòng Khánh tiết Đô thành.

Chúng tôi, công chức hành chánh, từng cặp thay phiên nhau canh xác một tiếng đồng hồ. Phần tôi canh từ mười một đến mười hai giờ đêm.

Ông Thành tử nạn, ông Hồ Quang Hoài thay làm Thủ hiến Nam Việt, cái rủi của người này đôi khi là cái may của người kia.

Ông Nguyễn Trung Vinh từ chức, Thủ tướng Trần Văn Hữu bổ nhiệm ông Phạm Văn Hai làm Tổng trưởng Bộ Tài chánh.

Rồi một ngày kia, không rõ vì duyên cớ chi, ông

Phạm Văn Hai ký sự vụ lĩnh rút chiếc Renault lại, không để tôi dùng đăng đi làm việc nữa. Tôi phản nản, ông hứa sẽ xét lại, cho đến khi ông nghỉ việc, ông không giải quyết gì cả!

Ông Trần Văn Hữu được Quốc trưởng Bảo Đại giải nhiệm, giao quyền ông Nguyễn Văn Tâm làm Thủ tướng.

Dĩ nhiên ông Nguyễn Văn Tâm lập Nội các khác, Phạm Văn Hai nhường chỗ cho Nguyễn Huy Lai.

Trong giới công chức, có những dư luận không hay đối với mấy chánh khách bất tài, “chầu rìa”, chờ một ghế ba chon một sớm một chiều nhờ thân thế, phe đảng, mà “vô rìa”, rồi ba chon ghế gãy một, phải “ra rìa”, chờ một cơ hội khác...

Ngoại quốc có người phê bình tình hình Việt Nam thời bấy giờ, chúng tôi nghe lấy làm khó chịu. Họ nói: “Xứ gì kỳ cục quá, rất nghèo, ngân sách thiếu hụt, sống nhờ ngoại viện, nhờ ngân hàng quốc gia, mà mấy ông Tổng trưởng đều là cự phú!”

Sở Nhân viên

Văn phòng ông Nguyễn Huy Lai do ông Lê Tài Cường làm Đồng lý, ông Đào Xuân Dung làm Chánh văn phòng. Văn phòng cũng vẫn ở số 10 đường Đoàn Công Bửu, còn Nha Kế toán và vật liệu với Sở Viện trợ Mỹ ở chỗ cũ, số 25, Gia long.

Ông Tổng trưởng bành trướng Sở Viện trợ Mỹ, đem ông Nguyễn Quang Nhạ từ Bắc vô làm Tổng

Quản trị Viện trợ Mỹ (Administrateur Général de l'Aide Américaine), điều khiển Sở tôi.

Tôi bực bội muốn xin đổi trở về với Thủ hiến Nam Việt.

Được biết ông Tổng trưởng cần dùng một Chánh sự vụ cho Sở Nhân viên, tôi xin đảm nhiệm chức vụ ấy và được chấp thuận.

Lúc bấy giờ, Bộ lập thêm một Nha Tổng thư ký, giao cho ông Thân Trọng Lạc chỉ huy. Em ông Tổng trưởng là Nguyễn Huy Trân làm Giám đốc Nha Ngân sách, ông Nguyễn Xuân Quang, Giám đốc Thuế vụ, ông Nguyễn Thuận với ông Đỗ Văn Công, Chánh sự vụ hai Sở Kiểm soát ước chi.

Bộ Tài chánh tổ chức lại đảng hoàng, mỗi Nha Sở được nhiều nhân viên, chiếm gần trọn Tòa nhà dùng làm Bộ Kinh tế hiện nay.

Là Chánh sự vụ Sở Nhân viên, tôi thường dự Ủy ban thăng thưởng ở các Bộ kia. Tôi binh vực công chức có gia đình đông con; trong trường hợp hai ba công chức được đề nghị thăng cấp và phiếu điểm tương đương nhau, tôi xin ủy ban dành ưu tiên cho người đông con hơn hết.

Thành thử ông kỹ sư Nguyễn Văn Thạch, Đồng lý văn phòng Bộ Công chánh, tặng tôi cái bí danh là “người binh vực gia đình đông con”.

Đầu năm 1953, tôi được thăng Đốc phủ sứ đặc hạng, song cái rủi theo liền cái may, là tháng năm,

năm ấy, đứa con gái thứ tư tôi, học lớp tú tài, đau mười hai tiếng đồng hồ mà chết.

Ba bốn ban Hộ niệm Phật giáo đến tụng kinh siêu độ suốt hai ngày đêm. Ông Đồng lý văn phòng Bộ Tài chánh với đa số nhân viên thay mặt ông Tổng trưởng đến phúng điếu và, ngày tống táng, ông Tổng trưởng phái bí thư ngồi xe theo đưa đến phần mộ. Sau ngày ấy, các con tôi nói rằng dư âm tiếng tụng kinh niệm Phật của mấy ban Hộ niệm còn vọng vẳng bên tai.

Thủ tướng đãi tiệc

Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm thiết tiệc trọng thể đãi các Tỉnh trưởng và cũng mời công chức cao cấp hành chánh Sài Gòn đến dự. Hẳn thực đơn gồm toàn món ngon vật lạ lắm rồi, song anh Mai Thọ Truyền với tôi trường trai, chỉ dùng toàn... bánh mì, xà lách, uống xô đa.

Tiệc mãn, Thủ tướng đi một vòng hỏi chuyện riêng từ người tỉnh hình trong tỉnh, gặp tôi với anh Nguyễn Văn Báu láng vảng đầu đó, ông chỉ chúng tôi nói: “Còn chú Báu, chú Đào nầy chưa làm chủ tỉnh, phải cho hai chú đi tỉnh mới được”.

Anh Báu cự nự rằng anh giúp việc trong Bộ cũng có hiệu quả không kém gì ở tỉnh, tùy khả năng anh, chớ nếu đi tỉnh mà anh không thích cũng không thành công... Tôi chỉ mỉm cười mà không nói. Ông Thủ tướng xẵng giọng đáp: “Vous không thành công thì Chánh phủ cách chức vous!”

Ông Nguyễn Phước Lộc, Đồ trưởng, trùng anh Báu: “Anh Tâm ảnh nói gì ảnh nói, cứ làm chi cho ảnh nổi giận”.

Năm 1953, tôi soạn một cuốn sách nhan là “Danh từ kinh tế và tài chánh” (Lexique des termes économiques et financiers), danh từ Pháp dịch ra Việt ngữ. Tôi trình bản thảo ông Nguyễn Huy Lai xem và xin ông nâng đỡ. Ông khen tặng, trợ cấp tôi 10.000\$ để xuất bản. Tôi in 2.000 cuốn, biểu quý vị Tổng trưởng và một số đồng nghiệp, được các ông khuyến khích và một ông Giám đốc... xé bỏ giỏ rác.

Ồ đời, hành động của mỗi người, hay hay dở, đều có kẻ khen người chê, đổ ai tránh khỏi. Tôi nghe, trong đàn anh của tôi, vài người phê bình: “Chú Đào đó được viết vài cuốn sách nhỏ, chớ làm việc làm dàng có hay ho gì đâu!”

Phải, tôi chỉ là một công chức hành chánh tầm thường, song phận sự làm xong, tôi hay tìm tôi viết lách, để thỏa mãn sở thích và để giúp ích phần nào, chớ chẳng phải vì quá ham danh ham lợi.

Được đồng bào có cảm tình khuyến khích, tôi in sách kỳ nào bán hết kỳ nấy, và nhiều giới nói rằng “chỉ nghe tên ông Đ.V.H. soạn giả ‘Điều lệ sở công nho làng,’ ‘Công việc làng, Nam Kỳ danh nhân,’ ‘Tự điển dấu hỏi dấu ngã’... chớ không biết ông Đ.V.H. Đốc phủ sứ”. Lời nhận định ấy là một phần thưởng quý giá đối với tôi. Ngoại trừ ông Dương Tấn Tài là tác giả quyển “La part de l’encens et du feu” (Phân hương hỏa) bằng Pháp văn, và anh Mai Thọ Truyền

sáng tác nhiều sách về Phật giáo, còn bao nhiêu công chức cao cấp hành chánh rất thông minh, giỏi Pháp văn lẫn Việt văn, học rộng biết nhiều, mà nào có thấy lưu cho đời một công trình văn học nghệ thuật gì đâu! Ta phải can đảm nhận rằng đa số công chức cao cấp hành chánh thời Pháp thuộc mang cái thành tích bất hảo là “nịnh tây, hống hách và... hối lộ” bị bao nhiêu là oán hận và chê bai. Cho nên, hễ có cơ hội làm tham quan ô lại gặt hái cái quả khổ do nhân dữ họ đã gieo!

Tôi không vợ đưa cả nắm, vì không ai phủ nhận rằng nhiều viên quan hành chánh Việt Nam đạo đức thanh liêm được đồng bào kính mến.

Bộ Kinh tế (1954-55)

Sở Ngoại thương

Thời cuộc biến chuyển, đất nước qua phân.

Đầu năm 1954, ông Bửu Lộc thay thế ông Nguyễn Văn Tâm lập Nội các; ông Dương Tấn Tài thay ông Nguyễn Huy Lai làm Tổng trưởng Tài chánh. Kế ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam chấp chánh, tru di cư một phần đồng bào đất Bắc vào Nam.

Ông Dương Tấn Tài nhường chỗ cho ông Trần Hữu Phương, ông Lương Trọng Tường làm Tổng trưởng Bộ Kinh tế, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Khải làm Tổng giám đốc Nha Ngoại thương. Ông này qua Bộ Tài chánh tìm thêm người cộng sự. Tôi tình

nguyện cộng tác với ông, không phải Bộ Kinh tế là nơi dễ làm giàu, song ngồi một chỗ đã lâu năm, giờ cũng muốn đổi.

Sau hai ba phen do dự, ông Trần Hữu Phương mới chấp thuận cho tôi đi, vào tháng chín năm đó. Ông Khái giao tôi đảm nhiệm Sở Ngoại thương, thế ông Lê Văn Khê được giao hoàn về Tòa Đại biểu Nam Việt.

Vì năm 1954, Chánh phủ Ngô Đình Diệm bãi bỏ Phủ Thủ hiến Nam Việt, lập Tòa Đại biểu và bổ nhiệm Dục sư Trần Văn Lắm vào chức ấy.

Nhắc lại, đầu năm 1953, chúng tôi mua được một chiếc xe hiệu Citroën để đi làm việc và đưa mấy đứa con tôi đi học.

Đến Sở Ngoại thương, tôi tuyên bố với nhân viên rằng tôi tới đây bằng chiếc xe nhà đã mua hơn một năm, chớ không phải nhờ Sở này để sắm xe hơi.

Tôi bắt tay vào việc, chủ tọa những cuộc đấu thầu nhập cảng. Hai cái tù lớn đựng đầy nhóc bao thơ đấu thầu mà không biết từ bao nhiêu lâu, ông cựu Chánh sự vụ không giải quyết, chẳng khác trường hợp hỏi tôi với anh Khuê nhận việc ở Tòa sáu, thọ hưởng cái di sản mấy trăm hồ sơ khiếu nại về thuế vụ chưa xét tới.

Di nhiên ở Sở Ngoại thương, tôi được thương gia “chiếu cố”, lớp trong Sở, lớp lại nhà, song tôi chỉ... lấy công tâm mà làm việc, vả lại mỗi phiên đấu thầu đều có một ủy ban đến dự, gồm có Tổng thư ký phòng thương mại Pháp, Tổng thư ký phòng

thương mại Việt Nam, một Pháp kiều nữa tôi quên không biết giữ chức vụ gì, với tôi là Chánh sự vụ.

Nơi đây, một sổ sách “Danh từ kinh tế và tài chánh” tôi đem qua, thương gia họ mua mấy ngày là hết sạch.

Phụ tá ông Khải, ngoài tôi còn có Bùi Thiên Hùng, Chánh sự vụ Sở Nội thương, Nguyễn Hữu Chì, Chánh sự vụ Pháp chế.

Hiện nay, ông này là Đại sứ Việt Nam nơi Mỹ quốc.

Sở ngoại thương không có gì rắc rối, chỉ bên Nội thương (Commerce intérieur) với sự cấp phát ngoại tệ trực tiếp (Attribution directe de devises) làm cho giữa văn phòng ông Tổng trưởng với Tổng Nha Ngoại thương nảy sinh những sự hục hặc.

“Cấp phát ngoại tệ trực tiếp” là như thế nào? Các nước bạn thừa nhận nước Việt Nam độc lập với mục đích giúp đỡ xứ này khếch trương kinh tế, mỗi năm giúp một số ngoại tệ đăng nhập cảng ngay hàng hóa của họ, như Mỹ giúp Mỹ kim, Anh, Pháp, Ý, Đức, Bỉ, Na Uy, Thụy Điển thì giúp ngoại tệ nước họ. Thương gia đệ đơn với Bộ thương mại và kỹ nghệ, đổi tên là Bộ Kinh tế quốc gia, cấp phát cho một số ngoại tệ để nhập cảng ngoại hóa.

Thường thì ông L.T.T. Tổng trưởng, chấp thuận, văn phòng ông chuyển đơn xuống Tổng Nha để thi hành.

Ông Tổng Giám đốc xét lại và, hoặc thương gia

họ xin một số quá cao, hoặc số xin của hai ba người tổng cộng trội hơn số ngoại tệ hiện hữu, thí dụ số đồng quan Ý là một triệu “lires” mà thương gia xin đến một triệu rưỡi, một triệu tám thì đào đầu ra tiền đăng thỏa mãn cho họ.

Vậy ông Tổng Giám đốc nhóm ủy ban xét mấy đơn ấy, rồi, hoặc không cấp phát, hoặc xén bớt đi.

Thế là văn phòng ông Tổng trưởng không hài lòng và mỗi lần ủy ban nhóm họp, ông Tổng phải bí thơ xuống quan sát cách ủy ban làm việc.

Có lần, ông Tổng Giám đốc với ông Bí thơ to tiếng cãi nhau, chẳng qua “vì tiền”.

Cuối tháng chạp 1954, Tổng Giám đốc công du một tháng ở Nhật bản, ông đề nghị tôi xử lý thường vụ.

Ông Tổng trưởng đề nghị lên Quốc trưởng ân thưởng Bảo quốc Huân chương cho một số nhân viên. Do Sắc lệnh ngày 8 tháng 4 năm 1955, tôi với ông Huyện Phương Văn Mười được ân thưởng Đệ ngũ hạng Bảo quốc Huân chương.

Thời gian tôi phục vụ dưới Sóc Trăng, Barthel có đề nghị thưởng huy chương “Chevalier de l’Ordre Royal du Cambodge” của Hoàng gia Cao Miên và “Chevalier de l’Ordre des Millions d’Eléphants” của Lào quốc, song tôi không được chiếc nào cả.

Nay, sau hai mươi sáu năm công vụ, tôi mới được chiếc Bảo quốc Huân chương là huy chương duy nhất trong đời công chức tôi và là huy chương cao nhất của Chánh phủ Việt Nam.

“Cái hành lang cám dỗ” — “Le corridor de la tentation”

Tháng tư, năm 1955, quân lực quốc gia tấn công lực lượng Bình xuyên.

Tôi không hiểu vì duyên cớ nào, ông Tổng trưởng Kinh tế, ông L.T.T. bỗng dưng đi mất.

Vài ngày sau, Đồng lý văn phòng cũng vắng mặt luôn. Trước khi đi, ông Tổng trưởng chấp thuận cấp phát ngoại tệ cho một mớ đơn của thương gia.

Ông đi rồi, Bí thư ông ôm xấp đơn ấy xuống Nha Ngoại thương yêu cầu tôi thi hành.

Tôi xem sơ vài cái rồi trả lại cho Bí thư, rằng khó cho tôi thỏa mãn mấy đơn này. Thượng cấp tôi, ông Tổng trưởng, Đồng lý văn phòng, và Tổng Giám đốc đều vắng mặt cả thì ai chịu trách nhiệm trong vụ này, mặc dầu tôi quyền Tổng Giám đốc nhưng tôi chỉ là Chánh sự vụ Ngoại thương mà thôi, tôi không dám lãnh trách nhiệm.

Ông Bí thư ôm cặp đi.

Một ngày sau, ông đến nhà tôi vào giữa trưa, yêu cầu, nài nỉ, và dùng một lý lẽ mạnh mẽ, đối với người non dạ yếu lòng. Ông nói:

- Đã có chữ ký chấp thuận của ông Tổng trưởng, anh còn sợ nỗi gì? Và lại, sẽ có “phần” anh trong này mà!

Tôi lắc đầu đáp:

- Phải chi ông Tổng trưởng còn ngồi đó thì lệnh ông truyền ra tôi thi hành liền, hiện nay ông đi

đâu không ai biết thì, nói thật ông đừng buồn, tôi không dám thỏa mãn mấy đơn này.

Đường như ông Bí thơ giận lắm, song ông không lay chuyển tôi được, đành chịu.

Một tuần sau, Tổng thống Ngô Đình Diệm bổ nhiệm ông Trần Hữu Phương làm Tổng trưởng Kinh tế thay thế ông L.T.T.

Việc làm đầu tiên của ông tân Tổng trưởng là bảo tôi trình sổ ngoại tệ ông xem. Không có gì lộn xộn.

Nếu tôi làm càng đặng vừa lòng ông Bí thơ, hầu có hưởng “phần” mình thì lúc này ăn làm sao nói làm sao với ông Tổng trưởng Trần Hữu Phương?

Bạc triệu không đổi lấy danh giá mình được.

Sau này, gặp vài thẩm phán quen trên Pháp đình, tôi thuật chuyện ấy các ông nghe và kết luận: “Phải tôi cấp ngoại tệ ‘ầu’, theo lời yêu cầu ông Bí thơ, chắc tôi đã vào Chí hòa nghỉ mát”!

Tòa Đại biểu Nam Việt (1955)

Ông Tổng Giám đốc đi công cán bên Nhựt về, đề nghị bổ nhiệm một nhân viên trẻ tuổi có bằng “Cao đẳng thương mại” làm Chánh sự vụ ngoại thương thay thế tôi được giao hoàn về Tòa Đại biểu Nam Việt.

Sao cũng được, về thì về!

Lúc cần dùng, họ mời mình tới, họ tìm được

người hay người giỏi thì mình phải tuân theo luật đào thải tre tàn măng mọc chớ sao!

Ông Đại biểu Chánh phủ Trần Văn Lắm cho tôi ngồi chung một gian phòng với các ông Nguyễn Văn Lễ, Bùi Quang Ân, Trần Văn Mỹ, những công chức hành chánh không có phận sự nhứt định, chỉ làm công tác đặc biệt Chánh phủ giao phó cho thôi, có thì làm, không có, ngồi chơi xơi nước.

Không làm Chánh sự vụ thì tôi làm sách.

Tôi có ý định viết chung vào một quyển sách sự nghiệp cách mạng, kháng chiến của ba nhà chí sĩ họ Phan, tức Phan Đình Phùng, Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu.

Tôi liên lạc với ông Đào Trinh Nhất, xin được dùng tài liệu trong quyển Phan Đình Phùng của ông. Ông phúc đáp bằng một bức thư dài, sẵn lòng thỏa mãn lời tôi thỉnh cầu.

Với những tài liệu thâm thập nơi khác về Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, tôi viết thành một quyển sách: “Ba nhà chí sĩ họ Phan: Phan Đình Phùng, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu”. Tôi trao bản thảo cho vài bạn làng văn duyệt lại, rồi năm 1955, cuốn “Ba nhà chí sĩ họ Phan” ra đời.

Bộ Cải cách điền địa (1955-56)

Vào tháng bảy tháng tám năm nầy, Bộ Cải cách điền địa lập một Cơ quan với mục tiêu cho nông dân vay tiền, do ông Nguyễn Văn Diệu làm Quản trị viên.

Ông xin một số công chức hành chánh phụ tá ông: Trần Văn Kỳ, Nguyễn Văn Đình, Trương Văn Long với tôi.

Đầu tiên, ông Quản trị viên định bổ nhiệm ông Kỳ làm Chánh kiểm soát viên, tôi với Đình, Long làm Kiểm soát viên, xuống đồng điền kiểm tra nông dân làng dùng đúng chỗ số tiền Chánh phủ cho họ vay hay là... đá gà, cò bạc.

Không rõ sao sự bổ nhiệm này không thành tựu, và tôi với Đình, Long ở lại văn phòng phụ tá Quản trị viên, công việc làm không có gì nặng nhọc.

Văn phòng chúng tôi đặt trong một biệt thự lâu đường Công Lý, ngang Pháp đình và hiện nay là văn phòng Tổng thư ký Tối cao Pháp viện. Chúng tôi ngồi chung với Quốc gia Nông tín cuộc, ông Ngô Quang Huy làm Giám đốc.

Lúc này, trong các Nha Sở đã khởi sự học tập tổ Cộng, với những đề tài tầm thường như phòng gian, bảo mật, mưu mô Cộng sản...

Tháng 10, Bộ Thông tin tổ chức cuộc Hội thảo tại Phòng Hội đồng Tòa Đô chánh, tựu họp đại diện các Bộ để học tập chánh trị. Trong chương trình, đề tài cải cách điền địa được ghi và tôi thuyết trình về việc giúp đỡ nông dân bằng tiền bạc, trâu bò để canh tác, diện tích ruộng nương đã trồng trọt.

Một khi, ông Nguyễn Hữu Châu, Bộ trưởng Phủ Tổng thống đến Bộ Cải cách điền địa, nói về thực hành chương trình Cải Sản. Cải Sản là một vùng sinh lầy nước đọng nằm giữa Long Xuyên Rạch

Giá, diện tích mấy ngàn mẫu tây, chưa trồng lúa được. Nhiệm vụ Bộ Cải cách điền địa là khai kinh xẻ rãnh, tháo nước vùng ấy cho nó trở thành đất khả dĩ canh tác.

Nguyễn Hữu Châu vốn là luật sư, nói năng hoạt bát, hấp dẫn, thánh giá thích nghe.

Nha Cự chiến binh (1956-57)

“Sở Dành việc làm”

Bộ Cải cách điền địa, Nha Quản trị giúp đỡ nông dân, chúng tôi không có gì làm, ngoại trừ học Anh văn và Tổ Cộng.

Công việc buồn tẻ, hơi chán. Tôi hay tin anh Võ Văn Đánh là Tổng thư ký Nha Cự chiến binh sắp về hưu, tôi đến tìm Đại tá Bùi Văn Hai là Tổng Giám đốc Nha Cự chiến binh, anh Đánh là cộng sự viên của ông.

Xin nhắc lại anh Võ Văn Đánh là cựu chủ quận Kế Sách lúc tôi ở Sóc Trăng. Nhứt đảo chánh, anh lên làm chủ tỉnh. Quân đội Pháp trở lại, anh được bổ nhiệm chủ tỉnh Trà Vinh.

Tôi xin cộng sự với Đại tá Hai sau khi anh Đánh hồi hưu. Ông bằng lòng, song thủ tục hành chánh dây dưa đến tháng ba năm 1956, tôi mới qua Nha Cự chiến binh.

Bây giờ thay đổi không khí, tôi tiếp xúc với nhân viên trong quân đội. Một sự kiện mới lại xảy ra, là Bộ Quốc phòng bãi bỏ Tòa Tổng thư ký nơi Nha Cự chiến binh vì không cần thiết. Thế là tôi

đã không có gì làm ở Bộ Cải cách điền địa, lại hóa thành “thất nghiệp” ở Nha Cự chiến binh.

Đại tá Hai cho tôi tạm ngồi nơi dãy nhà thấp ở Đại lộ Thống nhất, ngồi chung với Trung tá Nguyễn Đắc Lộc và yêu cầu chúng tôi làm Cố vấn cho ông vì lúc bấy giờ Nha ông có mấy Sở như sau, mỗi Sở đều có chánh sự vụ:

- Sở Hành chánh và kế toán, chánh sự vụ: ông Nguyễn Văn Minh;

- Sở Pháp chế, Lê Văn Nham.

- Sở Huu bổng và trợ cấp tử tuất: Dương Xuân Lăng.

- Sở Dành việc làm: Cao Hữu Đồng.

- Sở Phế binh: Nguyễn Xuân Quế.

Trung tá Nguyễn Đắc Lộc trước là Chánh văn phòng của Hồ Thông Minh, Bộ trưởng quốc phòng, bây giờ làm Cố vấn cho Đại tá Hai. Trung tá người nhỏ nhả, học thức rộng, có bằng Cử nhân Toán pháp, lại giỏi Hán văn, viết Việt văn trôi chảy. Tôi lấy làm sung sướng mà được gần ông để trao đổi ý kiến.

Thình thoảng, Đại tá Hai đưa những vấn đề về Cự chiến binh yêu cầu chúng tôi nghiên cứu và, mỗi tháng vào ngày 3, chúng tôi nhóm họp một lần.

Đại tá Hai người vui vẻ tử tế, chánh văn phòng ông là nhà văn Đái Đức Tuấn, biệt hiệu Tchya (Tôi chẳng yêu ai? Tôi chưa yêu ai?), tác giả quyển tiểu thuyết đường rừng rùng rợn “Thần hổ xám”. Ông Tchya được đồng hóa chức Đại úy.

Bí thư Đại tá Hai là Trung úy Nguyễn Long Y, giỏi Anh văn. Lần nọ, một nhóm nhân viên Nha khác bộ Quốc phòng đến thuyết trình về đề tài “Tổ chức Cộng sản”.

Trung úy thuyết trình viên nói năng hoạt bát, tài liệu cũng khá dồi dào. Va thuyết trình độ một tiếng đồng hồ xong. Đại úy Tuấn lên nói về “Luật thừa trừ” (Loi des compensations), “Luật mâu thuẫn” (Loi des contradictions) và gì gì nữa đó.

Ai nấy đều nhìn nhau ngơ ngác.

Đại úy Tuấn xuống, tôi vượt ông ta một câu: “Đại úy ăn nói hùng hồn quá!”

Ông nghiêm nét mặt, nói: “Phải nói cho chúng biết.

Tôi cười thâm: biết cái gì?

Phen khác, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đến thuyết trình cho quân đội nghe. Ông nói về vấn đề gì mà có “totem” (bái vật). Nhiều sĩ quan không thích kéo ra ngoài nói chuyện.

Vào lối tháng sáu năm 1956, ông Cao Hữu Đồng sang Mỹ học về hành chánh. Đại tá Hai giao phó cho tôi Sở Dành việc làm (Service des Emplois réservés), có nhiệm vụ giới thiệu việc làm cho cựu quân nhân.

Văn phòng chúng tôi đặt ở Đại lộ Trần Hưng Đạo, số 341, trụ sở Cảnh sát công lộ hiện thời.

Tôi mới đến đã gặp phải cuộc thi đánh máy của Cựu chiến binh. Tôi làm chủ tịch ban Giám thị do

Nha Công vụ phải đến, mượn một lớp học trường Cầu Kho cho thí sinh thi mấy bữa.

Chúng tôi chỉ mượn được có ba mươi máy, mà số thí sinh đến mấy trăm nên phải chia ra làm nhiều đợt.

Hết thi xong một đợt là tôi cho số trên bài thi và trên phách, theo thủ tục thường áp dụng, rọc phách bỏ vào phong bì nhỏ, để bài thi trong phong bì to, gấn xi (cire à cacheter) tử tế rồi giao cho Đại tá Hai là chủ tịch Hội đồng khảo thí.

Mỗi ngày, cựu chiến binh đem hồ sơ đến Sở Dành việc làm đông đúc nhưng nhu cầu nhân viên các Bộ các hãng tư có hạng, nên chúng tôi giới thiệu không đáng bao nhiêu, và cựu quân nhân thường không có khả năng chuyên môn.

Để tuyển chọn thí sinh cựu chiến binh vào làm trong các Bộ, Nha Công vụ đưa ra một tiêu chuẩn: hạ sĩ quan có bằng Thành chung (Diplôme de fin d'Etudes complémentaires), Cao tiểu Pháp (Brevet Elémentaire), bằng Trung học đệ nhất cấp Pháp hay Việt Nam (Brevet d'Etudes du Premier cycle) được sắp vào ngạch thợ ký miễn thi. Sĩ quan có bằng Tú tài Pháp hay Việt được nhập ngạch Tham sự (commis) miễn thi.

Chúng tôi tranh đấu cho những sĩ quan giải ngũ, không có cấp bằng, muốn vào ngạch hành chánh, được sắp theo ngạch trật xứng đáng với chức vị của họ trong quân đội, nhưng Tổng Nha Công vụ không chấp thuận.

Một khi, một cựu chiến binh đem hồ sơ đến xin việc làm, chừng như là cấp “úy” hay “tá” chi đó. Sau khi giải thích ông ấy nghe mà ông không hài lòng, nhân viên phụ trách việc thu hồ sơ bức mình nói một câu: “Nếu không có cấp bằng thì khi ra dân sự, ông cựu đại tá với anh lính ‘đơ dèm cùi bắp’ (2e classe, binh nhì) cũng đồng một tình trạng như nhau”.

Đương sự nổi giận lên méc với Đại tá Hai, cậu nhân viên hồn xược bị rầy như gió táp mưa sa, vì nói năng thiếu lễ độ.

... Cộng sự viên với tôi có Đại úy Trần Bá Hạng, giải ngũ được sắp vào ngạch Tham sự. Ông Hạng có khả năng, đầu chúng chỉ một Luật khoa Cử nhân, thạo viết văn hành chánh, tánh tình điềm đạm, mặc dầu còn trẻ tuổi.

Tôi có ba người phụ tá nữa là Trung úy Vũ Như Môn, thiếu úy Nguyễn Kiên với ông phán Vương Trọng Ty.

Kế đó là mười mấy người thư ký. Với tầm hoạt động không rộng rãi bao nhiêu, tôi nhận thấy số nhân viên như vậy là quá nhiều!

“Liên đoàn công chức cách mạng quốc gia”

Thuở ấy, tất cả công chức đều phải lập thành “Liên đoàn công chức cách mạng quốc gia”, không phải để đòi hỏi gì với Chánh phủ, mà chính để cách

mạng bản thân, sửa đổi lề lối làm việc, trung thành với Chánh phủ và siêng cần chức vụ. Mỗi Nha Sở có một chi đoàn, từng quyền Liên đoàn Trung ương, và bầu một chủ tịch chi đoàn.

Văn phòng Nha Cựu chiến binh với Sở Hành chánh kế toán lập một chi đoàn; họ cử ông Chuyên làm chủ tịch. Sở Hưu bổng, ông Dương Xuân Lăng đắc cử chủ tịch. Hai sở phế binh và Dành việc làm lập chung một chi đoàn, và chúng tôi cử ông Nguyễn Xuân Quế làm chủ tịch.

Nha Cựu chiến binh có lập ở Vũng tàu một tòa nhà đồ sộ lấy tên là “An dưỡng đường” để thương phế binh nghỉ mát, và nơi ấy cũng dạy nghề cho cựu quân nhân.

Lại có một Sở gọi là “Trung tâm chỉnh hình” do Bác sĩ Thiếu tá Lê Văn Thông làm Chánh sự vụ, mục đích là tạo chơn tay giả, giúp phế binh tìm lại phần nào sự sống bình thường.

Trong thời gian tôi giúp việc Nha Cựu chiến binh, tôi có tiếp xúc với Nha chiến tranh tâm lý, nhờ Nha này mua giúp một số sách “Ba Nhà chí sĩ họ Phan”, phổ biến cho anh em binh sĩ xem giải trí.

Ông Giám đốc chấp thuận mua vài ngàn cuốn.

Thế thường, sách bán cho các công sở đều tăng giá gấp đôi, song trái lại tôi giảm 20 %.

Sau đấy, cháu tôi, một sĩ quan Nha quân cụ nói rằng đi đâu cũng thấy quyền “Ba nhà chí sĩ họ Phan” của soạn giả ĐVH.

Bộ Y tế (1957-59)

Nha hành chánh, nhân viên và tài chánh

Năm 1957, vào lối tháng tư, ông Trần Ngọc Thạch, Giám đốc Nha hành chánh, nhân viên và tài chánh Bộ Y tế, đã đến lúc về hưu, giới thiệu tôi với bác sĩ Cao Xuân Cẩm, Đồng lý văn phòng, cho tôi đến thế ông.

Như như ban đầu ông Bộ trưởng Trần Vũ không muốn có Giám đốc và định làm việc ngay với ba ông chánh sự vụ hành chánh, nhân viên và tài chánh. Sau một thời gian thí nghiệm, chừng như ông thấy cần dùng một Giám đốc nên một buổi chiều, ông Trần văn Đất, Giáo đốc Nhà quản trị nhân viên, Tổng Nha Công vụ, gọi điện thoại bảo tôi “chuẩn bị lên đường”, và cho Đại tá Hai hay.

Ông nầy lại ngăn trở, rằng nếu tôi đi làm Tỉnh trưởng thì ông cho đi, nhược bằng thuyền chuyển đến một Nha Sở khác ở Sài Gòn thì ông không thuận.

Tôi phải đi tới đi lui, ngoại giao với ông nhiều lần, sau rồi ông cũng chấp thuận.

Tôi giao việc cho Cò mi Trần Bá Hạng. Đại tá Hai thiết một tiệc đãi tôi tại nhà hàng O'Dakar (Dakao), nhiều nhân viên đến dự.

Tiệc mãn, cùng nhau ra về, ông không nói một lời từ giả.

Tôi đến nhận việc ở Bộ Y tế đầu tháng chín năm 1957.

Đầu tiên, tôi yết kiến ông Bộ trưởng Trần Vỹ, người còn trẻ, độ 36, 37 tuổi, điềm đạm, giáo sư dạy trường Đại học Y khoa. Ông có bằng Thạc sĩ y khoa và đỗ cả Tiến sĩ khoa học. Vợ ông cũng là Bác sĩ y khoa.

Bác sĩ Cao Xuân Cẩm, Đồng lý văn phòng, năm mươi tuổi, mặt mày thông minh, có nhiều sáng kiến.

Bác sĩ Lê Văn Khải là Tổng Giám đốc Y tế và bệnh viện, người mập mạp, hiền từ.

Lại có nhiều bác sĩ đảm nhiệm những Sở chuyên môn và Bác sĩ Võ Duy Thạch làm Thanh tra y tế.

Cộng sự với tôi có ba ông Chánh sự vụ, ngạch Đốc sự hành chánh: ông Nguyễn Tất Đắc, phụ trách Pháp chế, ông Nguyễn Văn Trước, chánh sự vụ Nhân viên và ông Ngô Xuân Tích hay về việc Tài chánh.

Tôi đến được vài tháng thì ông Trước về hưu, ông Ngô Xuân Tích qua Nhân viên và ông Bửu Hương, Tham sự, đến Sở Tài chánh.

Thấy Tòa nhà của Bộ u tối, vì nhiều phòng nhỏ hẹp, lại hồ sơ cũ chất đầy cả một gian phòng, ông Đồng lý với tôi bắt tay vào việc sửa sang cho sạch sẽ vền vang (gọn gàng, vén khéo).

Hồ sơ tàng trữ lâu năm được đưa ra mấy gian phòng sau Bộ; chúng tôi sửa đổi các phòng làm việc rộng rãi, thoáng khí, quét nước vôi, lập thêm một Sở Thanh tra Bào chế.

Viếng bệnh viện các tỉnh

Ông Ngô Xuân Tích đề nghị cùng tôi viếng các bệnh viện Trung phần, trước liên lạc với Bác sĩ Giám đốc, hầu biết nhu cầu của họ mà thỏa mãn, sau mục kích giang san cẩm tú nước non nhà.

Tôi bảo chọn một thơ ký có khả năng theo chúng tôi, ghi chép những điều tai nghe mắt thấy, đăng khi về báo cáo ông Bộ trưởng lâm tường. Nguyễn Đức Phụng, một nhân viên trẻ tuổi Sở Tài chánh được chỉ định.

Ban sơ, chúng tôi viếng Phan Thiết, Phan Rang và Nha Trang vào tháng 11, năm 1957.

Khởi hành ở Sài Gòn hồi năm giờ ruổi sáng, chúng tôi, ông Ngô Xuân Tích, Nguyễn Đức Phụng, Lê Văn Thọ với tôi (Thọ nghỉ phép hàng niên, theo viếng Nha Trang cho biết), đến Phan Thiết hồi chín giờ, trải qua 198 cây số ngàn.

Vào phần nhứt châu thành là phần kỹ nghệ nực mùi nước mắm, chúng tôi ghé quán uống ly cà phê rồi qua bệnh viện.

Bác sĩ Giám đốc mừng rỡ tiếp đón, bảo quản lý trình sổ sách chúng tôi xem, nhưng chúng tôi nào có phải thanh tra đâu mà xét.

Viếng bệnh viện xong, Bác sĩ yêu cầu chúng tôi trình ông Bộ trưởng rằng ông xin Bộ chuẩn cấp cho ngân khoản một triệu đồng dựng cất nhà hộ sinh trong bệnh viện.

Đoạn chúng tôi thăm ông Tỉnh trưởng. Ông tỏ bày việc phát triển y tế trong tỉnh mình.

Chiều, chúng tôi trở lại bệnh viện, Bác sĩ Giám đốc hướng dẫn chúng tôi đi Mũi Né, nơi làm nước mắm ngon. Tôi ngồi chung với Bác sĩ một chiếc Station Wagon do Bác sĩ lái, ông Tích, Phụng với vài nhân viên y tế ngồi chiếc xe của Bộ.

Từ quan lộ đến Mũi Né dưới mé biển phải đi trên con đường mòn lối 11 cây số đầy những cát, quân đội lót vỉ sắt, xe chạy lên trên. Hai bên đường nhà cửa san sát. Bãi biển rất dài, nực mùi phân cá và nước mắm.

Tại sao gọi là Mũi Né?

Ngày xưa, kể từ Bình Định sắp vô Phan Thiết là đất đai dân tộc Chiêm thành. Dưới sức Nam tiến mãnh liệt của dân tộc Việt Nam, dân Chăm rút vào rừng sâu lần lần chịu diệt vong. Một số ít về Nha Trang, Phan Rang xây dựng “Xóm Hời” sống dưới sự che chở của Nam triều.

Trong khi ấy có một “Nà Né” Chiêm thành (theo tiếng Chăm, Nà Né có nghĩa là Công chúa) không chịu rời quê cha đất tổ, cùng một nhóm đồng bào trung tín đến một mũi đất nhô ra biển xây dựng một tòa nhà để sống ẩn dật, có ý mượn nhạc điệu trầm hùng gió gào sóng vỗ để an ủi kiếp sống thừa của một Nà Né mất nước.

Đến khi người Việt Nam đến Phan Thiết sống về nghề hạ bạc, họ được người cổ cự thuật lại cho nghe.

Thế là từ đó, mỗi khi nói đến Mũi đất vô danh ấy, người ta thường truyền khẩu với nhau: “Ta mũi đất Nà Né”.

Lần lần, họ rút ngắn là Mũi Nà Né. Giản tiện hơn nữa, họ gọi là “Mũi Né” cho đến ngày nay.

Trên đường về, xe tôi với Bác sĩ đang chạy ngon trớn với tốc độ khá mau, bỗng chiếc cam nhông chạy đằng trước chúng tôi thỉnh linh thắng gấp.

Tai nạn thấy trước mắt, Bác sĩ bẻ lái qua tay hữu, nhảy xuống ruộng (may đám ruộng khô) chạy một đổi và ba mươi thước, tìm chỗ bờ thấp leo lên đường.

Ông ngó tôi cười hỏi: “Hỏi này, Cụ có hết hồn không?”

Tôi đáp:

- Không bao nhiêu, tôi tin chu thân gia hộ và tài lái xe của Bác sĩ

Đêm ấy, chúng tôi nghỉ nơi nhà khách trên bờ biển gần tòa thương chánh bỏ hoang. Gió thổi vù vù, ầm ầm tiếng sóng, ánh trăng chiếu trên nước bạc, cảnh đẹp và hùng vĩ biết bao!

Sáng ra, chúng tôi cùng Bác sĩ Giám đốc đi Suối nước nóng Vĩnh Hảo, trên đường đi Phan Rang. Dọc đường, ông mua mấy trái dừa tươi giải khát, có lẽ vì dừa trồng gần biển nên nước dừa ngọt mặn.

Nghe nói Suối Vĩnh Hảo do Dược sư Trần Văn Lắm khai thác. Chúng tôi tắm một khắc đồng hồ và mỗi người mua một chục chai nước suối.

Bác sĩ trở về Phan Thiết, chúng tôi tiếp tục hành trình.

Tới Phan Rang, cũng thăm bệnh viện, cũng tiếp xúc ông Tỉnh trưởng. Chiều hôm ấy, chúng tôi viếng Thăm Chàm, chứng kiến một cuộc cúng lễ của đồng bào Chàm tại Tháp; họ cúng xôi, gà, rượu trắng, bắp rang, nhang đèn. Ông thầy Chàm mặc áo trắng, bịt khăn đỏ, đờn giọng trầm trầm buồn bực, bằng một cây đờn giống tạc cây đờn cò trong Nam.

Bây giờ tối, chúng tôi đến quận, cách tỉnh lỵ Phan Rang ba cây số ngàn, dự lễ tiễn đưa tân binh.

Phân văn nghệ, sáu bảy thiếu nữ Chàm lên sân khấu múa quạt và hát bài “Suy tôn Ngô Tổng thống”, các cô hát tiếng Việt, giọng lơ lớ: “Ngô tổng thống, Ngô tổng thống muôn năm!”

Mặc dầu mặt mày đen đúa, vài cô cũng dễ coi, hèm (hiếm) vì bàn chơn quá lớn.

Hôm sau đến Nha Trang.

Vì thời cuộc chiến tranh nên bệnh viện Nha Trang lúc ấy phải để cho quân đội tạm dùng, còn bệnh viện dân sự chỉ có vài dãy phố, bệnh nhân nằm la liệt ngoài hàng ba.

Năm giờ rưỡi chiều, chúng tôi gặp ông Tỉnh trưởng Nguyễn Hữu Kiết, nguyên tỉnh trưởng Định Tường.

Nhân nói về bệnh viện, ông cho biết ông đang

tìm một cơ sở khá lớn để làm bệnh viện tạm thời, trong lúc chờ đợi Bộ Quốc phòng giao hoàn bệnh viện cho Y tế, và ông cũng có tiếp xúc với Bộ Quốc phòng rồi.

Cơm chiều xong, do ông Tỉnh trưởng khoản đãi, ông bốn thân chiếu chúng tôi xem cuốn phim ông đi kinh lý vài vùng trong tỉnh Nha Trang.

Ông Ngô Xuân Tích với Phụng về nghỉ nơi nhà thân nhân ông còn tôi với Thọ ngủ ở dinh Tỉnh trưởng.

Trong một phòng dài, kê một hàng giường nhỏ, đủ mừng mền. Nửa đêm, tôi giựt mình vì nghe: “cộp... cộp...” Tôi ngồi dậy, ngó qua bên kia, trên một cái bàn để đầu con cộp.

Tự hỏi: “Ông nầy ổng tác quái đây chẳng?” Ngồi một hồi không nghe thấy gì cả, vừa nằm xuống: “cộp, cộp, cộp...”

Tôi khoát mừng, bước xuống, ra ngoài kéo ghế ngồi, ngó tứ phía: à, thì ra cái cửa sổ thông ra vườn, không đóng nên gió thổi từng hồi kêu cộp, cộp. Oan cho ông hổ!

Chúng tôi dành trọn ngày hôm sau viếng Hải học viện, hai tòa biệt thự của Đức Từ cung với cựu Hoàng Bảo đại cất trên đồi, viếng Tháp Bà Thiên Y A Na, Hòn Chồng và làng cù trên bờ biển do mấy bà xo săn sóc bệnh nhân.

Chiều, ra ngồi chơi mấy cái quán cát dài theo bãi biển, Mấy ông bạn kia ăn nem, khô mực nướng, uống la ve, còn tôi uống chai nước cam mà thôi. Sóng đánh ầm ầm dữ dội.

Tối ấy, đến từ già Tỉnh trưởng đặng sáng hôm sau Sài thành phản bộ. Nhân hỏi tháng nào biển Nha Trang tắm được, ông đáp vào tháng tư hay tháng năm, chớ mùa này sóng to gió lớn.

Ông thuật rằng, dưới thời Pháp thuộc, dinh Tỉnh trưởng cất gần bờ biển hơn. Một hôm, vào lối tháng chạp dương lịch, một cây nước (raz de marée) cất lên cao 50 thước ngay dinh rồi đập xuống, rút ra ngoài khơi; bàn ghế nhẹ, chén đĩa, chai hủ trong dinh bị lôi cuốn ra biển hết. Nếu cây nước đập thêm vài cái nữa, chắc tòa nhà cũng sập luôn!

Tháng sau, trung tuần tháng chạp dương lịch, tôi với ông Tích, chú Phụng đáp phi cơ đi Ban mê thuật.

Bác sĩ Giám đốc hướng dẫn chúng tôi xem khắp bệnh viện, một bệnh viện rộng lớn, nhân viên đông, và bày tỏ nhu cầu, nguyện vọng.

Chúng tôi được nghỉ trong Tòa Thanh tra y tế, một tòa lầu rộng rãi mát mẻ, và dùng bữa ở Câu lạc bộ Sĩ quan. Y tá trưởng đến ăn cơm với chúng tôi và chuyện vãng.

Vì tôi chạy lạt đã từ lâu nên họ dọn riêng cho tôi một món chay, nấu ăn cũng khá.

Chúng tôi đến thăm Tỉnh trưởng; ông Phó người Thượng hứa hẹn chiều ngày sau sẽ hướng dẫn chúng tôi đến nhà một xã trưởng người Thượng uống rượu cần.

Sáng hôm sau, vài nhân viên Y tế đi với chúng

tôi viếng biệt thự Bảo Đại ở Lak, một cái hồ rộng trong núi cách tỉnh thành bốn mươi cây số ngàn.

Đường đi ngoắc ngoéo, đá to nhô ra ngoài đường, chiếc xe quanh qua lộn lại, tài xế trở tài hay đưa phái đoàn đến Lak hồi chín giờ. Sương mù đã tan, đứng trên nhà sàn quận trưởng trông xuống hồ, mặt hồ sáng như gương, mé hồ nơi xa mờ mờ trông không rõ.

Giữa hồ nổi lên một hòn đảo con, trên đấy cất một gian nhà nhỏ. Những ngày trời nóng bức, quận trưởng đem gia đình ra nhà mát ăn uống nghỉ ngơi.

Người ta đồn rằng đôi khi ngư phủ chài lưới trong hồ bị sấu ruợt, họ bơi riết vào bờ. Nghe nói cũng hơi lạ, vì hồ giữa núi, sấu đâu mà đến ở?

Chiều ấy, vào khoảng bốn giờ, chúng tôi đi xem hai ngọn suối cách tỉnh lỵ mấy cây số ngàn. Gió thổi, chim kêu, tiếng suối róc rách, tạo thành một khúc nhạc man rợ mà thần tiên.

Đoạn chúng tôi đến Tòa Tỉnh trưởng rước ông Phó cùng nhau đến một làng Thượng cách châu thành vài mươi cây số.

Gần đến nhà ông xã, chúng tôi thấy vài ba con trâu cột dưới gốc cam, sân quét tước sạch sẽ.

Nhà ông xã là một nhà sàn to, dài có trên ba mươi thước, rộng mười thước, hẳn ông là người khá giả trong làng.

Chắc ông Phó có cho hay trước nên chủ nhân tiếp rước chúng tôi long trọng, chiêm trống nổi lên.

Chúng tôi cởi giày, do cầu thang lên nhà. Nơi

phòng khách đã trải chiếu bông, bỏ gối dựa. Với ông Phú, ông xã, vài chúc sắc trong làng, thân nhân ông xã, chúng tôi ngồi trên sàn nhà, uống trà, hút thuốc, nói chuyện và nghe nhạc.

Một lát, ba người phụ nữ, một người sồn sồn, hai trẻ, đến cúi đầu chào rồi không nói gì, họ đeo một chiếc vòng bằng đồng vào cuờm tay trái chúng tôi. Đó là “vòng hạnh phúc”, chủ nhân trọng khách mới dâng đeo vòng này.

Ông xã mời chúng tôi ra sàn nhà lộ thiên, trên ấy để sẵn năm sáu hũ rượu, trong mỗi hũ cắm một cây cần. Chủ nhân trao cho mỗi người một cây, mời dùng rượu. Tôi mới thử hưởng lần thứ nhứt thú uống rượu cần, rượu của đồng bào Thượng, ngọt như Dubonnet, nhưng uống nhiều cũng dấm say lắm vậy.

Ông Ngô Xuân Tích với chú Phụng uống chăm rãi, còn tôi nhắm sơ qua mà thôi, chỉ có ông Phó Thượng uống thích thú.

Tôi chẳng dám buông cây cần, vì, theo phong tục người Thượng, làm như thế là vô lễ, mịch lòng chủ gia. Tôi nháy ông Phó, ông trao cây cần của ông cho một người khách Thượng, rồi ông lại tiếp lấy cây cần tôi.

Thế là tôi rảnh nợ.

Ở chơi tới hơn sáu giờ mới về ty y tế, hôm sau lên phi cơ về Sài Gòn, Bác sĩ Trương ty tặng tôi một cái nhà sàn tí hon bằng tre của đồng bào Thượng, biếu ông Tích một cái gùi bằng mây.

Đầu năm 1958, Chi đoàn công chức cách mạng Bộ Y tế nhận nhiệm bầu ông Chủ tịch với ban chấp hành mới.

Mấy năm trước, ông Tổng Giám đốc Y tế và bệnh viện là Bác sĩ Lê Văn Khải làm chủ tịch. Năm nay, đoàn viên muốn cử tôi, tôi từ chối. Dầu vậy, họ nói rằng nếu đa số đoàn viên tín nhiệm thì người đắc cử không có quyền từ.

Kết quả bầu cử, tôi được 104 lá thăm trên số hơn 120 đoàn viên.

Và, trước khi tôi với ông Tích, ông Thọ khởi hành đi Huế vào đầu tháng hai, để thanh toán Tòa Thanh tra Y tế Trung phần bãi bỏ, sau đó viếng Quảng Trị, Thừa Thiên và Đà Nẵng, tôi yêu cầu ban chấp hành lo tổ chức lễ liên hoan nhân dịp Tết.

Chúng tôi tới phi trường Phú Bài một buổi mai âm u, mưa sa pháy pháy, được Bác sĩ Dương Ngọc Liễu Trưởng ty Y tế Thừa Thiên đón rước, đem về ở nơi Tòa Thanh tra, đường Lê Lợi, trông ra cầu Trường Tiền và sông Hương.

Tiếp xúc với Giám đốc bệnh viện Huế, Bác sĩ Lê Khắc Quyến. Ông bảo chúng tôi sớm mai hôm sau cứ tự tiện, và ông bận tiếp vài Giáo sư Pháp đến chữa bệnh cho bà Cụ thân sinh ra Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Rảnh rang thì ngoạn cảnh, chúng tôi viếng Thành Nội, chùa Thiên Mụ. Đứng trên trông xuống, con sông Hương nước chảy lơ lờ.

Theo lời nhân viên Y tế hướng dẫn chúng tôi, chiếc đại đồng chung Chùa Thiên Mục mỗi năm chỉ đánh có một lần đêm mồng tám tháng tư, lễ Đức Phật Đản sanh.

Nhằm bữa gió xuôi, tận dưới cửa biển Thuận An, tiếng chuông nghe vắng vắng, chẳng biết có thật không.

Trước cổng Chùa, mấy bụi trúc sum suê, gió hiu hiu thổi:

“Gió đưa cành trúc la đà.

“Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương.

Chúng tôi viếng chùa Diệu Đế là nơi cử hành những lễ cầu an cầu siêu chánh thức. Chùa có chiếc đồng chung to, tôi vào đứng trong chiếc chuông lỏng lộng.

Lại đến chùa Từ Đàm lễ Phật, sang mộ Cụ Phan Bội Châu cầu nguyện anh linh Cụ gia hộ cho quốc thái dân khương.

Viếng lăng Khải Định là “lăng ông phú hộ” (Tombeau d'un riche) theo lời một người Pháp; lăng đẹp thời có đẹp, song chúng tôi cảm nghĩ chua chát rằng trong kiến tạo nắm mộ sang cả cốt bảo tồn cái thân tứ đại rã tan, đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt của đám lê dân ở cái xứ “chó ăn đá gà ăn muối” này.

Chiều hôm ấy, chúng tôi cùng Bác sĩ Quyến giải quyết vấn đề thanh toán Nha Thanh tra Y tế Trung Phần phân phối nhân viên và dụng cụ. Xong, Bác sĩ Quyến với tôi đi thăm Cụ An Đình Trần Kinh ở

số 2 Đại lộ Lê Lợi, là Cụ thân sinh ông Bộ trưởng Trần Vỹ.

Ngôi nhà một vị hưu quan phong lưu nhàn hạ, hoa trái ruộm rả.

Tối lại, Ty Y tế thiết tiệc đãi chúng tôi. Một y tá nói rằng lúc bấy giờ, nơi đất Thần kinh, truyền khẩu đôi câu đối tả tình trạng sa sút của cố đô như vậy:

“Núi Ngự hết cây cu ngủ đất,

“Sông Hương vắng khách đi kêu trời.”

Ngày kế, chúng tôi được Bác sĩ Giám đốc hướng dẫn xem khắp bệnh viện, một bệnh viện đồ sộ rộng lớn hơn Bệnh viện Chợ Rẫy; lại cũng thăm trường Cán sự điều dưỡng, cách đây không xa. Chiều, viếng lăng Tự Đức, “Lăng một văn nhân” (Tombeau d'un Lettré), cùng nhau chụp vài tấm ảnh nơi nhà thủy tạ. Đi một vòng xe viếng thăm thành phố, vườn Cửu Long, bến Thương Bạc, Phú Văn Lâu và xóm Gia Hội.

Ngày thứ ba, chúng tôi đi Quảng trị, viếng bệnh viện và tòa hành chánh, tiện đường đi luôn Bến Hải, trông chiếc cầu sắt hẹp dài, bắc ngang sông mà chia đôi đất nước, chợt nhớ mấy câu thơ một thi sĩ nào đã đề trên bức ảnh chiếc cầu:

“Nước buồn lặng lẽ lững lò trôi,

“Cầu đứng chờ vơ ghen sự đời;

“Ngắm cảnh đau lòng sông Bến Hải,

“Vì đâu non nước phải chia đôi!”

Người ta nói rằng sông Bến Hải chia đôi dòng nước, dòng phía Nam thì trong, dòng bên Bắc lại đục.

Mỗi ngày, đúng mười hai giờ trưa, một cảnh binh Việt Nam Cộng Hòa đem chiếc giỏ đựng thơ những người ở Nam Phần gửi cho thân nhân ngoài Bắc, trao cho anh lính Bắc Việt đứng gác giữa cầu, đổi lấy giỏ thơ những người ở Bắc gửi vào cho thân thích trong Nam.

Ngày kẹ, tức là ngày thứ tư, chúng tôi vào Đà Nẵng, viếng bệnh viện, gặp Bác sĩ Ung Hoát là thân phụ ông Bửu Hương, chánh sự vụ Tài chánh.

Một nhân viên Y tế hướng dẫn tôi đi xem làng chài lưới Sơn Trà với Ngũ Hành Sơn. Thời gian ngắn ngủi, tôi chỉ viếng có một hòn, trong có Huyền Không động và tượng Quán thế âm Bồ tát.

Vẻ đẹp thiên nhiên Nước non nhà, vừa hùng vĩ, vừa sắc sảo như gấm như hoa, dùng bút mực khôn tả xiết, những danh từ như “non sông gấm vóc” chỉ nói lên một cách tượng trưng.

Muốn viếng xem thỏa mãn khắp Ngũ Hành Sơn, phải cả tháng mới là giáp đặng.

Về đến Sài Gòn, tôi được ông thơ ký chi đoàn trình cho xem một bài báo công kích chi đoàn y tế tổ chức buổi lễ Tết “để liên hoan ông Bộ trưởng”.

Là vì, trong thông tư gửi cho đoàn viên chi đoàn Y tế, và các chi đoàn bệnh viện Sài Gòn, ông thơ ký chúng tôi sơ ý dùng mấy chữ ấy, họ liền chụp lấy mà làm cho lớn chuyện.

Bài báo nói bóng nói gió thế nào mà nhân viên trong Bộ hiểu là Bí thư ông Bộ trưởng với Cộng

cán ủy viên bất hòa cùng nhau. Tôi đem chuyện ấy trình ông Bộ trưởng, ông bảo những sự công kích vu vơ là thường, không hơi đâu mà quan trọng hóa.

Thế là chúng tôi tổ chức buổi lễ liên hoan, với diễn văn của tôi và đáp từ của ông Bộ trưởng, ban văn nghệ bệnh viện Chợ Rẫy giúp vui.

Ngày mồng một Tết năm 1958, ông Bộ trưởng, ông Đồng lý văn phòng, Bác sĩ Tổng Giám đốc, với tôi, đi hai xe lên Dinh Độc lập hiệp với các Bộ chúc Tết Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Năm ấy, Phủ Tổng thống đốt một dây pháo dài sáu thước treo trên cột cờ trước sân.

Lễ xong ra về, ông T.Đ.R., Tổng Giám đốc hành chánh, ngân sách và kế toán Bộ Quốc phòng trượt té giò bốn vó lên trời, cái khăn đóng văng xa lắc.

Anh em đỡ ông dậy, ông cười.

Tết vô làm việc lại, tôi hay tin ông T.Đ.R. đã mạng chung. Không biết vì ông đã thọ bệnh trước rồi, hay vì cái té ấy mà ông chết. Mạng số nan đào, sống ngày nay biết có ngày mai, thế mà con người vì danh vì lợi mà sát hại lẫn nhau, ba nghiệp: thân, khẩu, ý đều ác độc!

Chúng tôi tiếp tục viếng các bệnh viện Việt Nam Cộng Hòa.

Chúng tôi đáp phi cơ lên Pleiku, một cao nguyên cao độ sáu trăm thước. Theo lời nhân viên hành chánh, vào tháng Tết, ở đây tiết trời lạnh quá đến nỗi công tay không viết được.

Bệnh viện được tạm nằm trong mấy gian nhà nhỏ hẹp, nhân viên thiếu thốn, Bác sĩ lại có bệnh...!

Bộ Y tế dự trù cất cho Pleiku một bệnh viện rộng rãi, khang trang.

Từ Pleiku qua Kontum, quan lộ dài chỉ có 40 cây số song đường gập ghềnh quá xấu khó đi.

Ông Tỉnh trưởng cho chúng tôi mượn một chiếc Jeep mới, chính chiếc xe ấy gây tai nạn giết chết ông cố Tỉnh trưởng trước đây vài tháng.

Chúng tôi đi ngang Sở trà P.I.T. (Plantation indochinoise de thé). Ở đây, nhân công thực hành mọi công tác, lựa lá trà, phơi đốt đốt, rồi sấy... vô bao, gói xuống Chợ Lớn, nơi nầy họ ướp cho thơm rồi gói ra từng gói.

Sở trà nầy trước của người Pháp, sau bán lại cho người Trung hoa, chủ nhân mấy vườn trà chung quanh hái trà bán cho Sở PIT. Chúng tôi ghé Sở nghỉ ngơi uống nước, coi cách sấy trà. Ông chủ Hoa kiêu biểu chúng tôi mỗi người một gói.

Nơi đây, chúng tôi xin thuật một câu chuyện...

Hỏi tôi đảm nhiệm Sở Dành việc làm, phụ tá tôi là Cò mi Trần Bá Hạng, nguyên Đại úy giải ngũ.

Hạng thuật rằng, lúc trước anh thường điều khiển những đoàn tiếp tế lương thực giữa hai thành phố Kontum và Pleiku.

Một chiều, sau đám mưa, Hạng đi chiếc xe GMC gặp một “ông hổ” ngồi chễm chệ giữa đường, nhìn trời, nhìn cây. Trong xe không có súng, Hạng cho

tài xế nhận còi vang lên, cốp nhảy vào rừng. Bữa khác, binh sĩ có đem theo súng, số con cốp đã dứt, nên ăn quen ra đường ngồi bị họ bắn chết, chở thây về Kontum, bán cho tiệm thuốc bắc Hoa kiều 12.000\$. Chủ lòc thịt biếu cho lính xoi, còn xương thì nấu thành cao hổ cốt.

Lại một lần, Hạng chỉ huy đoàn xe hộ tống Bảo Đại ngồi chiếc Jeep, đi từ Pleiku qua Kontum. Đoàn lữ hành cũng gặp cốp ngồi trên đường. Xe Bảo Đại dẫn đầu ngừng lại. Cựu Hoàng xuống xe, khoát bảo mọi người dừng kinh động. Ông rút cây Colt đeo bên mình, đứng cách cốp chừng năm sáu thước.

Ông cầm súng giá nó một cái, cốp chồm lên toan nhảy lại chụp. Lẹ làng, với một phát súng vững chắc, ông bắn trúng tam tinh con cốp nhào lặn giãy chết.

Binh sĩ lắc đầu, chừng như họ phục cái can đảm, sự bình tĩnh và tài thiện xạ của Bảo Đại.

Đến Kontum. Nơi đây bụi quá, mà bụi trắng, còn dưới Pleiku là bụi đỏ. Tôi tiếp xúc ông Đỗ Cao Trí, lúc ấy đã là Đại tá mặc dầu còn trẻ tuổi. Đại tá là con anh Đỗ Cao Luyện, bạn thân tôi ở Biên hòa.

Bệnh viện Kontum mới cất, Bác sĩ Giám đốc là Huỳnh Tấn Toại, một thanh niên ở Toulouse bên Pháp mới về, được tuyển dụng, và tạm thời bổ nhiệm ở Kontum, một tỉnh biên thù.

Bác sĩ Toại vui vẻ, tận tâm, kiên nhẫn với bệnh nhân đồng bào Thượng, có khi họ phóng uế ngay trên hàng ba.

Đường như một nhân viên y tế “hù” anh ta rằng, ở Kontum, nếu mình mích lòng ai đó, họ có thể “thư” mình, giả như thư tấm da trâu vô bụng, cái bụng lớn dần, lớn dần, cho đến nút da bụng rồi chết, y khoa Tây phương không thể chuyên trị được.

Bác sĩ Toại nghe vậy ngán thắm, xin tôi nói giùm ông Bộ trưởng cho va về Sài Gòn hoặc đi tỉnh khác.

Thấy Kontum gần rừng, tôi hỏi chơi Bác sĩ cộp có về đây không. Anh nói cách đây mấy hôm, cộp có đến bắt heo của mấy bà xơ nuôi.

Tháng tư năm 1958, tôi tính viếng nhiều tỉnh miền Trung, từ Phú Yên lên Bình Định, kế Quảng Ngãi và Quảng Nam, suốt một tuần ông Ngô Xuân Tích đi chiếc Peugeot ra Nha Trang thăm thân nhân trước, tôi với Phụng đáp phi cơ theo sau.

Ông Tích chờ chúng tôi ở phi trường rồi cùng nhau lên xe đi Phú Yên. Trước ghé bệnh viện, chiều hội kiến ông Tỉnh trưởng Hồng Dũ Châu; ông này giống Tổng thống Ngô Đình Diệm như hệt, cũng mập, cũng lùn, có điều trẻ hơn.

Ông nói rằng mỗi lần ông xuống Sài Gòn, một mình lững thững đi trên đường Tự Do, nhiều người trong nhà ra xem, tưởng là ông Ngô Đình Diệm vi hành.

Từ Phú Yên, chúng tôi đến Bình Định. Đây là một thành phố vừa được tiếp thâu, nên dinh thự hành chánh mới kiến thiết lại.

Ở đây, cát và gió; gió hốt cát vô nhà.

Bác sĩ Giám đốc bệnh viện muốn đề nghị cắt tán bệnh viện gần biển, song chúng tôi sợ e gần biển gió quá, bệnh nhân chịu không nổi chẳng.

Chiều hôm ấy, chúng tôi tiếp xúc ông Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng, một công chức đáng mến đáng phục.

Lại Trung tướng Trần Văn Đôn, Tư lệnh vùng một chiến thuật từ Huế đi kinh lý đến đó.

Tôi trò chuyện thân mật với Trung tướng vì tôi là bằng hữu và là cựu cộng sự viên của Bác sĩ Trần Văn Đôn, lúc ông là Đô trưởng, và Bác sĩ Trần Văn Đôn là thân phụ Trung tướng Trần Văn Đôn.

Đêm ấy, chúng tôi nghỉ tại Tòa Tỉnh trưởng, các cửa đều mở toang, xe tăng thiết giáp bố trí quanh nhà, binh lính canh gác suốt đêm.

Sáng ra, Tỉnh trưởng đi Bồng Sơn sớm, chúng tôi dùng điểm tâm với Trung tướng xong thì hai đảng chia tay, chúng tôi lên bắc, Trung tướng xuống nam.

Vì thời gian ngắn ngủi, chúng tôi rất tiếc không thể viếng cổ tích Bình Định, như là nơi Võ Tánh thủ thành chống cự binh Tây Sơn suốt ba năm, từ 1799 đến 1801, và tử tiết tại lầu Bát Giác. Theo sử, nơi đây, mộ Ngài được xây hình tròn như cái thúng, ở gần Tháp Cánh Tiên (Tour de Cuivre) nên vùng ấy có câu hát:

“Ngó lên hòn Tháp Cánh Tiên,

*“Cảm thương quan Hậu thủ thiêng ba năm
(thành).”*

(Võ Tánh được phong “Khâm sai Chuồng Hậu quân dinh Bình tây tham thặng tướng quân).

Đến Bồng Sơn, chúng tôi ghé bình xá một giây, rồi đi Quảng Ngãi. Trên lộ trình, nhiều nơi, bên tả là núi, bên hữu là biển, cồn cát là đầ, con đường quốc lộ chạy chính giữa trên một khoảng đất hẹp.

Xe chúng tôi qua, cuốn theo một đám bụi hồng, khiến cho tôi liên tưởng đến câu thi tả cảnh trong truyện Kiều, hạp với cảnh này lắm vậy:

“Bốn bề bát ngát xa trông

“Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.”

Tại bệnh viện Quảng Ngãi, Bác sĩ trao cho tôi một bức công điện do Bộ đánh ra, phái tôi đại diện cho Bộ, ngày 16 tháng tư, năm 1958, cắt băng khánh thành Bệnh xá Điện Bàn ở Quảng Nam mới cắt, vì tỉnh này có đánh điện vô Bộ phái người ra khánh thành. Ông Bộ trưởng không thấy có cách nào tiện hơn là gọi công điện chặn đầu tôi ở Quảng Ngãi, nhân dịp tôi công cán từ Phú Yên lên.

Ngày 16 tháng tư là ngày long trọng ở quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, ngày khánh thành sân vận động, bình xá và trường bán công.

Từ chín giờ sáng, cả mấy mươi ngàn thanh niên nam nữ mang biểu ngữ, quốc kỳ, sấp hàng dài, đến chiếm vị trí trong sân vận động. Và họ đứng chờ tới hai giờ rưỡi chiều (!), quan khách đến, cuộc lễ cử hành.

Ông Đồng lý văn phòng, đại diện ông Đại biểu

Trung phần, ông Tỉnh trưởng Quảng Nam cùng nhiều văn quan võ tướng cao cấp đến dự.

Sân vận động khánh thành xong, tới phiên bình xá Điện Bàn, tôi nhân danh Bộ Y tế cắt băng.

Rồi quan khách cùng nhau viếng trường bán công và dự tiệc luôn tại đây. Tôi đi ngay Đà Nẵng, tạm ngụ nơi nhà Bác sĩ Ung Hoát và hôm sau về Sài Gòn.

Vài ngày sau, Bác sĩ Giám đốc bệnh viện Quảng Nam gọi vô tôi mấy tấm ảnh chụp buổi lễ khánh thành và lúc tôi cắt băng giăng trước bệnh xá Điện Bàn.

Tôi trao cho ông Bộ trưởng với ông Đồng lý xem, hai ông giữ tấm ảnh bệnh xá làm kỷ niệm.

Thế là tôi đã viếng khắp các bệnh viện các tỉnh miền Trung, đối với tôi phong cảnh biển non đều ngoạn mục, đặc biệt là Ngũ Hành Sơn. Nhứt là thành phố Huế thơ mộng, cổ kính, hấp với tánh tình những người ưa thanh tịnh, chán cảnh rộn rịp phồn hoa. Mấy tỉnh miền Nam phần nhiều tôi đã được biết và ở gần Sài Gòn, trong một ngày một buổi, có thể viếng hai ba bệnh viện được.

Tháng bảy, chúng tôi dùng xe viếng tỉnh Tuyên Đức.

Đến đèo Blao vào lúc chín giờ, mưa sa pháy pháy, tức cảnh làm bài thơ như sau:

*Xe đến đèo Blao lúc chín giờ,
Thợ trời khéo tạc cảnh nên thơ*

Thanh tao đồn xuôi chào du khách.

Lố xố ngàn cây gọi móc mưa.

Bóng thoảng sườn non con lộ vắng,

Êm đềm dưới hố cụm sương mờ.

Đường trần ai đó ham dung ruổi,

Nầy bước gian nguy chó hăng hò!

Trước viếng bệnh viện Blao, lúc đó nơi đây còn là quận.

Muội một giờ, đến bệnh viện Di Linh, rồi chiều thăm Tỉnh trưởng Lâm Đồng. Thuở trước, thời Pháp thuộc, đây là quận Djiring. Chánh phủ Đế nhứt Cộng hòa lập làm tỉnh và Djiring được Việt hóa là Di Linh.

Mấy năm sau này, tỉnh lỵ được dời về Blao, đổi tên là Bảo Lộc.

Đêm ấy, chúng tôi an nghỉ tại bệnh viện.

Sáng hôm sau, lên đường đi Đà Lạt. Bác sĩ Nguyễn Phán, Giám đốc bệnh viện, hướng dẫn chúng tôi xem khắp nơi, một bệnh viện rộng lớn, tối tân, một con đường ngăn cách làm đôi.

Xong, chúng tôi đến thăm ông Thị trưởng Trần Văn Phước, ông có nhiều sáng kiến về vệ sanh thị thành. Dường như lúc đó đã có kế hoạch cất một chợ mới sáu mươi triệu đồng (?) thay thế chợ cũ. Việc nước rảnh rang, chúng tôi chạy vòng bờ hồ dưới đám mưa tro, tiết trời lạnh lạnh.

Lên biệt điện Bảo Đại. Trên sân thượng trông mấy bụi hoa hồng, bông lớn bằng cái tô.

Tuy ngắn ngủi thời gian, chúng tôi cũng được

xem vài thắng cảnh: hồ Than Thở, trường Yersin, Nha dòng Rédemptoristes, Địa Phận Mấy Bà Xơ (Domaine de Marie...)

Ông Ngô Xuân Tích đề nghị viếng vài ba tỉnh Nam phần, chúng tôi đi Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên cùng một lúc.

Khởi hành ở Sài Gòn rất sớm song vì kẹt đò Mỹ Thuận và đò Vàm Cống nên đến Long Xuyên hơn mười giờ.

Viếng bệnh viện xong, chúng tôi đến tòa Tỉnh trưởng. Ông Tỉnh đi vắng, ông Phó Lê Minh Danh niềm nở tiếp rước chúng tôi và đãi ăn trưa. Về bệnh viện nghỉ, Bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh cho ban nhạc của ông, toàn là y tá, chơi mấy bản.

Chiều, chúng tôi thảo luận với Bác sĩ vài vấn đề rồi dạo xem thành phố. Mấy năm về trước, Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ có làm Tỉnh trưởng Long Xuyên là tỉnh quê nhà, ông chỉnh tu nơi đây đẹp đẽ.

Sáng hôm sau, chúng tôi lên đường đi Châu Đốc, lúc bấy giờ đã đổi làm quận, không còn là tỉnh nữa.

Châu thành nằm nơi giáp nước một con rạch với sông Tiền Giang, cây cối rườm rà, phong cảnh mát mẻ. Cách mấy cây số phía tả là dãy núi Thất Sơn làm ranh giới Nam Phần Cao Miên, chạy dài tới Hà Tiên.

Như thường lệ, chúng tôi viếng bệnh viện, tòa hành chánh, rồi xem cổ tích. Nơi này, nổi danh là miếu Bà Chúa Xứ và mộ Phật Thầy.

Theo con đường liên tỉnh chạy dọc sông Tiền Giang mà về Long Xuyên, hàng xoài trồng hai bên đường bóng yếm lá rợp.

Chúng tôi ăn uống qua loa rồi đi Rạch Giá; ghé Cái Sắn vào lúc hai giờ trưa, chứng kiến việc Bộ Cải cách điền địa thực hiện chương trình.

Đến Rạch Giá là bốn giờ chiều.

Sau mười ba năm xa cách, tôi vui mừng gặp lại Bác sĩ Nguyễn Văn Nam mà tôi đã quen thân lúc ở Sóc Trăng.

Bây giờ ông là Giám đốc bệnh viện Rạch Giá.

Chiều ấy, công vụ xong, chúng tôi ngồi nơi bờ biển, gió thổi rao rao, mặt biển lăn tăn sóng dợn. Trông về Tây bắc, xa xa hòn Phụ Tử đứng sừng, cha trước con sau, với hòn Qui khum khum dưới chon trời.

Bình minh hôm sau, chúng tôi với Bác sĩ Nam thượng lộ đi Hà Tiên; dọc theo đường trải đá dài sáu mươi cây số ngàn, một con kinh chạy song song, chánh quyền đào kinh ấy để đắp con đường nối liền hai tỉnh.

Bên phải, tận chon trời, lơ mờ dãy Thất Sơn. Trên bờ kinh rải rác năm ba gian nhà của người chài lưới hoặc những người đồn củi làm cây. Vài đồng củi to chất trên sân, mấy con gà cất tiếng gáy.

Phong cảnh Hà Tiên thật là kỳ tú, và mười bài “Hà Tiên thập vịnh” của Mạc Thiên Tích còn truyền tụng đến ngày nay như là những áng văn chương bất hủ: “Trăng gió đồng hồ - Biển trời Nam

phổ - Hoa cỏ Bình san - Đá cây Thạch động - Nước mây Kim dũ - Chim cò Châu nham - Chuông sớm chùa Tiêu - Trống khuya Giang thú - Bến Lư nhàn hạ buông cần - Rừng Lộc tiêu dao chuốc rượu”.

Muốn thưởng thức cảnh đẹp Hà Tiên, phải ở đây ít nhất vài tuần. Chúng tôi chỉ có xem qua Thạch động, thấy tượng một cái đầu voi Hóa công tạo nên trước cửa.

Trong động, hang sâu thăm thẳm, người mê tín cho đó là con đàn xuống âm ty, kẻ háo kỳ nói rằng đôi khi người ta đánh dấu một số dừa khô rồi cho vào hang ấy. Vài ngày sau, ngư phủ tìm thấy mấy trái dừa đó ngoài vịnh Xiêm la (Thái lan). Thì ra hang thông ra biển chớ không có đi đâu xuống âm phủ âm ty chi hết.

Đại úy quận trưởng nói với chúng tôi rằng lính Miên hay giả dạng thường dân, kéo nhau qua Hà Tiên cướp của, đuổi súc vật về đất Miên. Ông trừ tính một bữa nào phục kích đánh bọn chúng một trận cho đau, cho chúng tồn lâu dài.

Trưa ấy, quận trưởng đãi cơm; ăn xong, chúng tôi lên xe đi Rạch Giá, về luôn Sài Gòn.

Suối nước nóng Xuyên Mộc

Người ta nói nhiều về Suối nước nóng ở Xuyên Mộc. Có lần, cố Tổng thống Ngô Đình Diệm đi kinh lý Bà Rịa, đến xem suối và dùng cơm trưa tại đây.

Ngày 10-5-58, ông Bộ trưởng Y tế cho một phái đoàn gồm có kỹ sư Y tế Trương Như Tư, bác sĩ

Nguyễn Bình Nghiên với tôi xuống Bà Rịa hiệp với Bác sĩ trưởng ty đến suối Xuyên Mộc lấy năm chai nước nóng đem về mượn Viện Pasteur phân chất.

Trên con đường gập ghềnh hoang vắng, dài 25 cây số ngàn, từ quận Xuyên Mộc đến xã Bình Châu là nơi vị trí con suối, chiếc xe Station Wagon chúng tôi nghiêng qua lắc lại, đến suối hồi mười một giờ trưa.

Trước đó một giờ, Đại tá tình trưởng đã cáo lỗi cùng chúng tôi vì bận công vụ không thể theo phái đoàn và yêu cầu chúng tôi xuống nhà hàng ở Long Hải dùng cơm, do ông đài thọ.

Trên bờ suối, còn lưu lại bàn ghế mà Đại tá tình trưởng sắp đặt tạm thời để tiếp rước Tổng thống và quan khách, những kẻ tùy tùng.

Nói là suối, thật sự là một cái hồ rộng độ sáu thước, dài tám thước, vì sát tấn bốn bên. Đáy hồ có cát và thảo mộc bị thiêu biến thành than vụn, trông thấy ta có cảm tưởng là bùn, nhưng bùn này không dính vào da như loại bùn thường dưới ruộng và sông rạch.

Nước hồ nóng 70 độ, phảng phất hơi nước bốc lên và dưới đáy hồ lâu lâu bọt nổi kêu ùng ục. Nước nóng có thể luộc hột gà “la cót” (a la coque). Nước hồ này chảy qua một hồ nhỏ, rộng vài thước vuông và nóng còn lối 50 độ.

Nơi đây, chúng tôi dùng tay khoát nước rửa mặt rồi lấy ly mức uống thử thì vị nước hơi cứng hơn nước Vichy và Vĩnh Hảo. Sau cùng, nước chảy qua

một cái đầm rộng, bốn phía cây cỏ mọc đầy và nước ấm vừa tắm mà thôi.

Từ trong bờ ra đến chỗ tắm, nhà chúc trách địa phương đón cây bắc một cây cầu dài, đầu cầu nở rộng bốn năm thước vuông, một tấm ván từ đầu cầu chúi xuống tận đáy nước.

(Về sau, gia đình tôi có dịp đến tắm suối này).

Ông kỹ sư y tế mức đầy nước năm chai xả xi, xong, chúng tôi đi Long hải.

Tại xã Bình Châu, dân chúng từ xưa mỗi khi có ghê chốc thì đến suối mà tắm, lạnh ngay. Dân cư thuật lại một chuyện truyền kỳ như sau:

“Hồi xưa hồi xưa, nơi đây có một đôi vợ chồng tiên ở.

“Một buổi sớm mai, tiên nam vào rừng săn thú, nàng vợ ở nhà bắc một chảo nước sôi chờ chồng đem thịt về. Nàng chờ một ngày một trưa, hết trưa đến tối,

Lang quân nào có thấy đâu,

Chỉ sân có cỏ, trên đầu có trăng!

Chắc hẳn tiên nam chưa dứt lòng phạm đã mùi mẫn với một nàng tiên khác hay một bông hoa rừng mà quên hẳn thê tụa của đời trông.

“Nàng tức giận có chon đạp chảo nước sôi trên cánh rừng rồi bay ra Nha Trang, Tháp Bà, mà phục sự Thánh mẫu Thiên Y A Na, tu tâm dưỡng tánh.

“Chảo nước sôi của nàng tiên ấy, chính là căn nguyên suối nước nóng Xuyên Mộc vậy”.

Về Bộ, bác sĩ Nghiên làm phúc trình cho ông Bộ

trường rõ, còn tôi viết một bài đăng trong tạp chí Gió Nam của Liên đoàn công chức cách mạng quốc gia.

Đọc bài ấy, ông Trần Vũ mỉm cười nói với Công cán ủy viên của Bộ: “Vấn đề khô khan mà ông Giám đốc hành chánh viết một bài hấp dẫn, cũng hay”.

Vài tuần sau, Viện Pasteur phân chất xong, chúng tôi được biết nước suối Xuyen Mộc có thể sánh với nước suối ở Saint Gervais les Bains, tỉnh Haute-Savoie bên Pháp, dưới chơn núi Mont Blanc, cao hơn mặt biển 800 thước.

Nơi đây, Saint Gervais les Bains, du khách dùng tia nước suối nhỏ chảy dưới áp lực mạnh để tắm hoặc rửa lỗ tai cuống họng.

Suối Xuyen Mộc có thể chữa trị các bệnh ngoài da, các bệnh ở mũi và cuống họng, những bệnh về quan tiết (arthritisme – viêm khớp), hậu thiên hoặc di truyền và các bệnh thần kinh.

Hơn nữa, nước suối này uống vào có tính cách nhuận trường và uống nhiều thì xỏ.

“Việt Nam Cộng hòa, tổ chức hành pháp, tư pháp và tài chánh”

Bây giờ, trong Bộ sẵn có nhiều tài liệu, tôi yêu cầu ba ông chánh sự vụ hợp tác cùng tôi soạn thảo một quyển sách về các tổ chức hành pháp, tư pháp và tài chánh của Việt Nam Cộng hòa, một quyển sách không quá phong phú, song tạm đủ cho một nhân viên luyện thi nhập ngạch thơ ký hành chánh.

Tôi phác họa chương trình, theo đó mà sưu tầm tài liệu rồi viết ra. Nhưng vì bận nhiều việc mà suốt hai ba tháng, mấy ông chánh sự vụ tôi chưa viết đăng khoản nào.

Thôi thì tôi tự làm lấy.

Tôi nhờ cậu Bùi Quang An, Phó đốc sự xuất thân nơi trường Quốc gia hành chánh, viết cho tôi một bài về Tòa án hành chánh (Conseil du Contentieux) với Tham chính viện (Conseil d'Etat).

Bản thảo soạn xong, tôi gửi phần Tư pháp cho ông Thẩm phán Nguyễn Quốc Hưng duyệt giùm. Ông cho ý kiến và tu chỉnh nhiều đoạn. Phần tài chánh, tôi gửi đến ông Đốc phủ Ngọ, Đồng lý văn phòng Bộ tài chánh, nhờ ông xem. Ông cậy ông Trần Văn Quyên, Tổng thư ký duyệt lại.

Đến năm 1959, tôi mới xuất bản cuốn sách này và chỉ in có một lần thôi.

Phát triển cộng đồng

Cuối tháng tám, một bức thư của Bộ Nội vụ yêu cầu các Bộ cử một phái đoàn hai công chức cao cấp, mạnh khỏe, hiệp với phái đoàn ký giả, ra miền Trung viếng xem công tác phát triển cộng đồng ba tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và Quảng Nam, thời gian một tuần lễ, từ 4 đến 10 tháng chín.

Ông Bộ trưởng Y tế chỉ định tôi với bác sĩ Nguyễn Bình Nghiên. Phái đoàn gồm trên 50 ký giả và công chức.

Hai chiếc phi cơ quân sự chở phái đoàn mỗi chiếc một nửa, cất cánh ở Sài Gòn vào lúc năm giờ rưỡi sáng, trước sau năm phút và tám giờ là đến Phú Bài.

Từ ngày ấy đến nay đã trên mười năm, tôi không còn nhớ rành mạch mấy chi tiết, ngày nào đi đâu, thấy những gì, chỉ nhớ đại khái mà thôi, như phái đoàn đi xem công tác đồng bào ba tỉnh miền Trung đắp đường, cất đình, chợ, trường học, đào kinh, đắp đập... khi thì tự xuất của mà làm, khi thì nhờ công quỹ giúp cho chút ít.

Trong thời kỳ viếng Thừa Thiên và Quảng Trị, đại diện các Bộ và phái đoàn ký giả nghỉ ngơi dưới thuyền, mỗi chiếc hai người đậu trước Cầu lạc bộ, trên mé sông Hương.

Tôi với bác sĩ Nghiên ở nơi Tòa Thanh tra cũ. Và khi đi quan sát phát triển cộng đồng Quảng Nam, tất cả phái đoàn đều ở nhà hàng Morin tại Đà Nẵng, đại lộ Độc Lập, trên bờ Sông Đà.

Tỉnh trưởng Thừa Thiên, bốn thân hướng dẫn chúng tôi xem công tác phát triển cộng đồng ngoại ô Huế, như con đường dài hơn mười cây số, do đồng bào đắp không lãng tiền công, như xóm Xuân-Ổ, gồm một số nhà nhỏ gọn gàng cách nhau mấy thước, như kiến tạo Đập Đá...

Ông thiết tiệc trà đãi phái đoàn và sẵn sàng giải đáp các câu hỏi do ký giả và công chức nêu lên.

Trước đây, đã định phái đoàn đến thăm ông Ngô

Đình Cẩn, Cố vấn tối cao, song vì có sự bất hòa giữa ông Trưởng phái đoàn với một công chức cao cấp Bộ Thanh niên, nên ông cậu không tiếp.

Tôi nghe kín trong phái đoàn có người ông Cẩn, nhút cừ nhút động gì của phái đoàn cậu đều hay biết. Mỗi đêm, vào lúc canh ba, vài chiếc thuyền nhỏ, nhẹ chèo quanh thuyền lớn làm nơi ngồi nghỉ cho nhân viên phái đoàn, rình xem họ có làm gì sai quấy không, như đánh bạc, chơi gái...

Một chiều, đoàn xe đang đi ngon trớn bỗng lúc lên cầu một chiếc bị lọt bánh trước bên mặt xuống mé sông, may anh tài xế hăm phanh kịp, không thì chiếc xe ắt chầu Thủy thần luôn, mấy chiếc sau đều mắc kẹt.

Cảm hứng, tôi xin các ký giả là những người thông minh và văn chương đặc ruột, đối câu đối nôm: “Tài xế Tài bất tài, lái xe bạc mạng, xe đổ, đổ thừa cho vận mạng”.

Trong câu đối có ba chữ tài, hai chữ mạng, hai chữ đổ.

Ký giả nhìn nhau, bỗng một anh nói lên câu đối của Trạng Mạc Đình Chi: “Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối” (Ra đối dễ, đối đối khó, mời tiên sanh đối trước).

Và tôi cũng không đối được câu đối tôi!

Buổi mai kia, phái đoàn viếng lao xá Thừa Thiên, phạm nhân lạng lẽ làm những đồ gỗ, đồ mây, thêu mặt gối, vẽ tranh, bán rẻ tiền sung vào quỹ nhà lao.

Trên một bức tranh, màu sắc xinh đẹp song được

vẻ buồn, họa sĩ vẽ một người ngồi câu dưới gốc cổ thụ; bên góc tranh, viết mấy giò chữ như sau:

*“Chiều chiều trước bến Văn Lâu,
ai ngô, ai câu, ai sầu, ai thảm,
ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu Mái Đẩy chạnh lòng nước non.
Miền Nam bát ngát ruộng đồng,
Thâm tình dân tộc, đượm nồng hương quê!*

Lại một chiều, phái đoàn viếng Nhà thờ La Vang cách tỉnh lỵ mấy cây số, rồi mới đến Tòa hành chánh được ông Tỉnh trưởng hướng dẫn xem công tác phát triển cộng đồng trong tỉnh ông.

Quận Đà Nẵng, làng Cu Hoan, Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm lúc trước làm Tri phủ nơi đây đã khởi xướng công việc phát triển cộng đồng, xé kinh, đắp đường, đắp đập...

Người ta có dựng bia kỷ niệm công trạng của ông, nhằm Bảo Đại đệ ngũ niên.

Trên con đường đi đến ranh giới Bình Trị Thiên (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên), ông chỉ một trụ đá bên sườn non đánh dấu nơi vua Hàm Nghi trú ngụ, nơi ấy gọi là “Cửa”, quận Cam Lộ.

Ông nói rằng tương lai Quảng Trị không phải dưới đồng bằng mà chính là ở miền rừng núi, nhiều nguồn lợi thiên nhiên còn chờ khai thác.

Viếng mấy nơi ở Quảng Nam có phân lý thú song không kém hiểm nguy. Nhầm mùa nước lớn,

xe chúng tôi lội qua chiếc cầu đúc mà nước đang ào ào chảy trên cầu.

Một chiều, trên đường về phải qua phà trên con sông to. Thủy triều lên quá mạnh, lội chiếc phà trôi đi, không cập bến được cho đoàn xe xuống. Phái đoàn phải tự động muốn thuyền qua sông, sóng giập gió dồi. Lên bờ, đã thấy ông Tỉnh trưởng đứng chờ, muốn cam nhông chở phái đoàn về tỉnh.

Cuộc thị sát xong, Tỉnh trưởng thiết tiệc đãi phái đoàn, trong đám thực khách, có một tu sĩ Công giáo trẻ tuổi. Tiệc mãn, ông đứng dậy cười cười, ngó bên này, bên nọ, nói ít lời ngợi khen ông Tỉnh trưởng và tán dương phong trào phát triển cộng đồng. Ông nói gì mà có câu: “Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co, Bình Định hay lo, Thừa Thiên ních hết...”

Ông đại diện Bộ Thanh niên xì xò:

- Thầy tu gì mà vút va vút vát, không phải tu cách nhà tu!

Trước khi rời Đà Nẵng đặt ra Huế về Sài Gòn, ông trưởng đoàn cây tôi đến cảm ơn và từ giã ông Thị trưởng Nguyễn Văn Đăng, ông là cựu Tỉnh trưởng Bình Định chuyển ra đây. Trong thời gian chúng tôi ở Đà Nẵng, ông tận tâm giúp đỡ phái đoàn.

Thế là mãn một tuần thị sát phát triển cộng đồng của đồng bào miền Trung, ba tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và Quảng Nam. Một tuần đi đó đi đây vất vả và lắm lúc cũng nguy nan.

Nhưng chưa hết, trên phi cơ về Sài Gòn, ông Lưu Văn Thừa, Phó Đô trưởng, cảm gió, mặt xanh dờn, chúng tôi lấy dầu cù là xoa bóp cho ông, trong lúc ấy, phái đoàn có một bác sĩ mà ông điễm nhiên, chẳng làm chi cả!

Cần lao nhân vị

Chế độ gia đình trị và đảng trị của Ngô gia huynh đệ, tác oai tác phúc trên giải đất miền Nam suốt chín năm trời, từ 1954 đến 1963, không mấy ai là không biết. Ba anh em vạch đôi sơn hà, cho nên thời ấy, trong Nam người ta thường nói câu:

“Trên trời có Chúa, dưới đất có họ Ngô,

“Trong ni có Cô, ngoài tê có Cậu!”

Cô đây là bà Ngô Đình Nhu, đệ nhứt phu nhân Việt Nam Cộng Hòa. Nghe nói trong giới Bộ trưởng và công chức cao cấp, đa số đều “rửa tội” và gia nhập đảng Cần lao Nhân vị mà ông Ngô Đình Nhu là đảng trưởng.

Chính ông Đỗ Văn Công, Bộ trưởng Bộ Cải cách điền địa, là người đã ngẫu nhiên hứng lấy viên đạn tại Hội chợ Ban mê thuật, khi kẻ sát nhân cố tâm ám sát ông Ngô Đình Diệm, ông Công nói với tôi rằng “Anh thơ ký nầy, bảo anh làm gì, anh vâng vâng dạ dạ, mà rồi anh không làm. Không rẫy quả anh được, anh là đảng viên Cần lao. Anh lao công nầy, đi tới đi lui, bộ mặt hách hách, dường như trong trời đất nầy chỉ có ta đây! Anh là Cần lao.”

“Cần lao là ông trời, Cần lao là tất cả!”

Ở Bộ Y tế, cấp chỉ huy và vài ông Chánh sự vụ, nhiều ông chủ sự là đảng viên Cần lao, Chỉ có Giám đốc hành chánh cứng đầu không gia nhập.

Một ông chủ sự Cần lao một lần khuyên, hai lần khuyên tôi nên gia nhập đảng. Vì tôi nghe thủ đoạn của đảng quá nhiều, nên ghê sợ không dám nhận. Ông ấy nói một lời như là cảnh cáo: “Tôi khuyên Cụ nên gia nhập Cần lao, đảng khi xảy ra phong vô bất kỳ, có đảng che chở cho Cụ. Nếu Cụ trở lại một mình thì gặp những trường hợp khó khăn, ai là người nâng đỡ Cụ?”

Và trường hợp khó khăn ấy đã xảy đến cho tôi trong cuộc đấu thầu mua thuốc men và dụng cụ.

Cuộc đấu thầu định mạng

Năm 1958, ở Bộ Y tế có xảy ra một cuộc đấu thầu quan trọng mua thuốc men với dụng cụ, tổng giá năm mươi triệu đồng để phân phối cho các bệnh viện.

Ban sơ, Bộ nhờ Cơ quan mãi dịch mua dùm, song Cơ quan này chỉ mua được có tám triệu bạc thuốc mà thôi.

Để tránh niên kiệt và có thuốc cấp tốc mà dùng, Bộ Y tế phải tự đấu thầu lấy, sau khi được sự thỏa thuận của Phó Tổng thống kiêm Bộ trưởng Kinh tế.

Thể thức áp dụng là đấu thầu khản hạn, nghĩa là xem như mua hàng có sẵn tại chỗ, chớ không cần ngoại tệ.

Đĩ nhiên là chúng tôi áp dụng thể lệ hiện hành, tức là:

- trình dự thảo điều kiện sách đấu thầu cho Nha Kiểm soát ước chi thuộc Tổng Nha Ngân sách và Ngoại viện duyệt xét và, sau đó, ông Bộ trưởng Y tế ký tên phê chuẩn dự án ấy.

- đăng cáo thị đấu thầu trên ba tờ báo hàng ngày cho nhà thầu được biết.

Hội đồng đấu thầu gồm có:

Chủ tịch là Giám đốc Hành chánh và các hội viên sau đây:

- Tổng Giám đốc Y tế và bệnh viện,
- chánh sự vụ Sở tiếp tế và cung cấp dược liệu;
- chánh sự vụ Sở tài chánh;
- đại diện Nha Ngân sách và ngoại viện.

Một thơ ký hành chánh Sở tiếp tế và cung cấp dược liệu làm thơ ký cho phiên đấu thầu.

Các nhân viên trên đây đều là những người am hiểu luật lệ đấu thầu.

Trong hai phiên nhóm đấu thầu, ngày 3 và 4 tháng 10, không xảy ra những sự rắc rối nào đáng kể, Hội đồng tạm thời chấp nhận những món thuốc và dụng cụ giá hạ hơn hết, và các nhà thầu, dầu kẻ đấu đặng hay không, đều công nhận Hội đồng làm việc đúng đắn.

Sau khi đấu thầu, biên bản được trình lên ông Bộ trưởng quyết định. Tuần lĩnh ông, Nha Giám đốc hành chánh hỏi ý kiến Bộ Kinh tế về giá cả mấy

món thuốc và dụng cụ đã được tạm trúng thầu. Và ông Bộ trưởng phê trong biên bản như sau:

Duyệt y với các điều kiện sau đây:

1) Về dụng cụ: Chấp thuận đề nghị của Hội đồng đấu thầu và loại các món hàng giá quá cao ngoại trừ các món mà nhà trúng thầu đã giảm giá xuống bằng hay thấp hơn giá thị trường.

2) Về thuốc men: Loại các thứ thuốc đã được Bộ Kinh tế xét giá cao hơn giá thị trường và loại các thứ giá cao mà có thể thay thế bằng loại khác: Lanoléine, Plasmesec, Oxetétracyclin, Spasalgine, Poudre DTT, Quinquina.

Sài Gòn ngày 7-11-1958

Bộ trưởng Y tế

Ký tên: Trần Vỹ

Sau khi được ông Bộ trưởng quyết định, Sở Tài chánh lập kế ước mua những thuốc và dụng cụ đã trúng thầu mà giá bằng hay thấp hơn giá thị trường.

Nhưng, một tháng sau, một công văn từ Phủ Tổng Thống đưa xuống, Tổng Thống Ngô Đình Diệm phần nộ bảo Bộ đề nghị trừng phạt Ủy ban đấu thầu vì “mua thuốc với giá mắc”.

Ông Bộ trưởng chấm dứt nhiệm vụ Giám đốc của tôi tại Bộ và giao hoàn tôi về Nha Tổng Giám đốc Công vụ.

Thật tôi chẳng hiểu gì cả, tôi có làm gì nên tội mà trừng phạt tôi?

Thời cuộc đấu thầu công khai được diễn ra đúng

thể lệ hiện hành, Hội đồng nào có tư vị ai! Ông Bộ trưởng lại cẩn thận hỏi ý kiến Bộ Kinh tế về giá cả những món được tạm trúng thầu rồi mới hạ bút phê quyết định như tôi đã chép trên đây.

Thế thì tại sao quy tội cho Giám đốc hành chánh, chủ tọa cuộc đấu thầu chỉ thi hành một thủ tục hành chánh chứ không có quyền định đoạt?

Bởi vậy trong một cuộc tiếp xúc với ông Tôn Thất Trạch, Tổng Giám đốc Nha Công vụ, ông quan sát vấn đề, nói với tôi một câu bằng Pháp ngữ: “S’il y a un responsable dans cette affaire, ce ne sera pas vous”. (Nếu có một người chịu trách nhiệm trong vụ này, chính không phải là ông).

Đương nhiên hưu trí

Và chính vì ông có quan niệm phân minh như vậy, nên khi ông Bộ trưởng Y tế đề nghị cách chức tôi, ông lại đề nghị cùng Tổng Thống đổi sự cách chức ấy làm “đương nhiên hưu trí”.

Chiều ngày 3 tháng 3 năm 1959, về đến nhà, tôi tiếpặng một tấm danh thiếp của Cò mi Huỳnh Ngọc Tám, từng sự Sở nhân viên Phủ Tổng Thống, mang vón vẹn có mấy chữ: “Mừng đại ca thoát đại nạn”.

Sau tôi nghe trong vụ đấu thầu này có nhiều bí ẩn, do những nhân vật đáng kính đáng tin tiết lộ, song không vì lý do đó mà tôi được phép thóa mạ một chế độ đã sụp đổ.

Thời, vắn cổ kêu chẳng thấu trời, biết khiếu nại vào đâu? Thời buổi hiện kim mà “đa kim ngân phá luật lệ” thì tìm đâu ra một vị quan cương trực như Bao Công, như Phan Thanh Giản, hầu giải oan mình.

Kết cuộc

Thế là ngày 3 tháng 3 năm 1959, chấm dứt đời công bộc tôi, ba mươi một năm chức vụ, trên hai mươi nhiệm sở, thời gian một phần ba thế kỷ trôi qua, như mây bay, như gió thoảng, như giấc mộng đêm hè, từ ngày tôi bước chon vào Dinh Hiệp lý, nhiệt huyết tràn đầy, cho đến lúc già từ Nha Công vụ mà ra, xiết bao chán nản, trong thời gian ấy bao độ thăng trầm, lắm lần gặt tiếng khen chê, thâu hoạch một mớ kinh nghiệm tình đời.

Nhưng, mỗi người chúng ta tự mình tạo “nghiep” thì:

“đã mang lấy nghiệp vào thân,

“cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.”

chỉ nên tâm niệm rằng:

“thiện căn ở tại lòng ta,

“chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.”

Như thế, đôi khi bị xã hội mặc dầu bạc đãi, ta không nên vì lẽ đó mà chẳng xử sự cho phải đạo làm người, tu tập thực hành Hi, Xá, Từ, Bi, mở rộng lòng thương nhân loại.

Được vậy thì, nếu chưa hưởng quả vị nơi Lạc
cảnh, nơi Thiên đàng, ắt chốn trần gian, ta cũng vui
làm người thiện, ngoài ra,

“sá chi suy thịnh việc đời,

“thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành!”



Tác giả **Đào Văn Hội**
(1905 – 1978)

